

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI



KỶ YẾU

HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2017
LẦN THỨ HAI



KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI
Nhà A4, Trường Đại học Đồng Tháp, 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6,
Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Website: dthu.edu.vn - Facebook.com/gdchinhtrictxh
Điện thoại: 0277 3 882 338 - Email: khoagdct_ctxh@dthu.edu.vn

ĐỒNG THÁP, 22/04/2017

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

KỶ YẾU

HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2017
LẦN THỨ HAI

ĐỒNG THÁP, 22/4/2017

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2017
LẦN THỨ HAI

BAN TỔ CHỨC

Trưởng ban

ThS.GVC. Lê Kim Oanh

Các ủy viên

TS. Lê Văn Tùng

ThS.GVC. Trương Thị Mỹ Dung

ThS. Kiều Văn Tu

ThS.NCS. Đỗ Duy Tú

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

ThS.GVC. Lê Kim Oanh

Các ủy viên

TS. Lê Văn Tùng

ThS.GVC. Trương Thị Mỹ Dung

ThS. Kiều Văn Tu

ThS.NCS. Đỗ Duy Tú

ThS.NCS. Nguyễn Công Lập

ThS.NCS. Lê Thanh Dũng

THƯ KÝ

ThS.NCS. Đỗ Duy Tú

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA GDCT-CTXH

HỘI NGHỊ
SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
NĂM 2017

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 4 năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH

TT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	Diễn văn khai mạc	7h30 – 7h40	ThS. Lê Kim Oanh Phụ trách Khoa GDCT - CTXH
2	Báo cáo 1: <i>Triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam Bộ</i>	7h45 – 7h55	SV.Nguyễn Việt Tiến Lớp: ĐHGDC14B
3	Báo cáo 2: <i>Hiệu quả hoạt động của nhân viên công tác xã hội tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp</i>	8h00– 8h10	SV.Lê Hoài Nam Lớp: ĐHCTXH14
4	Báo cáo 3: <i>Thực trạng năng lực giao tiếp của trẻ em khiếm thính tại Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp</i>	8h15 – 8h25	SV.Nguyễn Ngọc Như Ý Lớp: ĐHCTXH14
5	Thảo luận	8h30 – 9h00	Chủ tọa
6	NGHỈ GIAI LAO	9h00 – 9h30	
7	Báo cáo 4: <i>Những yếu tố tác động đến ý thức chấp hành quy định về trang phục khi đến lớp của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp</i>	9h30 – 9h40	SV.Phan Bảo Ngọc Trinh Lớp: ĐHCTXH14
8	Báo cáo 5: <i>Thực trạng nhận thức của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp về người đồng tính</i>	9h45 – 9h55	SV.Hồ Hoàng Kiên Lớp: ĐHCTXH14
9	Báo cáo 6: <i>Tin ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam và giá trị hiện thời của nó</i>	10h00-10h10	SV.Trần Thị Mỹ Liên Lớp: ĐHGDC14
10	Thảo luận	10h15 – 11h00	Chủ tọa
11	Tổng kết Hội nghị	11h00 – 11h30	ThS. Lê Kim Oanh Phụ trách Khoa GDCT - CTXH

MỤC LỤC

QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ LỄ SỐNG VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY	5
SV.Trương Tuấn Anh - Lớp: ĐHGDC15A GVHD: ThS. Mai Thị Thanh	
TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA CỦA NGUYỄN TRÃI VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI CỦA NÓ.....	15
SV.Nguyễn Trọng Ân - Lớp: ĐHGDC15A GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến	
TƯ TƯỞNG KHOAN DUNG TRONG TRIẾT HỌC KANT	26
SV. Lê Vũ Cảnh - Lớp: ĐHGDC13A GVHD: ThS.NCS. Đỗ Duy Tú	
THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN CHO TRẺ EM TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG THÁP.....	35
SV.Võ Thị Mỹ Duyên - SV.Lê Thi Nhân - Lớp: ĐHCTXH15A GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo	
KHÁI QUÁT CÔNG TÁC CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRẺ EM Ở XÃ TÂN QUY TÂY, THÀNH PHỐ SA ĐÉC	45
SV.Nguyễn Sơn Giang - Lớp: ĐHCTXH15 GVHD: ThS.Nguyễn Thị Bích Hưng	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC THANH NIÊN VÀO VIỆC GIÁO DỤC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY.....	53
SV.Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Lớp: ĐHGDC15A GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập	
TÁC TỔ CHỨC THỰC THI CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI XÃ TÂN HÒA, LAI VUNG, ĐỒNG THÁP, NĂM 2016	62
SV. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh- SV.Tạ Linh Kha - Lớp: ĐHCTXH15A GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo	
THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP VỀ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH.....	75
SV. Hồ Hoàng Kiên - Lớp: ĐHCTXH14A GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc	

**DIỄN BIẾN HÒA BÌNH” Ở VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC BẢN
LĨNH CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY86**

SV.Lê Thị Trúc Lin - Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

**TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN Ở VIỆT NAM VÀ GIÁ TRỊ HIỆN
THỜI CỦA NÓ.....95**

SV.Trần Thị Mỹ Liên - Lớp: ĐHGDC14A

GVHD: ThS. Mai Thị Thanh

**HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TẠI
TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG THÁP.....105**

SV.Lê Hoài Nam - SV.Nguyễn Thị Ý Nhi – SV.Nguyễn Thanh Nhã

Lớp: CTXH14A - GVHD: ThS. Trần Văn Luận

**GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY116**

SV.Lê Trung Nhiệm - Lớp: ĐHGDC15B

GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập

TÌM HIỂU TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ125

SV.Đặng Thị Thanh Nhi - SV.Phan Minh Chương - SV.Nguyễn Thị Bích Liên

Lớp: ĐHGDC14B - GVHD: TS. Lê Văn Tùng

**GIÁO DỤC LỐI SỐNG CÓ TRÁCH NHIỆM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP133**

SV.Nguyễn Thị Ý Nhi - Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: ThS.GVC. Trương Thị Mỹ Dung

**GIÁO DỤC LỐI SỐNG MỚI CHO SINH VIÊN HIỆN NAY THEO QUAN
ĐIỂM HỒ CHÍ MINH.....144**

SV.Nguyễn Thúy Quỳnh - Lớp: ĐHGDC15C

GVHD: ThS.NCS.Nguyễn Công Lập

**MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN TẠI TRUNG TÂM
CÔNG TÁC XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG151**

SV.Nguyễn Thanh Phong- Lớp: ĐHCTXH14

GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo

GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP.....	164
SV.Trương Trung Quyên - Lớp: ĐH GDCT15B	
GVHD: ThS.GVC. Lê Kim Oanh	
QUAN ĐIỂM VỀ DÂN CỦA NGUYỄN TRÃI VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG VIỆC PHÁT HUY QUYỀN DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	173
SV.Đào Nhật Tân - Lớp: ĐHGDCT14B	
GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến	
QUAN NIỆM VỀ ĐẠO LÀM NGƯỜI CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM.....	189
SV.Nguyễn Hoàng Tánh - Lớp: ĐHGDCT14B	
GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến	
PHỦ ĐỊNH BIỆN CHỨNG VỚI VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CHĂM, THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY	199
SV.Trần Thị Hoa Tới - Lớp: ĐHGDCT15C	
GVHD: ThS.NCS. Đỗ Duy Tú	
TRIẾT LÝ HIẾU NGHĨA Ở TÂY NAM BỘ	214
SV.Nguyễn Việt Tiến – Lớp ĐHGDCT14B	
SV.Nguyễn Thị Thanh Hoa – Lớp ĐHGDCT14A	
GVHD: TS. Lê Văn Tùng	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG.....	226
SV.Trần Trọng Trúng - Lớp: ĐHGDCT 14B	
GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập	
NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý THỨC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH VỀ TRANG PHỤC KHI ĐẾN LỚP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	236
SV.Phan Bảo Ngọc Trinh - Lớp: ĐHCTXH14	
GVHD: ThS.GVC. Lê Kim Oanh	
THỰC TRẠNG NĂNG LỰC GIAO TIẾP CỦA TRẺ KHIÊM THÍNH TẠI TRƯỜNG NUÔI DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT ĐỒNG THÁP	242
SV.Nguyễn Ngọc Như Ý - SV.Phạm Thanh Hải Thi - Lớp: ĐHCTXH14	
GVHD: ThS. Kiều Văn Tu	

QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ LỄ SỐNG VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

SV. Trương Tuấn Anh

Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: ThS. Mai Thị Thanh

Tóm tắt: Lễ sống hay ý nghĩa cuộc sống có vai trò quan trọng đối với con người trong đời sống và xã hội. Trong phạm vi bài viết, tác giả đã trình bày một số quan điểm trước Mácc về phạm trù lễ sống, phân tích tính biện chứng giữa nghĩa vụ và hạnh phúc của phạm trù lễ sống theo quan điểm của triết học Mácc – Lênin. Trên cơ sở đó đã làm rõ vai trò của phạm trù lễ sống đối với sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: Lễ sống, sinh viên, trường Đại học Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Phạm trù lễ sống được xem là một trong những nguyên tắc giá trị nhằm xác lập vai trò, nghĩa vụ và hạnh phúc của mỗi người trong đời sống xã hội. Lễ sống là những vấn đề diễn ra phức tạp giữa sự đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái lạc hậu và cái tiên bộ, cái thiện và cái ác, tiêu cực và tích cực. Mà ở đó phương châm sống của mỗi người là muốn hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ, muốn có một cuộc sống ý nghĩa và hạnh phúc. Lễ sống được xem là một trong những yếu tố cơ bản của nhân cách con người, xác lập bản chất, hoàn thiện và phát triển mọi mặt của con người trong đời sống xã hội. Con người bao giờ cũng là con người xã hội – lịch sử, luôn phải chịu tác động từ những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức mà xã hội đặt ra cho chính bản thân mình bởi lễ sống liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội. Vì thế, để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển thì con người cần phải xác lập được định hướng sống, mục đích sống, lý tưởng sống, thái độ sống. Có thể nói việc xác định ý nghĩa cuộc sống là vấn đề cần thiết đối với mỗi người trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Hiện nay, cùng với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước đặt ra nhiều thách thức đối với sinh viên nói chung và sinh viên trường Đại học Đồng Tháp nói riêng, một số quan điểm sai lệch trong cuộc sống đã làm cho một số sinh viên trở nên có lối sống thực dụng, dối trá, ích kỉ, ăn bám, chạy theo đồng tiền... Những khía cạnh tiêu cực trên đã và đang từng ngày làm mất đi giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc.

Vì vậy, ý nghĩa cuộc sống của sinh viên cần được xác lập cho phù hợp trong thời kì hội nhập, sinh viên cần phải đấu tranh để tự khẳng định mình trong điều kiện mới, chống lại các hiện tượng tiêu cực hằng ngày tác động đến đời sống của mình. Sinh viên là một trong những bộ phận quan trọng của thanh niên và là chủ nhân tương lai của đất nước vì vậy việc xác định đúng đắn ý nghĩa cuộc sống và hạnh phúc là rất cấp thiết. Qua nghiên cứu quan điểm của triết học Mác – Lênin về lẽ sống, cho chúng ta thấy được vai trò, nghĩa vụ và hạnh phúc của mỗi cá nhân đối với đời sống, xã hội, góp phần hình thành lẽ sống mới tích cực vào quá trình hội nhập, khẳng định được vai trò làm chủ của cá nhân đối với đất nước, xã hội.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về lẽ sống

Lẽ sống hay ý nghĩa cuộc sống là một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất đối với đời sống con người. Lẽ sống có vai trò rất quan trọng, chi phối mọi mặt trong xã hội, điều hòa tổng hợp các quan hệ hết sức cơ bản như lý tưởng, thái độ, hành vi, hạnh phúc, thiện, ác... Lẽ sống là nền tảng của lý tưởng, người có lẽ sống tốt đẹp sẽ có khả năng vượt qua mọi khó khăn nguy hiểm vươn lên đỉnh cao của đức và tài, ngược lại người bị khủng hoảng về quan niệm sống dễ dẫn đến chao đảo tinh thần, đổ vỡ, mất niềm tin tuyệt vọng với cuộc sống. Chính vì thế lẽ sống luôn là vấn đề được các nhà triết học và đạo đức học quan tâm và nghiên cứu trong mọi thời đại.

Ngay từ thời cổ đại nhà triết học duy vật Epiquya là người đầu tiên đã đưa phạm trù lẽ sống vào đạo đức học, ông cho rằng con người cần xây dựng cho mình một lẽ sống chân chính, lẽ sống đạo đức là cần phải sống thanh thản yên tĩnh trong tâm hồn mà nguồn gốc đó chính là trí thông minh, vì trí thông minh giúp cho con người nhận thức được điều hay lẽ phải tránh những điều trái, tham vọng vô cơ. Khác với quan điểm triết học duy vật của Epiquya, triết học duy tâm dựa trên thế giới quan tôn giáo để lí giải ý nghĩa cuộc sống. Theo họ cuộc sống trần tục không có ý nghĩa gì, mà hướng cho họ đến cuộc sống ở thời giới bên kia cho nên vô hình chung làm nảy sinh tư tưởng, chán nản, bi quan trong cuộc sống... Triết lí Nho gia coi lẽ sống của con người do ý trời quyết định và con người phải làm theo ý trời, con người ở đây phải tuân theo thuyết tam cương, ngũ thường: Nhân, lễ, nghĩa, trí,

tín. Quan niệm lễ sống của Nho giáo luôn hướng cho con người những yếu tố tích cực bên cạnh đó vẫn còn mang nhiều yếu tố cực đoan hà khắc, tuyệt đối hóa con người bắt con người phải cam chịu và hi sinh vì người khác.

Đến thời phục hưng và cận đại thì lễ sống con người là sự tìm kiếm, trau dồi kiến thức khoa học. Thời hiện đại khi chủ nghĩa tư bản phát triển lên giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thì lối sống của con người cũng thay đổi, họ coi tiền bạc chính là lễ sống. Nếu trong chủ nghĩa tư bản con người xem lễ sống là tiền bạc, vật chất và là sự hưởng thụ thì tôn giáo xem lễ sống của con người chính là sự giải thoát hướng đến thiên đàng, cõi niết bàn... Tất cả các quan điểm trên đều rơi vào nghĩa vụ luận và hạnh phúc luận. Đối với trường phái nghĩa vụ luận cho rằng lễ sống của con người chính là niềm vui đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình trong cuộc sống. Đối với trường phái hạnh phúc luận coi ý nghĩa cuộc sống của con người là sự tìm kiếm hạnh phúc với những ước muốn cơ bản như sự giàu có, quyền lực và sự thanh thản.

Nhìn chung, những quan niệm trước Mác về lễ sống của con người là sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất như: tiền bạc, sự giàu có, quyền lực... Cho rằng, cuộc sống này là do ý trời quyết định và buộc con người phải tuân theo ý trời, lễ sống chính là sự giải thoát hướng đến thiên đàng, cõi niết bàn, lễ sống của con người mang bản chất của tôn giáo. Chính những quan niệm trước Mác về lễ sống như vậy đã làm cho con người xác định mục tiêu không đúng đắn, ngày càng mất đi động lực phát triển trong cuộc sống. Mặt khác, các nhà triết học trước Mác xem ý nghĩa cuộc sống của con người chính là sự thanh thản về tâm hồn, là niềm vui đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình trong cuộc sống, là sự tìm kiếm hạnh phúc ước muốn. Như vậy tiêu chuẩn của lễ sống chính là thanh thản tâm hồn, niềm vui tiêu chuẩn của lễ sống. Tâm hồn thanh thản sẽ đem lại nhiều niềm vui thúc đẩy hoạt động mang tính tích cực trong cuộc sống.

Kế thừa những quan điểm hợp lý trong lịch sử triết học, triết học Mác – Lênin đã đưa ra quan điểm của mình về lễ sống là sự thống nhất giữa nghĩa vụ và hạnh phúc thông qua hoạt động thực tiễn, hoạt động xã hội của con người.

Trước hết, lễ sống hay ý nghĩa cuộc sống của con người là sự thống nhất biện chứng giữa nghĩa vụ và hạnh phúc. Thông qua quá trình lao động con người thực hiện được nghĩa vụ của mình đối với xã hội. Quá trình lao động chân chính của

con người đóng góp cho xã hội thông qua mỗi hoạt động sản xuất chính là thực hiện nghĩa vụ của mình. Lẽ sống chính là sự nỗ lực, cống hiến của mình cho xã hội đem lại hạnh phúc cho bản thân và mọi người. Do đó, ý nghĩa cuộc sống của mỗi người là một quá trình biện chứng phát triển không ngừng từ hoạt động sản xuất đến giá trị xã hội, lẽ sống của mỗi người chính là sự kết hợp hoà hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, con người chỉ cảm thấy thật hạnh phúc khi được hưởng những thành quả mà chính mình đã lao động tạo ra, đó là những giá trị đích thực hình thành nên lẽ sống.

Thứ hai, quá trình lao động sản xuất không chỉ là sự sản xuất ra những giá trị vật chất đồng thời còn sản xuất ra những giá trị tinh thần. Quá trình hoạt động sống mà cốt lõi là sản xuất bao giờ cũng mang tính xã hội. Lao động là phương thức tồn tại và phát triển xã hội, bởi lao động sản xuất không chỉ giữ vai trò quyết định tạo ra của cải vật chất cho xã hội mà còn làm nảy sinh mọi nhu cầu, khát vọng, lợi ích của con người từ đó đóng góp vào thành quả chung của xã hội. Lao động giúp con người thể hiện được những năng lực, khả năng sáng tạo và phẩm chất của mình đồng thời cũng tự hoàn thiện được bản thân. Nhờ lao động con người chẳng những loại bỏ đi được những thói hư, tật xấu như tính ích kỷ, ỷ lại, lười biếng... Mà còn hình thành nên được những đức tính quý báu của con người, lòng nhân ái, lòng vị tha, tính kỉ luật tự giác, cảm thông yêu thương con người. Từ đó, con người nhận ra và suy nghĩ toàn bộ những ý nghĩa đó chính là niềm vui, hạnh phúc của mình.

Thứ ba, lẽ sống là cơ sở để đi đến hạnh phúc. Thông qua quá trình lao động sản xuất con người vừa đóng góp vào quá trình xây dựng đất nước vừa đem lại hạnh phúc cho xã hội và bản thân mình, người hạnh phúc nhất là người đem lại hạnh phúc cho người khác. Trong quá trình hoạt động sống mỗi cá nhân không chỉ có nghĩa vụ cống hiến, đóng góp cho xã hội mà còn làm cho mỗi người cảm thấy cuộc sống trở nên thật ý nghĩa, toàn bộ những ý nghĩa mà cuộc sống đem lại đó chính là hạnh phúc. Hạnh phúc của con người là khi thực hiện được ước mơ, khát vọng của mình khi được tự do lao động và sản xuất một cách hợp lí chứ không phải chịu sự chi phối từ một phía nào. Sống vì lợi ích cộng đồng và xã hội, nhận ra ý nghĩa của cuộc sống mỗi người là sự tự giác, tự nhận thức để tìm ra hạnh phúc hướng tới những giá trị đích thực để hoàn thiện bản thân. Là kết quả của quá trình lao động sáng tạo và sự đấu tranh của cá nhân đối với xã hội chứ nó không phải là cái được

hình thành có sẵn trong đời sống. Con người có thể nhân cuộc sống của mình lên gấp nhiều lần thông qua lao động sáng tạo.

Ý nghĩa cuộc sống của con người không hoàn toàn phụ thuộc vào thời gian sống mà quan trọng nhất là chất lượng sống đó chính là thách thức mà cuộc sống đặt ra để mỗi người tự ý thức hoàn thiện bản thân, cũng có thể nói như là một quy luật sinh tồn mà trong đó có sự đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa cái phát triển và kém phát triển.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa ý nghĩa cuộc sống chính là sự sáng tạo ra những giá trị vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội, là sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, dân sinh và tiến bộ xã hội. Lễ sống của con người lao động luôn nuôi dưỡng về một ước mơ hy vọng, về một xã hội lý tưởng không có sự bất công không có sự áp bức bóc lột, người lao động được hưởng tự do hạnh phúc. Trong quá trình xây dựng xã hội mới, con người luôn hướng tới giá trị đạo đức đó chính là sự thống nhất giữa nghĩa vụ và hạnh phúc, mục đích sống của con người là sống vì cộng đồng xã hội chứ không phải vì bản thân con người nhận ra ý nghĩa của cuộc sống là sự tự giác, tự nhận thức để tìm ra hạnh phúc hướng tới những giá trị đích thực hoàn thiện về bản thân từ đó có thể dần loại bỏ đi những thói hư tật xấu. Ở đây, lễ sống đạo đức khác với lễ sống tầm thường ở chỗ là sự thống nhất giữa nghĩa vụ và hạnh phúc con người nhận ra được ý nghĩa cuộc sống của mình, lễ sống chính là sự tự giác, tự nguyện, hành động vì mục tiêu lý tưởng mang tính cộng đồng xã hội chứ không phải vì lợi ích cá nhân cho dù hoàn cảnh ra sao thì con người vẫn giữ được những phẩm chất giá trị của mình hướng cho mình tới sự phát triển theo quan điểm nhân sinh tiến bộ.

2.2. Vai trò của phạm trù lễ sống đối với sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp

Trong đời sống xã hội, đòi hỏi tất yếu mọi người phải ý thức được ý nghĩa, mục đích hoạt động của mình. Nhưng đối với bản thân để đạt được những mục đích, nhu cầu mà mình muốn, thì mỗi người cần xây dựng cho mình một lễ sống đúng đắn, phải cố gắng phấn đấu để đem lại hạnh phúc cho mọi người chứ không phải riêng bản thân mình và có một tư duy tích cực hơn khi nhìn nhận về cuộc sống.

Sinh viên nói chung và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng là một bộ phận ưu tú trong thanh niên, là bộ phận chủ chốt, trẻ, khỏe, năng động và sáng tạo trong mọi hoàn cảnh, là nguồn nhân lực bổ sung đội ngũ tri thức của đất nước. Trong quá trình học tập rèn luyện việc xác định ý nghĩa và lý tưởng hạnh phúc đúng đắn sẽ giúp cho mỗi sinh viên phát huy tính tích cực cao nhất, mang lại lợi ích cho cá nhân và xã hội, điều đó vừa nâng cao được trình độ nhận thức, trình độ tư tưởng, văn hóa bên cạnh đó còn tránh được những tiêu cực trong xã hội. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, thì quan điểm về ý nghĩa cuộc sống, mục đích sống, quan niệm về hạnh phúc của sinh viên cũng có sự thay đổi. Hiện nay, Trường Đại học Đồng Tháp một số sinh viên có tư tưởng lệch lạc, họ quan niệm rằng ý nghĩa cuộc sống, chính là sự hưởng thụ, ăn chơi, không chú ý đến học tập dẫn đến đua đòi, sa ngã vào các tệ nạn xã hội, trong học tập thì thụ động, chỉ coi việc học là một hình thức đối phó để có tấm bằng tốt nghiệp sau này, không nhận thức được tầm quan trọng của việc học, không biết chọn lọc tiếp thu những giá trị tích cực. Quan niệm về cuộc sống một cách rất đơn giản, đánh mất đi giá trị của cuộc sống, trở nên bi quan, có những suy nghĩ làm tổn hại đến bản thân mình và người khác. Khi đó còn gây ra những hậu quả đáng tiếc, chính vì thế việc giáo dục cho sinh viên có lẽ sống đúng đắn là điều rất quan trọng.

Thứ nhất, giúp sinh viên xác định đúng ý nghĩa của cuộc sống: Sinh viên có lẽ sống đúng đắn sẽ có khả năng vượt qua mọi khó khăn để vươn lên trong cuộc sống, chống được tư tưởng nóng vội, chủ quan duy ý chí, không mạnh dạn từ bỏ cái cũ, lỗi thời để đón nhận cái mới tốt đẹp, cá nhân giữ được quan điểm chính kiến riêng của chính bản thân mình, không bị chi phối từ những hướng tiêu cực tác động trong cuộc sống, tránh được những sai lầm, phỏng đoán thiếu cơ sở khoa học, mò mẫm, hiểu được ý nghĩa cuộc sống là sống vì hạnh phúc cho mọi người. Sinh viên cần phải sống với lòng vị tha, thẳng thắn, thật thà, cống hiến hết mình cho xã hội. Sống phải có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, đây có thể nói là một trong những nguyên tắc cần có đối với mỗi sinh viên trong nền kinh tế xã hội phát triển hiện nay. Trong nhận thức, sinh viên phải phản ánh trung thực, trách nhiệm của sinh viên trong học tập phải mang tính trung thực với thầy cô bạn bè, nhà trường. Một số sai lầm mà sinh viên thường mắc phải là quá đề cao, lý tưởng hóa những kết quả học tập đã đạt dẫn đến chủ quan, kiêu ngạo, thiếu khiêm tốn, không

có thái độ học hỏi và cầu thị. Như vậy cần phải hiểu rõ được khả năng lĩnh hội tri thức của mình trong học tập để tìm ra những khuyết điểm, từ đó có cách rèn luyện riêng, nhờ sự giúp đỡ của thầy cô, bạn bè để hình thành kỹ năng tự nhận xét và đánh giá phương pháp học tập cũng như lối sống để tự trang bị những kỹ năng giúp ích cho mình sau khi ra trường, bên cạnh đó cần phải hạn chế tình trạng không nên che giấu những khuyết điểm riêng. Tuy nhiên phải biết phê phán những thói quen tật xấu như sống thử, lợi dụng, đua đòi, ích kỉ, những điều này sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực, giảm đi vai trò trách nhiệm của sinh viên trong cuộc cách mạng tư tưởng.

Giáo dục là cánh cửa mở ra cơ hội cho mỗi người, trong quá trình hoạt động và học tập, đối với sinh viên nói chung và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng cần xác định cho mình một mục tiêu, lý tưởng đúng đắn. Khi đưa ra mục tiêu phấn đấu, sinh viên phải đánh giá đúng khả năng của bản thân cũng như những điều kiện liên quan để đưa ra mục tiêu phù hợp, tránh đưa ra mục tiêu quá thấp sẽ không kích thích được sự cố gắng, không cải thiện được sự hiểu biết. Cũng không nên đưa ra mục tiêu quá cao, không có khả năng thực hiện sẽ dễ gây ra tâm lý chán nản. Là sinh viên cần phải phát huy được tính năng động của mình trong học tập thể hiện qua những mặt sau: *Một là*, sinh viên phải tôn trọng tri thức khoa học và làm chủ được tri thức khách quan. *Hai là*, sinh viên phải ra sức học tập, nghiên cứu tri thức khoa học để làm giàu thêm kho tàng tri thức của bản thân, không chỉ xem trọng tri thức chuyên ngành, mà phải quan tâm những môn khoa học cơ bản. Vì những môn khoa học cơ bản chính là tiền đề, cơ sở để sinh viên tiếp xúc với chuyên ngành hiệu quả hơn. *Ba là*, phải có tinh thần học hỏi, thường xuyên tham gia các cuộc thi khoa học để mở rộng hiểu biết. Đó chính là những mục tiêu lý tưởng, cũng như là quá trình hoạt động của chính mình đóng góp mang ý nghĩa cống hiến cho xã hội, cá nhân sẽ cảm thấy hạnh phúc khi hiểu được vai trò ý nghĩa của cuộc sống này. Ta cứ nghĩ hưởng thụ là sung sướng nhưng lao động với đầy nhiệt huyết còn khiến ta cảm thấy hạnh phúc hơn nhiều. Thông qua quá trình hoạt động, trí tuệ mỗi người ngày càng được nâng cao không ngừng và nhờ lao động chính bản thân ta cũng nâng cao được giá trị của mình, chúng ta cần phải không ngừng suy nghĩ, đặt ra lý tưởng, vạch rõ mục tiêu, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm sống từng ngày để cố gắng đạt được những mục đích mà mình mong muốn. Từ đó sẽ nhận ra ý nghĩa cuộc sống của mình hướng tới những giá trị đích thực, tự nguyện, tự giác làm điều lợi vì hạnh

phúc của xã hội. Sinh viên phải có lẽ sống đúng đắn mới thúc đẩy hoạt động mang tính tích cực.

Ý nghĩa cuộc sống là sự cống hiến của cá nhân đối với xã hội là phải vì sự nghiệp phát triển của đất nước và của cố gắng để đạt được kết quả tốt. Mỗi cá nhân sẽ thật hạnh phúc khi hoàn thành nghĩa vụ mà sống đặt ra cho mình, góp phần xây dựng cho đất nước, hạnh phúc cho xã hội. Đối với những người chỉ nghĩ lợi ích riêng cho bản thân mình mà quên đi lợi ích chung của cả cộng đồng và xã hội thì sẽ không thể nào có một cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa.

Thứ hai, giúp sinh viên xây dựng về lý tưởng hạnh phúc: Lẽ sống là nền tảng để xây dựng lý tưởng cho hạnh phúc, mỗi cá nhân cần biết rằng trong cuộc sống không phải bất cứ mục đích nhu cầu nào cũng hạnh phúc, hạnh phúc không phải do cá nhân mình cảm nhận được mà bao gồm cả sự đánh giá chung của cá nhân và xã hội. Nhiều lúc con người thỏa mãn các nhu cầu của mình mà không coi là hạnh phúc thậm chí có khi đó là sự cắn rứt lương tâm. Trong giai đoạn hiện nay nền kinh tế phát triển kéo theo những hệ lụy tiêu cực trong cuộc sống đã làm cho một số sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nhận thức sai lệch về quan niệm hạnh phúc, coi hạnh phúc của mình là của cải, vật chất, nhu cầu đi lại, ăn ở... Điều đáng chú ý hơn một số bộ phận sinh viên lại chạy theo lối sống thực dụng, vì lợi chạy theo đồng tiền mà đánh mất đi bản chất của chính bản thân mình, vì tiền mà có thể làm bất chấp những việc trái với pháp luật. Trong thời kì hiện nay, hạnh phúc cá nhân và xã hội phải gắn liền với nhau. Một người có thể đầy đủ về vật chất, nhưng nghèo nàn trong cuộc sống tinh thần, hạn hẹp trong quan hệ hoạt động xã hội, thì họ không cảm thấy hạnh phúc và ngược lại. Do đó sự vô vị, nhàn hạ không đem đến hạnh phúc, chúng chỉ có ý nghĩa là những khoái cảm mà họ từng thấy sau khoảng thời gian lao động mệt mỏi và căng thẳng. Vì vậy sinh viên cần phải hiểu và đấu tranh với chính mình để đạt được những gì mình mong đợi ở thời khắc nào mỗi sinh viên cũng cần phải đấu tranh để tìm được hạnh phúc đích thực cho mình. Muốn có hạnh phúc và cuộc sống có ý nghĩa mỗi người phải không ngừng lao động, học tập và sáng tạo.

Trong thực tế sinh viên muốn đạt được kết quả học tập tốt thì phải không ngừng nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu khoa học, các hoạt động phong trào, đoàn thể và phải tích cực đấu tranh với thời gian gấp rút, áp lực tinh thần, đấu tranh với chính bản thân mình trước những cám dỗ, tệ nạn, khó khăn trong học tập, trong

cuộc sống, C.Mác đã từng nói: Hạnh phúc là đấu tranh. Vì thế sinh viên phải không ngừng đấu tranh với tinh thần dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn, thử thách để hướng tới một tương lai tốt đẹp. Trong học tập và rèn luyện khó khăn không thể tránh khỏi và đôi khi còn gặp thất bại. Song nếu như mỗi sinh viên biết đứng lên từ thất bại và bước đi để đi đến thành công đó chính là niềm hạnh phúc của sự đấu tranh. Vì vậy muốn có hạnh phúc thì trước hết mỗi sinh viên cần xác định đúng mục đích sống, ý nghĩa cuộc sống của mình từ đó mới có thể vượt qua mọi khó khăn thử thách để trở thành người có ích cho xã hội. Bản thân phải sống cao cả biết gắn bó với tập thể, trong đời sống xã hội, nhìn nhận về sự vật hiện tượng một cách khách quan và khoa học, khắc phục những sai lầm chủ quan. Phải nhận thức được ý nghĩa mục đích của mình trong quá khứ, hiện tại và tương lai, những hoạt động lúc nào cũng bị chi phối từ những mối quan hệ cá nhân, cá nhân và xã hội, những quan hệ đó quy định để đảm bảo lợi ích cộng đồng và xã hội, tạo thành những động lực đó là những chuẩn mực hoàn toàn tự giác của mỗi sinh viên trong xã hội hiện nay.

3. Kết luận

Trong đời sống xã hội hiện nay lẽ sống có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi người, góp phần xác định đúng đắn ý nghĩa cuộc sống, mục đích và lý tưởng sống. Hiện nay, sinh viên nói chung và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng là bộ phận quan trọng, là chủ nhân tương lai của đất nước. Với việc giáo dục định hướng lẽ sống giúp cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trở thành những người có lý tưởng sống, có hoài bão, lý tưởng hạnh phúc, phù hợp với thời kỳ đổi mới của đất nước. Đồng thời góp phần nâng cao năng lực nhận thức, trình độ tư tưởng, văn hóa, đạo đức cho sinh viên. Bên cạnh đó, còn giúp cho sinh viên hình thành được nhiều kỹ năng, một bản lĩnh khoa học, nguyên tắc, phương pháp nhận thức, khả năng vận dụng tri thức chuyên môn vào cuộc sống, biết tu dưỡng và rèn luyện bản thân để phát triển toàn diện. Nhận thức được mục đích hoạt động của mình, nhận ra được ý nghĩa cuộc sống từ đó hướng tới những giá trị đích thực, tự nguyện, tự giác làm những điều có ích mang lại hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng, (1998), *Đạo đức học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. G.BANDZELADZE, (1985), *Đạo đức học (Tập 1)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Hoàng Thúc Lân (2017), “Vai trò của tư duy biện chứng duy vật đối với sinh viên đại học nước ta”, *Tạp chí triết học*, số 4(191), tháng 4.
- [4]. Thái Thị Khương (2006), “Phạm trù lẽ sống trong triết học Mác – Lênin, với việc định hướng lẽ sống ở Việt Nam hiện nay”.
- <http://husc.tailieu.vn/doc/pham-tru-le-song-trong-triet-hoc-mac-lenin-voi-viec-dinh-huong-le-song-o-viet-nam-hien-nay-263839.html>
- [5]. Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ, (2008), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA CỦA NGUYỄN TRÃI VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI CỦA NÓ

SV. Nguyễn Trọng Ân

Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến

Tóm tắt: Nhân nghĩa là một phạm trù xuất hiện từ khá sớm, trong lịch sử triết học Trung Hoa cổ đại nhiều nhà Nho nổi tiếng như: Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, Đổng Trọng Thư... đã bàn nhiều đến nhân nghĩa. Chính vì thế nó không phải là vấn đề mới. Nhưng đến thế kỉ XV ở Việt Nam chính tư tưởng “nhân nghĩa” của Nguyễn Trãi đã đạt tới tầm cao của thời đại, điều mà từ trước cho đến những người cùng thời với ông chưa ai đạt tới. Từ việc nghiên cứu tư tưởng đó và chỉ ra ý nghĩa hiện thời của nó tác giả đã phân tích, làm rõ các nội dung liên quan trong việc định hướng lối sống cho sinh viên hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng nhân nghĩa, Nguyễn Trãi, Định hướng lối sống.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình bảo nền độc lập dân tộc đó đã sản sinh ra không ít những nhà quân sự, nhà tư tưởng kiệt xuất như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm... trong số đó nổi bật là Nguyễn Trãi một nhà tư tưởng, nhà chính trị kiệt xuất, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Những tư tưởng của Nguyễn Trãi đặc biệt là tư tưởng nhân nghĩa, không chỉ có ý nghĩa ở thời đại của ông mà nó còn có ý nghĩa đến hôm nay và có lẽ nó vẫn mang giá trị đến tận mai sau. Thực tiễn xã hội đã khẳng định, một quốc gia để có thể tồn tại và phát triển bền vững thì quốc gia đó phải được phát triển toàn diện và hài hòa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, bao gồm đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Đời sống của người dân phải ngày càng được nâng lên, được quan tâm nhiều hơn, có vậy mới lấy được lòng dân nguồn sức mạnh to lớn làm nên tất cả. Qua đó nhân dân sẽ tin vào sự lãnh đạo của Đảng, ủng hộ và thực hiện theo những chủ trương của Đảng, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh hơn. Bên cạnh đó việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc có một ý nghĩa hết sức quan trọng, đó rõ ràng không phải là sự hoài niệm về quá khứ một cách đơn thuần mà chính văn hóa nói chung và những giá trị tinh thần, tư tưởng của dân tộc

nói riêng không chỉ là nền tảng tinh thần mà còn là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Điều đó phù hợp với những chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay là tiếp tục “*Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao*” [1, tr. 75-76]. Chính trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam, dân tộc ta luôn phải đối đầu với thiên tai, liên tiếp chống lại giặc ngoại xâm để bảo vệ chủ quyền, nền độc lập và tự chủ của mình. Từ thời kì phong kiến cho đến Đảng ra đời lãnh đạo cách mạng, đặc biệt từ sự ra đời của Đảng thì vai trò của quần chúng nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được nâng lên. Trong chính thời đại ngày nay vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế càng trở nên sâu rộng thì vai trò của nhân dân càng trở nên quan trọng hơn. Vấn đề trên là một xu thế tất yếu, kèm theo đó là những lối sống và văn hóa ngoại lai, thực dụng, có nguy cơ làm phai mờ về lý tưởng, suy thoái về đạo đức, xa rời truyền thống dân tộc, mất đi bản sắc văn hóa riêng, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỉ... Chính vì thế, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vừa có tính cấp bách, vừa mang chiến lược lâu dài.

2. Nội dung

2.1. Thân thế, sự nghiệp của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu là Úc Trai, con Thái học sinh Nguyễn Phi Khanh và bà Trần Thị Thái, cháu ngoại của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Tổ tiên của Nguyễn Trãi ở xã Chi Ngại, huyện Phụng Sơn, trấn Kinh Bắc (nay là xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), sau chuyển về làng Ngọc Ổi, huyện Thượng Phúc, Hà Đông (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thượng Tín, Hà Nội). Tròn 6 tuổi mẹ mất, ông phải về Côn Sơn ở với ông ngoại. Năm 1390 ông ngoại cũng mất, Nguyễn Trãi theo cha trở về sống ở làng Nhị Khê. Năm 1400 thi đỗ Thái học sinh và cùng cha ra làm quan dưới triều Hồ. Năm 1407 giặc Minh sang xâm lược, nhà Hồ thất bại. Hồ Quý Ly và nhiều triều thần bị bắt sang Trung Quốc, trong đó có thân phụ

của Nguyễn Trãi. Tạm gác thù nhà, Nguyễn Trãi nghe lời cha trở về tìm đường cứu nước nhưng bị giặc giam lỏng ở thành Đông Quan suốt mười năm. Năm 1416 ông tìm đến khởi nghĩa Lam Sơn, dâng cho Lê Lợi bản Bình Ngô sách. Từ đó ông gắn bó với phong trào khởi nghĩa Lam Sơn, tham gia xây dựng đường lối quân sự, chính trị phù hợp và đảm đương những nhiệm vụ quan trọng như soạn thảo thư từ địch vận, tham mưu, vạch ra chiến thuật cho nghĩa quân. Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Nguyễn Trãi được Lê Lợi ban cho quốc tính và được phong tước Quan Phục hầu và giữ các chức Lại bộ thượng thư kiêm Nhập nội hành khiển trông coi Viện khu mật, đến đời Lê Thái Tông là Giám nghị đại phu kiêm Tri tam quán sự, chức Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm Quốc Tử giám. Với những cương vị mà mình đảm trách, Nguyễn Trãi đã tham gia đề xuất, bàn luận và soạn thảo những vấn đề nhằm mục tiêu quốc thái, dân an. Tuy nhiên, khi những hoài bão của ông còn đang giang dờ thì ông và gia tộc phải chịu rơi đầu trong vụ oan án Lệ Chi viên. Năm 1464, Lê Thánh Tông đã minh oan, phục hồi chức tước và sai Trần Khắc Kiêm tìm lại toàn bộ trước tác của Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi để lại rất nhiều trước tác văn chương, cả bằng chữ Hán và chữ Nôm, bao gồm các lĩnh vực văn học, lịch sử, địa lí, pháp luật, lễ nghi... song đã bị thất lạc sau vụ án Lệ Chi viên. Các tác phẩm còn lại đến nay của ông, phần lớn được sưu tập và tập hợp trong bộ *Ức Trai thi tập* của Dương Bá Cung, được khắc in vào năm 1868 đời nhà Nguyễn. *Ức Trai thi tập* (1480) là một trong các tập thơ chữ Hán đặc sắc của Nguyễn Trãi. Tập thơ do Dương Bá Cung sưu tầm, gồm 105 bài, trong đó có 17 bài tồn nghi. Đa số các bài trong tập này là thơ thất ngôn bát cú; thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn, chỉ có 2 bài theo thể trường thiên là "Côn Sơn ca" và "Đề Hoàng ngự sử Mai tuyết hiên". Về nội dung, có thể chia ra 3 chủ đề lớn: Thơ tả thiên nhiên, danh lam thắng cảnh; Thơ sáng tác sau khi quân Minh xâm lược Đại Ngu (trong đó có bài "Đề Hoàng ngự sử Mai tuyết hiên" làm khi ở Đông Quan); Thơ sáng tác sau khi chiến thắng quân Minh, giống thơ "ngôn chí" trong Quốc âm thi tập.

Nguyễn Trãi người anh hùng dân tộc, một nhà thơ, nhà tư tưởng lớn, danh nhân văn hóa thế giới. Cả cuộc đời mình luôn vì dân vì nước, tư tưởng của ông là sản phẩm của nền văn hóa Việt Nam thời đại nhà Hậu Lê khi mà xã hội Việt Nam đang trên đà phát triển, đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Tư tưởng Nguyễn Trãi không được ông trình bày thành một học

thuyết có hệ thống hay chứa đựng trong một trước tác cụ thể nào mà được thể hiện rải rác qua các tác phẩm của ông, được phát hiện bằng các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học xã hội hiện đại. Nét nổi bật trong tư tưởng Nguyễn Trãi là sự hòa quyện, chất lọc giữa tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo (trong đó Nho giáo đóng vai trò chủ yếu), có sự kết hợp chặt chẽ với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam lúc đó. Chính cuộc đời, phẩm chất và sự nghiệp của Nguyễn Trãi đã để lại sự kính trọng của người dân ở thời đại của ông cũng như của những thế hệ mai sau. Sự tài năng, đức độ của ông được mọi người kính trọng là bậc anh hùng, là khí phách, là tinh hoa của dân tộc. Nhân kỉ niệm 570 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi, cố Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng đã viết: “Nguyễn Trãi người anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, văn là chính trị, chính trị cứu nước cứu dân, nội trị, ngoại giao, mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi hèn ngàn thu; võ là quân sự chiến lược và chiến thuật, yếu đánh mạnh, ít địch nhiều... thắng hung tàn bằng đại nghĩa; văn và võ đều là võ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm đao... thật là một con người vĩ đại về nhiều mặt trong lịch sử nước ta...” [6]. Công lao quý giá nhất và sự nghiệp vĩ đại nhất của Nguyễn Trãi là tấm lòng yêu nước yêu dân tha thiết và sự nghiệp đánh giặc cứu nước vô cùng vẻ vang của ông.

2.2. Những nội dung chính trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là một triết lý sâu sắc, cốt lõi, bao trùm toàn bộ cuộc đời ông. Tư tưởng nhân nghĩa thể hiện trên nhiều khía cạnh: nhân nghĩa là thương dân, vì dân, an dân thấy được sức mạnh của nhân dân; nhân nghĩa là sự khoan dung, độ lượng; nhân nghĩa là lý tưởng xây dựng đất nước thái bình... Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi kế thừa quan điểm nhân nghĩa Nho giáo, nhưng đã được mở rộng, phát triển hơn, tạo nên dấu ấn đặc sắc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Trước hết, nhân nghĩa trong quan điểm của Nguyễn Trãi được gắn chặt với tư tưởng vì dân và an dân, biết trọng dân, ơn dân, thấy được vai trò, sức mạnh của nhân dân.

Nguyễn Trãi là một nhà nho, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của Nho giáo, bản thân ông cũng tâm niệm rằng “lòng hãy cho bèn đạo không môn”. Cho nên “tôi cũng lấy đạo nhân nghĩa, hết lòng kính thờ triều đình” [5, tr.109]. Nhưng bản thân

Nguyễn Trãi lại là một người dân Việt, thấm nhuần tư tưởng đạo đức Việt, nên nhân nghĩa của ông cũng mang đậm tinh thần nhân nghĩa của văn hóa Việt. Vì vậy, điểm khác biệt trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo Khổng - Mạnh là ở chỗ: nhân nghĩa trước hết là để “yên dân”. Trong các văn thư gửi cho tướng giặc và dụ hàng các thành, Nguyễn Trãi đề cập rất nhiều tới vấn đề này. Theo đó khi gửi thư cho Liễu Thăng, Nguyễn Trãi cho rằng “Quân của Vương giả chỉ có dẹp yên mà không đánh chém. Việc làm nhân nghĩa cốt để yên dân” [5, tr.160]; trong thư dụ hàng tướng sĩ ở thành Bình Than ông lại viết “đại đức thích cho người ta sống, thần vũ không hay giết người, đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp cốt để yên dân” [5, tr.153]; tiếp đó khi gửi thư dụ hàng thành Xương Giang, Nguyễn Trãi đã lý giải tại sao nghĩa quân Lam Sơn lại giành được thắng lợi: “kể ra, thích cho người ta sống mà ghét việc giết người, là một người tướng có nhân nghĩa; xét biến thời cơ mà biết lượng sức mình là người tướng có trí thức. Ta kính vâng mệnh trời, lấy đại nghĩa chuyên việc đánh dẹp. Nghĩ đến tổ tông bị nguy đố, thương nỗi nhân dân phải làm than, đánh thành lấy đất không giết một người. Cho nên đánh đông dẹp tây, không nơi nào không phục” [5, tr.155]; trong biểu tiến cống, tâu trình tạ tội gửi cho vua Minh, Nguyễn Trãi tiếp tục nhấn mạnh “Đánh kẻ có tội cứu vớt nhân dân, là thánh nhân làm việc đại nghĩa, dấy nước đã diệt, nổi dòng đã tuyệt là vương giả có lòng chí nhân” [5, tr.187]. Có thể thấy rằng đường lối cứu nước bằng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi đề ra ngay từ khi dâng Bình Ngô sách cho Lê Lợi là đường lối hoàn toàn khác so với nhân nghĩa của Nho giáo truyền thống. Nhân nghĩa phải thực sự gắn với nhân dân, phải vì nhân dân và cho nhân dân.

Nguyễn Trãi nhận thức được rằng lực lượng làm ra thóc gạo, cơm ăn, áo mặc là do ở nhân dân; rằng điện ngọc cung vàng của vua chúa cũng đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà có: “thường nghĩ quy mô lớn lao, lộng lẫy đều là sức lao khổ của quân dân” [5, tr.196]. Chính xuất phát từ suy nghĩ như vậy, nên khi đã làm quan trong triều đình, được hưởng lộc của vua ban, Nguyễn Trãi đã nghĩ ngay đến nhân dân, những người dãi nắng dầm mưa, những người lao động cực nhọc. Ông luôn tự nhắc mình rằng: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày” [5, tr.445]. Đây là cái nhìn hết sức mới mẻ và nhân văn của Nguyễn Trãi. Trong Nho giáo truyền thống, cũng như trong lịch sử dân tộc có thể ai cũng biết nhân dân là người làm ra mọi của cải để nuôi sống xã hội, song có mấy người thấy được mình phải biết ơn và “đền ơn” những

con người bình dị, thậm chí là thấp hèn ấy? Và quan trọng hơn, tư tưởng đền ơn dân lại được Nguyễn Trãi đưa ra sau khi triều đình Lê sơ được thiết lập. Điều đó có nghĩa, tất cả những gì mà ông nói tới là hoàn toàn xuất phát từ tấm lòng của ông, từ thái độ quý và trọng dân của ông, chứ không phải là những lời hoa mỹ để “mị dân”.

Thứ hai, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn biểu hiện ở lòng thương người, ở sự khoan dung độ lượng, thậm chí đối với cả kẻ thù.

Có thể nói, đây là nét độc đáo riêng có trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi. Chiến lược “tâm công” Nguyễn Trãi đã thực hiện trong kháng chiến chống Minh chính là sự thể hiện nét độc đáo riêng có ấy. “Tâm công” đánh vào lòng người, sách lược đã được Nguyễn Trãi dày công suy xét, thu tóm cái tinh hoa trong các sách về binh pháp xưa và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam đương thời. “Tâm công” tức là dùng lý lẽ tác động vào tinh thần, vào ý thức kẻ địch, nói rõ điều hơn lẽ thiệt, thuyết phục, cảm hoá chúng, từ đó đập tan tinh thần chiến đấu của chúng, làm cho chúng nhụt ý chí xâm lược, rời hàng ngũ, tiến tới chấp nhận con đường hoà giải, rút quân về nước. Tất nhiên, chiến lược “tâm công” ấy luôn được nghĩa quân Lam Sơn kết hợp chiến đấu bằng vũ khí, quân sự, ngoại giao; và thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ rằng, chiến lược đó là hoàn toàn đúng đắn.

Một điểm nổi bật trong tư tưởng của Nguyễn Trãi về lòng thương người còn được thể hiện qua cách đối xử khoan dung với kẻ thù khi chúng đã bại trận, đầu hàng. Điều này thể hiện đức “hiếu sinh”, đức “khoan dung” của dân tộc Việt Nam nói chung, cũng như tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi nói riêng. Nguyễn Trãi cũng như Lê Lợi, trong chính sách đối với hàng binh, đã chủ trương không giết để hả giận tức thời, mà còn tạo điều kiện cần thiết cho chúng rút về nước một cách an toàn và không mất thể diện. Trong thư gửi Vương Thông, ông viết: “Cầu đường sửa xong, thuyền xe sắm đủ, hai đường thuỷ lục, tùy theo ý muốn, đưa quân ra cõi, yên ổn muôn phần” [5, tr.135]. Theo Nguyễn Trãi: “Trả thù báo oán là thường tình của mọi người; mà không thích giết người là bản tâm của người nhân”. Hoà bình là khát vọng cháy bỏng của dân tộc ta. Lịch sử đã ghi nhận đức hiếu sinh, lòng khoan dung của cha ông và nhân dân, ngay cả khi kẻ thù buộc chúng ta phải cầm gươm, cầm súng tự vệ... “Vừa đánh, vừa đàm” là nét đặc sắc trong nghệ thuật tiến hành chiến tranh của tiền nhân: vừa cho kẻ thù thoát khỏi cuộc chiến tranh hao người tốn của,

vừa tìm cho địch đường rút danh dự. Vì thế, quân xâm lược, dù cực kỳ mưu mô và muốn "nuốt sống" Việt Nam, cũng phải kiêng nể. Chính sự thất bại đó nó khiến cho giặc càng muốn báo thù. Để dân yên vui, nước hoà bình, đó là khát vọng cháy bỏng của Nguyễn Trãi. Bởi thế, ông nói: “Dùng binh cốt lấy bảo toàn cả nước làm trên hết. Để cho bọn Vương Thông trở về nói với vua Minh trả lại đất đai cho ta, đó là điều ta cần không gì hơn thế nữa” [5, tr.28]. Việc dùng binh chỉ để bảo vệ đất nước, để ổn định đất nước chứ không nhất thiết phải đi xâm lược nước khác, để bành trướng lãnh thổ thế sao được gọi là nhân nghĩa. Quan điểm đó đã thể hiện lập trường chính trị nhân nghĩa của Nguyễn Trãi. Có thể nói, đó là một tinh thần nhân đạo cao cả, một triết lý nhân sinh sâu sắc.

Thứ ba, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn được thể hiện ở ý tưởng xây dựng một đất nước thái bình, trên vua thánh dưới tôi hiền; để khắp thôn cùng, ngõ hẻm không còn tiếng giận oán sầu. Cho nên, xã hội lý tưởng theo Nguyễn Trãi là “Thánh tâm dục dữ dân hưu tức, văn trị chung tu chí thái bình” (lòng vua chỉ muốn dân yên nghỉ, xếp võ theo văn, nước trị bình) [5, tr.228]; “vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn. Đường ấy ta đà phi sở nguyên” [5, tr.81]. Một đất nước thái bình sẽ là đất nước có cuộc sống phồn vinh, tươi đẹp; đồng thời, có sự hoà thuận, yên vui với các nước khác. Có thể nói, lý tưởng chính trị – xã hội của Nguyễn Trãi phù hợp với nguyện vọng, ước mơ của dân tộc, nhân dân; đạt tới tầm cao nhất và rộng nhất trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ cho phép. Quan niệm của Nguyễn Trãi, vì thế, là một quan niệm tích cực và đầy tinh thần nhân bản.

Tầm chiến lược, nhìn xa trông rộng và khoa học trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn được thể hiện ở tư tưởng cầu người hiền tài giúp nước, giúp dân. Nguyễn Trãi quan niệm rằng, nhân tố quyết định sự nghiệp xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị là nhân dân. Làm thế nào để phát huy hết được những yếu tố tích cực của quần chúng nhân dân? Trong sức mạnh của nhân dân thì yếu tố nào là động lực mạnh mẽ nhất? Nguyễn Trãi đã chỉ ra, đó là yếu tố nhân tài. Trong *Chiếu cầu hiền tài*, ông cho rằng: “người tài ở đời vốn không ít”, nên triều đình phải cầu hiền bằng nhiều đường, nhiều cách như học hành thi cử; hoặc tiến cử “văn võ đại thần, công hầu, đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi người đều cử một người, hoặc ở triều đình, hoặc ở thôn dã, bất cứ là đã xuất sĩ hay chưa, nếu có tài văn võ, có thể trị dân coi quân, thì... tùy tài trao chức”; hoặc ứng cử “người có tài ở hàng kinh luân bị

khuất ở hàng quân nhỏ”, “người hào kiệt nấu ở nơi đồng nội, lẫn ở hàng binh lính” phải tự mình đề đạt để gánh vác việc dân, việc nước [5, tr.194]. Như vậy, rõ ràng, Nguyễn Trãi đã rất chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và sử dụng nhân tài vào việc trị quốc, an dân. Có thể nói, chiến lược con người của Nguyễn Trãi, cho đến nay, vẫn mang đậm tính thời sự đối với chúng ta.

2.3. Ý nghĩa tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trong việc xây dựng lối sống của sinh viên hiện nay

Trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, kể từ khi Ngô Quyền xác lập được nền độc lập cho đến nay, nhân nghĩa luôn là tư tưởng chính trị quan trọng được các chủ thể cầm quyền ưu tiên lựa chọn. Lịch sử dân tộc đã kiểm chứng, bất kỳ ở giai đoạn nào nếu nhà cầm quyền biết quan tâm và chăm lo tới đời sống của nhân dân, được lòng dân thì chính quyền được củng cố, đất nước hưởng cảnh thái bình; còn khi chính quyền xa dân, nhiều dân thì vận nước suy. Chính vì vậy, dương cao ngọn cờ nhân nghĩa, mà trọng tâm là quan điểm “dân là gốc nước” đã trở thành triết lý hành động của các triều đại phong kiến Việt Nam trong việc củng cố chính quyền, ổn định xã hội, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với quá trình phát triển của dân tộc, những giá trị tư tưởng đó được Nguyễn Trãi bổ sung, phát triển thêm những giá trị mới tiến bộ, nhằm đáp ứng được đòi hỏi mới của thực tiễn đất nước. Lối sống nhân nghĩa tức là thương người, quan tâm lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau, gắn bó với nhau thì nó phù hợp với truyền thống văn hóa của người Việt là trọng tình nghĩa, là thương người... chính nền sản xuất nông nghiệp đã tạo nên tính cộng đồng đều này được thể hiện ở văn hóa làng.

Bước sang thế kỷ XX, khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ra đời, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã được phát triển lên tầm cao mới, đáp ứng được những yêu cầu mới của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Vị thế của Nhân dân đã thay đổi. Nhân dân không còn là đối tượng mà chính quyền cần hướng đến để quan tâm, vỗ về; ngược lại, nhân dân chính là chủ nhân thực sự của xã hội, là người quản lý xã hội, còn nhà nước chỉ là công cụ để thực thi quyền lực đó của nhân dân. Vì lẽ đó Hồ Chí Minh đã từng khẳng định “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, ở nước ta “chính quyền là của nhân dân, do nhân dân làm chủ. Nhân dân bầu ra các hội đồng nhân dân, ủy ban

kháng chiến hành chính địa phương, và Quốc hội cùng Chính phủ Trung ương” [3, tr.263].

Ngày nay, đất nước đang bước từng bước vững chắc trên con đường quá độ lên xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, thì việc kế thừa những hệ giá trị truyền thống của dân tộc vừa là động lực, vừa là nét độc đáo riêng biệt cho sự phát triển của đất nước. Cho nên, để những giá trị trong tư tưởng nhân nghĩa Nguyễn Trãi tiếp tục lan tỏa trong đời sống chính trị - tinh thần của dân tộc. Chúng ta cần phải.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi không phải là sự xuất hiện ngẫu nhiên hay xuất phát từ ý muốn chủ quan của các nhà tư tưởng mà nó là kết tinh những giá trị truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, là tiếng nói phản ánh sâu sắc đặc điểm nhu cầu của lịch sử xã hội đương thời. Dù trải qua bao thăng trầm của lịch sử như tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi vẫn có giá trị và ý nghĩa thiết thực đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Đó là những bài học về tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, bài học về nhân nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục, sức mạnh đại đoàn kết nhân dân... chính những ý nghĩa trên, cần tiếp tục kế thừa tư tưởng tiến bộ phù hợp với truyền thống dân tộc, phù hợp với thời đại cần thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, xây dựng lối sống có trách nhiệm.

Việc định hướng lối sống có trách nhiệm cho sinh viên, cho mọi người hiện nay là rất cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay. Khi mà lối sống và văn hóa ngoại lai, thực dụng, có nguy cơ làm phai nhạt về lý tưởng và suy thoái về đạo đức, xa rời truyền thống và làm mất bản sắc văn hóa dân tộc, chệch hướng xã hội chủ nghĩa thì việc định hướng lối sống có trách nhiệm càng có ý nghĩa quan trọng hơn. Để xây dựng lối sống có trách nhiệm trước hết cần có sự thương người, quan tâm giúp đỡ, đồng cảm, chia sẻ với mọi người xung quanh, đặc biệt là vị tha, bao dung với những lỗi lầm của người khác, cần thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cần rèn luyện cho bản thân tính tự giác, kỉ luật, cần có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội, quê hương đất nước. Qua đó góp phần củng cố niềm tin, lập trường, dần hoàn thiện nhân cách của bản thân, cá nhân có ý thức hơn trong việc xây dựng và bảo vệ quê

huong đất nước. Góp phần vào việc bảo tồn các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc đồng thời xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp hơn.

Hai là, xây dựng lối sống vì cộng đồng.

Cá nhân con người không thể tách khỏi cộng đồng, Để cộng đồng ngày một phát triển thì cá nhân cùng tham gia với cộng đồng để xây dựng khối cộng đồng, nguồn sức mạnh làm nên nhiệm vụ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì thế ngoài việc có trách nhiệm với bản thân, con người cần có lối sống vì cộng đồng. Có như thế việc cố kết cộng đồng, phát huy vai trò, sức mạnh của cộng đồng ngày một được nâng lên, đồng thời việc định hướng lối sống vì cộng đồng cho nhân dân mang một ý nghĩa hết sức to lớn trong việc phát triển cộng đồng, tăng trưởng kinh tế của cộng đồng, cùng với tiến bộ của cộng đồng theo hướng hoàn thiện các giá trị chân, thiện, mỹ. Chính lối sống vì cộng đồng của cá nhân giúp cho cộng đồng ngày một phát triển, ngày càng hòa nhập, từ đó đóng góp vào tiến trình phát triển chung của quốc gia.

Ba là, lối sống vì con người.

Cá nhân luôn có xu hướng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước, từ đó cá nhân chúng ta mang lòng ích kỉ. Vì thế việc định hướng lối sống vì con người cho sinh viên, cho mọi người là điều quan trọng, con người luôn chạy theo những lợi ích vật chất mà quên đi những giá trị tốt đẹp của cha ông, những chuẩn mực đạo đức đó là thương người, đồng cảm,... chính lối sống vì con người từ đó xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, không có sự bóc lột, con người sẽ trở nên hạnh phúc hơn. chúng ta sống cùng mọi người nên phải dựa trên sự bình đẳng, sự chia sẻ, sự đồng cảm, đôi bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau có vậy xã hội ngày càng phát triển và văn minh hơn. Chính lối sống vì con người giúp con người càng gần nhau hơn, cùng nhau vượt những khó khăn, thử thách, chống lại sự khắc nghiệt của tự nhiên và cùng nhau hưởng thụ một cuộc sống tốt đẹp.

3. Kết luận

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, mang đậm sắc thái của tinh thần yêu nước truyền thống của người Việt Nam. Ở đây, có thể thấy rõ tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã vượt lên trên tư tưởng nhân nghĩa của Khổng – Mạnh và có sự sáng tạo, phát triển trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong suốt cuộc đời của

mình, Nguyễn Trãi đã có cuộc sống gần gũi, gắn bó với nhân dân, hoà mình vào nhân dân. Do đó, ông đã nhận thấy rất rõ những đức tính cao quý của nhân dân, hiểu được nguyện vọng tha thiết của nhân dân, thấy rõ được sức mạnh vĩ đại của nhân dân trong sáng tạo lịch sử.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa quốc tế như hiện nay, cũng như tình hình trong khu vực và trên thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, việc phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc là điều kiện, là động lực to lớn cho sự phát triển đất nước như tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đề ra. Muốn vậy cần “tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [1, tr.36-37]/.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Hùng Hậu (Chủ biên, 2002), “*Đại cương lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*”, tập I, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 8*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên, 1993), “*Lịch sử tư tưởng Việt Nam*”, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5]. Viện Sử học (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Phạm Văn Đồng, “Nguyễn Trãi người anh hùng của dân tộc”, *Báo Nhân dân* (số 3099, ngày 19 tháng 9 năm 1962).
- [7]. <http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Triet-hoc-Viet-Nam/Ve-tu-tuong-nhan-nghia-cua-Nguyen-Trai-463.html>

TƯ TƯỞNG KHOAN DUNG TRONG TRIẾT HỌC KANT

SV. Lê Vũ Cảnh

Lớp: ĐHGDC13A

GVHD: ThS.NCS. Đỗ Duy Tú

Tóm tắt: *Trên cơ sở làm rõ nội hàm khái niệm khoan dung, bài viết bước đầu phân tích biểu hiện khoan dung trong triết học của Kant. Tư tưởng khoan dung được Kant cố gắng hiện thực hóa trong các mối quan hệ, nhất là nhằm loại bỏ sự nghi ngờ lẫn nhau giữa các quốc gia, thiết lập quan hệ quốc tế và đề xuất những nguyên tắc phân xử xung đột.*

Từ khóa: Khoan dung, I.Kant, Triết học Kant,

1. Đặt vấn đề

Immanuel Kant (1724 – 1804) là một trong những nhà triết học vĩ đại của lịch sử tư tưởng phương Tây trước Mác. Triết học của Kant là nền tảng và điểm xuất phát của triết học Đức hiện đại. Ông đã để lại cho nhân loại hệ thống triết học độc đáo và sâu sắc, đề cập rất nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh như: văn hóa, đạo đức, chính trị - xã hội ... trong đó có tư tưởng khoan dung. Tư tưởng khoan dung được Kant cố gắng hiện thực hóa trong các mối quan hệ, nhất là nhằm loại bỏ sự nghi ngờ lẫn nhau giữa các quốc gia, thiết lập quan hệ quốc tế và đề xuất những nguyên tắc phân xử xung đột [5, tr.9].

2. Nội dung

2.1. Khái niệm khoan dung

Xét về mặt thuật ngữ, khoan dung có nhiều trong ngôn ngữ và có sự khác nhau nhất định khi sử dụng. Trong tiếng Việt, khái niệm này đã có từ lâu, nhưng chỉ được nói đến phổ biến từ những năm 90 của thế kỷ XX. Do đó, việc sử dụng một thuật ngữ với nội hàm chưa xác định thống nhất trong điều kiện mới đã gây ra những khó khăn nhất định. Khoan dung, trong tiếng Anh là tolerance, trong tiếng Pháp là tolérance và đều bắt nguồn từ tiếng Latinh là tolerare và tolerantia. Theo từ các từ điển dịch sang tiếng Việt, những từ đó đều được dịch là khoan dung, mặc dù ở những loại từ khác nhau. Riêng trong tiếng Nga, Ханский навоз có nghĩa là khoan dung và là từ thuần Nga, từ thứ hai có gốc xuất phát từ tiếng Latinh là Tolerance cũng được giải nghĩa là khoan dung.

Trong *Hán Việt từ điển giản yếu* học giả Đào Duy Anh giải thích bao dung là người có đại độ, tức là độ lượng rộng lớn, khoan dung là sự rộng rãi dung được nhiều, độ lượng rộng, khoan dung là lòng rộng bao dung. Hay theo học giả Bửu Kế trong *từ điển Hán Việt từ nguyên* lại có cách giải thích theo hướng tách từ và giải nghĩa từng từ một. Trong đó bao tức là trùm lên còn dung nghĩa là tha thứ. Như vậy, bao dung có nghĩa là đại độ, có lòng thứ tha, bao bọc kẻ khác. Còn khoan là rộng rãi, dung lại là rộng lượng, khoan dung ở đây được giải thích là che chở, đùm bọc, bao dung kẻ khác. Trong *từ điển tiếng Việt*, nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Hoàng Phê cho rằng, bao dung thuộc loại tính từ với nghĩa là có độ lượng, rộng lượng với mọi người, còn động từ khoan dung lại có nghĩa là rộng lượng tha thứ cho người có lỗi lầm.

Hay trong lịch sử triết học phương Tây, tư tưởng khoan dung có nội dung xuất phát từ khoan dung văn hóa, đến khoan dung tôn giáo, khoan dung chính trị và cuối cùng là quay về với khoan dung văn hóa để nâng cao giá trị con người, bảo đảm cho cuộc sống hòa bình của con người. Còn phương Đông, đặc trưng của tinh thần khoan dung là hướng đến việc điều chỉnh từ chính tư tưởng và hành vi đạo đức của từng cá nhân, từ đó tác động đến các hoạt động xã hội.

Dù có nhiều quan điểm, nhiều cách hiểu khác nhau về khoan dung như vậy, nhưng theo quan điểm của UNESCO, khoan dung chưa có một định nghĩa hoàn chỉnh cuối cùng. Đồng thời, tổ chức này cũng đã khẳng định rằng, các định nghĩa về khoan dung không bao chứa hết nội hàm mà nó phản ánh. Bởi thực tế cuộc sống cho thấy, khoan dung có thể nhìn nhận từ mọi góc độ, từ quan điểm đơn giản nhất trong suy nghĩ của mỗi người cho đến những quan điểm mang tính khoa học cụ thể. Song nội hàm cơ bản của tư tưởng khoan dung này là công cụ, là phương tiện hữu hiệu để hướng tới hòa bình thực sự trong tương lai.

Trước những thay đổi đáng kể về mặt xã hội như vậy, từ năm 1993, UNESCO đã có định hướng trong việc cần phải phát huy và nâng cao hơn tinh thần khoan dung trong suy nghĩ cũng như trong hành động, không chỉ của các hoạt động chính trị ở mỗi quốc gia mà từ mỗi con người cụ thể. Vì thế, bản dự thảo *Tuyên bố về sự khoan dung* trong cuộc họp của Liên hợp quốc tổ chức ở Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ, ngày 16 – 04 – 1993) với nội dung có tính định hướng cho việc nghiên cứu đã nêu ra nội hàm khái niệm và hành động cho sự khoan dung như sau: “Người ta cần những niềm tin của mình. Nhưng ngày nay đòi hỏi một hình thức đoàn kết mới, một cuộc sống gắn bó

mật thiết hơn bao giờ hết, để đảm bảo rằng, những niềm tin của chúng ta không được dẫn đến những mô hình hành vi loại trừ niềm tin khác. Điều chủ yếu là phải thừa nhận rằng trong khi tất cả mọi người đều bình đẳng về phẩm cách thì họ lại khác nhau tài năng, niềm tin và tín ngưỡng và những sự khác nhau đó là nhân tố phong phú cho từng cá nhân và cho toàn bộ nền văn minh nói chung miễn là mọi công dân được bảo đảm có những cơ hội để đối thoại và tham gia vào đời sống cộng đồng, cả về chính trị, văn hóa, kinh tế, và xã hội ở tất cả các giai cấp” [5, tr.26].

Dự án phát động *Năm quốc tế về khoan dung* của Liên hợp quốc chính là sự tiếp tục phản ánh tư tưởng khoan dung, nền móng cho sáng lập tổ chức này vì theo lời nói đầu của Hiến chương Liên hợp quốc, sự thực hiện khoan dung là một trong những nguyên tắc cần áp dụng để ngăn chặn chiến tranh và duy trì hòa bình.

Đồng thời UNESCO ra quyết định về việc ra thập niên văn hóa hòa bình (2001 – 2010) như hình thức chung sống văn minh nhất của thời đại ngày nay, văn hóa của hiện tại và tương lai, trong đó, khoan dung là điều kiện tiên quyết và đã phát động Năm quốc tế về khoan dung (The United Nations Year for Tolerance). Với mục đích cao nhất là hướng tới sự chung sống hòa bình và nâng cao giá trị con người, các tổ chức của Liên hợp quốc, nhất là UNESCO, đều dựa vào thành tựu các nghiên cứu triết học. Chính tổ chức UNESCO cũng đồng thuận với quan điểm rằng, triết học đã cung cấp cho con người các khái niệm cơ bản về nguyên tắc và giá trị cho một thế giới hòa bình: dân chủ, quyền con người, bình đẳng và cân bằng. Đồng thời, luận giải triết học giúp củng cố tính hợp lý trên cơ sở chung sống hòa bình. Từ đó góc độ triết học văn hóa, triết học đạo đức, UNESCO đưa ra nội hàm của *khoan dung* có dựa trên những kết quả tổng kết thành quả nghiên cứu trong suốt chiều dài lịch sử tư tưởng của nhân loại.

Trong bản “*Tuyên ngôn những nguyên lý về khoan dung*” của mình, UNESCO xác định bốn khía cạnh chủ yếu của tư tưởng khoan dung có tác động đến việc xây dựng xã hội hòa bình. Cụ thể như sau:

Một là, khoan dung là sự tôn trọng, sự chấp nhận và sự thương thức của tính đa dạng, phong phú của nền văn hóa thế giới, trong các hình thức của sự diễn đạt và cách thức của tồn tại người. Việc đó được khuyến khích bởi tri thức hiểu biết, sự mở rộng, việc trao đổi thông tin và tự do trong suy nghĩ, trong việc phân biệt được đúng

sai và việc tin tưởng. Khoan dung là sự hòa hợp trong khác biệt. Nó không chỉ là trách nhiệm đạo đức mà còn liên quan đến yêu cầu về chính trị và pháp luật. Khoan dung có công dụng làm cho hòa bình trở thành cái có thể, góp phần thay thế văn hóa của chiến tranh bởi văn hóa của hòa bình.

Hai là, khoan dung không phải là sự nhượng bộ, sự hạ mình hay nhận đặc ân. Khoan dung, trên tất cả, là thái độ tích cực nhắc nhở bởi sự nhìn nhận của toàn bộ quyền con người và quyền tự do cơ bản của mọi người. Không có hoàn cảnh nào có thể được sử dụng việc biện minh của sự xâm phạm của những tiêu chuẩn cơ bản. Khoan dung là cái được dùng bởi các cá nhân, các nhóm và các quốc gia.

Ba là, khoan dung là trách nhiệm. Đó là sự duy trì quyền con người, chủ nghĩa đa nguyên (kể cả đa nguyên văn hóa), chế độ dân chủ và luật lệ. Nó bao gồm sự bác bỏ của chủ nghĩa giáo điều, chính thể chuyên chế và việc khẳng định những tiêu chuẩn thể hiện trong văn kiện về nhân quyền.

Bốn là, thích hợp với sự tôn trọng nhân quyền, việc thực hiện vấn đề khoan dung không có nghĩa là khoan dung của sự bất công xã hội, sự từ bỏ hay sự suy nhược trong nhận thức của một người nào đó. Nó có nghĩa là mọi người đều được tự do trong việc giữ vững sự nhận thức của chính mình và thừa nhận quyền đó của người khác. Nó cũng có nghĩa là thừa nhận vấn đề con người, tuy nhiên, nó bao gồm nhiều loại khác nhau trong sự xuất hiện, hoàn cảnh, cách nói, thái độ và giá trị của họ, họ có quyền sống trong hòa bình và tương lai như họ muốn. Điều đó của nghĩa là quan điểm của mọi người không thể bị lợi dụng.

Hưởng ứng lời kêu gọi “*Năm quốc tế về sự khoan dung*” của Liên hợp quốc, trong tài liệu của Ủy ban UNESCO Việt Nam cũng khẳng định: “Khoan dung là một hình thức tự do, tự do về tư tưởng, tự do về pháp lý. Một con người khoan dung là người làm chủ về tư tưởng và hành động của mình. Khoan dung là một thái độ ứng xử tích cực, không hàm ý ban ơn hay hạ mình chiếu cố đối với những người khác. Khoan dung là thừa nhận và chấp nhận sự khác biệt. Đó là học cách nghe, cách thông tin và cách hiểu người khác. Khoan dung là chấp nhận sự đa dạng của các nền văn hóa, là sự cởi mở đối với những tư tưởng triết lý khác mình, là sự ham học hỏi, tìm hiểu những điều bổ ích để làm giàu cho bản thân, không bác bỏ những gì mà mình chưa biết. Khoan dung là tôn trọng quyền và tự do của người khác. Khoan

dung là sự thừa nhận không có một nền văn hóa, một quốc gia hay một tôn giáo nào độc tôn về tri thức và chân lý” [5, tr.4-5].

2.2. Một số biểu hiện tư tưởng khoan dung trong triết học Kant

Tư tưởng khoan dung xuất hiện rất sớm trong lịch sử tư tưởng triết học phương Tây. Dù rằng trong giai đoạn đầu tiên đó, thuật ngữ *khoan dung* chưa được sử dụng thường xuyên, nhưng tinh thần của nó có ảnh hưởng lớn đến giai đoạn sau. Tư tưởng nổi bật nhất của Kant thời kỳ tiền phê phán tập trung trong tác phẩm “Lịch sử tự nhiên tổng quát và thuyết bầu trời”, nơi Kant đã đưa ra tiên đoán về sự hình thành tự nhiên của vũ trụ, về tính toàn vẹn của cấu trúc thế giới, về sự tác động hỗ tương giữa các lực lượng trong tự nhiên. Giá trị chủ yếu tư tưởng Kant thời kỳ này là: trong thời đại thống trị của chủ nghĩa máy móc ông là một trong những người đầu tiên cố gắng xác lập bức tranh về một thế giới vận động, sống động, luôn tiến hóa. Với con mắt của một nhà triết học lỗi lạc, I. Kant nhìn nhận những sự kiện lịch sử một cách sâu sắc, tìm ra căn nguyên và vạch ra những điều kiện căn bản để xây dựng nền hòa bình. Ông nhận xét rằng, khoa học từ trước cho đến thời ông chưa có được một nền tảng phát triển vững chắc, bởi “khoa học về con người” vẫn chưa được chú trọng và cũng chưa có sự phát triển đúng mức. Tất cả điều đó được ông trình bày trong “Hướng tới nền hòa bình vĩnh cửu”(1795). Hòa bình vĩnh cửu có thể là không thực tế, nhưng ông quả quyết rằng, nhân loại phải cố gắng làm, phải hướng tới nó.

Thứ nhất, I. Kant phê phán chiến tranh. Kant đồng ý với quan điểm của T. Hobbes rằng, chiến tranh là hiện tượng tự nhiên, đồng thời ông cũng khẳng định, chiến tranh tự nó là một hiện tượng tự nhiên hữu ích, là cái cho phép bảo vệ bản sắc và sự độc lập của các dân tộc và ở một chừng mực nào đó, nó còn kích thích phát triển toàn diện những năng lực bản chất của con người. Nhưng, I. Kant coi chiến tranh là một phương tiện bất đắc dĩ mà người ta buộc phải tiến hành để khẳng định các quyền của mình bằng sức mạnh và để hy vọng, rốt cuộc thì “nền hòa bình vĩnh cửu của các quốc gia cũng phải được thiết lập”. “Hòa bình” được ông hiểu là sự kết thúc mọi sự thù địch, mọi hành động chiến tranh. Vì, nếu chiến tranh cứ diễn ra thường xuyên thì sẽ không có điều kiện để phát triển kinh tế. Đồng thời, việc phải thường xuyên chuẩn bị chiến tranh sẽ dẫn đến việc đánh mất một cách vô bổ những năng lực con người và đến lượt mình, điều đó sẽ kìm hãm việc phát triển các giá trị mang bản chất người. “Một cộng đồng hẹp hay rộng lớn trên trái đất này đều có

quyền phát triển cho đến khi sự vi phạm về quyền tại một nơi nào đó trở thành hiện tượng phổ biến ở khắp nơi” [5, tr.46].

Tư tưởng khoan dung được Kant cố gắng hiện thực hóa trong các mối quan hệ, nhất là nhằm loại bỏ sự nghi ngờ lẫn nhau giữa các quốc gia, thiết lập quan hệ quốc tế và đề xuất những nguyên tắc phân xử xung đột. Để có được nền hòa bình vĩnh cửu, I. Kant kêu gọi loại bỏ quân đội thường trực, vì nếu nó được duy trì với số lượng không phù hợp sẽ là mối đe dọa đối với các quốc gia khác, khiến cho việc “chạy đua vũ trang” giữa các quốc gia trở thành khó tránh khỏi. Chiến tranh có thể nổ ra khi sức mạnh của quốc gia đó được thể hiện trong năng lực kinh tế. Trong xã hội hiện đại, vấn đề này đã được thể hiện một cách rõ ràng, dễ thấy và I. Kant chính là người nhận ra điều này ngay từ những ngày đầu phát triển của xã hội tư bản. Nếu chiến tranh cứ diễn ra thường xuyên thì, theo ông, sẽ không có điều kiện phát triển kinh tế. Do vậy, chiến tranh là cái luôn xung khắc với thương mại. Việc phải thường xuyên chuẩn bị chiến tranh sẽ dẫn đến việc đánh mất một cách vô bổ những năng lực con người và đến lượt mình, điều đó sẽ kìm hãm việc phát triển các giá trị mang bản chất người. Như vậy, bên cạnh những yếu tố duy tâm, không tưởng, khó tránh khỏi đạo đức học và quan điểm chính trị của Kant chứa đựng một số điểm tích cực, nhân văn.

Thứ hai, Kant đề cao nhân cách đạo đức với học thức và giáo dục của J.J. Rutxo, Kant cho rằng, các nguyên lý đạo đức là độc lập với mọi lĩnh vực hoạt động khác của con người. Nếu trong triết học lý thuyết, cảm giác là nguồn gốc duy nhất của tri thức, của giác tính với các phạm trù và quy luật của hiện tượng luận, thì ở đây, lý tính là nguồn gốc duy nhất sinh ra các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức. Trong lĩnh vực này, “các nguyên lý cảm tính nói chung không thích hợp để có thể từ đó người ta xây dựng nên các quy luật đạo đức” [3, tr.285]. Nguyên lý cơ bản của nhà sáng lập ra triết học cổ điển Đức là làm theo yêu cầu của lý trí, cái mà Kant gọi là “mệnh lệnh tuyệt đối”. Mệnh lệnh tuyệt đối đòi hỏi người ta phải hành động như thế nào đó để những hành vi của mình phù hợp với một pháp chế - phổ biến: “Mỗi người hãy hành động tới mức tối đa sao cho điều đó được đưa vào cơ sở pháp chế phổ biến”.

Thứ ba, Kant đề cao quyền con người. Theo Kant, chỉ có hành động của con người phù hợp với mệnh lệnh tuyệt đối nói trên mới được coi là hành động có đạo

đức. Cụ thể, một mệnh lệnh tuyệt đối đòi hỏi hoạt động của con người phải tuân theo các quy tắc sau: *Một là*, mỗi người đều có quyền và cần hành động theo điều kiện và ý muốn sao cho ai cũng làm được như thế; *Hai là*, mỗi người đều có quyền và cần cho phép người khác cũng có được quyền như thế, đồng thời tạo điều kiện để họ thực hiện được quyền đó; *Ba là*, mỗi người đều có quyền và cần phải ngăn chặn những người khác hành động trái với mệnh lệnh tuyệt đối trong khả năng có thể làm được. Quan điểm về đạo đức học và quan điểm chính trị của Kant: Kant đi tìm lời đáp cho câu hỏi “Tôi cần phải làm gì?” được Kant trình bày trong “Phê phán lý trí thực tiễn”. Điều đầu tiên là làm sáng tỏ sự khác nhau giữa lý luận thuần túy (lý luận) và tri thức thực tiễn. Nếu lý trí thuần túy định nghĩa đối tượng tư duy, thì lý trí thực tiễn đòi hỏi thực hiện, tức thiết lập đối tượng đạo đức và khái niệm của nó. Kant không hiểu “thực tiễn” như hoạt động sản xuất hay cải tạo xã hội, mà chỉ đơn thuần là hành vi xử thế, môi trường đạo đức.

Thứ tư, Kant tôn trọng tự do của con người. Theo Kant, tri thức có giá trị chỉ khi nào hướng đến con người, thiết lập những chuẩn mực giúp con người trở thành con người theo đúng nghĩa của từ đó. Do vậy, lý trí thực tiễn cao hơn lý trí thuần túy (lý luận). Khác với lý trí thuần túy đề cập đến cái đang có năng lực nhận thức của con người, lý trí thực tiễn đề cập đến cái cần phải có: con người tạo ra quy luật của mình bằng những nỗ lực của ý chí. Quy luật đạo đức được Kant cô đọng lại dưới hình thức mệnh lệnh tuyệt đối, mang ý nghĩa của những đòi hỏi phổ biến và cưỡng chế. Các quy luật đạo đức có tính hình thức, xét như khuôn mẫu, thước đo tuyệt đối mọi hành vi, không dựa vào kinh nghiệm mà có tính chất tiên nghiệm, dựa vào lý trí thực tiễn, tức lý trí thể hiện trong hoạt động. Khi quyết định một việc gì? con người dùng lý trí rà soát xem việc làm ấy có hợp lý hay không, có hợp với quy luật đạo đức hay không. Vậy quy luật đạo đức xuất phát từ đâu? Câu trả lời của Kant tỏ ra dứt khoát: Có những quy luật đạo đức được xuất phát từ tận nơi sâu thẳm của linh hồn, mà người bình thường nào cũng có thể tuân theo như một mệnh lệnh, bởi lẽ cái tăng sâu ấy hình thành nơi con người như một tất yếu, để phân biệt với những loài khác. Aristote đã định nghĩa con người là một “sinh vật xã hội”, vượt lên trên thế giới loài vật là vì lẽ đó. Trong số các quy luật đạo đức, có thể chú ý đến hai hành động sau : 1) Hãy hành động sao cho cái bạn tuân thủ cũng trở thành quy tắc chung; 2) Hãy hành

động sao cho bạn luôn đối xử với nhân loại, dù nhân danh cá nhân hay danh bất kỳ người nào khác, như mục đích chứ không như phương tiện.

Theo Kant, con người là chủ thể sáng tạo, do đó cũng là một chủ thể tự do. Tuy nhiên không ai có quyền sử dụng tự do của mình để tự thủ tiêu tự do của những người khác. Nguyên tắc “*tự do*” và “*tự chủ ý chí*” là cơ sở đi tới những bậc thang tiếp theo của đời sống đạo đức: *Thứ nhất*, không có đạo đức không có tự do, vì bản phận làm người tôi buộc phải hành động như thế, chứ không khác đi. Trong trường hợp có ý chí quyền lựa chọn cái phải làm; tôi tự do xét như một sinh vật biết tự mình suy nghĩ và hành động; *Thứ hai*, không có tự do không có đạo đức. Tự do là quyết định điều phải làm. Tự do nghĩa là khi phải quyết định con người chỉ phải tuân thủ lý trí, quy luật đạo đức. Chính quy luật đạo đức là sự đảm bảo tự do cho tất cả trong sự quân bình và ngăn chặn mọi sự vi phạm quyền thiêng liêng đó của con người [1, tr.162].

Từ hai khía cạnh này Kant đi đến nhận định rằng: “Ngoài ý chí tự do, con người còn ý thức về nghĩa vụ, thiện chí”. Những phạm trù này được Kant xem như tính chế ước xã hội đối với cá nhân. Kant đề cao nghĩa vụ, còn tự do dường như được ông đưa về thế giới tự nhiên, như một khác vọng vươn tới mục đích, nhưng không thể đạt được nó.

3. Kết luận

Ngày nay, quá trình toàn cầu hóa đã tác động trên phạm vi toàn thế giới, đặt các nước trong mối quan hệ với nhau. Trong tình hình đó, con người càng cần đến khoan dung. Khoan dung đang trở thành một phẩm chất không thể thiếu của con người văn minh để cùng chung sống trong một thế giới cộng sinh, “cộng sinh giữa cái riêng với cái chung, cái đơn nhất với cái đa dạng, cái nội sinh với cái ngoại lai, trên cơ sở triết lý nhân văn rất sâu sắc ở mọi nền văn hóa lớn nhỏ trên trái đất này. Từ ý nghĩa của khoan dung và tầm quan trọng cấp bách của việc phổ cập và nâng cao tinh thần khoan dung, tạo ra sự đồng thuận trong một thế giới đầy biến động như hiện nay, chúng ta càng thấy rõ giá trị của tư tưởng khoan dung trong triết học I. Kant.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đinh Ngọc Thạch (2004), *Giáo trình Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Lý luận chính trị.
- [2]. Bùi Văn Nam Sơn (2004), *I. Kant Phê phán lý tính thuần túy*, Nxb văn học
- [3]. Trần Thái Đình (2005), *Triết học Kant*, Nxb Văn hóa thông tin
- [4]. Bùi Văn Nam Sơn (2007), *I. Kant Phê phán lý tính thực hành*, Nxb tri thức
- [5]. Nguyễn Thị Phương Mai (2012), *Tư tưởng khoan dung và ý nghĩa hiện thời của nó*, *Luận án Tiến sĩ triết học*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN CHO TRẺ EM TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG THÁP

SV.Võ Thị Mỹ Duyên - SV.Lê Thị Nhân

Lớp: ĐHCCTXH15A

GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo

Tóm tắt: Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết hệ thống để mô tả về hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em trong Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp với phương pháp quan sát có tham dự tại Trung tâm bảo trợ xã hội. Thông qua việc mô tả hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ, giúp cho người dân có cái nhìn rõ hơn về tầm quan trọng của trung tâm bảo trợ xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ (những mảnh đời không được sống trong mái ấm gia đình, không đón nhận được sự yêu thương chăm sóc từ cha mẹ và thân nhân khác).

Từ khóa: Sức khỏe tâm thần, Trẻ em bị bỏ rơi, Trung tâm bảo trợ xã hội.

1. Giới thiệu

Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp. Trung tâm chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các Vụ, Cục có liên quan thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tại trung tâm công tác tổ chức thực hiện việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng; phục hồi chức năng, lao động sản xuất; dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp, tái hòa nhập cộng đồng và tổ chức các hoạt động khác cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh được nuôi dưỡng tại Trung tâm theo quy định của pháp luật.

Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa là một trong các đối tượng được chăm sóc, giáo dục và bảo vệ tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp. Trong số những trẻ được Trung tâm tiếp nhận vào thì có một bộ phận trẻ em may mắn được các cặp vợ chồng hiếm muộn con xin về làm con nuôi, có nhiều em sinh sống tại trung tâm cho đến khi trưởng thành, học nghề, học cao đẳng, đại học trở lại hòa nhập với xã hội, kết hôn và thành đạt; tuy nhiên cũng có những em

không may mắn do bệnh, khuyết tật qua đời tại trung tâm mãi mãi không biết đến cha mẹ, thân nhân của các em là ai.

Trẻ em có quyền được sống, được chăm sóc, giáo dục và bảo vệ, được học tập, vui chơi, giải trí, được yêu thương được chia sẻ những buồn vui, được nâng đỡ khi vấp ngã trong vòng tay của cha mẹ, gia đình. Nhưng trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi không nơi nương tựa mất đi cơ hội được hưởng quyền đó từ chính gia đình mình. Trẻ sinh sống và lớn lên tại các Trung tâm bảo trợ xã hội có trạng thái sức khỏe tâm thần như thế nào khi trẻ ở tuổi nhi đồng, thiếu niên, trưởng thành. Hiện ở Việt Nam chưa có công trình khoa học nghiên cứu về điều này.

Sức khỏe tâm thần là khả năng của bộ máy tâm lý hoạt động một cách hoàn toàn hợp lý, có hiệu quả và đương đầu một cách mềm dẻo trước những tình huống khó khăn mà vẫn có thể tìm lại được sự cân bằng cho mình.

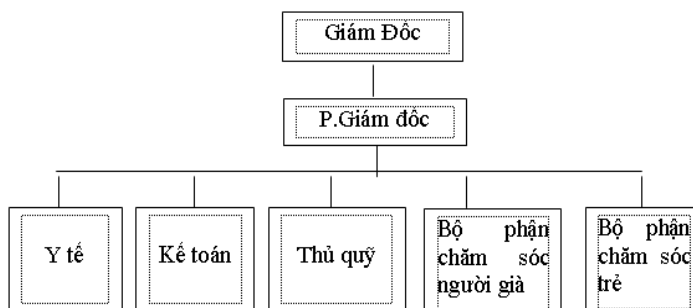
Sức khỏe tâm thần của trẻ em hiện đang sống trong Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp như thế nào, các yếu tố thuận lợi tác động đến tình trạng sức khỏe tâm thần của trẻ, các hoạt động hỗ trợ sức khỏe tâm thần của trẻ đang sống trong Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp được thực hiện ra sao sẽ được mô tả trong phần kết quả nghiên cứu như sau:

2. Tổng quan về Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp.

Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp được thành lập từ năm 1998, tại thời điểm thành lập Trung tâm được xây dựng và hoạt động tại xã Tân Qui Đông, thị xã Sa Đéc. Đến năm 2009 Trung tâm được xây dựng lại tại ấp Mỹ Đông 2, xã Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2014, Trung tâm được phép cho sáp nhập Nhà Tình thương Sa Đéc vào Trung tâm Bảo trợ xã hội để quản lí.

Về cơ cấu tổ chức Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp được thiết lập như sau:



Trung tâm hiện được giao 22 biên chế. Trong đó:

Ban giám đốc: 03 (01 Giám đốc và 02 phó Giám đốc)

Bộ phận y tế: 02

Phòng hành chính: 4

Bộ phận chăm sóc trẻ em: 9

Bộ phận chăm sóc người già: 4

Về cơ bản trung tâm có hai cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi. Một là ở địa chỉ đã nêu trên và cơ sở thứ hai là Nhà tình thương Sa Đéc cũ, ở số 757B, đường Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Cho đến thời điểm nghiên cứu (tháng 2 năm 2017), tổng số trẻ đang được trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng là 37 em. Trong đó, 16 em sinh sống tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp và 21 em ở tại Nhà tình thương. Theo độ tuổi, hiện tại trẻ em đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm có đặc điểm độ tuổi và đang tham gia các bậc học tập như sau:

Mẫu giáo: 3 em

Tiểu học: 10 em

Trung học cơ sở: 7 em

Trung học phổ thông: 3 em

Đại học: 1 em

Cao đẳng ngh: 3 em

Có 7 trẻ dưới 12 tháng tuổi và 3 trẻ có bệnh về não không tham gia học tập được.

Các chương trình và chế độ chăm sóc trẻ tại trung tâm Bảo trợ xã hội được xây dựng và tổ chức thực hiện theo qui định pháp luật Việt Nam- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Nghị định 67/2007/NĐ-CP chính sách trợ giúp xã hội bảo trợ xã hội; Nghị định 13/2010/NĐ-CP chính sách trợ giúp xã hội bảo trợ xã hội; Nghị định 136/2013/NĐ-CP chính sách trợ giúp xã hội bảo trợ xã hội.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Công tác chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em

Bữa ăn của trẻ được thiết lập theo đúng chuẩn qui định cho độ tuổi trẻ.

Tất cả các trẻ đều được đảm bảo ba bữa ăn chính: sáng, trưa, tối. Cụ thể như sau:

- Trẻ dưới 4 tuổi, trẻ được dùng thêm bữa ăn phụ, dùng sữa, trong đó nhóm trẻ sơ sinh chủ yếu dùng sữa và bột, cháo.
- Trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi không còn được dùng thêm sữa và bữa ăn phụ.
- Các trẻ bị bệnh, bị nhiễm HIV, trẻ khuyết tật có chế độ dinh dưỡng riêng.

Trung tâm còn gặp nhiều khó khăn trong việc thiết kế các bữa ăn và nâng cao chất lượng dinh dưỡng cho trẻ vì nguồn tài chính dùng để mua thực phẩm cho trẻ còn quá thấp so với việc giá cả hàng hóa lại khá cao, cụ thể:

- Tiền ăn cho trẻ dưới 4 tuổi là 45.000đ/ngày.
- Tiền ăn cho trẻ từ 4-16 tuổi là 36.000đ/ngày.
- Tiền ăn cho trẻ từ 16-18 tuổi là 27.000đ/ngày.
- Càng khó khăn hơn khi trẻ bị ốm, cần phải có chế độ chăm sóc dinh dưỡng cao hơn nữa.

Nguồn hỗ trợ từ các cá nhân và tổ chức xã hội khác không thường xuyên, không đủ bù đắp cho những khoản thiếu hụt chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.

3.2. Cơ sở vật chất

Ngoài chế độ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ, Trung tâm bảo trợ xã hội có khu vực nhà ở, nhà ăn, nhà vệ sinh được xây dựng, bảo trì luôn đảm bảo cho trẻ được sống trong khu vực an toàn, sạch sẽ. Cụ thể như sau:

Tại cơ sở 1- Trung tâm Bảo trợ xã hội ở ấp Mỹ Đông 2, xã Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp. Với diện tích khoảng 6000m² Trung tâm được thiết kế thành 4 khu tách biệt: Khu hành chính, khu chăm sóc nuôi dưỡng người bệnh tâm thần; khu chăm sóc nuôi dưỡng người già; khu chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em. Khu chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được xây dựng kiên cố, sạch sẽ, có buồng vệ sinh và bếp ăn cho trẻ trong khu vực chăm sóc nuôi dạy trẻ. Xung quanh khuôn viên chăm

sóc nuôi dạy trẻ được trồng cây xanh khá nhiều, có khoảng sân rộng và đặt các vật dụng vui chơi cho trẻ.

Tại cơ sở 2 - Nhà tình thương Sa Đéc, 757B, đường Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Với diện tích là gần 3000m² Nhà tình thương được thiết kế khang trang, ngăn nắp. Khu vực hành chính có 2 phòng làm việc cho Cán bộ-nhân viên; 1 hội trường nhỏ dành cho việc họp với khách, họp cán bộ- nhân viên và tổ chức sinh hoạt với trẻ em trong các dịp lễ; Khu vực phòng ở dành cho trẻ em chỉ để dành cho trẻ nghỉ ngơi, học tập; Khu vực nhà vệ sinh, khu vực nhà bếp được thiết kế bên ngoài phòng ở của trẻ và được vệ sinh khá sạch sẽ. Trẻ có khoảng sân khá rộng để có thể vui chơi, chạy nhảy trong những giờ nghỉ ngơi. Công việc vệ sinh, dọn dẹp hằng ngày phải đảm bảo sạch sẽ, tạo cảnh quan môi trường thông thoáng, sạch đẹp, nơi ăn, nghỉ gọn gàng, ngăn nắp. Đảm bảo cung cấp đầy đủ nước uống sạch và đảm bảo vệ sinh tắm, giặt hằng ngày cho đối tượng; cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân; đồ dùng phục vụ ngủ, nghỉ cho đối tượng.

3.3. Công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ

Nhân viên y tế thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ tại trung tâm; giám sát việc thực hiện điều trị cho trẻ, vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ tại trung tâm; liên hệ các tổ chức Bảo hiểm xã hội, bệnh viện khi đưa trẻ đi điều trị bệnh.

Trẻ sống tại hai cơ sở của Trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc diện đối tượng chính sách. Trẻ được cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo qui định, khi trẻ bệnh được đưa đến các cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước và được Bảo hiểm y tế chi trả viện phí theo qui định.

Cán bộ - nhân viên thuộc bộ phận chăm sóc trẻ em có sự phân chia nhiệm vụ chính thức trong việc thay phiên chăm sóc trẻ bị bệnh điều trị ngoại trú (không nhập viện) và điều trị nội trú (có nhập viện).

3.4. Công tác giáo dục cho trẻ

Trẻ ở độ tuổi mẫu giáo, được nhân viên bộ phận giáo dục cho trẻ tại trung tâm. Trẻ đến tuổi vào học các cấp: tiểu học, trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT), Cao đẳng (CD), Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), Đại học (ĐH) được cho đến học ở các trường công lập của Nhà nước.

Học phí được miễn giảm theo qui định chính sách đối tượng Bảo trợ xã hội.

Việc đưa đón trẻ đi học ở độ tuổi tiểu học được phân công cho nhân viên bộ phận chăm sóc trẻ; Trẻ học ở các bậc từ THCS trở lên trẻ được hỗ trợ phương tiện để đến trường (xe đạp).

Ngoài các giờ học chính khóa, ngoại khóa ở trường, trẻ về sinh hoạt tại Trung tâm, nhân viên bộ phận chăm sóc trẻ giúp đỡ trẻ ôn tập, chuẩn bị bài tập. Chỉ dạy các cháu trong lời ăn, tiếng nói cách cư xử với người lớn tuổi hơn, cán bộ nhân viên và các trẻ khác trong Trung tâm, các bạn bè của trẻ ở trường. Liên hệ thường xuyên với lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm của trẻ ở trường để nắm bắt tình hình học tập của trẻ.

Dụng cụ học tập, trang phục đi học của trẻ được Trung tâm mua sắm cho trẻ theo qui định chính sách bảo trợ xã hội.

Trẻ được cán bộ nhân viên Trung tâm dạy thêm về những hoạt động sinh hoạt thường nhật như nấu ăn, may vá, dọn dẹp vệ sinh nơi ở, chăm sóc các em nhỏ, trồng cây, dọn cỏ, quét nhà, quét sân...

3.5. Công tác tổ chức hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ

Trong các dịp lễ như ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày rằm Trung thu 15/8 âm lịch, trẻ được Trung tâm cùng một số tổ chức chính trị - xã hội ở trong và ngoài địa phương đến tổ chức sinh hoạt vui chơi và tặng quà cho trẻ.

Trẻ rất ít khi được đi tham quan du lịch, đến các công viên vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động xã hội khác ngoài Trung tâm.

4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Các yếu tố giúp cho trẻ em có được sức khỏe tâm thần tốt bao gồm: Sự khỏe mạnh về thể chất (không mắc phải các bệnh lý, chấn thương cơ thể); môi trường sống thuận lợi bao gồm không gian sống an toàn, sạch sẽ tiện nghi và các được quan tâm, động viên, khích lệ, giảng giải, bảo vệ...từ gia đình, hàng xóm, bạn bè tốt đẹp; được giáo dục, được tập thể dục thể thao điều độ, được chăm sóc dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển cơ thể, tốt cho não, được tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, ngủ nghỉ đúng giờ, ...

Sức khỏe tâm thần là khả năng của bộ máy tâm lý hoạt động một cách hoàn toàn hợp lý, có hiệu quả và đương đầu một cách mềm dẻo trước những tình huống khó khăn mà vẫn có thể tìm lại được sự cân bằng cho mình.

Thông qua quá trình nghiên cứu, sức khỏe tâm thần là vấn đề chưa được nhận định đầy đủ từ Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp.

Cán bộ - nhân viên Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp quan niệm trẻ có vấn đề sức khỏe tâm thần là những trẻ mắc phải chứng bệnh não úng thủy, hội chứng đao, chậm phát triển trí tuệ.

Công tác chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ tại Trung tâm bảo trợ xã hội chỉ mới đạt được ở việc đáp ứng nhu cầu sống còn cho trẻ vì nguồn tài chính hạn hẹp, nguồn hỗ trợ từ cá nhân và các tổ chức xã hội khác không nhiều trong việc đáp ứng nhu cầu cần thiết cho trẻ.

Trong công tác giáo dục, trẻ đến trường và tự học là chính, không có điều kiện tham gia học thêm môn học và các kỹ năng khác; những trẻ năng lực học tập tốt không gặp khó khăn về tâm lý, còn những trẻ học không tốt, trẻ không dám bày tỏ với các cô, mặt khác, các cô bộ phận chăm sóc trẻ trình độ học vấn thấp. Chủ yếu tập trung chăm sóc nuôi dưỡng, chỉ có thể nhắc nhở trẻ học bài chứ không thể hướng dẫn, giảng giải cho trẻ kiến thức các môn học của trẻ trên lớp, do đó trẻ có tâm lý sợ, mặc kệ khi đến lớp. Điều này không tốt cho nhân cách, kỹ năng của trẻ.

Tham gia vào môi trường học tập, trẻ chứng kiến những trẻ em khác được cha mẹ đưa đón, chăm sóc yêu thương, trẻ nghe các bạn kể về ba mẹ, về gia đình của bạn trong niềm vui, nghe bạn nói mẹ ba mẹ khi bị bắt nạt ...tác động rất lớn đến tâm lý của trẻ trong Trung tâm bảo trợ: trẻ có thể buồn phiền, tức giận, oán hận...với người đã sinh ra nhưng bỏ rơi trẻ. Những điều này trẻ thường giữ gìn trong suy nghĩ ít khi tỏ bày ra với người khác. Nhưng ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe tâm thần của trẻ lâu dài.

Khi phải nằm viện, trẻ tiếp xúc với những bệnh nhân khác, thấy họ có thân nhân ruột thịt, chăm sóc, động viên, yêu thương...trẻ cảm thấy tủi thân và buồn phiền nhiều hơn.

Khi trẻ đến tuổi dậy thì, khủng hoảng tuổi dậy thì, kể cả trẻ gặp phải những khó khăn trong tâm lý khi thay đổi cơ thể, bắt đầu biết yêu... đôi khi có thể gây ra xung đột giữa cán bộ nhân viên chăm sóc trẻ, xung đột này không được giải quyết, trẻ có thể trở nên lầm lì, bất cần, gây chú ý bằng hành vi không đúng...

Khi trẻ rời khỏi Trung tâm và đến gia đình nhận trẻ làm con nuôi, giai đoạn đầu trẻ có thể có nỗi sợ hãi, sợ bị bỏ rơi.

Khi trẻ rời khỏi Trung tâm đi học xa- trung cấp nghề, cao đẳng, đại học trẻ gặp khó khăn nhiều về việc tự lo về tài chính thêm cho việc học (vì lúc này trẻ chỉ được hỗ trợ ăn 810.000đ/tháng), điều này làm trẻ vô cùng lo lắng. Trẻ xuất hiện thêm mặc cảm tự ti, buồn phiền với bạn bè vì trang phục, phương tiện học tập thiếu thốn...

Khi đến tuổi trưởng thành với việc tìm hiểu bạn đời, kết hôn - người có tuổi thơ được nuôi dưỡng trong Trung tâm bảo trợ xã hội dễ gặp khó khăn làm cho trẻ đau khổ, buồn phiền, lo lắng, thu rút bản thân... vì có thể gia đình người bạn đời từ chối do định kiến với xuất thân, vì trẻ không có điều kiện vật chất tổ chức lễ cưới hỏi, nhà ở...

5. Kết luận và khuyến nghị

Để có thể giúp trẻ có sức khỏe tâm thần tốt cần phải thực hiện đồng bộ các hoạt động sau đây:

Trung tâm bảo trợ xã hội

Xây dựng, hoàn thiện website Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp, thông qua đó cộng đồng, cá nhân, tổ chức xã hội biết đến sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận động nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng cho trẻ em đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm. Nguồn lực hỗ trợ bao gồm tài chính, vật chất, tập huấn kỹ thuật chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho trẻ em.

Bộ phận chăm sóc trẻ em, cần phải có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách có chuyên môn trong việc thường xuyên nắm bắt tâm trạng, những khó khăn về tâm lý-xã hội của trẻ, giúp trẻ được bày tỏ những buồn phiền, lo lắng, sợ hãi, bức tức... tư vấn, hướng dẫn, giải thích cho trẻ để trẻ vượt qua những khó khăn về tâm lý-xã hội.

Hoàn thiện chương trình chăm sóc toàn diện cho trẻ.

Trang bị thêm các thiết bị vui chơi, tập luyện thể thao, phòng đọc sách cho trẻ em trong khuôn viên sinh sống của trẻ em tại trung tâm.

Phối kết hợp với Trung tâm công tác xã hội hoặc bác sĩ chuyên khoa tâm thần để tổ chức lớp tập huấn sức khỏe tâm thần của trẻ cho cán bộ - nhân viên trong Trung tâm để nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của mình trong việc chăm sóc toàn diện cho trẻ.

Trường học

Phân công cho giáo viên chủ nhiệm hết sức quan tâm đến việc học, tình cảm, tâm tư và giúp đỡ trẻ em được nuôi dưỡng trong Trung tâm Bảo trợ xã hội trong việc học tập, hòa nhập với các học sinh khác trong lớp.

Phân công cho Trợ lý Thanh niên, Tổng phụ trách đội quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em trong Trung tâm Bảo trợ xã hội được tham gia vào Đội thiếu niên tiên phong, Đoàn TNCSHCM, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các em tham gia vào các phong trào thi đua học tập, thể thao, văn nghệ, tham quan, dạy cho trẻ các kỹ năng mềm, giúp trẻ chấp nhận hoàn cảnh của bản thân bằng việc chỉ ra hoàn cảnh khó khăn của những trẻ khác gặp phải. Lập nhóm học sinh, sinh viên hỗ trợ học tập, tâm lý - xã hội thường xuyên cho trẻ.

Nhân viên công tác xã hội trường học (nếu có): tìm hiểu những vấn đề khó khăn tâm lý-xã hội của trẻ, tư vấn cho trẻ để trẻ có thể giải quyết các vấn đề khó khăn của trẻ.

Đoàn thể chính trị-xã hội địa phương

Hội liên hiệp phụ nữ xã Mỹ Thọ: vận động hội viên xây dựng chương trình phụ nữ nhận con đỡ đầu là trẻ trong Trung tâm Bảo trợ xã hội, hỗ trợ tài chính cho trẻ, thường xuyên đến thăm, quan tâm trẻ, cho phép trẻ về nhà mình chơi trong ngày cuối tuần... để trẻ có thể cảm nhận thêm tình cảm gia đình, có niềm tựa tinh thần.

Đoàn thanh niên phân công cho các chi đoàn hằng tuần đến thăm, tổ chức sinh hoạt thể thao, văn nghệ, đưa trẻ đi chơi, tạo điều kiện cho trẻ tham gia vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội trên địa bàn..

Tài liệu tham khảo

- [1]. Cục Bảo trợ xã hội (2014), *Bài giảng Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần.*
- [2]. Lâm Xuân Điền (2011), *Giáo trình sức khỏe tâm thần.*
- [3]. Sở LĐTB&XH, *Báo cáo chuyên đề Tình hình thực hiện công tác Bảo trợ xã hội năm 2016 Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2017.*
- [4]. Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2016 và phương hướng năm 2017*
- [5]. Nghị định 136/2013/NĐ-CP chính sách trợ giúp xã hội bảo trợ xã hội
- [6]. Đặng Thị Thanh Thủy (2011), *Bài giảng tóm tắt công tác xã hội trẻ em.*

KHÁI QUÁT CÔNG TÁC CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRẺ EM Ở XÃ TÂN QUY TÂY, THÀNH PHỐ SA ĐÉC

SV. Nguyễn Sơn Giang

Lớp: ĐHCTXH15

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng

Tóm tắt: *Bài báo tìm hiểu khái quát về công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em ở xã Tân Quy Tây – Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Bài báo nêu lên những thành tựu, cũng như những khó khăn trong quá trình thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trong thời gian qua, trong đó tập trung các khía cạnh như công tác chăm sóc sức khỏe, công tác giáo dục trẻ em, công tác bảo vệ trẻ em, trách nhiệm trong việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Qua đó đưa ra một số giải pháp để thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.*

Từ khóa: *Trẻ em, xã Tân Quy Tây, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ.*

1. Mở đầu

Được thành lập vào ngày 10 tháng 9 năm 1981 theo quyết định số 62/QĐ_HĐBT, Xã Tân Quy Tây là một xã vùng ven thuộc Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Với hơn 4000 nhân khẩu đang sinh sống, trong đó có 1065 trẻ em (năm 2016). Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và chăn nuôi, hiện đang phát triển thêm nghề trồng hoa kiểng. Cùng với sự lãnh chỉ đạo và quan tâm sâu sắc của chính quyền địa phương, sự đồng lòng của các ban ngành đoàn thể và nhân dân, năm 2015 xã Tân Quy Tây đã hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Theo quyết định số 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) và được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đây là động lực to lớn thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương phát triển, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

Theo đó, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc cũng là một trong những xã, phường của thành phố quan tâm và thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trong thời gian qua, là một trong những xã, phường trên địa bàn đi tiên phong trong việc đăng ký thực hiện chỉ thị số 34/2014/QĐ-TTg về thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Qua 03 năm thực hiện (giai đoạn 2014 – 2016) xã Tân Quy Tây đều đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em và luôn

dẫn đầu trong 09 xã, phường của Thành phố. Qua đó, cho thấy xã Tân Quy Tây đã có nhiều cố gắng trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trong thời gian qua.

2. Nội dung chính

2.1. Những thành tựu đạt được trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em ở xã Tân Quy Tây

2.1.1. Công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em

Trong những năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp thiết thực, đồng bộ. Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các ban ngành liên quan, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Đầu tư ngân sách xây mới Trạm y tế xã đạt tiêu chuẩn, trang thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, qua đó kịp thời phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em với những kết quả như sau: “Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng trong năm 2016 đạt từ 98% trở lên; trẻ em dưới 6 tuổi được cung cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) qua các năm giảm, năm 2016 đạt tỷ lệ dưới 10%; tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe tổng quát ít nhất 01 (một) lần trong năm đạt tỷ lệ 80% trở lên (năm 2016); 100% trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi được cha mẹ đưa đến trạm y tế xã uống Vitamin A, 100% trẻ em từ 6 – 13 tuổi được tham gia bảo hiểm y tế, với các em thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo cũng được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước; trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lang thang kiếm sống, làm việc xa gia đình tỷ lệ dưới 1%; trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến thương tật hay tử vong qua các năm đều giảm, năm 2016 không có trường hợp nào xảy ra.”[1]

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương thường xuyên cử cán bộ xuống tận nhà để thăm hỏi và tuyên truyền phòng chống bệnh sốt xuất huyết, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, thực hiện tuyên truyền trên loa phát thanh của xã,... đạt được nhiều kết quả tốt: từ năm 2014 đến nay tỷ lệ trẻ em bị bệnh sốt xuất huyết giảm dần, năm 2016 dưới 10%, suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm và dần mang tính vững chắc,...Xã Tân Quy Tây có 03 ấp và mỗi ấp đều có cộng tác

viên phụ trách về trẻ em, nhằm kịp thời hỗ trợ trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền thường xuyên cho phụ huynh trẻ em về quyền trẻ em, luôn nắm bắt tình hình kịp thời tránh việc trẻ em bị lạm dụng lao động nặng nhọc, bị bạo lực ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển của trẻ. Nhờ vậy, cho đến nay trên địa bàn toàn xã không có trường hợp trẻ em lao động sớm, nặng nhọc hay bị bạo lực,... Với kết quả trên, cho thấy được thời gian qua công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tại xã Tân Quy Tây có những chuyển biến tích cực, với sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của chính quyền địa phương và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả của các cấp ban ngành đoàn thể có liên quan, đặc biệt là nâng cao ý thức của các bậc phụ huynh trong việc quan tâm chăm sóc sức khỏe và sự phát triển thể lực của con em mình.

2.1.2. Về công tác giáo dục cho trẻ em

Hoạt động giáo dục cho trẻ em cũng được cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm. Hệ thống trường lớp được đầu tư, với một trường mầm non và một trường tiểu học trên địa bàn xã, hướng tới sẽ đầu tư xây dựng thêm một trường trung học cơ sở để đáp ứng nhu cầu học tập của các em. Trường, lớp được trang bị cơ sở vật chất khang trang và hiện đại, đăng ký thực hiện xây dựng và đánh giá đạt chuẩn “*Trường học an toàn, thân thiện với trẻ em*” của Bộ giáo dục và Đào tạo, phục vụ tốt nhu cầu dạy và học, từ đó quy mô và chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Năm 2016 tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non đạt từ 90% trở lên, phần đầu năm 2017 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em vào lớp 1 đúng độ tuổi quy định đạt tỷ lệ 99,7% năm 2016; trẻ em tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương chiếm từ 99% trở lên; tỷ lệ trẻ em bỏ học giữa chừng giảm qua các năm, năm 2016 chỉ còn dưới 5%. Với kết quả này xã Tân Quy Tây nằm trong top đầu của 09 xã, phường trên địa bàn Thành phố Sa Đéc về tỷ lệ trẻ em bỏ học giữa chừng ít, và đạt chỉ tiêu phần đầu của tỉnh Đồng Tháp đề ra; 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và khó khăn đều được hỗ trợ kịp thời để tiếp tục được đến trường, với nhiều hình thức.” [1]

Chính quyền địa phương luôn lồng ghép công tác giáo dục trẻ em vào các cuộc vận động như: “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, các phong trào “*Người lớn gương mẫu – Trẻ em chăm ngoan*”, “*Ông bà cha mẹ mẫu mực – Con cháu hiếu thảo*” hay phong trào “*Nuôi con khỏe, dạy con ngoan – Xây dựng*

gia đình hạnh phúc”, thành lập Câu lạc bộ “*Trẻ em*”, câu lạc bộ “*Ông bà cháu*” duy trì sinh hoạt định kỳ hàng tháng,...thông qua đó đã dần nâng cao vai trò, ý thức, trách nhiệm của cộng đồng, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống và tri thức cho trẻ em.

Song song đó công tác xã hội hóa giáo dục cũng được quan tâm thực hiện bằng các công việc cụ thể: vận động các tổ chức chính trị - xã hội, các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm quyên góp, ủng hộ xây dựng quỹ học bổng khuyến học cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khó khăn, trẻ em thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn. “Từ năm 2014 đến nay tổng kinh phí vận động hỗ trợ cho quỹ khuyến học dành cho trẻ em của xã đạt số tiền hàng trăm triệu đồng, trên 2000 quyển tập, 120 chiếc xe đạp, 500 thẻ bảo hiểm y tế và 300 nón bảo hiểm. Hỗ trợ kịp thời cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khó khăn, trẻ em thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn có điều kiện tiếp tục học tập.” [2] Thành lập mô hình “*Tủ sách trẻ em – Cùng em học tập*” tại ủy ban nhân dân xã với nhiều nguồn sách khác nhau giúp các em có điều kiện tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ mục đích học tập. Tủ sách cũng là nơi giúp các em có hoàn cảnh khó khăn không thể mua nhiều sách giáo khoa để học tập đến để tìm kiếm tài liệu học tập, mở rộng thêm kiến thức, hiểu biết của mình. Qua đó, tỷ lệ trẻ em từ 6 – 13 tuổi trên địa bàn xã Tân Quy Tây đảm bảo đều biết chữ, tỷ lệ trẻ tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở ngày càng cao.

Có thể thấy rằng đạt được những kết quả đó là sự nỗ lực của cả một hệ thống, sự quan tâm sâu sắc của chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể, sự đồng lòng thực hiện của các bậc phụ huynh và cả sự nỗ lực trong học tập của các em.

2.1.3. Về công tác nâng cao đời sống tinh thần cho trẻ em

Cùng với các chương trình chăm sóc sức khỏe, giáo dục và công tác bảo vệ trẻ thì những hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho trẻ em cũng được các ban ngành, đoàn thể quan tâm và thực hiện. Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo cho Đoàn thanh niên và bộ phận lao động Thương binh- Xã hội thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, văn nghệ, thể thao, câu lạc bộ, diễn đàn trẻ em, trẻ em đối thoại với lãnh đạo Ủy ban,...qua đó tạo môi trường cho các em tự tin thể hiện bản thân mình,

được nói lên ước mơ, tâm tư nguyện vọng của mình, tạo cơ hội cho các em giao lưu học hỏi lẫn nhau. Thông qua các hoạt động đã trang bị cho trẻ em những kỹ năng sống cơ bản, kỹ năng tự bảo vệ mình, tránh bị xâm hại, ngược đãi, phòng tránh tai nạn, thương tích,... với những kết quả đáng ghi nhận: “Tỷ lệ trẻ em được thực hiện quyền tham gia (tham dự tọa đàm diễn đàn trẻ em các cấp, trao đổi đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến trẻ em) đạt tỷ lệ từ 70% trở lên; xây dựng được một điểm vui chơi, giải trí và tổ chức hoạt động văn hóa, rèn luyện thể chất cho trẻ em; thông qua những hoạt động phát hiện những em có năng khiếu để bồi dưỡng và rèn luyện, những lớp năng khiếu được mở (võ cổ truyền, múa, dân vũ,...) thu hút đông đảo các em tham gia và tham gia có chất lượng; tổ chức được 04 lớp tập huấn cho trẻ em về quyền trẻ em và kỹ năng sống cho hơn 200 trẻ em tuổi từ 8 – 12 tuổi; dịp hè hàng năm tổ chức những lớp phổ cập bơi miễn phí với số lượng tham gia đông đảo của các em, nhờ vậy tỷ lệ trẻ em đuối nước hàng năm của địa phương giảm đáng kể, 03 năm liên tục từ 2014 – 2016 xã không có trường hợp trẻ em bị đuối nước.” [1]

Ngoài ra, còn thường xuyên tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các em có hoàn cảnh khó khăn vào ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Nguyên đán, Tết trung thu, Tháng hành động vì trẻ em,... qua các nguồn hỗ trợ, vận động đã phần nào giúp các em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn cũng được vui chơi như các bạn khác. Mặc dù vậy, công tác chăm lo cho đời sống tinh thần cho trẻ em trên địa bàn cũng gặp nhiều khó khăn nhất định.

2.2. Những vấn đề đặt ra trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em ở xã Tân Quy Tây

Mặc dù có sự chỉ đạo và quan tâm của Đảng ủy và chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể trong việc triển khai thực hiện, song công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em của địa phương còn gặp một số khó khăn như: *(Theo kết quả khảo sát thực tế bằng bảng hỏi tại địa phương)*

+ Nguồn nhân lực phụ trách công tác trẻ em chưa trang bị đủ kiến thức và kỹ năng. Đa số đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em của xã chủ yếu là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi nên chưa có sự tập trung, việc triển khai hoạt động chưa đồng đều.

+ Địa điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế cả về chất lượng và số lượng, do kinh phí còn hạn chế, chưa có sự quản lý chặt chẽ. Với một khu vui chơi giải trí đặt tại trung tâm của xã (ấp Tân Thành) thì đa số chỉ có các em của ấp Tân Thành được tham gia, còn trẻ em của hai ấp còn lại của xã không được tham gia do xa nhà. Vì vậy cần xây dựng mỗi ấp một khu vui chơi giải trí để đảm bảo tất cả trẻ em của xã đều được tham gia

+ Kinh phí chi cho những hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em còn hạn chế, đa số là sự dụng ngân sách chung và ngân sách phân bổ của cấp tỉnh, nguồn ngân sách xã hội hóa không đủ đáp ứng. Cụ thể năm 2016 nguồn ngân sách tỉnh phân bổ cho hoạt động xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là 7 triệu/năm/ xã, phường, thị trấn; ngân sách của xã giành cho công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em là 5 triệu/năm.

+ Sự gia tăng về nạn trầm cảm ở trẻ em cũng như các căn bệnh liên quan đến thần kinh ở trẻ (bệnh trầm cảm)... đang là những yếu tố tác động trực tiếp đến cuộc sống và ảnh hưởng đến sự phát triển, hình thành nhân cách của trẻ em. Năm 2016 xã có 05 trường hợp trẻ em mắc bệnh trầm cảm so với năm 2015 tăng 03 trường hợp.

+ Mặc dù là xã nông thôn mới, kinh tế có sự phát triển hơn trước, tuy nhiên phần lớn người dân vẫn sống bằng nghề làm nông và làm thuê. Vì thế, sự quan tâm của các bậc phụ huynh đến con em mình còn hạn chế, đa số là rất ít quan tâm. Đây cũng là “rào cản” đối với chính quyền địa phương trong việc triển khai và phối hợp hoạt động với phụ huynh của trẻ em.

“Có thể nói, công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em là vấn đề có tính chiến lược, lâu dài, góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn năng lực cho tương lai. Vì thế chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể xã Tân Quy Tây cần nỗ lực hơn nữa, tập trung nguồn lực, có kế hoạch lâu dài để thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước như: Chỉ thị 55-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng ở cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3];” “Quyết định 19/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình ngăn chặn và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng

nhọc trong điều kiện độc hại nguy hiểm, các địa phương đã đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em bỏ học, lang thang kiếm sống; Chương trình mục tiêu hành động vì trẻ em tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2001 – 2010 và xây dựng Chương trình mục tiêu hành động vì trẻ em tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011 – 2020,... Tiếp tục duy trì và phát triển các phong trào, các câu lạc bộ đội nhóm trẻ em, thực hiện tốt 15 tiêu chí xã, phường phù hợp với trẻ em, theo Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Đặc biệt để thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em tại xã Tân Quy Tây trong tình hình mới không lúc nào hết cần sự vào cuộc của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể có liên quan và đặc biệt là sự phối hợp của các bậc phụ huynh các em.” [4]

3. Kết luận

Công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em tỉnh Đồng Tháp trong tình hình mới là một quá trình lâu dài, giải quyết đồng bộ và toàn diện nhiều nội dung liên quan đến sự phát triển toàn diện của các em. Đối với xã Tân Quy Tây, thuộc Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, là một xã nông thôn mới nhiều năm liền thực hiện tốt tiêu chí xã, phường thị trấn phù hợp với trẻ em theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, để công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em ở xã Tân Quy Tây được phát triển theo hướng bền vững trong những năm tới là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Nhưng để đáp ứng được yêu cầu này, chính quyền địa phương cần có những quan tâm thích đáng, nhanh chóng khắc phục những vấn đề còn tồn tại.

Xác định đầu tư cho trẻ em là đầu tư cho tương lai đất nước; chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em có tính chiến lược lâu dài, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, gia đình, nhà trường và toàn xã hội; để công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Tân Quy Tây cần tiếp tục thực hiện tốt Luật Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, phát huy vai trò của cộng đồng trong việc chung tay xây dựng môi trường sống an toàn, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và phát triển toàn diện; Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em, tạo những sân chơi phù hợp để tránh tai nạn thương tích. Bên cạnh đó tiếp tục quan tâm, động

viên và có chính sách hỗ trợ kịp thời đối với những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn giúp các em vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân Quy Tây về Tổng kết Chương trình mục tiêu hành động vì trẻ em tỉnh Đồng Tháp, ngày 19/11/2016
- [2]. Báo cáo của bộ phận Lao động Thương binh & Xã hội xã về Công tác vận động hỗ trợ cho công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em xã Tân Quy Tây, ngày 4/10/2016
- [3]. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2015), Công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em tỉnh Đồng Tháp trong tình hình mới.
- [4]. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp (2012), Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 – 2020, ngày 17/10/2012 của Thủ tướng chính phủ ban hành kèm theo quyết định số 1555/QĐ – TTg.
- [5]. <http://www.baodaknong.org.vn/xa-hoi/cong-tac-cham-soc-bao-ve-tre-em-cung-neu-cao-trach-nhiem-chung-tay-gop-suc-45353.html>

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC THANH NIÊN VÀO VIỆC GIÁO DỤC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

SV. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập

Tóm tắt: Bài viết tập trung luận giải quan điểm Hồ Chí Minh về giáo dục cho thanh niên, sinh viên về đạo đức cách mạng, lý tưởng cách mạng và nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật. Qua đó, bài viết làm rõ phương thức giáo dục cho sinh viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Giáo dục, sinh viên, thanh niên, tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Thanh niên là rường cột, là lực lượng tiên phong trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Thanh niên là sức sống hiện tại và cũng chính là tương lai của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đứng trên tầm cao của thời đại và trí tuệ để suy nghĩ về thanh niên, đánh giá vai trò của thanh niên trong thời đại. Khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt của thanh niên Người chỉ rõ: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Qua đó cho thấy, giáo dục cho sinh viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên

Những năm tháng của quãng đời tuổi trẻ, được hòa mình sống, lao động, chiến đấu với nhân dân nhiều nước trên thế giới, Hồ Chí Minh có điều kiện hiểu biết thêm về vai trò của thế hệ trẻ trong sự phát triển của lịch sử nhân loại. Chính những năm tháng trong lao động, học tập, tranh đấu với một động cơ vĩ đại và nghị lực phi thường, Hồ Chí Minh nhìn nhận thanh niên từ chính góc độ của thanh niên, với tất cả đặc điểm về lứa tuổi, ước mơ, hoài bão, khát vọng của họ. Bởi vậy, quan điểm của người về thanh niên rất gần gũi, chân thực, giản dị mà vô cùng sâu sắc. Người hiểu thanh niên như chính bản thân mình, nói với thanh niên như nói với chính mình.

Trong thực tế, vai trò sức mạnh của thanh niên không phải là cái có sẵn, bất biến và tất yếu. Muốn huy động được sức trẻ, Người nêu ra chiến lược: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” [6, tr 528]. Người coi chiến lược “trồng người”, coi việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ là một trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và để sự nghiệp này đạt kết quả tốt thì phải có sự phối hợp của nhiều lực lượng xã hội, trong đó trước hết là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, gia đình và các đoàn thể xã hội. Vì thế, Người chủ trương giáo dục thế hệ trẻ một cách toàn diện.

Về giáo dục đạo đức, Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, một lãnh tụ cách mạng đã bàn nhiều về vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức. Vì vậy, Người chủ trương bồi dưỡng giáo dục thế hệ trẻ trên tất cả các mặt: đức, trí, thể, mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đạo đức của con người như gốc của cây, như nguồn của sông. Người luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng và tích cực của đạo đức trong đời sống xã hội. Trong những hoạt động xã hội, đạo đức là vấn đề luôn đặt ra với tất cả các cá nhân để bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Đạo đức góp phần hoàn thiện nhân cách con người. Đạo đức giúp cá nhân có ý thức và năng lực sống thiện, sống có ích, tăng thêm tình yêu đối với Tổ quốc, đồng bào và rộng hơn là toàn nhân loại. Một cá nhân thiếu đạo đức thì mọi phẩm chất, năng lực khác sẽ không còn ý nghĩa. Vì thế, Người chỉ rõ vai trò và sức mạnh to lớn của đạo đức, khẳng định đạo đức là cái gốc của con người, là nền tảng vững chắc của người cách mạng. Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa các chuẩn mực của đạo đức thành những phẩm chất cụ thể để mọi người dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng. Đối với thanh niên: “Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn. Phải yêu và trọng lao động. Phải giữ gìn kỉ luật. Phải bảo vệ của công. Phải quan tâm đến đời sống của nhân dân” [5, tr 265]. Thực hiện lời dạy của Người, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước Đảng và Nhà nước luôn coi trọng việc chăm lo giáo dục, bồi dưỡng thanh niên trên tất cả các mặt, đồng thời tạo mọi điều kiện cho thanh niên phát huy tài năng, sức lực vào sự nghiệp của dân tộc. Vì thế mỗi cá nhân phải tự mình rèn luyện bản thân để trở thành một con người toàn diện trên các mặt.

Về giáo dục lý tưởng cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi thanh niên là động lực chủ yếu của cách mạng, thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ

thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai, thanh niên là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa và trong mọi công việc, thanh niên thi đua thực hiện khẩu hiệu: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên” [9, tr 328]. Hồ Chí Minh chỉ rõ, giáo dục lý tưởng cho thế hệ trẻ cần phải dạy cho trẻ yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có ý chí tự lập tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới” [7, tr 467]. Làm cho thế hệ trẻ có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, hiểu đây là con đường tất yếu của dân tộc từ đó hình thành cho thế hệ trẻ có niềm tin, tin tưởng ở tương lai của đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Giáo dục lý tưởng phải gắn liền với việc phát huy vai trò xung kích, giao phó cho họ đảm nhận những nhiệm vụ khó khăn góp phần to lớn vào thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, từng thời kì. Trong mọi thời kì cách mạng, nhất là trước các bước ngoặt, trước những tình huống quyết liệt, khó khăn của sự sống còn của dân tộc, niềm tin của Người và của Đảng đối với thế hệ trẻ thể hiện trong nhiều chính sách đào tạo, bồi dưỡng và phát huy sức mạnh của thanh niên, làm cho thanh niên gắn bó với Đảng và chế độ. Đây là nhân tố hết sức quan trọng để Đảng gắn liền với thanh niên.

Về giáo dục nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, Hồ Chí Minh chỉ rõ, cách mạng đòi hỏi những con người có văn hóa. Theo Người: “Giáo dục phải toàn diện, bao gồm cả văn hóa, chính trị, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp, lao động. Các nội dung này phải gắn chặt chẽ với nhau. Người chỉ rõ, nếu không có trình độ văn hóa thì không tiếp thu được khoa học - kỹ thuật; không học khoa học - kỹ thuật thì không theo kịp nhu cầu của kinh tế của nước nhà” [1, tr 240].

Người đã nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [3, tr 7]. Đúng vậy, một dân tộc mà dân trí thấp kém thì khó có thể có điều kiện để tiếp thu và phát huy tinh hoa văn hóa, khoa học và công nghệ mới của nhân loại. Ở nước ta hiện nay, phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là các nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển nhân tố con người với tư cách vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển đất nước.

Một trong năm nội dung của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam được Hồ Chí Minh xác định: “Quyết tâm đi sâu vào khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ, phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ra sức học tập và vận dụng tốt sáng kiến, kinh nghiệm tiên tiến, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả chiến đấu” [8, tr 111]. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì nhân dân ta phải ra sức thi đua tăng gia sản xuất, không ngừng nâng cao trình độ văn hóa.

2.2. Nội dung giáo dục cho sinh viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Với tư duy biện chứng của một nhà minh triết, Hồ Chí Minh luôn xem thanh niên không phải là chủ thể bất định mà là những chủ thể đang phát triển, đang hoàn thiện mọi mặt. Người luôn nhìn nhận thanh niên theo quan điểm phát triển, không hẹp hòi, thành kiến. Người ca ngợi tuổi trẻ là độ tuổi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi người: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội” [3, tr 194]. Tuổi trẻ là tuổi sung sức nhất trong cuộc đời mỗi con người. Tuổi trẻ là tuổi ôm ấp bao ước mơ, hoài bão. Tuổi trẻ là tuổi năng động, sáng tạo. Tuổi trẻ cũng là tuổi có sức bật mạnh hơn tất cả. Với tất cả những phẩm chất tinh túy ấy, thế hệ trẻ sẽ là những chủ nhân tương lai của đất nước, sẽ là nguồn động lực hàng đầu trong công cuộc xây dựng một đất nước phát triển và giàu mạnh. Song, để có thể sống và đóng góp một cách trọn vẹn, viên mãn nhất cho đất nước, tuổi trẻ cũng cần chuẩn bị cho mình những hành trang cần thiết để tiến vào tương lai thực hiện sứ mệnh của mình. Tuổi trẻ ấy không ai khác chính là chúng ta, thế hệ học sinh, sinh viên đang ngồi trên ghế nhà trường. Vậy chúng ta phải chuẩn bị những gì cho hành trang đi vào tương lai? Trước hết chúng ta phải là những con người có đạo đức tốt, có nhân cách cao đẹp. Mỗi người phải phấn đấu để trở thành con người toàn diện vừa có đức, vừa có tài.

Đối với sinh viên, người trí thức tương lai của nước nhà, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế. Tính nhất quán trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự quan tâm đặc biệt đối với con người, đối với giáo dục và bồi dưỡng con người. Trong đó, giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ chiếm một vị trí quan trọng. Nội dung của

Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc giáo dục thanh niên, sinh viên một cách toàn diện thể hiện trên một số mặt sau đây:

Thứ nhất, cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên thành những người vừa hồng vừa chuyên. Sinh viên phải được giáo dục một cách toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tri thức. Việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người vô cùng quan trọng vì sinh viên là tầng lớp tri thức là chủ nhân của đất nước trong tương lai. Chính vì vậy, việc giáo dục đạo đức và chăm lo cho việc rèn luyện đạo đức cho sinh viên được Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm.

Hiện nay, đất nước ta đang trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đi vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành cùng với công cuộc đổi mới của Đảng, là nguồn động lực quan trọng để phát triển đất nước. Đó là nền đạo đức vừa phát huy những giá trị truyền thống sẵn có và tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại. Qua đó, phần lớn sinh viên, thanh niên tri thức vẫn giữ được bản sắc của dân tộc. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, do sự bùng phát của lối sống thực dụng chạy theo danh lợi bất chấp luân thường đạo lí, đã dẫn đến tiêu cực trong xã hội ngày càng phổ biến. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục, sự chống phá của các thế lực thù địch đã tác động không nhỏ đến đời sống đạo đức công dân, ảnh hưởng lớn đến tâm tư, tình cảm, ý chí phấn đấu của một bộ phận sinh viên. Ngoài ra, những biểu hiện về phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có ý chí vươn lên trong cuộc sống, chạy theo vòng xoáy của “văn hóa tốc độ”, thiếu trung thực, thiếu trách nhiệm vẫn còn phổ biến trong sinh viên hiện nay. Do vậy, việc chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ góp phần đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực về đạo đức, lối sống của sinh viên trong việc hoàn thiện nhân cách.

Thứ hai, giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giáo dục đạo đức, bồi dưỡng lý tưởng là mối quan tâm, là nhu cầu tự thân của tuổi trẻ, đặc biệt là tầng lớp sinh viên trước ngưỡng cửa lập thân, lập nghiệp. Những năm qua thế hệ trẻ Việt Nam luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về lý tưởng cách mạng. Họ sẽ luôn là lớp người hăng hái nhiệt tình, luôn đi đầu trong mọi việc với tinh thần “đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”.

Tuy nhiên, hiện nay cũng không ít sinh viên không có chí hướng rõ ràng, chưa hiểu biết đầy đủ truyền thống cách mạng của Đảng và dân tộc. Một bộ phận sinh viên lười lao động, học tập, ngại khó, ngại khổ chưa làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của chính bản thân đối với gia đình, xã hội. Đứng trước thực trạng này việc giáo dục phải có một định hướng đúng đắn, giúp sinh viên nhận thức đúng hơn trách nhiệm của bản thân đối với gia đình; trách nhiệm của bản thân đối với đất nước, dân tộc. Giáo dục lí tưởng cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay là điều cấp thiết nhất. Thông qua việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cho các bạn sinh viên nhận thức đúng đắn về thời cuộc, có tư duy phù hợp với thời đại, có thái độ ứng xử phù hợp với từng hoàn cảnh sống. Khi có một quan niệm sống đúng đắn sinh viên sẽ có niềm tin vào cuộc sống và có một lối sống lành mạnh. Nhờ nhận thức tốt, mỗi sinh viên sẽ biết phát huy cho mình tính năng động, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, trở thành người có bản lĩnh trong cuộc sống.

Thứ ba, để trở thành những con người phát triển hài hòa và toàn diện, con đyờng duy nhất của thanh niên là không ngừng ra sức phấn đấu, rèn luyện, học tập trên tất cả các lĩnh vực, phải ra sức học tập chính trị, văn hóa, kỹ thuật... Điều đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong điều kiện toàn cầu hóa và sự bùng nổ của khoa học công nghệ thông tin. Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới và trong mỗi nước, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội.

Trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, sinh viên chính là những người đầu tiên và chịu tác động mạnh mẽ nhất từ cuộc cách mạng khoa học công nghệ, nắm bắt được thời cơ sẽ nhanh chóng phát triển, tiếp cận văn minh nhân loại, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật. Sinh viên Việt Nam phải biết vươn lên làm chủ những công nghệ tiên tiến nhất để rút ngắn khoảng cách với những quốc gia phát triển. Thực tế cho thấy rất nhiều sinh viên đã và đang xứng đáng với lời dạy của Người, những thắng lợi vẻ vang của sinh viên Việt Nam trong các cuộc thi quốc tế, trong học tập, sản xuất và kinh doanh đã chứng minh được vai trò và năng lực của thế hệ thanh niên trong công cuộc xây dựng đất nước.

2.3. Phương thức giáo dục cho sinh viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh cho sinh viên, vì đây là giải pháp cơ bản nhằm góp phần hình thành nhân cách cho sinh viên. Do vậy, cần quan tâm giáo dục tư tưởng, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Chú trọng giáo dục làm cho sinh viên nhận thức đúng các giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Gia đình, nhà trường và xã hội, đặc biệt là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phải thường xuyên quan tâm bồi dưỡng cho sinh viên những tình cảm cao đẹp về tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó hình thành lối sống trong sạch, lành mạnh, những hành vi đạo đức trong sáng phù hợp với các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và thời đại.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên, hình thành phẩm chất cao đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa. Gia đình là tế bào của xã hội và là nơi đem đến cho trẻ những bài học đầu đời từ lúc sinh ra đến tuổi trưởng thành, qua lời ru của mẹ, tình thương yêu, tấm gương và lời khuyên bảo của những người trong gia đình. Giáo dục trong gia đình giữ vị trí đặc biệt và cha mẹ chính là những người thầy đầu tiên có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Nhân cách trẻ chỉ có thể hình thành và phát triển trên cơ sở thừa hưởng những giá trị tích cực từ phía giáo dục gia đình. Vì thế, trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, Hồ Chí Minh cho rằng, nếu thiếu giáo dục gia đình hoặc giáo dục của gia đình không phù hợp với xã hội sẽ hạn chế rất nhiều đến kết quả giáo dục.

Nếu gia đình là chiếc nôi hình thành và nuôi dưỡng nhân cách, nơi giúp chúng ta học được những bài học đầu đời, nhà trường là nơi trang bị những tri thức và kỹ năng cần thiết, thì xã hội là nơi để mỗi chúng ta thực hành và trải nghiệm những điều đã học từ sự giáo dục của gia đình và nhà trường. Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh chủ trương gắn giáo dục nhà trường với xã hội, chính trong hoạt động xã hội mà tính cách, phẩm chất đạo đức được hình thành. Đối với giáo dục sinh viên,

Người cho rằng không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội, phải liên hệ vào dư luận xã hội. Gắn nhà trường với đời sống xã hội được Hồ Chí Minh xem như một phương thức, một điều kiện quan trọng không những giúp lý luận gắn liền với thực tế, học đi đôi với hành mà còn là một phương thức để đào tạo con người xã hội chủ nghĩa. Sinh viên ngày nay đang sống trong thời kì bùng nổ thông tin, kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, sinh viên đã và đang chịu ảnh hưởng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội. Vì vậy, sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội là một phương thức hữu hiệu tạo nên một sức mạnh tổng hợp góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục nhất là vấn đề đạo đức, hoàn thiện nhân cách cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, phát huy vai trò tự học, tự tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên. Bản thân sinh viên phải ra sức học tập, tu dưỡng mọi nơi, mọi lúc và suốt đời. Tự giáo dục là sự thể hiện trình độ làm chủ bản thân, khả năng kiểm chế và tự điều chỉnh của mỗi người trong cuộc sống. Người cũng từng dặn dò thanh niên đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta, mà tự hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay. Sinh viên phải tự tin vào chính mình, giữ vững niềm tin trong cuộc sống, vượt qua mọi khó khăn, như Người đã dạy: “Gian nan rèn luyện mới thành công” [2, tr 382]. Thực hiện tốt một số giải pháp giáo dục cho thanh niên trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế thế giới là góp phần đào tạo, giáo dục thế hệ sinh viên vừa hồng vừa chuyên, chủ nhân tương lai đưa nước nhà tiến xa hơn, xứng đáng với mong ước của Bác Hồ kính yêu.

3. Kết luận

Giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng sự nghiệp cách mạng nước nhà, trong đó, những chỉ dẫn của Người về giáo dục thanh niên nói chung, sinh viên nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần đổi mới cách nhìn nhận, đánh giá vai trò của sinh viên, để từ đó định hướng giáo dục sinh viên về đạo đức, lí tưởng, lối sống theo tấm gương đạo đức trong sáng và cao đẹp của Người. Do vậy, tất cả sinh viên trong thời đại mới đều phải luôn trao dồi đạo đức cách mạng, lí tưởng cách mạng, chuyên môn nghiệp vụ, để trở thành vừa có đức vừa có tài, vừa hồng vừa chuyên. Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của sinh viên theo tư tưởng của Người là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ trẻ

trong thời kì mới, vì sự phồn vinh của đất nước, vì sự hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9]. *Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên* (1980), Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [10]. Trần Qui Nhơn (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau*, Nxb. Giáo dục.
- [11]. Vũ Quang Hiến (2014), *Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh những chặng đường phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

TÁC TỔ CHỨC THỰC THI CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI XÃ TÂN HÒA, LAI VUNG, ĐỒNG THÁP, NĂM 2016

SV. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh- SV.Tạ Linh Kha

Lớp: ĐHCTXH15A

GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo

Tóm tắt: Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết hệ thống để mô tả về công tác xóa đói giảm nghèo được tổ chức thực hiện tại Xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp phương pháp thảo luận nhóm với các cán bộ thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo tại địa phương. Thông qua mô tả công tác thực thi chính sách xóa đói giảm nghèo giúp cho người dân có cái nhìn rõ hơn về ý nghĩa chính sách xóa đói giảm nghèo của nhà nước trong hỗ trợ người dân được đảm bảo an toàn trong cuộc sống, có điều kiện vượt qua hoàn cảnh nghèo khó, bất hạnh.

Từ khóa: Nghèo, chính sách giảm nghèo.

1. Giới thiệu

Theo Tổ chức Liên hợp quốc (UN): “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh”.

Đói nghèo là một trong những rào cản lớn làm giảm khả năng phát triển con người, cộng đồng cũng như mỗi quốc gia. Người nghèo thường không có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội như việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, thông tin, v.v... và điều đó khiến cho họ ít có cơ hội thoát nghèo. Do vậy, mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực cho người nghèo là phương thức tốt nhất để giảm nghèo bền vững.

Đảng và nhà nước ta rất chú trọng quan tâm đến đời sống của người dân: Làm cho dân giàu, nước mạnh. Do đó, Đảng đã ban hành rất nhiều chủ trương, Nhà nước ta đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết tốt nguyên nhân,

thực trạng và hệ quả của vấn đề nghèo đói. Những chủ trương của Đảng, văn bản qui phạm pháp luật của nhà nước được ban hành và đang có hiệu lực thi hành trong giai đoạn hiện nay có thể kể đến như:

Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị TƯ lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 đã đề ra nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, chú trọng đến việc làm, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội cho những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc ít người, bảo đảm mức về thu nhập và một số dịch vụ xã hội cơ bản như khám chữa bệnh, học hành, nhà ở, nước sạch, thông tin, truyền thông.

Quốc hội khoá 13, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Nghị quyết số 76/2014/QH13 về việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, trong đó nêu rõ: *xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu và đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản;*

Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội đã xác định rõ nhiệm vụ xây dựng, nghiên cứu xây dựng đề án tổng thể về đổi mới phương pháp tiếp cận nghèo đói ở Việt Nam từ đơn chiều sang đa chiều.

Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1614/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể “Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.” vào ngày 15/9/2015. Chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam được xây dựng theo hướng: sử dụng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Theo đó, tiêu chí đo lường nghèo được xây dựng dựa trên cơ sở:

- Các tiêu chí về thu nhập, bao gồm chuẩn mức sống tối thiểu về thu nhập, chuẩn nghèo về thu nhập, chuẩn mức sống trung bình về thu nhập.

- Mức độ thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm: tiếp cận về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

Đây chính là các cơ sở pháp lý cho các cơ quan, ban ngành trong hệ thống chính trị triển khai, tổ chức thực thi chính sách giảm nghèo, đáp ứng quyền lợi thật sự cho người nghèo trong tổng thể quốc gia.

2. Tổng quan về xã Tân Hòa

Xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là đơn vị hành chính cấp cơ sở trong hệ thống bộ máy Nhà nước. Xã Tân Hòa là cấp cơ sở, cấp tổ chức thực thi chính sách trong hệ thống quản lý nhà nước. Với sự cụ thể hóa việc thực hiện chính sách giảm nghèo của Huyện Lai Vung, Xã Tân Hòa thực hiện chính sách giảm nghèo theo các văn bản pháp lý như sau:

- Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015;

- Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/09/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;

- Các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát đánh giá biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;

- Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 18/12/2012 của HĐND huyện về Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 – 2015;

- Các kế hoạch điều tra rà soát đánh giá biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện;

- Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, đánh giá chương trình được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện định kỳ hàng năm, quý, tháng, đặc biệt là tổ chức sơ kết đánh giá chương trình giảm nghèo giữa giai đoạn; Hàng năm chương trình giảm nghèo đều được Hội đồng nhân dân huyện giám sát, đồng thời cũng được đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo của huyện và được đánh giá là khá tốt, các chương trình được tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và được công khai, niêm yết, dân chủ trong việc rà soát, đánh giá hàng năm.

Xã Tân Hòa có 5 ấp: Hòa Bình, Hòa Định, Tân Thuận, Hòa Tân, Tân Mỹ. Kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Tính đến năm 2016 Tân Hòa diện tích đất trong sản xuất nông nghiệp bao gồm: Đất trồng lúa 1.800 ha; đất trồng hoa màu 1.200 ha; đất trồng cây ăn trái 10 ha. Sản lượng: lúa năm 2016 là 11.160 tấn; nấm rơm 959 tấn; thủy sản 6.300 tấn; chăn nuôi: 24.780 gia súc, gia cầm. Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại không được phát triển tại xã Tân Hòa.

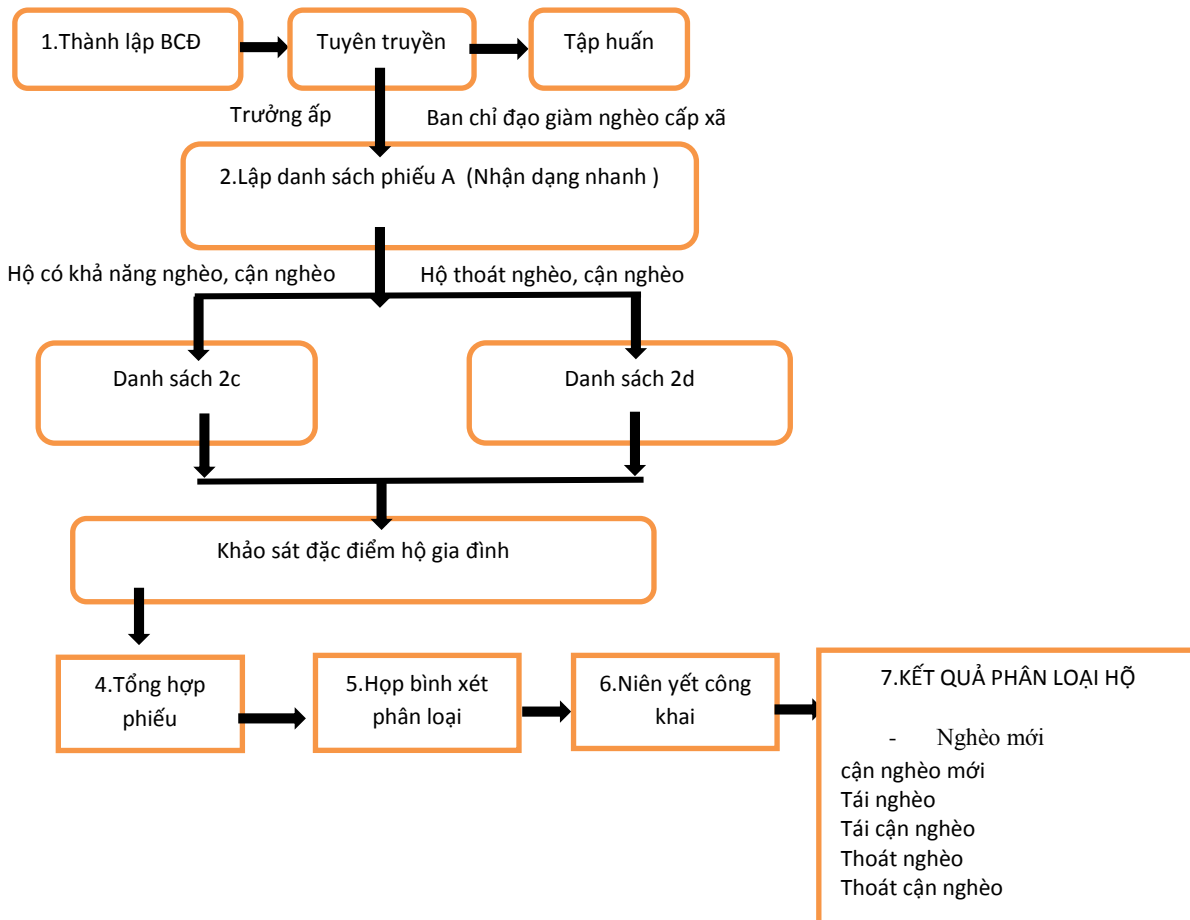
Cuối năm 2016, Xã Tân Hòa có tổng số là 3.385 hộ dân, trong đó Ấp Tân Mỹ có 39/381 hộ nghèo, ấp Hòa Định có 68/677 hộ nghèo), ấp Hòa Tân 61/682 hộ hộ nghèo, ấp Hòa Bình 95/1605 hộ nghèo, ấp Tân Thuận 53/580 hộ nghèo.

Phần lớn nhân dân xã Tân Hòa tham gia vào hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Nghề nghiệp chính của nhân dân xã phong Hòa tập trung vào trồng trọt, chăn nuôi gia cầm, gia súc, thủy sản. Với đặc thù nghề nông, trực tiếp sản xuất, các rủi ro do thiên tai, dịch họa, giá cả nông sản trong trồng trọt, chăn nuôi rất cao. Người nông dân xã Tân Hòa làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng phần lớn lại thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, tính tự chủ trong việc áp dụng kỹ thuật khoa học vào sản xuất, ít chịu liên kết hợp tác với nhau, thiếu vốn...do đó nhiều hộ nông dân gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, thu nhập thấp không đủ trang trải cho sinh hoạt phí gia đình.

Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Với vai trò, trách nhiệm cấp tổ chức thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trước đặc thù kinh tế-xã hội của địa phương, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa đã hết sức quan tâm, chú trọng đến việc phát triển kinh tế-xã hội, hạ tầng cơ sở nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân địa phương. Cùng với công tác thực hiện các chính sách của nhà nước, chính sách giảm nghèo được Đảng Ủy, UBND xã tổ chức thực thi thường xuyên.

3. Công tác tổ chức thực thi chính sách giảm nghèo

Công tác tổ chức thực thi chính sách xóa đói giảm nghèo được cán bộ-nhân viên, cán bộ không chuyên trách xã tiến hành thực hiện theo qui trình như sau:



Cán bộ địa phương tuyên truyền chính sách, giải thích, phân tích cho các hộ gia đình nghèo trên địa bàn hiểu về các chế độ chính sách giảm nghèo của nhà nước, giúp các hộ nghèo giải quyết các vòng luẩn quẩn nghèo của người dân địa phương, giúp người dân hiểu được vấn đề của gia đình, hướng giải quyết trước mắt, lâu dài.

Cứ năm năm một lần xét diện hộ nghèo, xã Tân Hòa thực hiện các nội dung: tổng kết chỉ tiêu thoát nghèo, xét trường hợp rơi vào diện hộ nghèo mới; trong thời gian chưa tiến hành xét định kì; Trường hợp ngoại lệ được xét đột xuất các hộ dân cư trên địa bàn, kể cả hộ có điều kiện kinh tế khá giả, nhưng có thân nhân bị mắc phải các bệnh mạn tính, hiểm nghèo như: bệnh tim, ung thư thận, gan. Trong trường hợp này chỉ xét để hỗ trợ thẻ BHYT cho người bệnh giúp họ có BHYT để khám điều trị bệnh với mục tiêu giảm nguy cơ rơi vào nghèo đói cho hộ gia đình.

Chỉ tiêu của xã đề ra mỗi năm mỗi thay đổi, chỉ tiêu thoát nghèo được rà soát đúng với thực tế. Mỗi năm điều tra viên được tập huấn 1 lần, điều tra viên sẽ đi điều tra từng hộ ở các ấp sau đó tổng hợp, đem về xã chấm điểm.

4. Đặc điểm người nghèo ở xã Tân Hòa

Tính đến cuối năm 2016, theo chuẩn nghèo đa chiều, xã Tân Hòa có 232 hộ nghèo, 285 hộ cận nghèo. Hộ nghèo và hộ cận nghèo tại xã Tân Hòa có một số đặc điểm chung:

- Thiếu vốn sản xuất: đa phần người dân sống ở xã Tân Hòa là nông dân, vốn thấp, làm không đủ ăn, thường xuyên phải đi làm thuê hoặc vay mượn từ tư nhân, tuy nhiên họ không thể vay mượn nhà nước vì họ không có gì để thế chấp.

- Không có kiến thức khoa học trong nông nghiệp: người nông dân ở xã Tân Hòa phần lớn rất chí thú làm ăn, nhưng thiếu kiến thức, kỹ thuật canh tác.

- Thiếu việc làm: do trình độ học vấn thấp, tay nghề chưa cao, công việc chủ yếu liên quan đến nông nghiệp là chủ yếu, việc làm thuê trong nông nghiệp không thường xuyên, mang tính chất thời vụ.

- Con đông, ít người lao động: phần lớn các hộ nghèo ở xã Tân Hòa là đông con, số lao động chính trong mỗi gia đình ít, thu nhập thấp. Có những hộ gia đình chỉ có 1-2 lao động chính nhưng có đến 5-6 phụ thuộc. Bên cạnh đó, chi trả tiền sinh hoạt hằng ngày, tiền học phí cho con cái (nếu có) khá cao.

- Nghèo nối truyền, do cha mẹ nghèo, bệnh tật, không có thu nhập, việc làm.

- Hộ nghèo ở xã Tân Hòa có sự đa dạng về độ tuổi, có hộ nghèo do mới kết hôn, cha mẹ hai bên đều nghèo không có vốn, tài sản, đất đai cho con; có hộ người do bệnh mãn tính, hiểm nghèo, chấn thương nặng đột ngột được xét vào hộ nghèo,...

- Trình độ học vấn thấp: do gia đình nghèo, hầu hết thành viên trong hộ nghèo có đi học nhưng không đạt được trình độ học vấn, trình độ chuyên môn cao. Đa phần đến họ chỉ theo học được đến lớp 6,7 trở lại thì nghỉ học để phụ giúp gia đình; Có một số hộ gia đình nghèo, đông con không đủ điều kiện cho tất cả các con đi học, thường thì anh chị lớn trong gia đình đó nghỉ học để cho em được đi học. Có một số ít hộ nghèo cho con học tốt nghiệp Trung học phổ thông, trong số các em đó có em được học đại học, cao đẳng, trung cấp nghề; có em được xã hỗ trợ tìm

việc làm bằng hình thức kết hợp với trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh- một số em được vào làm công nhân ở một số công ty xí nghiệp trong nước, một số em được xuất khẩu lao động với mức lương khá cao.

- Với trình độ học vấn thấp, thiếu kiến thức trong làm kinh tế nông nghiệp; thiếu nhận thức về nguyên nhân và giải pháp giảm nghèo cho gia đình, dẫn đến tình trạng có nhiều hộ nghèo ở địa phương chưa thể thoát nghèo, làm cho kinh tế-xã hội xã chậm phát triển so với các xã lân cận khác.

- Thái độ của người nghèo ở Xã, trông chờ, ỷ lại vào chính sách, thiếu tính tự trọng. Những hộ đã thoát nghèo không muốn vào danh sách thoát nghèo. Những hộ này muốn tiếp tục thụ hưởng các chính sách ưu đãi cho người nghèo với mục đích để giảm bớt gánh nặng chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên điều này ảnh hưởng đến quyền lợi thụ hưởng chính sách giảm nghèo cho những hộ nghèo khác không may rơi vào cảnh nghèo.

5. Các chế độ chính sách giảm nghèo xã Tân Hòa cung cấp cho nhân dân địa phương

5.1. Công tác hỗ trợ chính sách

Tết nguyên đán, mỗi hộ nghèo đều được tặng quà và tiền hỗ trợ tết 200.000đ/hộ, bên cạnh đó, UBND huyện hỗ trợ thêm cho 4 hộ nghèo được xã Tân Hòa đề xuất danh sách, mỗi hộ được 1.000.000đ. Ngoài ra các hộ nghèo còn được nhận thêm hỗ trợ tiền và vật chất của các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh với tổng giá trị là 388.000.000đ

Tết Trung thu: trẻ em nghèo và khuyết tật được tặng quà với tổng giá trị tiền 24.760.000đ.

Hỗ trợ tiền điện hàng tháng là 45 nghìn đồng cho các hộ nghèo.

5.2. Chính sách cho vay vốn tín dụng ưu đãi hộ nghèo

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam uỷ thác cho các hội đoàn thể trong việc hỗ trợ cho người nghèo vay vốn để phát triển kinh tế-xã hội. Trong năm 2016 UBND xã Tân Hòa đã giải quyết được:

- Cho 517 hộ nghèo và cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay với số vốn là: 5.113.000.000 đồng.

- Cho vay giải quyết việc làm 47 hộ số tiền: 602.000.000 đồng
- Cho vay nước sạch vệ sinh môi trường 279 hộ, số tiền: 1.865.000.000 đồng.
- Cho vay xuất khẩu lao động 06 hộ, số tiền: 428.000.000 đồng

5.3. Chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo.

Trạm y tế xã đã khám, cấp thuốc chữa bệnh miễn phí cho 600 lượt hộ nghèo với kinh phí 42.000.000 đồng.

Cấp 229 sổ hộ nghèo với 729 thẻ BHYT cho các thành viên trong hộ nghèo;

Cấp 311 sổ cận nghèo với 553 thẻ BHYT cho các thành viên cận nghèo.

5.4. Dự án khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo và hỗ trợ điều kiện sản xuất, phát triển ngành nghề.

Để giúp cho người nghèo thoát nghèo một cách bền vững và nông dân nông thôn có công ăn việc làm, xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, trình độ kỹ năng cho người nghèo về cách làm ăn gắn chặt với giải pháp hỗ trợ vốn.

Phối hợp với trạm khuyến nông tổ chức 03 lớp tập huấn khuyến nông, kỹ thuật chăn nuôi, sửa chữa máy phục vụ cho nông nghiệp và hướng dẫn cách làm ăn cho 215 hộ nghèo và nông dân, mở 01 lớp dạy nghề nông thôn: may công nghiệp có 18 học viên tham dự.

5.5. Thực hiện công tác hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ khó khăn.

Nhằm để thực hiện tốt công tác xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ khó khăn trong năm xã đã vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ tiền và vật tư xây dựng nhà bằng cột bê tông được 21 căn nhà cho hộ nghèo, hộ khó khăn, sửa chữa 03 căn nhà tổng số tiền 196.000.000 đồng.

5.6. Chính sách giáo dục cho hộ nghèo

Trẻ em nghèo xã Tân Hòa có 3 em được nhận học bổng học sinh nghèo vượt khó (300.000/suất học bổng); 878 lượt trẻ em nghèo xã Tân Hòa được nhận tiền và các vật phẩm như: Tập viết, xe đạp, ba lô...với tổng số tiền là 133.000.000đ từ các chương trình Xã vận động tài chính và chuyển gửi đến các em trong các dịp khai giảng năm học mới, tháng hành động vì trẻ em, cây mùa xuân.

Hộ gia đình nghèo có con đi học, học sinh hộ nghèo được miễn học phí, hộ cận nghèo được giảm 50% học phí và các khoản đóng góp xây dựng cơ sở vật chất của ngành giáo dục. Các em còn được nhận các hỗ trợ do các đoàn cứu trợ.

Cho 207 học sinh, sinh viên nghèo, cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn vay với số tiền: 4.505.000.000 đồng.

5.7. Cải tạo cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp

Giao thông thuận lợi làm giảm chi phí vận chuyển cho người dân trong việc đưa phân thuốc, tưới tiêu trong nông nghiệp, giảm chi phí nhân công, hao hụt do vận chuyển nông sản giao dịch, đồng thời ổn định dân cư, phát triển dịch vụ thương mại. Là điều kiện thuận lợi có tác động lâu dài đến việc giảm nghèo cho người dân ở địa phương. Do đó UBND xã Tân Hòa từng bước tổ chức thực hiện kiên cố hóa các công trình giao thông.

UBND xã Tân Hòa phối hợp với UBND xã Vĩnh Thới vận động nhân dân xây dựng mới cầu Ngọn Kinh mới Tân Hòa - Vĩnh Thới; cầu mương bờ bao Ông Cha .

+ Công trình cầu Ngọn Kinh mới Tân Hòa - Vĩnh Thới có chiều dài 33m, rộng 3,5m, tổng kinh phí xây dựng là 861.000.000đ và 1.850 ngày công lao động, Trong đó, Ủy ban nhân dân huyện hỗ trợ 99.000.000đ số tiền còn lại vận động nhân dân và các nhà mạnh thường quân trong và ngoài xã đóng góp.

+ Công trình cầu mương bờ bao Ông Cha chiều dài 24m, rộng 3,5m, với tổng kinh phí 205.000.000đ và 850 ngày công lao động. Trong đó: UBND huyện hỗ trợ 91.000.000đ số tiền còn lại vận động nhân dân và các nhà mạnh thường quân trong và ngoài xã đóng góp kinh phí để xây dựng.

+ UBND xã Tân Hòa đã vận động được từ các cá nhân, tổ chức và nhân dân xã Tân Hòa là 670.000.000đ và hơn 2.600 ngày công lao động cho hai công trình trên; Xây dựng xong công hồ mương Tre ấp Hòa Bình; công trình thấp sáng đường quê tuyến rạch chùa ấp Tân Thuận.

6. Những vấn đề còn tồn tại trong thực thi chính sách giảm nghèo của Xã Tân Hòa

6.1. Đặc điểm giảm nghèo ở xã Tân Hòa

Tỷ lệ giảm nghèo cao so với kế hoạch nhưng chưa bền vững, số hộ cận nghèo còn nhiều do đó khi gặp thiên tai, lũ lụt, mất mùa, bệnh tật... thì họ sẽ rơi vào diện nghèo và tái nghèo.

Một số hộ nghèo nhận thức còn hạn chế, chưa chí thú làm ăn, vi phạm pháp luật, còn trông chờ ỉ lại vào nhà nước nên công tác giảm nghèo chưa đạt được kết quả tốt.

Thu nhập thấp, việc làm không ổn định do làm thuê theo thời vụ, việc làm thuê thường lao động phổ thông, không có chuyên môn.

Nhiều hộ nghèo ở địa phương không có tư liệu sản xuất.

6.2. Năng lực đội ngũ cán bộ thực thi chính sách

Cán bộ làm công tác giảm nghèo thường kiêm nhiệm nhiều và thường thay đổi người làm đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Mặc dù nguồn lực tập trung cho chương trình giảm nghèo những năm qua nói chung luôn được đẩy mạnh, nhưng vẫn còn một số hạn chế:

- Về cơ sở hạ tầng, nguồn vốn đầu tư vẫn còn dàn trải, chưa tập trung;
- Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển ở địa phương.
- Việc phối hợp trong triển khai của Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo tại địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo chưa phối hợp chặt chẽ, còn buông lỏng công tác kiểm tra, giám sát, công tác đánh giá sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện chương trình giảm nghèo chưa kịp thời.
- Do kinh tế nông nghiệp ở địa phương bị ảnh hưởng tác động không nhỏ từ sự suy thoái của nền kinh tế thế giới;

7. Giải pháp nâng cao chất lượng thực thi chính sách giảm nghèo

Thứ nhất, cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác giảm nghèo bền vững. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả chương trình. Kiện toàn Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo các cấp để hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn.

Thứ hai, cần phải phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội, sự tham gia của người dân trong công tác tuyên

truyền, vận động nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, vận động người nghèo, hộ nghèo, người chưa có hoặc thiếu việc làm phát huy khả năng của bản thân, chủ động phấn đấu vươn lên vượt nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Thứ ba, tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, để lực lượng cán bộ cơ sở trong thời gian tới có năng lực và trách nhiệm giúp cấp uỷ, chính quyền cơ sở thực hiện các Chương trình, đề án giảm nghèo. Tăng cường công tác đào tạo nghề nông thôn bằng nhiều hình thức, bảo đảm chất lượng dạy nghề. Gắn công tác đào tạo nghề với việc tư vấn, giới thiệu, giải quyết việc làm và đi lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thứ tư, thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn; vốn ngân sách địa phương cân đối; vốn huy động cộng đồng và doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu giảm nghèo hàng năm.

Thứ năm, tăng cường nhân lực thực hiện công tác giảm nghèo, an sinh xã hội ở cơ sở, chú trọng phát triển hệ thống mạng lưới an sinh xã hội giúp đỡ đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Thực hiện đúng, kịp thời các chính sách hiện hành đảm bảo cho người nghèo được hưởng đầy đủ các ưu đãi về giáo dục, y tế, nhà ở và an sinh xã hội. Sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, cần đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, đồng thời quan tâm nhiều hơn đến những địa phương còn nhiều hộ nghèo, khó khăn.

Thứ sáu, tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ năng giảm nghèo cho người dân. Rà soát đa chiều phân loại các nguyên nhân nghèo của các hộ nghèo như: về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch – vệ sinh, tiếp cận thông tin và nghề nghiệp, công ăn việc làm, gia đình có người tham gia tệ nạn xã hội, ... trên cơ sở đó, có biện pháp hỗ trợ phù hợp, đồng thời phải phân công cán bộ cấp xã, thị trấn trực tiếp giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo.

Thứ bảy, phát động mạnh mẽ phong trào ủng hộ, đóng góp vào "Quỹ vì người nghèo" và huy động nguồn kinh phí từ xã hội hóa đến mọi tổ chức kinh tế, xã hội, các tầng lớp dân cư, nhằm huy động nguồn lực chia sẻ trách nhiệm cộng đồng để hỗ trợ cho các hộ nghèo khó khăn về nhà ở.

Thứ tám, tăng cường và đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đào tạo cung ứng giải quyết việc làm trong và ngoài huyện.

Thứ chín, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo; làm tốt công tác thi đua khen thưởng kịp thời động viên những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các chương trình, mục tiêu giảm nghèo của huyện.

Cuối cùng là, thực hiện tốt công tác thông tin báo cáo 06 tháng, năm kết quả chương trình giảm nghèo theo qui định về Thường trực Ban Chỉ đạo giảm nghèo huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị TƯ lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020
- [2]. Nghị quyết số 76/2014/QH13 về việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.
- [3]. Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội
- [4]. Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015;
- [5]. Quyết định số 1614/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể “Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.” vào ngày 15/9/2015.
- [6]. Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/09/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;
- [7]. Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 18/12/2012 của HĐND huyện Lai Vung về Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 – 2015;
- [8]. UBND xã Tân Hòa, “Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền năm 2013”

- [9]. UBND xã Tân Hòa, “Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền năm 2014”
- [10]. UBND xã Tân Hòa, “Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền năm 2015”
- [11]. UBND xã Tân Hòa, “Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 – 2015”, năm 2016.
- [12]. UBND xã Tân Hòa, “Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền năm 2016”

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP VỀ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

SV. Hồ Hoàng Kiên

Lớp: ĐHCCTXH14A

GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc

Tóm tắt: Trong xã hội ngày nay người đồng tính phần lớn được thừa nhận và sống phổ biến ở nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam nhưng không phải ai cũng có được nhận thức đúng và đầy đủ về họ kể cả tầng lớp trí thức trẻ - sinh viên. Bên cạnh những sinh viên chấp nhận và xem người đồng tính như là một phần của xã hội thì vẫn còn một bộ phận sinh viên có những nhận thức sai lệch về người đồng tính. Qua việc khảo sát bằng bảng hỏi với số lượng 100 sinh viên, để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về người đồng tính, từ đó đánh giá nhận thức về vấn đề đồng tính của sinh viên, qua đó cũng đề ra một số giải pháp giúp sinh viên có cái nhìn thoáng hơn đối với người đồng tính cũng như vấn đề liên quan đến người đồng tính trong xã hội và các vấn đề xã hội khác đang tồn tại hiện nay. Thông qua bài viết này chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về thực trạng nhận thức của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp về người đồng tính.

Từ khóa: LGBT, nhận thức, đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính, chuyển giới

1. Giới thiệu

Trong xã hội ngày nay nhận thức về người đồng tính của bộ phận người dân còn nhiều hạn chế trong đó có cả tầng lớp trí thức trẻ - sinh viên. Một số người vẫn có quan niệm người đồng tính có thể thay đổi được xu hướng tính dục, bằng các biện pháp y học hay tâm lý; còn một số người lại nghĩ rằng, nguyên nhân của hiện tượng đồng tính là do các tác động về mặt tâm lý, tinh thần nên đã tìm mọi cách thuyết phục, ép buộc người đồng tính kết hôn với người khác giới để thay đổi xu hướng tính dục. Theo lời của Ths. Hoàng Tú Anh, Giám đốc Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số: “ông đã từng chứng kiến trường hợp, người cha thuê thầy cúng hóa giải duyên âm đến nỗi thậm chí đánh thuốc ngủ rồi cho người hiếp dâm con gái để chữa bệnh đồng tính cho con gái của mình”^[5].

Do đó, việc nhận thức về người đồng tính một cách đúng đắn là điều cần thiết. Những ảnh hưởng của định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người đồng tính

trong nhiều trường hợp khiến họ bị rối loạn tâm lý, thậm chí gây nên trầm cảm hay những tổn thương tinh thần.

Sinh viên là một tầng lớp xã hội đặc thù, đại diện cho tầng lớp tri thức trẻ. Nhưng không phải ai trong số họ cũng có được sự nhận thức đúng và đầy đủ về người đồng tính. Bài viết dựa trên kết quả cuộc khảo sát về “*Nhận thức, thái độ của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp về người đồng tính*” đợc thực hiện vào tháng 01/2017 bằng phýõng pháp nghiên cứu định lượng với dung lượng mẫu 100 kết hợp với phýõng pháp nghiên cứu định tính, khách thể nghiên cứu là sinh viên đang theo học tại trường lựa chọn theo phýõng pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Bài viết, cung cấp cho đọc giả cái nhìn cụ thể, khách quan về trạng nhận thức của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp về người đồng tính.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về nhận thức của xã hội đối với người đồng tính qua các thời kỳ

Ở phương Tây, theo các nhà khảo cổ học thì người đồng tính xuất hiện cách đây khoảng 6000 năm, đó là bộ hài cốt đợc tìm thấy tại ngôi làng Prague, Cộng hòa Czech^[8]. Qua các tài liệu văn học, mỹ thuật, ... thì ở thời cổ đại Hy Lạp có quan điểm khá thông thoáng đối với chuyện đồng tính luyến ái. Quan hệ đồng tính nam không chỉ là sở thích mà đợc xem như là một thể chế trong xã hội. Plato một nhà triết học thời cổ đại đã viết rằng, chuyện đồng tính trong quân đội đợc khuyến khích vì “tình yêu sẽ biến đổi một kẻ nhát gan nhất trở thành một người hùng đầy năng lực”^[7], và đội quân gồm 150 cặp đồng tính nam trong lịch sử Hy Lạp chính là minh chứng cho điều đó. Bên cạnh đó, nữ thi sĩ Sappho sống trên hòn đảo thơ mộng Lesbos của thời Hy Lạp xưa vào khoảng năm 625 đến 570 Trước Công Nguyên, đã viết nhiều tác phẩm hầu hết là những bài thơ tình về người phụ nữ mà bà yêu.

Nhưng đến thời kỳ Trung cổ, Châu Âu bị thống trị bởi tôn giáo và nhà thờ, vì thế đồng tính luyến ái ở giai đoạn này đợc xem là “hành vi chống lại tự nhiên” do đó bị cấm đoán triệt để. Sau đó đến giai đoạn Phục Hưng Châu Âu, người đồng tính đã phải chịu nhiều sự đàn áp, bị phạt và khởi tố. Cũng chính vì thế vào những năm cuối 1860, đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ sự ngăn cấm đối với hành vi đồng tính, đầu tiên ở Đức và dần dần lan ra các nước khác, đặc biệt phải kể đến “Bạo loạn Stonewall”, sự kiện này đánh dấu sự bắt đầu của cuộc đấu tranh cho

quyền lợi của người đồng tính ở Hoa Kỳ và trên toàn thế giới.. Ngày nay, một số nước đã chấp nhận hôn nhân đồng giới, đi đầu là quốc gia Illinois (tiểu bang Hoa Kỳ) đã hợp thức hóa hành vi đồng tính vào năm 1961.

Phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng, thì đồng tính được xem đã tồn tại từ lâu đời vào trong khoảng thế kỷ XVI và thế kỷ XVII, có một vài vua chúa có thể thiếp là đàn ông. Ngoài ra, sách sử còn ghi chép rằng vua Khải Định tuy có tất cả 12 bà vợ nhưng không thích đàn bà, chỉ thích đàn ông^[6]. Luật pháp trong thời kỳ phong kiến Việt Nam, các vua chúa cũng không đưa ra luật về quan hệ đồng tính, do đó không có ghi nhận nào về cấm đoán hay trừng phạt đối với tình dục đồng tính.

Từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX văn hóa phương Tây bắt đầu du nhập vào Việt Nam, đây được coi là sự mở màn cho lĩnh vực sáng tác nghệ thuật liên quan đến đồng tính, nhưng mãi về sau mới biết đó là tác phẩm nói về vấn đề người đồng tính. Chính quyền thực dân Pháp cũng không có quy định nào cấm đoán các hành vi tình dục đồng tính trong các thuộc địa.

Từ 1986 đến nay, kinh tế, chính trị và văn hóa ở Việt Nam đã có những bước chuyển mình mới, quan niệm của xã hội về vấn đề người đồng tính cũng có nhiều biến đổi, những khái niệm về đồng tính, quyền của người đồng tính cũng dần dần lộ diện. Ngày 7/4/1997 đám cưới đồng tính đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh được diễn ra, giới truyền thông đưa tin cùng với các thông điệp mang tính định kiến, phân biệt, lên án về người đồng tính, người dân cả nước bắt đầu tiếp cận đến những khái niệm “đồng tính”, “đồng giới”, “gay”,... Quốc Hội thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 có điều khoản “*cấm hôn nhân giữa những người cùng giới tính*” thay thế Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 vốn không có điều khoản này.

Cùng với đó, tỷ lệ người đồng tính nam bị nhiễm HIV/AIDS tăng cao càng khiến xã hội có cái nhìn không thiện cảm cho nhóm người này. Năm 2002, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội kêu gọi liệt kê đồng tính luyến ái trong các “*tệ nạn xã hội*” cần phải bài trừ như ma túy và mại dâm. Trong Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS năm 2004 Nhà nước ta đã đưa nhóm người đồng tính là một trong những nhóm đối tượng cần giám sát trọng điểm.

Ở khía cạnh văn học - nghệ thuật, năm 2000 lần đầu tiên người đồng tính nam được đưa vào tác phẩm “Một thế giới không có đàn bà” của Bùi Anh Tấn và cuốn tự truyện đầu tiên của một người đồng tính với nhan đề “Bóng” được xuất bản 2008 đã được đọc giả chào đón khá nồng nhiệt và nhanh chóng mở ra hướng mới đối với những người đồng tính. Các tác phẩm này đã khắc họa được phần nào thế giới của người đồng tính: họ phải che giấu sở thích tình dục thực sự của mình, tự giầy vò, ngay bản thân cũng không chấp nhận sự thực đó, ... qua đó, xã hội cũng bắt đầu hiểu hơn, thông cảm hơn với người đồng tính.

Sự cởi mở trong nhận thức xã hội về các vấn đề tình dục, ý thức sự tự do cá nhân, ngày càng có nhiều các nghiên cứu khoa học về tình dục đồng giới, nhiều các tổ chức xã hội hình thành để đấu tranh vì quyền của nhóm người đồng tính. Với quan điểm trên, pháp luật Việt Nam cũng có những thay đổi đáng kể. Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi năm 2014, bỏ quy định "*cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính*" từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tuy nhiên, Luật 2014 vẫn quy định "*không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính*" (khoản 2 Điều 8). Quốc Hội thông qua Bộ luật Dân sự (sửa đổi) ngày 24 tháng 11 năm 2015, trong đó có quy định về chuyển đổi giới tính và các quyền, nghĩa vụ liên quan. Luật có hiệu lực thi hành từ đầu năm 2017. Điều 37, Bộ luật này quy định: "*Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có các quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan*".

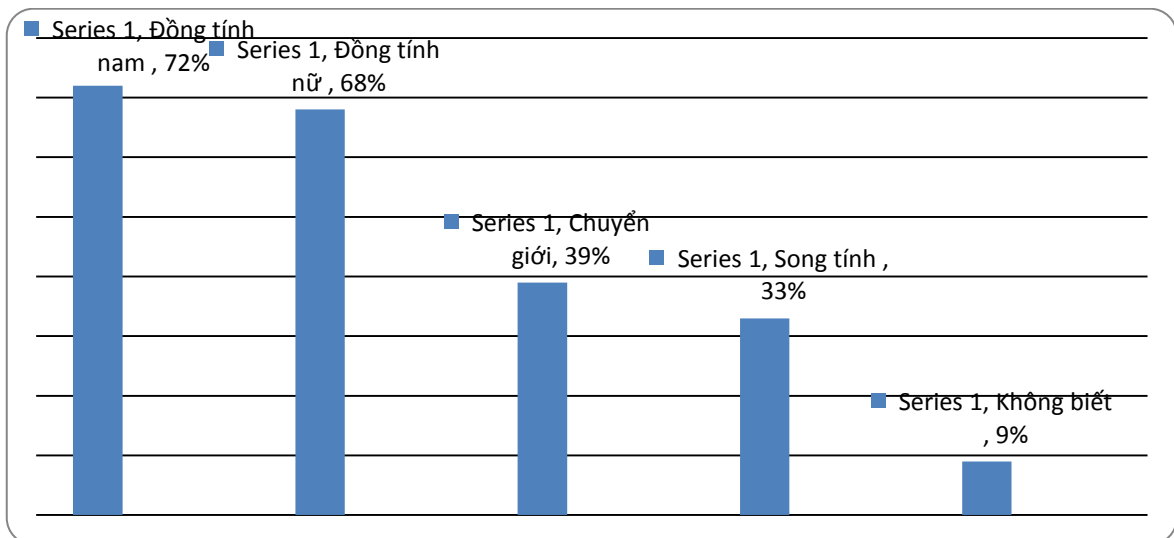
Tất cả những điều trên cho thấy, về mặt thể chế, người đồng tính trong xã hội Việt Nam phần nào đã được thừa nhận. Tuy nhiên, đâu đó trong xã hội ta vẫn còn nhiều người có nhận thức sai lệch về người đồng tính, họ vẫn giữ thái độ kỳ thị, định kiến khi tiếp xúc với người đồng tính, ... trong đó có cả giới trẻ, đặc biệt là sinh viên.

2.2. Sinh viên hiểu về khái niệm, tính chất của người đồng tính

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, đồng tính là "*quan hệ luyến ái, tình dục giữa những người cùng giới, đều có bộ phận sinh dục phát triển bình thường*"^[4]. Tuy nhiên, theo Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) thì khái niệm cộng đồng người đồng tính gọi tắt là LGBT gồm có đồng tính nữ (lesbian),

đồng tính nam(gay), song tính (bisexual) và chuyển giới (transgender) những thuật ngữ này còn khá mới mẻ tại Việt Nam và thực sự không có nhiều người biết hay hiểu chúng. Tuy nhiên, nếu không xuất phát từ những thuật ngữ này thì không thể hiểu đúng và đầy đủ về LGBT vì từ trước đến nay, đa số người dân trong xã hội kể cả sinh viên đề chỉ biết đến các khái niệm về giới tính nam, giới tính nữ,v.v... Do đó, trong cuộc sống đời thường nhiều người vẫn còn cách hiểu khá mơ hồ về những người mà họ gọi là đồng tính.

Biểu đồ 1. Người đồng tính theo cách hiểu của sinh viên

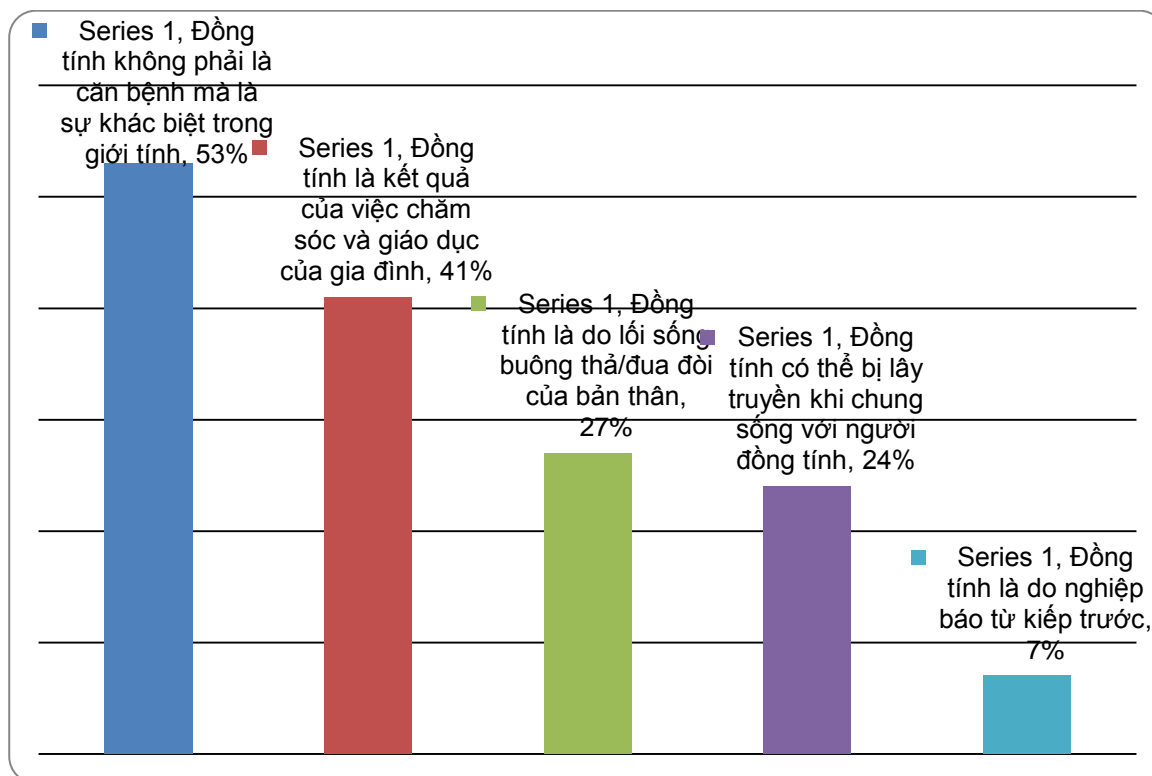


Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên hiểu khá rõ về những người mà họ gọi là đồng tính nhưng sự hiểu biết ấy không đầy đủ và sự hiểu biết cũng như kiến thức của sinh viên về người đồng tính chưa có sự đồng đều. Cụ thể khi được hỏi “*Theo bạn người đồng tính là những người nào trong bảng liệt kê dưới đây?*”, thì có 72% sinh viên cho rằng những người đồng tính là đồng tính nam, 68% cũng cho rằng những người đồng tính là đồng tính nữ, 39% sinh viên chọn người chuyển giới là những người đồng tính, 33% sinh viên chọn người song tính và đáng nói hơn là có đến 9% sinh viên được hỏi chọn phương án “*không biết*”.

Từ kết quả trên cho thấy khi nói về người đồng tính nhiều sinh viên chỉ biết đồng tính nam hoặc đồng tính nữ còn những người như chuyển giới, song giới hay liên giới hầu như rất ít sinh viên biết đến, đáng ngại hơn hết là có một bộ phận không nhỏ sinh viên không biết rõ về khái niệm người đồng tính mà họ hay dùng trong đời thường. Chính việc không biết và biết không đầy đủ về người đồng tính đã đưa đến những nhận thức sai lệch về người đồng tính.

Ngày nay dù y học chưa tìm ra nguyên nhân chính xác dẫn đến việc đồng tính ở người nhưng nhiều nhà khoa học đã chứng minh được rằng đồng tính là một khuynh hướng tự nhiên của tình cảm con người, do các yếu tố sinh học được kể tới như yếu tố di truyền, hooc-môn, phát triển con người, về gen, hệ thần kinh,.. Năm 1973 Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ đã tổ chức một cuộc bỏ phiếu loại đồng tính ra khỏi danh sách bệnh. Năm 1975 Hiệp hội tâm lý học Hoa kỳ và đến năm 1990 Tổ chức Y tế thế giới cũng đã loại đồng tính ra khỏi danh sách bệnh tâm thần. Điều đó cho thấy, đồng tính hoàn toàn không phải là bệnh, nó nằm ngoài mong muốn của cá nhân và không có khả năng lây truyền.

Biểu đồ 2. Hiểu biết về nguyên nhân dẫn đến đồng tính của sinh viên



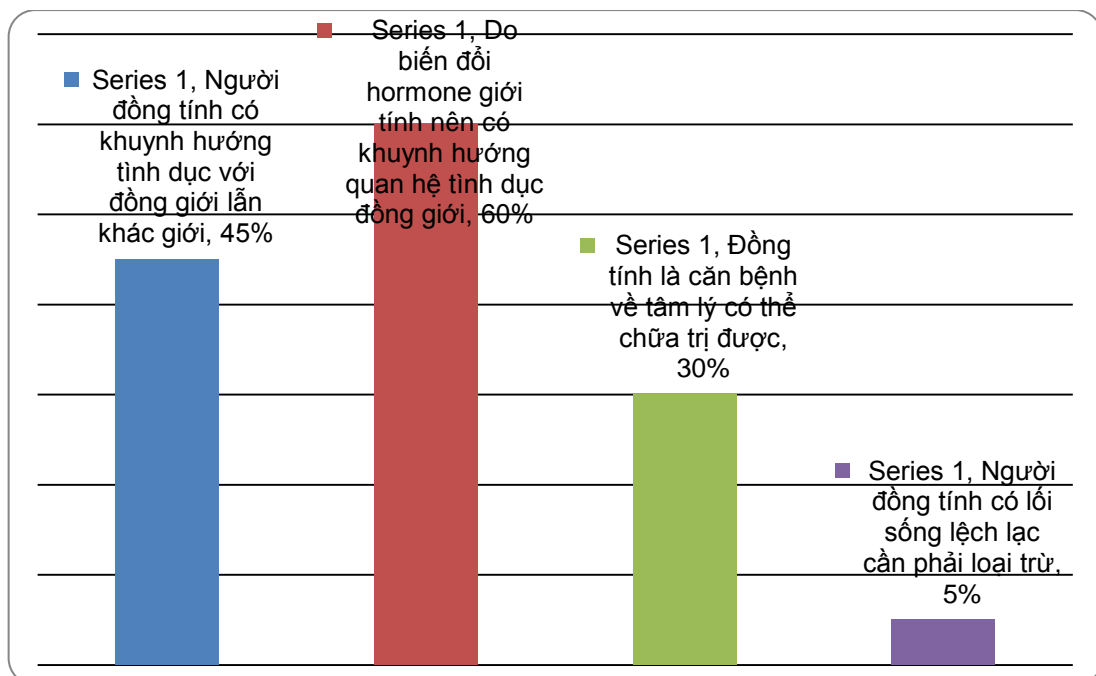
Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy có nhiều sinh viên có suy nghĩ sai lệch và vẫn còn khá hạn chế khi chỉ có 53% số người được hỏi đồng ý với phương án “đồng tính không phải là căn bệnh mà là sự khác biệt trong giới tính”; 41% quan niệm “đồng tính là kết quả của việc chăm sóc và giáo dục của gia đình”; 27% nghĩ rằng “đồng tính là do lối sống buông thả/đua đòi của bản thân”; 24% quan niệm “đồng tính có thể bị lây truyền khi chung sống với người đồng tính”; đặc biệt có 7% sinh viên có quan niệm lạc hậu mang tính dị đoan khi nghĩ “Đồng tính là do nghiệp báo từ kiếp trước”; ...

Kết quả này cho thấy kiến thức của sinh viên về người đồng tính vẫn còn khá hạn chế và cũng chính sự thiếu hiểu biết này đã đưa đến sự nhận thức sai lệch, có suy nghĩ méo mó và thái độ kỳ thị khi giao tiếp với người đồng tính.

2.3. Sinh viên hiểu về khuynh hướng, nguyên nhân của vấn đề luyện ái, tình dục của người đồng tính.

Cộng đồng người đồng tính gọi tắt là LGBT gồm có đồng tính nữ (lesbian), đồng tính nam (gay) , song tính (bisexual) và chuyển giới (transgender), trong mỗi loại đồng tính có một khuynh hướng tình dục khác nhau. Tuy có sự khác biệt về xu hướng tính dục nhưng người đồng tính vẫn có cơ thể phát triển như người bình thường và do có sự biến đổi về hormone trong cơ thể nên người đồng tính thường có quan hệ với nhau, và đồng tính không phải là một căn bệnh về tâm lý và nó cũng không phải là lối sống lệch lạc trong xã hội cần phải loại trừ. Tuy nhiên do thiếu kiến thức về người đồng tính nên nhiều sinh viên có suy nghĩ sai lệch về khuynh hướng tính dục của người đồng tính.

Biểu đồ 3. Quan niệm về khuynh hướng tình dục người đồng tính của sinh viên



Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 45% người được hỏi cho rằng “người đồng tính có khuynh hướng tình dục với đồng giới lẫn khác giới” trong khi đó chỉ có người song tính mới có khuynh hướng tình dục với cả nam lẫn nữ. Đồng thời chỉ có

60% số sinh viên được khảo sát đồng ý với quan niệm “do biến đổi hormone giới tính nên có khuynh hướng quan hệ tình dục đồng giới” số còn lại không đồng ý hoặc không biết. Chính sự hiểu biết hạn chế và thiếu đầy đủ về khuynh hướng tình dục của người đồng tính nên có đến 30% sinh viên được hỏi có nhận thức sai lệch khi cho rằng “đồng tính là căn bệnh về tâm lý có thể chữa trị được” và một bộ phận không nhiều nhưng đáng quan tâm 5% sinh viên được hỏi có suy nghĩ cực đoan rằng “người đồng tính có lối sống lệch lạc cần phải loại trừ”.

2.4. Cảm nhận từ người trong cuộc

Khi không được mọi người xung quanh thừa nhận, người đồng tính sẽ cảm thấy cô đơn, lạc lõng, thiếu tự tin và luôn dằn vặt trong suy nghĩ đau khổ: “*Mình cô đơn và cảm giác giống như mình là một người bình thường mà người khác cứ nghĩ mình là một “quái vật”*” (PVS 3 – đồng tính nữ). Ngược lại, nếu được thừa nhận và sống thật với bản thân mình họ mới cảm nhận được hạnh phúc, tự tin vào bản thân, cố gắng phấn đấu để thành công và cống hiến. “*Mình cảm thấy rất vui, có thể thoải mái làm chuyện mà mình thích, mọi thứ mình muốn làm, muốn thể hiện chứ không phải gò bó, gượng ép trong một cái vỏ bọc dưới cái nhìn của người khác*” (PVS1 – đồng tính nữ). “*Khi có những người bạn chấp nhận giới tính của mình, thì lúc đó cuộc sống của mình cảm thấy nhẹ nhàng hơn và những buồn phiền của mình có thể kể cho những người đó nghe, lúc đó cuộc sống của mình cảm thấy đỡ cô đơn và bớt khó khăn hơn*” (PVS2 – song tính nam).

Kết quả trên cho thấy việc nâng cao nhận thức của sinh viên về người đồng tính là hết sức cần thiết, bên cạnh việc trang bị thêm kiến thức là trả lại sự công bằng trong cách nhìn nhận, đánh giá về người đồng tính và hơn hết là trả lại cho họ cuộc sống mà họ vốn có.

3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức cho sinh viên về người đồng tính

Từ kết quả nghiên cứu trên, để giảm thiểu việc nhận thức sai lệch và để giảm thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử của sinh viên với người đồng tính trong quá trình người đồng tính đang hòa nhập với xã hội và để nâng cao nhận thức, thái độ cho sinh viên, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Bản thân sinh viên: Sinh viên cần bồi đắp kiến thức, phải chủ động tìm hiểu và có nhận thức đúng về các vấn đề xã hội nhất là vấn đề về người đồng tính. Sinh viên

nên có ý thức tôn trọng sự đa dạng của các cá nhân trong xã hội cũng như tôn trọng người đồng tính và con người thật của họ. Cần có cái nhìn thấu hiểu đối với các vấn đề có liên quan đến người đồng tính, tránh phán xét và quy kết, cần đặt mình vào hoàn cảnh của người đồng tính để có được cái nhìn từ người trong cuộc về những rào cản mà họ đang gặp phải. Cần xóa bỏ định kiến của bản thân và phải biết hướng đến một xã hội tự do, bình đẳng nơi mà những người đồng tính được đối xử công bằng.

Gia đình: Cần có kiến thức đúng về người đồng tính, song tính và chuyển giới như là các thể hiện xu hướng tình dục và tình dục đa dạng của con người. Tham gia các buổi tuyên truyền, các chương trình về vấn đề khuynh hướng tình dục và bản dạng giới. Tham gia các buổi tư vấn nhằm giúp giải tỏa các thắc mắc về người đồng tính. Thành lập các nhóm tương trợ cho các gia đình có con em là người đồng tính. Vận động cho việc xây dựng bộ luật về người đồng tính. Từ đó nâng cao kiến thức người đồng tính cho gia đình và cũng giúp gia đình có cái nhìn đúng hơn về người đồng tính nhằm để giáo dục con em mình cũng có cái nhìn đúng về vấn đề này.

Nhà trường: Cần có các mô hình tư vấn cho sinh viên về vấn đề đồng tính nhằm đưa ra những hỗ trợ và giáo dục kịp thời khi sinh viên có nhận thức không đúng về người đồng tính. Thực hiện lấy ý kiến, thắc mắc của sinh viên để xây dựng các chương trình, chuyên đề phù hợp. Đội ngũ thầy cô cần được cập nhật kiến thức về cộng đồng người đồng tính hoặc ngay cả khi chưa hiểu rõ về người đồng tính, cũng không áp đặt sự định kiến hay những thái độ tiêu cực, kỳ thị, phân biệt đối xử với người đồng tính lên sinh viên.

Xã hội: Cần có các buổi truyền thông cho toàn xã hội về sự đa dạng tính dục nhằm thay đổi nhận thức của xã hội đối với người đồng tính. Thực hiện các hoạt động làm giảm kỳ thị liên quan đến người đồng tính, đặc biệt là với các gia đình của người đồng tính. Cần xây dựng luật bảo vệ cộng đồng người đồng tính, truyền thông, và xây dựng cộng đồng người đồng tính, tổ chức các hỗ trợ như: trợ giúp pháp lý, tham vấn pháp lý hoặc phòng chống bạo lực cho cộng đồng người đồng tính là điều cần thiết. Phối hợp với nhà trường để đưa nội dung đa dạng tính dục vào trường học cũng như các chương trình ngoại khóa cho học sinh, sinh viên tham gia.

Nhóm nghiên cứu hy vọng báo cáo đánh giá này sẽ gợi mở các hướng nghiên cứu thực tiễn về chủ đề đồng tính của sinh viên cũng như những ai mong muốn thực hiện nghiên cứu khoa học trong thời gian sắp tới.

4. Kết luận

Qua việc phân tích các số liệu khảo sát, ta thấy rằng việc hiểu biết về khái niệm người đồng tính trong sinh viên còn nhiều hạn chế và còn có một bộ phận không nhỏ sinh viên không biết rõ về khái niệm người đồng tính mà họ hay dùng trong đời thường. Do cách hiểu sai về người đồng tính đã dẫn đến việc sinh viên cũng có những nhận thức sai về nguyên nhân dẫn đến đồng tính và những suy nghĩ tiêu cực và thái độ kỳ thị cũng làm ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý của người đồng tính. Trong mỗi loại đồng tính có một khuynh hướng tình dục khác nhau, tuy nhiên do thiếu kiến thức về người đồng tính nên nhiều sinh viên có suy nghĩ sai lệch về khuynh hướng tính dục của người đồng tính. Song song với những hạn chế, suy nghĩ tiêu cực về người đồng tính thì vẫn có một số sinh viên có cái nhìn tích cực, cũng như có cách nhìn nhận đúng đắn về con người của người đồng tính. Thông qua kết quả nghiên cứu trên, từ đó có thể mở rộng về phạm vi và nội dung nghiên cứu để tiến tới việc đánh giá sâu hơn nhận thức của sinh viên về người đồng tính, để đưa ra các giải pháp nhằm tạo cho sinh viên có thể hiểu rõ hơn về người đồng tính và xóa bỏ sự phân biệt đối xử đối người đồng tính đã tồn tại rất lâu trong xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Bích Hằng, “Đồng tính luyến ái trong giới trẻ hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 5(78), 2014.
- [2]. Nguyễn thị Minh Tâm, “Quyền của người đồng tính: Lý luận và Thực tiễn”, Hà Nội, 2013.
- [3]. Phạm Thị Hoa và Đông Thị Yên, “Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, số 5(70-79), 2015
- [5]. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, “Đồng tính luyến ái”, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995

- [5]. <http://www.nguoiduatin.vn/thue-thay-cung-cho-nguoi-hiep-con-de-cai-dong-tinh-a10509.html>
- [6].<http://www.reds.vn/index.php/lich-su/vinh-quang-dai-viet/4852-10-an-so-khong-loi-giai-trong-lich-su-viet-nam>
- [7]. <http://www.nguoiduatin.vn/doi-quan-dong-tinh-san-sang-chet-vi-ban-tinh-a57722.html>
- [8].<http://congtintuctonghop.com/phat-hien-nguoi-thuong-co-dong-tinh-35814.html>

“DIỄN BIẾN HÒA BÌNH” Ở VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

SV. Lê Thị Trúc Lin

Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: Bài viết này góp phần làm rõ khái niệm “diễn biến hòa bình”, phân tích những tác động tiêu cực của nó ở Việt hiện nay, chỉ ra tầm quan trọng của việc nâng cao bản lĩnh chính trị của sinh viên và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị trong sinh viên, góp phần nâng cao nhận thức cho họ trong việc phòng, chống “diễn biến hòa bình”.

Từ khóa: bản lĩnh chính trị, “diễn biến hòa bình”, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia đi theo con đường xã hội chủ nghĩa (XHCN) với những đặc thù quan trọng về mặt kinh tế, chính trị, xã hội cùng vị trí địa lý mang tính chiến lược từ lâu đã trở thành mục tiêu của các thế lực mang tham vọng xâm lược và tư bản hóa chế độ XHCN. “Diễn biến hòa bình” là biện pháp chiến lược lâu dài mà các thế lực thù địch sử dụng nhằm lật đổ chế độ XHCN ở Việt Nam và các nước XHCN nói trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc luôn được Đảng ta đặt lên hàng đầu, là nhiệm vụ chung của toàn dân tộc, chính vì vậy, phòng chống “diễn biến hòa bình” là quá trình đấu tranh khó khăn lâu dài và để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này cần không ngừng nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, bản lĩnh chính trị trong toàn dân, đặc biệt là các thế hệ học sinh, sinh viên, thanh niên. Bài viết này tìm hiểu khái niệm “diễn biến hòa bình”, phân tích một số nét thể hiện thực trạng của nó ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra vai trò và đề xuất một số giải pháp góp phần giáo dục bản lĩnh chính trị cho sinh viên, nâng cao ý thức phòng chống “diễn biến hòa bình”.

2. Khái quát thực trạng “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam

2.1. Khái niệm “diễn biến hòa bình”

“Trong lý luận nghiên cứu khoa học và thực tiễn, có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “diễn biến hòa bình”. Tuy nhiên về cơ bản và phổ thông thì

“Diễn biến hòa bình là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ nền chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước XHCN từ bên trong bằng các biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, phản động tiến hành” [2, tr.95].

Nếu như các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng các kẻ thù khác đã dùng bom đạn tàn phá thiên nhiên, giết hại đồng bào gây nên những thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần vô cùng to lớn thì chiến lược “Diễn biến hòa bình” lại là một cuộc chiến tranh đơn phương không khí giới những tác hại của chiến lược này ngấm ngấm lật đổ chế độ nếu không được phát hiện và đấu tranh kịp thời thậm chí còn nguy hại hơn những cuộc chiến tranh quân sự.

“Diễn biến hòa bình” là chiến lược mà các thế lực thù địch nhằm vào tất cả các lĩnh vực của các nước XHCN: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, an ninh, đối ngoại, nhằm làm suy yếu dẫn đến xóa bỏ tính XHCN trong một quốc gia. Các thế lực thù địch đứng dưới bóng của các hình nộm tự do, dân chủ, quyền tự do tôn giáo, bình đẳng dân tộc để kích động mâu thuẫn trong xã hội, làm mờ hồ giai cấp và làm lệch hướng sự đấu tranh giai cấp. Thâm độc hơn là chúng truyền bá lối sống tư sản tiêu cực, trụy lạc vào bộ phận giới trẻ, đặc biệt là sinh viên – một trong những chủ nhân tương lai của đất nước trở thành người lơ bàng quan trước thời cuộc, suy giảm lòng tin và phai nhạt lý tưởng XHCN.

2.2. Thực trạng “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam

Chủ nghĩa đế quốc luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống chủ nghĩa xã hội. Từ năm 1995 đến nay, trước những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới của Đảng”, các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh về thủ đoạn chống phá nước ta. Bên ngoài, chúng xóa bỏ “Cấm vận kinh tế” nhưng thực chất bên trong lại đẩy mạnh các hoạt động “dính líu”, “ngấm”, “sâu hiểm” để chống phá cách mạng Việt Nam. Mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch khi thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam là xóa bỏ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tăng cường lệ thuộc vào chúng. Để thực hiện mục tiêu đó, chúng sử dụng các âm mưu chống phá toàn diện trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, tư tưởng văn hóa, quốc phòng- an ninh,... gây nên những thiệt hại nhất định. Cụ thể:

Về kinh tế, chúng chuyển hóa nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dần thành nền kinh tế tư bản, kích lệ thành phần kinh tế tư nhân theo xu hướng phát triển tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa. Cùng với việc chúng lợi dụng viện trợ, đầu tư vốn để đưa ra các điều kiện về kinh tế - chính trị nhất định nhằm can thiệp sâu rộng vào nền kinh tế và đời sống chính trị của nước ta hòng thao túng, gây bất ổn và làm suy yếu nền kinh tế Việt Nam.

Về chính trị: chúng rêu rao chiêu bài “Đa nguyên, đa Đảng” với mục đích thâm độc nhằm gây chia rẽ, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Mượn có tự do dân chủ để chia rẽ dân tộc gây “bạo loạn lòng dân”. Chia bè phái lôi kéo dụ dỗ, can thiệp vào nội bộ Đảng, đưa ra những tư tưởng đi ngược với lí tưởng XHCN. Cụ thể, đòi nước Việt Nam tồn tại nhiều đảng lãnh đạo, quan điểm này được các thế lực thù địch tung hô như một cuộc tuyên truyền tự do, dân chủ, văn minh chính trị kiểu phương Tây. Thực chất văn minh chính trị phương Tây là nền văn minh tiến bộ, dân chủ. Tuy nhiên, do điều kiện chính trị, văn hóa khác nhau nên sẽ không phù hợp nếu mang văn minh chính trị phương Tây vào áp dụng ở Việt Nam. Đây là một hệ thống lí luận chính trị phản động, dễ gây ngộ nhận cho người thiếu hiểu biết bởi lí lẽ của chúng là vì dân chủ của nhân dân- đó là sự đánh lừa về hình thức. Nó kêu gọi mọi người ủng hộ bởi vẻ mỹ miều và đạo đức nhân văn giả tạo, thực chất phía sau lại là lưỡi dao chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Tư tưởng đa nguyên đa đảng là tư tưởng đối nghịch với hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác- Lênin, để đạt được mục tiêu chúng buộc tìm mọi cách thủ tiêu chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

Về tư tưởng văn hóa, đây là thủ đoạn được coi là thâm độc nhất của các thế lực “Diễn biến hòa bình” bởi lẽ việc đầu độc được tư tưởng là đầu độc được hành động, điều khiển được hành vi theo ý muốn của chúng, gây nên tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, công chức của đất nước. Chúng thực hiện các hoạt động nhằm xóa bỏ chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng xã hội chủ nghĩa ra khỏi mục tiêu cuộc sống của nhân dân, khi các lý tưởng ấy bị lung lay, chúng tuyên truyền lối sống tiêu cực vào nhân dân, khiến họ giảm độ thiết tha với con đường và con người XHCN. Chúng đầu độc ý chí của giới trẻ bằng văn hóa phẩm đồi trụy thông qua truyền thông, internet, lối sống dân chủ tư sản, “Tây hóa” dần dần làm bản sắc dân tộc bị thay thế trong bộ phận này. Chúng ta nói

nhieu về thủ đoạn tư tưởng bởi lẽ đây là thủ đoạn ngấm ngầm, nhưng có ảnh hưởng quan trọng, việc phát hiện và khắc phục hậu quả lại vô cùng khó khăn. Thế lực thù địch tìm mọi cách để xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa Mác- Lênin và các lãnh tụ, chúng tuyên truyền quan điểm sai lầm rằng đường lối của Đảng là sai lệch với thực tế, rằng chủ nghĩa Mác- Lênin không phù hợp với thực tế Việt Nam, rằng chủ nghĩa xã hội là một hình thức xã hội không tưởng. Vừa phản bác chủ nghĩa Mác- Lênin, chúng tuyên truyền vào Việt Nam những tư tưởng đối nghịch với chủ nghĩa Mác, hòng làm mất sự thống nhất trong Đảng, tạo dư luận hoang mang trong nhân dân về Đảng. Hoạt động tuyên truyền diễn ra quy mô với số lượng lớn các phương tiện truyền thông tin. Chẳng hạn, trong 5 năm trở lại đây, bình quân mỗi năm ta thu giữ 4.856 và 16.530 thư tài liệu có nội dung phản động. Riêng Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất có những năm đã phát hiện thu giữ 2.131 cuộn băng video, đĩa có nội dung xấu, phản động, đòi truy, 843 tạp chí sách báo có nội dung như trên. Ngay năm sau đó, số băng thu được là 1.501, tài liệu sách báo là 434 [1, tr.47]. Những con số này chỉ là phần nổi của vô số của phương tiện đang phá hoại tư tưởng nhân dân ở nước ta, chưa dừng lại ở đó, các thế lực còn tập hợp lực lượng hình thành các tổ chức chính trị đối lập chống phá cách mạng. Chúng kêu gọi các thế lực chống đối Đảng ta, hỗ trợ, cổ vũ việc tập hợp các nguy quân, văn nghệ sĩ, những người bất đồng chính kiến với Đảng, nuôi dưỡng các lực lượng lớn mạnh, liên kết các lực lượng với nhau và đứng sau điều khiển các hoạt động chống đối, gây rối. Hiện nay đã phát hiện 34 tổ chức phản động được hỗ trợ từ nước ngoài được thành lập. “Diễn biến hòa bình” thúc đẩy tự chuyển hóa phân hóa trong nội bộ đặc biệt là các thành viên trong hệ thống chính trị, và do vậy, đây là một thủ đoạn rất thâm độc hòng phá hoại tổ chức của Đảng và bộ máy nhà nước ta.

Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển, lợi dụng công cụ này các thế lực thù địch đánh vào tư tưởng của nhân dân ta, mở các cuộc tấn công đánh cắp các bí mật nội bộ, dùng Internet mang các văn hóa phẩm đòi truy, bạo lực, phản động đến nhân dân ta đầu độc giới trẻ tạo ra những tính cách, hành động “đi biệt” một cách phức tạp hiện nay; tạo những luồng thông tin sai lệch đả kích chính trị nước ta.

Về dân tộc, tôn giáo, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc khác nhau cùng chung sống trên lãnh thổ. Sức mạnh nước ta là sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc và bình đẳng các dân tộc là chính sách mang tính nhân văn tạo lập niềm tin

của Đảng và Nhà nước ta trong nhân dân. Nhận ra điều đó, dựa vào chiêu bài tự do bình đẳng và những khó khăn của các dân tộc thiểu số, thế lực thù địch đã xúi giục các dân tộc nổi dậy, giành chính quyền, đồng thời tuyên truyền chủ nghĩa li khai, đòi thành lập nhà nước riêng.

Hiện nay, Việt Nam có 6 tôn giáo lớn và rất nhiều tôn giáo nhỏ khác số tín đồ chiếm hơn 25% dân số [1, tr.43]. Mặc dù công tác quản lý của Đảng ta thực hiện tốt song chúng vẫn lợi dụng những kẽ hở hoặc xuyên tạc chính sự quản lý ấy mà tuyên truyền tư tưởng phản động và mở rộng tôn giáo vì mục đích chính trị riêng. Cách để các thế lực thù địch sử dụng tôn giáo như một tổ chức phản động trá hình, dễ tập hợp, dễ tuyên truyền, dùng đức tin khiến các tín đồ trở nên mù quáng mà vô tình trở thành tay sai của kẻ thù chính dân tộc mình.

Về quốc phòng- an ninh, lợi dụng các hợp tác quốc tế như trong thời gian diễn ra Hội nghị APEC 14 và chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Mỹ năm 2006, tổ chức “Chính phủ Việt Nam tự do” đã chỉ đạo thu thập số điện thoại, email của học sinh, sinh viên, thanh niên để thử nghiệm chương trình phát thanh trực tuyến qua mạng internet và điện thoại di động nhằm kêu gọi, kích động xuống đường biểu tình. Chúng xâm nhập tăng cường các tình báo về bí mật quốc gia. Thực hiện phi chính trị hóa quân đội và công an khiến các lực lượng này xa rời mục tiêu chiến đấu và lý tưởng cách mạng.

Về đối ngoại, dựa vào hội nhập và hợp tác quốc tế để gây sức ép về kinh tế, dùng hợp tác và giao lưu để hòa tan tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam. Chia rẽ khối đoàn kết giữa Việt Nam - Lào- Campuchia, hạn chế các dự án đầu tư hợp tác từ nước ngoài vào Việt Nam đây cũng là một trong những sách lược về kinh tế kết hợp với thủ đoạn về đối ngoại nhằm thực hiện chiến lược chống phá nền kinh tế XHCN.

“Diễn biến hòa bình” diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống với âm mưu và thủ đoạn ngày càng tinh vi và thâm độc hơn. Tuy nhiên, để đẩy nhanh âm mưu của mình, các thế lực thù địch luôn tìm cách tăng cường lực lượng để mở rộng phạm vi ảnh hưởng và tăng hiệu quả của các thủ đoạn đưa ra.

3. Vai trò của việc giáo dục bản lĩnh chính trị nhằm nâng cao ý thức phòng chống “diễn biến hòa bình” trong sinh viên

Để thực hiện được âm mưu mở rộng lực lượng và nâng cao hiệu quả của những thủ đoạn, các thế lực thù địch đặc biệt chú ý đến đối tượng sinh viên vì những đặc điểm đặc thù của đối tượng này:

Về mặt số lượng, sinh viên Việt Nam ở các khối trường đại học, cao đẳng và các hệ trung cấp, trường nghề chiếm số lượng rất lớn vì các mục tiêu phát triển dân trí của nước ta ngày càng được nâng cao. Nếu nắm được lực lượng sinh viên trong tay sẽ có tay sai số lượng đông và ổn định trong thời gian dài.

Về đặc trưng lứa tuổi, sinh viên có độ tuổi từ 18-30, có sức khỏe cùng với việc hoạt động xã hội năng động, mối quan hệ xã hội rộng, dễ dàng hòa nhập với tập thể. Nếu dùng thành phần này để gây những kích động sẽ tạo nên những làn sóng vô cùng mạnh mẽ trong xã hội. Đặc biệt, sinh viên có trình độ học vấn, có uy tín nhất định và có cơ hội nắm giữ các chức vụ quan trọng trên các lĩnh vực khác nhau.

Cùng với việc một bộ phận sinh viên hiện nay chưa thực sự quan tâm đến những vấn đề chung của đất nước cùng với lối sống thực dụng dẫn đến bản lĩnh chính trị còn non yếu, đặt ra một yêu cầu cấp bách về việc nhận thức đúng vai trò của bản lĩnh chính trị đối với sinh viên.

Bản lĩnh chính trị nói một cách dễ hiểu là khả năng nhận thức và ứng phó trước những âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Là niềm tin vững chắc vào lý tưởng của Đảng, sự trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chế độ XHCN.

Giáo dục bản lĩnh chính trị có vai trò to lớn mang tính quyết định trong việc nâng cao nhận thức phòng chống “Diễn biến hòa bình” trong sinh viên, bởi lẽ bản lĩnh chính trị bao gồm trình độ chính trị và niềm tin, sự tự hào đối với tổ quốc của mỗi cá nhân. Việc nâng cao trình độ chính trị cho sinh viên được các nhà trường tổ chức nhằm bồi dưỡng thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng CNXH và phát triển xã hội. Dựa trên cơ sở ấy, sinh viên mới có thể nhận thức được đúng sai và có khả năng ứng phó trước mọi âm mưu của kẻ thù, bảo vệ bản thân không trở thành nạn nhân của những âm mưu ấy. Đồng thời ý thức được trách nhiệm và vai trò của mình trong việc giữ vững được lý tưởng CNXH trong tương lai và góp phần xây dựng đất nước theo lý tưởng ấy.

Giáo dục bản lĩnh chính trị trong sinh viên luôn đi đôi với việc hình thành cho sinh viên niềm tin vào uy tín của Đảng, lòng tự hào đối với tổ quốc, dân tộc mình để sinh viên là những thế hệ tiếp nối nhau giữ gìn những bản sắc của dân tộc, không bị đồng hóa bởi các nền văn hóa khác du nhập vào Việt Nam vì bất cứ mục đích gì. Để thực hiện thành công nhiệm vụ giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên cần thiết thực hiện các nhóm giải pháp sau:

Một là, đầu tư, nâng cấp, ứng dụng các phương tiện, thiết bị truyền thông, thông tin đại chúng nhằm chuyển tải kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến sinh viên, kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, diễn biến tư tưởng của sinh viên để định hướng, giúp đỡ và nâng cao ý thức và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ này. Hướng dẫn sinh viên sử dụng các sản phẩm công nghệ và truyền thông theo hướng lành mạnh, tích cực, ngăn ngừa nguy cơ tiếp cận với các thông tin sai trái của các thế lực thù địch, đặc biệt là các thông tin trên mạng internet.

Hai là, các hoạt động tập thể và đoàn thể mỗi sinh viên tham gia nhằm mục đích bồi dưỡng lòng tự hào đối với dân tộc, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của đất nước. Việc tổ chức các hoạt động này vừa là nơi vui chơi vừa là những bài học hoàn thiện ý thức và niềm tin trong nền tảng nhận thức của sinh viên. Hạn chế khả năng bị đồng hóa bởi các văn hóa khác đồng thời biết cách chống lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Ba là, tổ chức các câu lạc bộ giáo dục lối sống giản dị trong sinh viên từ hướng sinh viên giản dị trong việc sử dụng vật chất đến lành mạnh trong tâm hồn, từ đó tránh xa những đua đòi, lối sống xa xỉ mà dần quên đi lý tưởng con người CNXH, dễ bị dụ dỗ tiếp tay cho các thế lực thù địch.

Bốn là, để nâng cao trình độ lý luận chính trị trong sinh viên, ngoài việc học tập các môn học về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cần đổi mới nội dung, phương thức học tập, sinh hoạt, bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị, đặc biệt là nâng cao chất lượng dạy và học các môn học giáo dục quốc phòng – an ninh.

Năm là, phòng và chống “Diễn biến hòa bình” trong sinh viên là hai nhiệm vụ đi đôi với nhau nhưng quan trọng vẫn là phòng “Diễn biến hòa bình” xảy ra đối với lực lượng này. Thứ nhất về phía xã hội và nhà trường, luôn luôn quan tâm giải

quyết các vấn đề và nhu cầu thỏa đáng trong sinh viên, giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các bức xúc nảy sinh nếu có, không để các thế lực thù địch lợi dụng sơ hở này có cơ hội lôi kéo, kích động sinh viên. Thứ hai, về phía sinh viên đối với những vấn đề mang tính đường lối chính sách của Nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích, hoặc nhận thấy những bất đồng do những chính sách này mang lại phải có trách nhiệm kịp thời phản ánh với nhà trường hoặc địa phương tìm hướng giải quyết, ngăn ngừa nguy cơ can thiệp từ các thế lực thù địch.

Sáu là, tự tu dưỡng, rèn luyện của cá nhân mỗi sinh viên về truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, ý thức tự tôn dân tộc; chăm lo học tập, rèn luyện về phẩm chất, năng lực và đạo đức, tinh thần khởi nghiệp, phấn đấu trở thành người công dân có ích, sống sáng tâm, sáng tạo, sáng suốt là cách tốt nhất để ngăn ngừa, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Việc giáo dục bản lĩnh chính trị cho sinh viên là trách nhiệm phối hợp giữa nhà trường và các đoàn thể, tổ chức cùng các biện pháp giáo dục linh hoạt, toàn diện và lâu dài nhằm nâng cao ý thức phòng chống “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam.

4. Kết luận

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn đứng trước nguy cơ chống phá từ các thế lực thù địch qua chiến lược “diễn biến hòa bình”. Qua nhiều chiêu bài can thiệp vào tình hình nội bộ, hòng chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, bên cạnh việc tuyên truyền, phát tán thông tin sai trái, vu cáo, bịa đặt, gây hoang mang trong dư luận xã hội, các thế lực thù địch luôn toan tính lôi kéo, mua chuộc, dụ dỗ một bộ phận nhân dân ta, đặc biệt là đội ngũ sinh viên vào chiến lược độc ác của chúng. Để ngăn ngừa và đẩy lùi chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, nhân dân ta, đặc biệt là sinh viên, thanh niên – những thế hệ tương lai của đất nước, cần không ngừng học tập, tu dưỡng, trau dồi truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, nâng cao ý thức cảnh giác, bản lĩnh chính trị, góp phần xóa bỏ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, xây dựng lòng tin và hành động thiết thực vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Quốc Dương, *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016.
- [2]. Đào Huy Hiệp và nnk, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng- An ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2011.
- [3]. Phạm Văn Sơn, “Nhận diện thủ đoạn diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, ngày 20-7-2015. <http://tapchiquptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/nhan-dien-thu-doan-dien-bien-hoa-binh-tren-linh-vuc-tu-tuong-van-hoa/7798.html>, truy cập ngày 22/3/2013.
- [4]. Lương Thanh Tân, Lê Văn Tùng, “Quan tâm bồi dưỡng giáo dục ý thức tự tôn dân tộc cho thanh niên hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số tháng 5, 2014, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=27489&print=true>, truy cập ngày 16/4/2017.

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN Ở VIỆT NAM VÀ GIÁ TRỊ HIỆN THỜI CỦA NÓ

SV. Trần Thị Mỹ Liên

Lớp: ĐHGDC T 14A

GVHD: ThS. Mai Thị Thanh

Tóm tắt: Trên cơ sở khái quát những vấn đề lý luận về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, bài viết đã làm rõ những giá trị to lớn mà tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên mang lại. Từ đó, cho chúng ta thấy được sự cần thiết phải có ý thức giữ gìn, phát triển hình thức tín ngưỡng này đúng với bản chất và giá trị của nó, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân trong xã hội hiện nay.

Từ khóa: giá trị, tín ngưỡng, thờ cúng, tổ tiên, thờ cúng tổ tiên

1. Đặt vấn đề

Thờ cúng tổ tiên là một hiện tượng xã hội xuất hiện từ rất lâu và trải qua thời gian tồn tại lâu dài nó đã trở thành một tập tục truyền thống mang tính phổ biến ở nhiều quốc gia, dân tộc. Cho đến ngày nay tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người, đáp ứng nhu cầu tinh thần và tâm linh của họ. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn là biểu hiện của một dạng văn hóa tinh thần đặc biệt, sản phẩm của văn hóa. Có thể nói, thờ cúng tổ tiên là một hình thái đặc biệt của phép ứng xử, không đơn thuần chỉ là cách ứng xử giữa người với người mà là giữa con người với những giá trị vĩnh hằng. Chính điều này đã tạo sự hấp dẫn đối với những người muốn tìm hiểu về nó. Trải qua thời kì lịch sử lâu dài nhưng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ tồn tại mà còn phát triển phổ biến ở nhiều quốc gia, dân tộc chứng tỏ được giá trị tinh thần đặc biệt của mình. Liệu tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có giá trị như thế nào mà luôn được mọi người tin tưởng và duy trì cho đến ngày nay? Bài viết này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về giá trị của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đồng thời giúp chúng ta có cái nhìn đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về nó.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, phong tục thờ cúng tổ tiên hay còn được gọi khái quát là Đạo Ông Bà, là tục lệ thờ cúng những người đã chết. Tín ngưỡng này phát

triển ở nhiều dân tộc Châu Á và đặc biệt phát triển trong văn hóa Việt và văn hóa Trung Hoa. Đối với người Việt, thờ cúng tổ tiên gần như trở thành một phong tục, đa phần gia đình nào cũng có bàn thờ tổ tiên trong nhà hay ít nhất là có treo di ảnh một cách trang trọng.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được nhiều nhà nghiên cứu tìm hiểu và giải thích theo nhiều nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, thông thường tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được hiểu theo hai nghĩa:

Theo nghĩa hẹp: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ - những người cùng chung huyết thống đã mất - những người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng con cháu.

Theo S.A. Tokarev: Thờ cúng tổ tiên, “đó là sự thờ cúng ông bà, cha mẹ và những người đồng tộc đã chết và trước hết là các hình thức gia đình - thị tộc của sự thờ cúng đó, tức là lòng tin rằng tổ tiên đã chết che chở cho con cháu đang sống, và những lễ nghi cầu xin do các thành viên thị tộc hay gia đình tiến hành nhằm thờ phụng tổ tiên” [4, tr.313]. Ở đây, S.A. Tokarev đã gạt ra ngoài những hình thức, đối tượng được thờ cúng chung của toàn bộ lạc hoặc dân tộc mà chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình và thị tộc.

Theo nghĩa rộng: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ là thờ những người có cùng huyết thống trong gia đình, họ tộc mà còn mở rộng ra tổ tiên của cả nước, thờ cúng những người có công dựng nước và giữ nước. Về điểm này, giáo sư Đặng Nghiêm Vạn viết: “đạo thờ cúng tổ tiên được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ thờ những người có công sinh dưỡng đã khuất, nghĩa là những người có cùng huyết thống, mà thờ cả những người có công với cộng đồng làng xã, đất nước” [7, tr.305]. Thờ cúng tổ tiên của từng gia đình – họ tộc, làng xã, quốc gia có nhiều khâu, nhiều hình thức khác nhau, nhưng đã trở thành một chỉnh thể có quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau, nó phản ánh quan hệ gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng, gia đình với đất nước. Vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có nguồn gốc hình thành như thế nào?

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ra đời bắt nguồn từ ba nguồn gốc:

Nguồn gốc xã hội: Do sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn tới sự thay đổi của các tổ chức xã hội. Trong xã hội có sự thay đổi, chuyển từ chế độ thị tộc mẫu quyền sang chế độ thị tộc phụ quyền đã dẫn đến sự thay đổi trong quan niệm tôn giáo. Từ chỗ thờ cúng vật thiêng, các thần che chở thị tộc và thờ vật tổ dưới chế

độ thị tộc mẫu quyền chuyển sang thờ tổ tiên thật – thờ người – dưới chế độ thị tộc phụ quyền.

Nguồn gốc nhận thức: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được hình thành trên cơ sở của một quá trình nhận thức lâu dài. Do sự bất lực của người nguyên thủy trước các sức mạnh của lực lượng tự nhiên, con người khiếp sợ trước các sức mạnh đó nên đã thần thánh hóa các lực lượng tự nhiên rồi đến các loài động vật, thực vật, đánh dấu sự ra đời của tín ngưỡng vật tổ giáo. Cũng từ sự phát triển của nhận thức, con người bắt đầu biết thờ cúng linh hồn người chết. Vì thế, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên chính là sản phẩm của sự kết hợp giữa ba yếu tố: thần che chở cho gia đình – thị tộc, tổ tiên tô tem giáo, linh hồn người chết.

Nguồn gốc tâm lý, tình cảm: Do sự xuất phát từ quan niệm về linh hồn tổ tiên, về sức mạnh màu nhiệm thể hiện ở sự che chở, phù trợ của tổ tiên và tâm lý muốn tâm sự, gửi gắm, giải tỏa những bức xúc trong đời sống tâm linh của con người. Hơn nữa tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ra đời còn do “sự sợ hãi trước các dòng họ đã chết” như học giả S.A.Tokarev đã khẳng định. Nhưng nếu chỉ vì sự sợ hãi mà thờ cúng tổ tiên thì chưa chắc tín ngưỡng này có thể tồn tại đến ngày nay. Mà là do lòng hiếu thảo, sự thành kính, biết ơn của con cháu dành cho các bậc đã sinh thành, nuôi dưỡng và tạo lập cuộc sống cho họ.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ra đời, tồn tại và phát triển ở Việt Nam cho đến nay đã trải qua những hình thức sau:

- *Thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ.*

Thờ cúng tổ tiên trong gia đình được hình thành xuất phát từ lòng hiếu thảo của con cái đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ khi đã khuất. Cha mẹ có công lao sinh thành, dưỡng dục như “trời cao biển rộng” do đó bổn phận của con cái là phải kính trọng, hiếu thảo, chăm sóc cha mẹ khi cha mẹ còn sống. Lúc cha mẹ mất đi thì con cái phải chăm lo hương khói, thờ phụng cha mẹ, không làm điều sai trái để linh hồn cha mẹ không hổ thẹn ở thế giới bên kia. Bên cạnh đó, người Việt còn có quan niệm tổ tiên, ông bà, cha mẹ khi mất đi sẽ trở thành những vị thần hộ mệnh giúp đỡ, che chở cho con cháu tránh những điều không may mắn trong cuộc sống. Vì thế mà ở Việt Nam, ngay từ khi xây nhà người ta rất trọng đến không gian đặt bàn thờ tổ tiên và hầu như gia đình nào cũng có bàn thờ tổ tiên. Ở mỗi gia đình Việt, việc cúng tổ tiên trong gia đình không chỉ được thực hiện vào những ngày rằm hằng tháng, ngày

giỗ, ngày tết cổ truyền, những dịp quan trọng trong gia đình như cưới xin, ma chay,... Mà nó còn được tiến hành khi trong nhà có chuyện vui, chuyện buồn, đau ốm, sinh nở, thi cử, đỗ đạt, đi xa,... như một hình thức trình báo với ông bà, tổ tiên về những việc trong gia đình.

Bên cạnh, việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình mình, mỗi người còn có nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên trong dòng họ. Hình thức thờ cúng này phổ biến ở Trung Quốc và Việt Nam. Song, Trung Quốc có thể nói là nơi điển hình nhất cho hình thức tín ngưỡng này. Nếu như ở Việt Nam không phải dòng họ nào cũng có nhà thờ tổ, thì Trung Quốc lại khác, hầu như dòng họ nào cũng có từ đường làm nơi thờ cúng ông tổ của dòng họ. Việc thờ cúng tổ tiên trong dòng họ được diễn ra trong nhà thờ tổ. Nhà thờ tổ được giao cho gia đình trưởng họ trông nom và hương khói. Vào những dịp lễ tổ hàng năm hoặc khi có việc trong dòng họ thì cả họ sẽ đến nhà trưởng họ để dự lễ và hưởng lộc.

- Thờ thành hoàng.

Thờ thành hoàng là việc thờ cúng những người có công đánh giặc giữ nước, cứu nhân độ thế, khai hoang lập ấp, những vị tổ nghề. Thờ thành hoàng là hình thức tín ngưỡng xuất hiện muộn hơn so với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ. Vị thần đầu tiên ở nước ta được phong thành hoàng là thần Tô Lịch. Mãi cho đến sau này tới thế kỷ XVI – XVII thì tín ngưỡng thờ thành hoàng mới phổ biến và tồn tại đến nay. Ngày nay, tín ngưỡng thờ thành hoàng rất phổ biến ở các làng xã Việt Nam, từ đồng bằng sông Hồng đến đồng bằng sông Cửu Long hầu như đều có đình thờ thành hoàng. Ở Việt Nam, một số làng thờ những vị anh hùng dân tộc, có công đánh đuổi giặc ngoại xâm làm “thành hoàng” làng mình là như: Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Hoàn, Tô Hiến Thành, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo,... Bên cạnh đó, cũng có một số làng thờ những vị có công truyền dạy cho dân làng một nghề thủ công nào đó như Hứa Vĩnh Kiều - vị tổ nghề gốm Bát Tràng, Nguyễn Công Truyền - vị tổ nghề đúc đồng...

- Thờ cúng tổ tiên dân tộc (Quốc gia)

Thờ cúng tổ tiên dân tộc là việc thờ cúng những người được coi là thủy tổ của cả dân tộc, khai sinh ra quốc gia, dân tộc. Thờ cúng tổ tiên của người Việt là sự thể hiện ý thức hướng về cội nguồn chung của cả dân tộc, thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công khai sinh ra quốc gia, dân tộc. Trong chế độ quân chủ chuyên

ché, nước ta có đặc điểm là suy tôn một cá nhân làm đại diện cho cả cộng đồng quốc gia. Người đó là vua – thần (Thiên tử) đại diện cho trời giúp dân lo việc nước, do đó ông vua trở thành cha mẹ của muôn dân. Theo quan niệm đó, vua Hùng được xem là tổ tiên của dân tộc Việt và hằng năm nước ta tổ chức lễ hội thờ vua Hùng, để ghi nhớ công ơn người có công dựng nước. Bên cạnh tục thờ trời mà đại diện là vua – thần, vẫn còn những truyền thuyết, huyền thoại về nguồn gốc và các vị thủy tổ riêng. Theo truyền thuyết của người Việt, mẹ Âu Cơ là tổ mẫu của người Việt, là người đầu tiên khai sinh ra dân tộc Việt Nam. Mỗi con người Việt Nam luôn ghi nhớ công ơn của mẹ Âu Cơ, của vua Hùng, những người đã khai sinh quốc gia, dân tộc mình.

Như vậy có thể thấy rằng, dù ở cấp độ nào, hình thức nào thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn không ngoài ý nghĩa là tưởng nhớ đến những người có công sinh thành, những người khai làng lập ấp, khai thiên lập địa, họ là những người đã tạo nên cuộc sống của chúng ta hôm nay.

2.2. Giá trị của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam hiện nay

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên xuất hiện từ rất lâu đời, trải qua thời kì tồn tại lâu dài nhưng dường như tín ngưỡng này không bị phai mờ mà ngày càng có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của mỗi con người. Chính giá trị của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã tạo nên sự hấp dẫn thu hút mọi người tìm hiểu và ngày càng tin tưởng vào tín ngưỡng này, góp phần giúp cho nó ngày càng phát triển phổ biến hơn. Vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có giá trị như thế nào mà lại giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam cho đến nay? Theo tác giả, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên gồm có giá trị văn hóa, giá trị nhân văn và giá trị tâm linh, tinh thần.

Thứ nhất, giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Theo quan niệm của giáo sư Ngô Đức Thịnh có viết: “Giá trị văn hóa do con người trong mỗi xã hội sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, nhưng một khi hệ giá trị đã hình thành thì nó lại có vai trò định hướng cho các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong các xã hội ấy” [6]. Có thể thấy rằng, giá trị văn hóa là những gì do con người chúng ta sáng tạo ra trong quá trình lịch sử lâu dài, nó có vai trò định hướng cho các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong xã hội. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên chứa đựng bên trong nó giá trị văn hóa.

Bởi vì, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được hình thành từ rất lâu đời trong xã hội Việt Nam. Tín ngưỡng này được hình thành bắt nguồn từ ba nguồn gốc đó là: nguồn gốc xã hội, nhận thức và tâm lí, tình cảm. Tuy được hình thành từ ba nguồn gốc cơ bản nhưng nhìn chung tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ra đời chính là do con người sáng tạo ra, nhằm đáp ứng nhu cầu của con người lúc bấy giờ. Đồng thời, tín ngưỡng này ra đời còn có vai trò quan trọng trong việc hướng con người đến với cái thiện, với những điều tốt đẹp, định hướng hành động của con người. Nó như một công cụ vô hình chi phối suy nghĩ và hành động của con người.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một trong những nét đẹp trong nền văn hóa Việt Nam. Tín ngưỡng này thể hiện ý thức ghi nhớ về cội nguồn của mỗi con người đối với ông bà, tổ tiên, đối với cội nguồn của làng xã, quốc gia dân tộc. Tổ tiên trong tín ngưỡng của người Việt Nam ngoài kỵ, cụ, ông bà, cha mẹ,... những người đã sinh ra mình thì còn là “Mẹ Âu Cơ”, còn là “Vua Hùng”, người đã sinh ra các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Nhân dân ta có câu: “Dù ai đi ngược về xuôi/Nhớ ngày giỗ tổ mùng 10 tháng 3”. Câu ca dao này phân nào nói lên ý thức nhớ về cội nguồn của dân tộc ta thông qua việc thờ cúng tổ tiên. Hằng năm, cứ đến ngày mùng 10 tháng 3, mọi người gần xa rủ nhau về thắp hương cho các vua Hùng, để ghi nhớ công ơn của các vua Hùng đã có công dựng nước và giữ nước, đồng thời muốn nhắc nhở con cháu sau này về đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Như vậy có thể thấy rằng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên như một lời nhắc nhở về nguồn gốc, cội nguồn của mình. Thông qua đó, mỗi người dân Việt Nam dù đi đâu về đâu vẫn luôn ghi nhớ nguồn gốc của mình, ý thức được trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước.

Ngoài ra, giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn biểu hiện thông qua hình thức thờ cúng của nó. Ở Việt Nam hầu như gia đình nào cũng có bàn thờ tổ tiên, việc thờ cúng tổ tiên dần đã trở thành bản sắc văn hóa trong mỗi gia đình Việt. Cúng tổ tiên không chỉ diễn ra vào những ngày giỗ chạp, lễ, tết, ngày mùng một, ngày rằm hằng tháng, những dịp gia đình có sự kiện quan trọng mà nó còn diễn ra hằng ngày trong cuộc sống của mỗi gia đình. Tín ngưỡng này tuy xuất hiện rất lâu nhưng không bị mờ nhạt bởi thời gian mà còn được mọi người lưu giữ, phát triển cho đến ngày nay. Tín ngưỡng này dần đã trở thành nếp sinh hoạt không thể thiếu trong mỗi gia đình Việt. Thông qua quy định về nơi đặt bàn thờ, cách bày trí

bàn thờ tổ tiên, nghi thức thờ cúng, những lễ vật cúng tế trong hình thức thờ cúng tổ tiên,... đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của người Việt.

Thứ hai, giá trị nhân văn của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn có vai trò quan trọng trong việc định hướng con người đúng với luân thường đạo lý, đặc biệt là “đạo làm người”. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên định hướng cho con người làm tròn bổn phận của con cái đối cha mẹ, của mỗi con người đối với tổ tiên dân tộc mình. Đó chính là sự hiếu thảo, lòng biết ơn đối với những bậc sinh thành, những người có công khai hoang lập ấp, những người có công dựng nước và giữ nước. Hiếu thảo là một trong những đức tính tốt đẹp của mỗi con người, ở đây sự hiếu thảo không chỉ là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ nữa mà nó được phát triển ở quy mô rộng hơn là “hiếu với nước, hiếu với dân”. Khi còn sống cha mẹ đã có công sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục con cái, khi cha mẹ mất đi con cái phải có bổn phận chăm lo hương khói, thờ phụng cha mẹ đúng với đạo làm con. Đối với những người có công khai hoang lập ấp, có công dựng nước và giữ nước cũng thế, họ đã ra sức xây dựng và bảo vệ quốc gia, dân tộc. Lúc còn sống họ được mọi người kính trọng, tôn sùng đến lúc mất đi mọi người phải luôn ghi nhớ công ơn của họ. Đó là đạo lý thấm nhuần tính nhân văn của người Việt “uống nước nhớ nguồn”, “làm con phải hiếu”.

Thông qua nghi lễ thờ cúng tổ tiên, người Việt Nam ngoài việc muốn gửi gắm sự biết ơn đồng thời cũng muốn nói lên lòng hiếu thảo nhân nghĩa đối với tổ tiên, với những người đã khuất. Họ tin rằng sau khi mất ông bà tổ tiên không hoàn toàn biến mất mà vẫn có mối liên hệ với con cháu, nên phận làm con cháu phải lo tròn chữ hiếu, phải thực hiện bổn phận với ông bà, tổ tiên như lúc còn sống. Công cha, nghĩa mẹ như núi cao, nước nguồn cho nên phải hiếu thảo với cha mẹ khi còn sống và thành kính, biết ơn, tiếc thương khi cha mẹ đã mất. Lòng hiếu thảo là giá trị đạo đức quý báu của mỗi con người Việt Nam, chính lòng hiếu thảo đã giúp cho giá trị nhân văn của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam được thể hiện sâu sắc hơn, đầy đủ hơn.

Thứ ba, giá trị tâm linh, tinh thần của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Ngoài giá trị về văn hóa, giá trị nhân văn tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn mang trong mình giá trị tâm linh, tinh thần. Về mặt tâm linh, tâm linh là những hiện tượng kỳ bí, chưa lí giải được, nằm ngoài hiểu biết thông thường của con người. Giá trị

tâm linh của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được thể hiện thông qua nghi lễ thờ cúng, nghi thức này nhằm xác lập “mối liên hệ” giữa người sống với người chết, giữa người ở thế giới hiện tại với người ở thế giới tâm linh. Theo quan niệm nhân sinh của người Việt Nam: “sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn”. Với người Việt Nam, chết chưa phải là hết, tổ tiên lúc nào cũng bên cạnh người sống, luôn dõi theo động viên, trợ giúp cho con cháu trong cuộc sống hằng ngày. Vì thế mà ngoài những ngày giỗ của tổ tiên, lễ, tết, ngày mừng một, ngày rằm hằng tháng thì việc cúng tổ tiên còn được tổ chức vào những ngày gia đình có sự kiện quan trọng như cưới vợ, gả chồng, làm nhà, thi cử, đi xa,... một mặt để trình báo gia tiên về những sự kiện quan trọng gia đình, mặt khác còn mong muốn con cháu nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của gia tiên.

Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn có giá trị về mặt tinh thần. Tinh thần là bao gồm ý thức và trí tuệ thể hiện trong sự kết hợp với tư duy, cảm xúc, ý muốn, tri giác, tác động to lớn đến suy nghĩ và hành động của con người. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên như một công cụ vô hình xoa dịu tinh thần của con người, bởi vì tín ngưỡng này ảnh hưởng rất lớn đến đời sống tinh thần của con người. Mỗi khi con người gặp khó khăn, khổ hạnh trong cuộc sống, họ cảm thấy bất lực, họ tuyệt vọng và tưởng chừng không thể vượt qua được. Họ cần một chỗ dựa, chỗ dựa này có thể xoa dịu tinh thần, tạo niềm tin để họ vượt qua tất cả những khó khăn trong cuộc sống. Lúc này, họ tìm đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với mong muốn sẽ nhận được sự che chở, bảo vệ, giúp đỡ, phù trợ của tổ tiên, bởi vì trong tiềm thức của họ tổ tiên luôn theo sát mình. Chính niềm tin đó tạo nên một liều thuốc tinh thần giúp họ sống tốt hơn, có thể vững vàng vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, đồng thời giúp mọi người xích lại gần nhau hơn.

Như vậy có thể thấy rằng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có giá trị to lớn trong đời sống tín ngưỡng của mỗi quốc gia, dân tộc trong đó có Việt Nam. Nó không chỉ chứa đựng trong mình giá trị văn hóa, mà nó còn có giá trị nhân văn hướng con người đến với cái tốt đẹp, cái thiện. Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn có giá trị về mặt đời sống tâm linh, tinh thần giúp con người có niềm tin để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

3. Kết luận

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa, không chỉ có Việt Nam mà các nước trên thế giới đang mở cửa hội nhập, giao lưu văn hóa. Trong quá trình hội nhập, giao lưu văn hóa sẽ không thể tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của nền văn hóa ngoại lai. Vì thế, việc bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là điều cần thiết và là một bộ phận không thể thiếu trong chính sách chống đồng hóa nền văn hóa dân tộc. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng mang đậm bản sắc văn hóa Việt, nó được xem như một vũ khí để bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ mang đậm bản sắc văn hóa Việt mà nó còn có giá trị nhân văn hướng con người sống đúng với luân thường đạo lý, “uống nước nhớ nguồn”. Từ đó củng cố thêm lòng hiếu thảo, một trong những giá trị đạo đức truyền thống của người Việt. Đồng thời, nó còn đáp ứng nhu cầu tâm linh, tinh thần của con người, giúp con người có niềm tin vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, giúp mọi người xích lại gần nhau hơn. Với những giá trị to lớn của mình, tác giả tin rằng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam nói riêng, ở nhiều quốc gia, dân tộc trên thế giới nói chung sẽ còn tồn tại lâu dài và có xu hướng ngày càng phát triển hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đinh Kiều Nga, *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, bản sắc văn hóa của người Việt*, 01/03/2017,
http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/1426/Tin_nguong_tho_cung_to_tien_ban_sac_van_hoa_cua_nguoi_Viet
- [2]. Kim Quý (2012), *Tìm hiểu phong tục thờ cúng của người Việt ứng dụng trong cuộc sống & kinh doanh*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [3]. Trần Đăng Sinh: *Nguồn gốc và bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên*, tạp chí Triết học, 21/09/2013 2:30.
http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/nguon_goc_ban_chat_tin_nguong_tho_cung_to_tien.html

- [4]. S.A. Tokarev (1994), *Những hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Lương Thị Thoa, Đinh Văn Nghĩa, Nguyễn Thị Kiều Trang, Trần Nam Trung (2015), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [6]. Ngô Đức Thịnh, *Một số vấn đề lý luận nghiên cứu hệ giá trị văn hóa truyền thống trong đổi mới và hội nhập*, 23/02/2010 15:59
<http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/1593-ngo-duc-thinh-nghien-cuu-he-gia-tri-van-hoa-truyen-thong.html>
- [7]. Đặng Nghiêm Vạn (1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG THÁP

SV. Lê Hoài Nam

SV. Nguyễn Thị Ý Nhi – SV. Nguyễn Thanh Nhã

Lớp: CTXH14A

GVHD: ThS. Trần Văn Luận

Tóm tắt: Bài báo này khái quát kết quả nghiên cứu tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp. Qua các khảo sát thực tế từ hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em tại đây, nhóm nghiên cứu cho rằng nhân viên công tác xã hội tại Trung tâm đã hoàn tất nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ trẻ em, tuy nhiên xét ở nhiều khía cạnh chuyên môn của Công tác xã hội, nhân viên tại đây chủ yếu thể hiện vai trò chăm sóc là chính, nhiều vai trò khác vẫn còn chưa rõ hoặc còn những hạn chế nhất định

Từ khóa: Nhân viên công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, vai trò

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, ngành Công tác xã hội đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công tác với trẻ em, thanh thiếu niên, đặc biệt là nhóm trẻ em mồ côi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Bên cạnh những trợ giúp của xã hội và cộng đồng về mặt kinh tế, tài chính thì những đóng góp về mặt chức năng xã hội, tâm lý, tình cảm, các kỹ năng đối phó với thách thức của công tác xã hội đối với trẻ em là không thể phủ nhận. Vì vậy, Đảng và nhà nước ta đã tăng cường sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt tới nhóm trẻ em mồ côi thông qua các chương trình, chính sách có liên quan. Các đề án có nội dung về chăm sóc và bảo vệ trẻ em được phê duyệt tạo điều kiện hình thành những mô hình chăm sóc thiết thực cho các em, giúp các em được sống trong gia đình thay thế như: các trung tâm bảo trợ xã hội, các trại trẻ mồ côi, nhà tình thương, mái ấm... Tại đây, các em không chỉ được sống một cuộc sống đầy đủ vật chất mà còn ấm áp về tinh thần, các em luôn được tạo mọi điều kiện để có thể đến trường như các bạn đồng trang lứa. Tuy nhiên, theo sự quan sát thì nhân viên tại Trung tâm chỉ làm nhiệm vụ chăm sóc và nuôi dưỡng các em ở đây theo cái tâm và thực hiện theo chuyên ngành của bản thân chứ chưa thật sự làm đúng với chuyên ngành công tác xã hội. Nhận thức được vai trò quan trọng của nhân viên xã hội trong chăm sóc bảo vệ trẻ em tại các cơ sở chăm sóc tập trung nên nhóm tác giả chọn đề tài

nghiên cứu “ *Hiệu quả hoạt động của nhân viên công tác xã hội tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Tỉnh Đồng Tháp*” để làm rõ hơn nữa tính hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ của nhân viên xã hội tại đây, từ đó đưa ra các giải pháp góp phần cải thiện chất lượng chăm sóc trẻ em tại các cơ sở này.

2. Nội dung chính

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin bằng cách thăm dò ý kiến của 14 trẻ có độ tuổi từ 8 tuổi trở lên trong đó có 8 trẻ em nam và 6 trẻ em nữ hiện tại đang được nuôi dưỡng và sinh sống tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh đó nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu đối với 1 cán bộ quản lý và 2 nhân viên chăm sóc của Trung tâm.

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu: Thống kê mô tả và so sánh dữ liệu thu thập được.

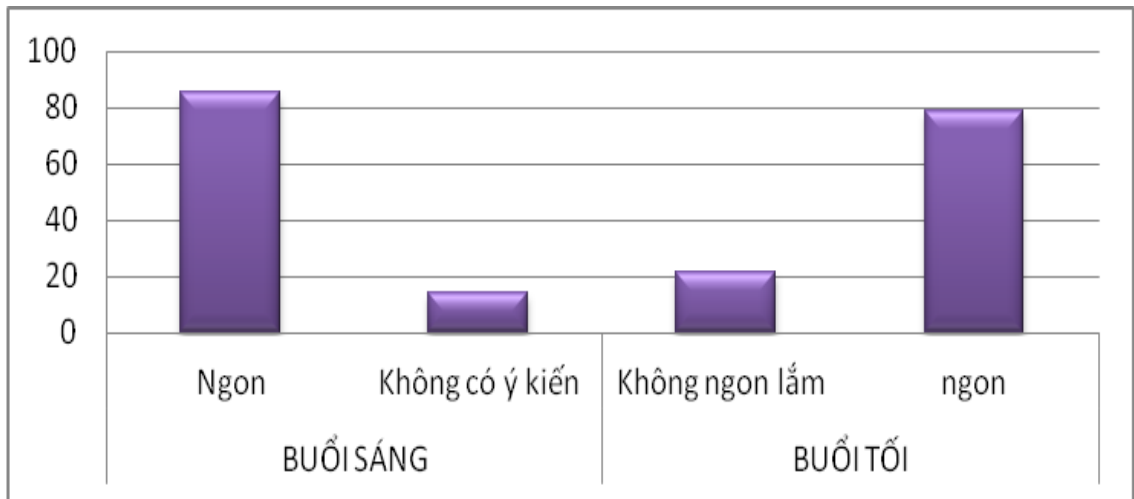
2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Vai trò người chăm sóc, cung cấp các điều kiện sống cơ bản

2.2.1.1. Về dinh dưỡng

Song song với việc chăm sóc thì chế độ dinh dưỡng của các em cũng phải được đảm bảo đủ chất lượng và an toàn. Vì các em đang trong giai đoạn của sự phát triển, cả về thể chất lẫn trí tuệ. Bên cạnh đó, chế độ dinh dưỡng của các em không những phải được đáp ứng bình thường mà cần phải quan tâm nhiều hơn. Cũng giống như câu “ Ăn không chỉ để no mà ăn còn để lo cho sức khỏe”. Vì vậy, dinh dưỡng đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống mỗi con người mà đặc biệt hơn đó là đối với trẻ em. Do đó biểu đồ sau để thể hiện cho việc chăm sóc dinh dưỡng cho các em tại Trung tâm.

Trên thực tế khảo sát thì buổi ăn trong ngày của các em được chia thành ba buổi chính với tổng số 14 lượt trả lời cho câu hỏi này chiếm 100% đáp ứng đầy đủ các buổi ăn trong ngày của một trẻ. Bên cạnh đó thì việc đáp ứng chế độ dinh dưỡng cũng rất quan trọng, không phải cứ mỗi một ngày ăn ba buổi ăn là có thể đáp ứng được đầy đủ dinh dưỡng nên có bảng số liệu sao khảo sát về điều này.

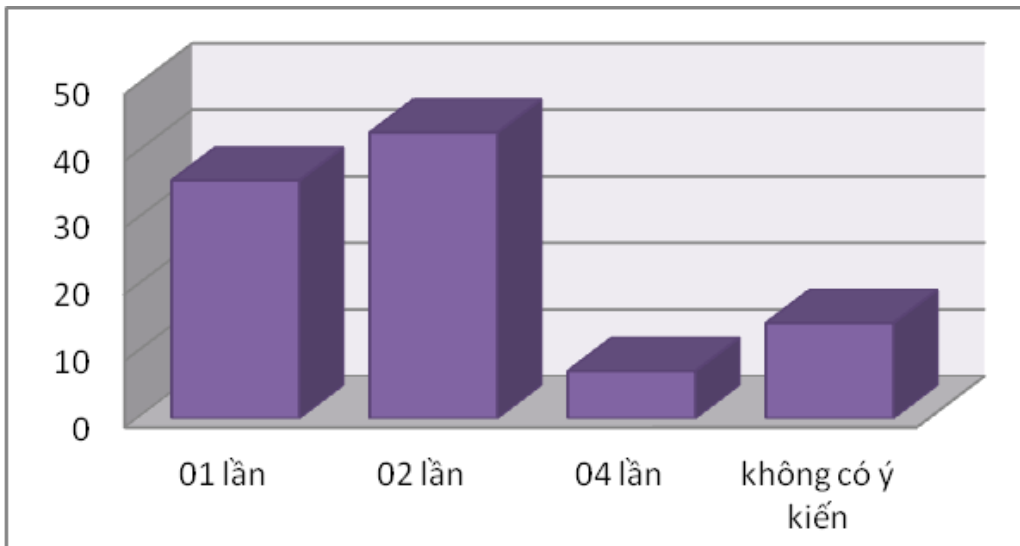


Biểu đồ 1: Thể hiện buổi ăn sáng và buổi ăn tối của trẻ em

Từ biểu đồ trên ta thấy được sự đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ đảm bảo được mức độ ăn uống hàng ngày của một đứa trẻ. Có thể nói mỗi con người đều có nhu cầu và mong muốn về món ăn khác nhau nên cần phải thay đổi món ăn thường xuyên để đáp ứng được nhu cầu của đứa trẻ đồng thời việc thay đổi bữa ăn như vậy sẽ đảm bảo được chế độ dinh dưỡng. Phòng vấn cán bộ nữ 32 tuổi, nhân viên chăm sóc cho biết “*hàng ngày sẽ thay đổi khẩu phần ăn, thức ăn gồm những loại rau, cá và thịt, mỗi bữa ăn thì có hai món*”. Số liệu cho thấy vào buổi ăn trưa thì có 3 lượt trả lời không ngon lắm chiếm 21%, có 11 người trả lời là ngon chiếm 78%. Đối với buổi ăn tối trong ngày thì có 12 lượt trả lời ăn ngon chiếm 85,7%, có 2 lượt không có ý kiến chiếm 14,3%. Từ số liệu trên ta nhận thấy chế độ dinh dưỡng để đáp ứng nhu cầu của các trẻ đã đảm bảo cho sự phát triển của trẻ.

2.1.1.2. Chăm sóc sức khỏe

Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em là vấn đề được ưu tiên hàng đầu ở mỗi gia đình và cộng đồng. Với Trung tâm bảo trợ xã hội, vấn đề chăm sóc trẻ lại càng phải được quan tâm hơn bởi tính chất sống tập trung, phòng ở đông đúc, chật chội dễ phát sinh và lây lan các bệnh truyền nhiễm. Liên quan vấn đề này chúng tôi tiến hành khảo sát và cho ra kết quả theo biểu đồ sau:



Biểu đồ 2: Thể hiện việc khám chữa bệnh định kỳ của các em

Khảo sát mỗi năm các em được khám định kỳ, chữa bệnh. Tổng số có 12 lượt trả lời có tổ chức khám định kỳ, chữa bệnh cho các em chiếm 85.7%, có 5 lượt trả lời đi khám định kỳ, chữa bệnh 1 lần mỗi năm chiếm 35.7%, 6 lượt trả lời đi khám định kỳ, chữa bệnh 2 lần mỗi năm chiếm 42.9%, có 1 lượt trả lời đi khám định kỳ, chữa bệnh 4 lần mỗi năm chiếm 7.1%. và có 2 lượt không trả lời đi khám định kỳ, chữa bệnh mỗi năm chiếm 14.3%.

Vậy qua bảng số liệu cho thấy có tổng 14 lượt các em trả lời cho việc đi khám định kỳ, chữa bệnh mỗi năm chiếm 100%. Nhìn chung số liệu qua bảng cho thấy số lượt khám định kỳ, chữa bệnh cho các em cũng được sự quan tâm lo lắng của các nhân viên quản lí tại Trung tâm, nhưng bên cạnh đó bản thân của các em chưa hiểu được về việc chăm sóc sức khỏe cho mình nên các em vẫn cần được hỗ trợ và tư vấn thêm vấn đề sức khỏe cho các em được tốt hơn, theo lời của nữ cán bộ 32 tuổi là nhân viên chăm sóc tại Trung tâm “ *việc khám chữa bệnh cho các em tại Trung tâm chỉ có một trung cấp y sĩ do đó việc chăm sóc và hỗ trợ tư vấn sức khỏe cho các em vẫn còn gặp khó khăn*”.

2.1.1.3. Việc đáp ứng các chế độ sinh hoạt, vui chơi, giải trí

Các em được cấp phát toàn bộ sinh hoạt phí và đồ dùng cá nhân như: xà phòng, kem đánh răng, thau, chậu rửa mặt, khăn mặt, dầu gội đầu... Những đồ dùng sinh hoạt này được Trung tâm cấp phát theo nhu cầu sử dụng chứ không theo định kỳ.

Hàng tuần các em được ra ngoài Trung tâm để đi học, sinh hoạt với các bạn trong lớp, sinh hoạt cá nhân, tham gia các hoạt động xã hội do nhà trường tổ chức dưới sự cho phép của nhân viên tại Trung tâm, quá trình phỏng vấn sâu nữ cán bộ, 32 tuổi, là nhân viên chăm sóc các trẻ em tại Trung tâm *“trước khi ra ngoài để làm việc gì, các em đều phải xin phép cô, chú quản lí tại Trung tâm, được sự cho phép các em mới được đi”*.

Hàng năm đối với các em có gia đình thì trung tâm sẽ tạo điều kiện cho các em về chơi với gia đình, không chỉ vào các ngày lễ, dịp tết mà ngay cả trong tuần, trong tháng nếu các em có nhu cầu mong muốn được về thăm gia đình, Trung tâm sắp xếp hỗ trợ cho các em được về thăm gia đình.

Ngoài việc tổ chức cho các em học văn hóa, nâng cao kiến thức, nhân viên xã hội ở Trung tâm còn kết hợp với một số công ty, doanh nghiệp, thanh niên tình nguyện để tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, các trò chơi mang tính giáo dục giúp các em rèn luyện về thể lực, đạo đức, hòa nhập với cộng đồng. Do nhu cầu sinh hoạt vui chơi giải trí là điều cần thiết để đảm bảo cho sự phát triển và tồn tại của mỗi cá nhân đặc biệt là các trẻ em đang sống trong một môi trường tập thể, nếu như nhu cầu được thỏa mãn tạo cảm giác thoải mái và an toàn cho sự phát triển toàn diện, nhân viên xã hội cần là người đáp ứng những nhu cầu cần thiết đó, ngược lại nếu không đáp ứng được những nhu cầu mong muốn vui chơi giải trí, thể dục thể thao, văn nghệ sẽ gây sự căng thẳng và sẽ dẫn đến hậu quả không theo mong muốn. Vì thế nhu cầu mong muốn được đáp ứng sẽ là động lực kích thích cá nhân hoạt động một cách tích cực hơn *“nhu là cần thiết, cần là đòi hỏi, mong muốn, nhu cầu là một yếu tố cần thiết, tất yếu để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của cá nhân”*.

2.1.1.4. Về sự quan tâm, chia sẻ tình yêu thương

Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, nguy cơ bị rối nhiễu tâm lý còn cao hơn rất nhiều so với trẻ em khác do ảnh hưởng từ những biến cố gia đình, bản thân. Các nguy cơ có thể dẫn đến rối nhiễu tâm lý ở trẻ như thay đổi hoàn cảnh sống, sự miệt thị, chê bai từ những người xung quanh, mối liên kết gia đình lỏng lẻo, lây nhiễm các luồng tư tưởng không lành mạnh.

Qua nghiên cứu, tìm hiểu tại Trung tâm, chúng tôi nhận thấy phần lớn các em có hoàn cảnh gia đình hết sức thiệt thòi: bố, mẹ mất sớm, ly hôn, bỏ nhà đi không trở về, mắc các chứng bệnh liên quan đến thần kinh, đang trong thời gian thi hành án lâu năm... Trước khi vào sống tại Trung tâm, các em không những ăn uống không đảm bảo dinh dưỡng, nơi ở tạm bợ mà còn thiếu thốn tình yêu thương của các thành viên trong gia đình, sự bảo vệ, che chở trước những biến cố, rủi ro. Hoàn cảnh gia đình thiệt thòi ngay từ nhỏ là nguyên nhân khiến cho các em luôn cảm thấy tự ti, mặc cảm về số phận, e ngại tiếp xúc, chia sẻ thậm chí xa lánh mọi người.

Để đảm bảo các em không gặp phải sự chêu chọc, đùa giỡn, miệt thị từ phía bạn bè, nhân viên xã hội thường xuyên trao đổi với cô giáo chủ nhiệm cùng chỉ bảo, uốn nắn các em từng lời ăn tiếng nói, cách cư xử đúng mực và thái độ tôn trọng những người xung quanh. Với mỗi hành vi nói bậy, chửi thề bị phát hiện, trung tâm đều đưa ra hình thức xử lý thích đáng tùy theo mức độ và số lần tái phạm. Ở mức độ nhẹ, các em phải xin lỗi bà hoặc mẹ và viết bản kiểm điểm nộp lên cho bà. Nếu mức độ vi phạm cao, để lại ảnh hưởng xấu đến Trung tâm và các bạn trong Trung tâm, các em phải viết cam kết không tái phạm, thậm chí bị buộc trở về địa phương. Cho đến nay, chưa có bất kỳ trường hợp nào tái phạm mức độ nặng tới mức Trung tâm phải trả các em về địa phương.

2.2.2. Vai trò người bảo vệ, phòng ngừa nguy cơ thương tích

Trẻ em sinh sống tại các Trung tâm và cơ sở bảo trợ xã hội có nguy cơ cao bị thương tích do tính chất sống và sinh hoạt tập trung cũng như mức độ quan tâm, theo dõi không cao từ người lớn. Trong nghiên cứu của chúng tôi tại Trung tâm, có một ý kiến cho rằng mình bị bắt nạt trong vòng 06 tháng qua, khi các em bị bắt nạt thì nhân viên chăm sóc là người đứng ra bảo vệ các em.

Qua tìm hiểu, được biết tại Trung tâm và nhà tình thương hiện nay vẫn không có bảo vệ, tức là không có người trông coi và quản lí những người ra vào Trung tâm, vì vậy sẽ dễ dẫn đến những mối đe dọa cho các em mà các nhân viên tại Trung tâm khó lường trước được vấn đề nguy hiểm đến sức khỏe và tinh thần của các em. Như chia sẻ của cán bộ nam trong Trung tâm, 47 tuổi, nhân viên văn phòng thì vấn đề giám sát sự an toàn của trẻ em do những nhân viên làm việc tại Trung tâm đảm nhận, “*vừa làm việc tại Trung tâm vừa phải quan sát các đối tượng ra vào*

Trung tâm”. Mức độ an toàn của trẻ em chưa được đáp ứng có thể do điều kiện về kinh phí mà Trung tâm nên chưa có thuê người bảo vệ để đảm bảo sự an toàn này.

2.2.3. Vai trò người biện hộ

Trong lĩnh vực luật pháp, biện hộ có nghĩa là bênh vực, bào chữa cho đương sự ở trước toà án. Trong Công tác xã hội, người biện hộ là người bảo vệ quyền lợi cho thân chủ để họ được hưởng những dịch vụ xã hội, chính sách xã hội, ưu đãi theo pháp luật.

Đối với trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi tại Trung tâm bảo trợ xã hội, bên cạnh sự thiếu thốn về tình yêu thương trong gia đình các em còn thiệt thòi về cơ hội được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội, chính sách xã hội của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dành cho các em. Nguyên nhân cơ bản là do các em thiếu nguồn thông tin về các dịch vụ, chính sách đó cũng như thiếu người chỉ bảo, hướng dẫn cho các em. Đây là một thực trạng khá phổ biến đang diễn ra trên nhiều địa bàn, nhất là những khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xem xét với tư cách là người biện hộ, chúng tôi nhận thấy cán bộ, nhân viên tại Trung tâm đã thực hiện khá tốt vai trò người biện hộ. Điều đó thể hiện qua các chỉ báo: 100% các em có chứng nhận khai sinh, được miễn học phí, được cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí, được hỗ trợ tham gia các câu lạc bộ thiếu nhi của Thành Sa Đéc. Tuy vậy, ở khía cạnh chăm sóc sức khỏe tinh thần, chúng tôi thấy cần phát huy hơn nữa vai trò người biện hộ quyền trẻ em được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về tư vấn, tham vấn và trị liệu tâm lý.

Thách thức đặt ra đối với cán bộ, nhân viên tại Trung tâm với tư cách người biện hộ phải là những người am hiểu và có năng lực vận dụng luật pháp, chính sách xã hội, các dịch vụ xã hội dành cho trẻ em có hoàn cảnh mồ côi không nơi nương tựa, bị bỏ rơi tại Trung tâm bảo trợ xã hội. Với đội ngũ nhân lực của Trung tâm còn thiếu và yếu như hiện nay thì đây là vấn đề không dễ giải quyết trong tương lai gần. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhân viên phải không ngừng học hỏi, trao dồi kiến thức về luật pháp, chính sách dành cho trẻ em. Bên cạnh đó, kết hợp với các tổ chức, cá nhân có năng lực, điều kiện cùng tham gia biện hộ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các em.

2.3.4. Vai trò người tổ chức, quản lý

Tổ chức, quản lý đời sống sinh hoạt tập thể cho các em tại Trung tâm bảo trợ xã hội là một công việc hết sức khó khăn đòi hỏi nhân viên xã hội tính kiên trì, bền bỉ trong khoảng thời gian dài. Bên cạnh các điều kiện thiếu thốn từ phía Trung tâm bảo trợ còn có các yếu tố liên quan đến gia đình và bản thân các em. Thứ nhất, nền tảng giáo dục truyền thống gia đình ở các em cũng rất đa dạng. Thứ hai, các em về đây sinh sống từ nhiều địa bàn với những thói quen, nếp sống đặc trưng. Thứ ba, hầu hết các em đều mang nặng tâm lý mặc cảm, tự ti, bất cần.

Đối với cán bộ lãnh đạo, vai trò quản lý, điều phối các hoạt động của Trung tâm được đảm bảo. Các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ trẻ em diễn ra thường xuyên, đều đặn; chưa từng xảy ra các tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm, mất điện, mất nước, ngộ độc thực phẩm, cháy nổ nghiêm trọng.

Tuy vậy, vai trò tổ chức, bố trí nhân sự của cán bộ lãnh đạo còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: chưa đảm bảo số lượng cán bộ, nhân viên một cơ sở bảo trợ xã hội trẻ em, chưa có những quy định về tuyển dụng bằng văn bản cụ thể, hình thức tuyển dụng chủ yếu thông qua giới thiệu từ những người thân quen với cán bộ, nhân viên trong Trung tâm.

Đối với nhân viên xã hội, vai trò tổ chức, quản lý thể hiện ở hoạt động tổ chức cuộc sống các em hàng ngày theo nội quy, quy chế của Trung tâm. Ở vai trò này, nhân viên xã hội tại Trung tâm đã làm khá tốt vai trò của mình. Đời sống sinh hoạt, học tập, vui chơi của các em được tổ chức khá nề nếp, khuôn mẫu. Các chế độ sinh hoạt trong ngày được diễn ra theo những khung thời gian nhất định, không xảy ra các hiện tượng xáo trộn thời gian sinh hoạt của các em trừ những trường hợp đặc biệt như bão lụt, ốm đau...

Tóm lại, công tác nhân sự của Trung tâm hiện chưa đáp ứng được một số tiêu chuẩn theo quy định về một trung tâm bảo trợ xã hội trẻ em. Mặc dù với sự nỗ lực, cố gắng và tâm huyết của đội ngũ cán bộ, nhân viên tại đây, Trung tâm đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận trong công tác bảo vệ trẻ em nhưng với đội ngũ nhân lực như vậy Trung tâm rất khó ứng phó tốt trước các biến cố như hỏa hoạn, trộm cướp, HIV/AIDS... đang diễn biến hết sức phức tạp bên ngoài Trung tâm.

2.3.5. Vai trò người kết nối nguồn lực

Trong điều kiện các chế độ, chính sách hỗ trợ, ưu đãi chưa thể đảm bảo cho các em có một cuộc sống chất lượng cao, môi trường sống an toàn lành mạnh, các cơ hội được phát triển thì sự hỗ trợ từ phía các cá nhân, tổ chức, cộng đồng là nhân tố quan trọng phù hợp với xu hướng phát triển và tinh thần nhân văn sâu sắc. Tuy vậy, không phải bất cứ nơi nào, thời điểm nào có nhu cầu cần hỗ trợ là có thể tìm thấy những nguồn lực tương ứng, nhất là trong bối cảnh lòng tin đang dần mai một bởi một số đối tượng vụ lợi cá nhân. Do đó, công tác kết nối nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ cho trẻ em, Trung tâm bảo trợ xã hội dành cho trẻ em hết sức quan trọng và cần thiết.

Vai trò kết nối còn gọi là vai trò môi giới, vai trò trung gian bắc cầu là một trong những vai trò điển hình của nhân viên xã hội tại Trung tâm bảo trợ xã hội trẻ em. Vai trò kết nối thể hiện qua các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, vận động, tạo điều kiện để các em có thể tiếp cận được với các nguồn lực cần thiết, đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ và Trung tâm bảo trợ xã hội. Ở chiều ngược lại, công tác kết nối góp phần cung cấp thông tin thiết yếu cho những tổ chức, cá nhân có điều kiện tìm đến đúng đối tượng trợ giúp.

Nhân viên xã hội tại Trung tâm đã thực hiện tốt vai trò kết nối góp phần giúp các em tiếp cận các nguồn lực cần thiết. Điều đó thể hiện qua các chỉ báo: Về học tập – có các anh chị tình nguyện đến từ đoàn thanh niên dạy phụ đạo cho các em các độ tuổi, nhất là những em đang trong giai đoạn thi chuyển cấp học; nhận được một số học bổng từ các doanh nghiệp dành tặng các em có thành tích học tập tốt; nhận được các đồ dùng học tập, sách, truyện vào các dịp khai giảng hoặc ngày Quốc tế Thiếu nhi; Về chăm sóc sức khỏe: có các đoàn y bác sĩ đến khám chữa bệnh cho các em tại Trung tâm, hướng dẫn phòng tránh dịch bệnh vào mùa hè; cấp phát thuốc miễn phí; Về vui chơi, giải trí: được tặng các dụng cụ vui chơi ngoài trời như cầu trượt, bập bênh, đu quay; Về cơ sở vật chất – nhận được sự hỗ trợ sửa mái nhà, làm lại sân chơi và chiếu che nắng; Về hỗ trợ việc làm: liên hệ với một số cơ sở dạy nghề, các doanh nghiệp để giúp cho các em tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và học nghề...

Mặc dù công tác kết nối đã mang lại những nguồn lực rất hữu ích đối với các em và Trung tâm nhưng chủ yếu dựa trên mối quan hệ cá nhân của cán bộ lãnh đạo và sự quan tâm, tìm đến từ phía cá nhân, tổ chức, cộng đồng. Vai trò kết nối của các nhân viên tại Trung tâm chưa được thể hiện rõ nét mà chỉ nằm ở các hoạt động tạo điều kiện thuận lợi khi các đoàn thể ghé thăm dưới sự chỉ đạo của cán bộ quản lý. Đây là thách thức đối với các nhân viên trong vai trò kết nối.

3. Khuyến nghị và kết luận

3.1. Khuyến nghị

Trên cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn thực trạng hiệu quả hoạt động của nhân viên công tác xã hội nhóm chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Cần nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ, có hệ thống về các cơ sở bảo trợ xã hội dành cho trẻ em. Trên cơ sở đó, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi một cách linh hoạt đối với mỗi loại hình chăm sóc, bảo vệ trẻ em, trong đó đặc biệt chú trọng đến cơ chế tài chính và chính sách thu hút nguồn nhân lực có kiến thức, năng lực và tâm huyết với hoạt động bảo vệ trẻ em.

- Tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở bảo trợ xã hội để kịp thời đáp ứng yêu cầu nhân sự đối với cơ sở bảo trợ xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ trẻ em hướng đến bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

- Thiết lập mạng lưới bảo vệ trẻ em sau khi các em rời khỏi Trung tâm bảo trợ, hòa nhập vào xã hội.

3.2. Kết luận

Ngành công tác xã hội ở Việt Nam đang ngày càng phát triển và đang phát huy được những thế mạnh của mình. Để hoạt động công tác xã hội tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Đồng Tháp đạt được hiệu quả tốt bên cạnh những kiến thức nghề nghiệp chuyên môn, nhân viên công tác xã hội cần phải đặc biệt quan tâm đến nhu cầu của từng trẻ em cụ thể và để làm được điều này nhân viên xã hội cần phải biết lắng nghe ý kiến, mong muốn của mỗi nhóm trẻ em. Ngoài ra nhân viên công tác xã hội cần phải biết tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho các trẻ em phát triển một cách

toàn diện cả thể chất và tinh thần. Nhân viên công tác xã hội cần nắm rõ các chính hỗ trợ cho từng đối tượng nói chung và trẻ em nói riêng, các văn bản pháp luật quy định quyền lợi của các trẻ em, từ đó có thể chia sẻ thông tin hỗ trợ giúp đỡ cho trẻ em giải quyết khó khăn mà các em đang gặp phải. Nhân viên công tác xã hội cần biết được những cơ quan có thể giúp đỡ và hỗ trợ các em từ đó đóng vai trò là cầu nối để các em tiếp cận với các nguồn lực một cách dễ dàng hơn. Vì vậy vai trò của nhân viên công tác xã hội là hết sức quan trọng nhằm hỗ trợ các vấn đề mà các em đã và đang gặp phải, hỗ trợ về thể chất và tinh thần, đem lại tình yêu thương đối với các em một cách vô điều kiện, để các em thấy rằng mình chưa bao giờ thiếu sự yêu thương từ tất cả mọi người.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Kim Dung (2016), Công tác xã hội nhóm đối với trẻ em mồ côi từ thực tiễn làng trẻ em BIRLA Hà Nội, *Luận văn thạc sĩ*, Học viện khoa học xã hội Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Thị Huỳnh (2014), Nghiên cứu mô hình công tác xã hội tại trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, *Luận văn thạc sĩ*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Phương Lan (2010), “Nuôi con nuôi thực tế - thực trạng và giải pháp”. *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- [4]. Võ Thị Diệu Quế (2014), Công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ thực tiễn các Trung tâm bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, *Luận văn thạc sĩ*, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- [5]. <http://text.123doc.org/document/3919575-cong-tac-xa-hoi-nhom-doi-voi-tre-em-mo-coi-tu-thuc-tien-lang-tre-em-birla-ha-noi.htm>
- [6]. http://123doc.org/doc_search_title/2877865-nghien-cuu-mo-hinh-cong-tac-xa-hoi-doi-voi-tre-em-mo-coi-tai-trung-tam-nuoi-duong-tre-em-mo-coi-ha-cau-ha-dong-ha-noi.htm
- [7]. <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2010/01/03/4280/>
- [8]. <http://text.123doc.org/document/2284251-cong-tac-xa-hoi-doi-voi-tre-em-co-hoan-canhh-dac-biet-tu-thuc-tien-cac-trung-tam-bao-tro-xa-hoi-tren-dia-ban-tinh-binh-dinh.htm>

GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

SV. Lê Trung Nhiệm

Lớp: ĐHGDCT15B

GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập

Tóm tắt: Bài viết làm rõ khái niệm và nội dung cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Qua đó, thấy được sự cần thiết phải giáo dục chủ nghĩa nhân văn cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp và kiến nghị một số giải pháp giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

Từ khóa: Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, Giáo dục, Sinh viên trường Đại học Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước đòi hỏi thanh niên, sinh viên phải không ngừng rèn luyện, học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh để không ngừng hoàn thiện nhân cách, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một bộ phận sinh viên có những biểu hiện của lối sống thực dụng, sùng bái giá trị vật chất dẫn đến những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Qua đó cho thấy, giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên là một vấn đề mang tính cấp thiết.

2. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh

2.1. Khái niệm chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là một bộ phận hợp thành, xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm hệ thống các quan điểm lý luận được rút ra từ thực tiễn cách mạng, từ sự kế thừa và phát triển những giá trị nhân văn của dân tộc và thời đại mà đỉnh cao là chủ nghĩa nhân đạo Mác – Lênin, phản ánh tình yêu thương, quý trọng, quan tâm, bao dung, độ lượng đến con người và niềm tin vững chắc vào sức mạnh của con người, phản ánh con đường giải phóng con người một cách triệt để nhằm xây dựng một chế độ xã hội trong đó con người có điều kiện phát triển toàn diện và phát huy hết mọi năng lực sáng tạo vốn có của mình [1, tr.45-46].

2.2. Nội dung cơ bản chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh

2.2.1. Yêu thương, quý trọng, quan tâm con người

Lòng yêu thương con người ở Hồ Chí Minh, trước hết là dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Yêu nước, thương dân trong nội dung cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh được đặt lên hàng đầu và trở thành lẽ sống, thành triết lý hành động của Người. Thực tiễn đã chứng minh cho tình yêu thương đó, Người dành hết quảng đời của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, dành trọn tình yêu thương cho nhân dân lao động và đặc biệt là những người cùng hoàn cảnh, cùng bị áp bức bóc lột và những người cùng khổ. Với tình cảm yêu thương con người, Hồ Chí Minh đã tố cáo mạnh mẽ tội ác của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Người đã chỉ rõ âm mưu, thủ đoạn dã man của đế quốc thực dân và những bọn tay sai phản động đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước chính quốc và thuộc địa. Hồ Chí Minh đã sử dụng hình ảnh “con đũa hai vôi” để vạch rõ bộ mặt lừa lọc của bọn đế quốc, thực dân. Nhìn nhận được bản chất thâm độc của bọn chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, Hồ Chí Minh đã dấn thân vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với mong muốn: “làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [8, tr.187].

Yêu thương con người ở Hồ Chí Minh là tình cảm quý trọng con người, kính trọng nhân dân, quan tâm đến con người và chăm lo cho cuộc sống của con người. Hồ Chí Minh từ sớm đã nhìn nhận được sức mạnh to lớn của nhân dân. “Để mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [12, tr.280]. Qua đó cho thấy sức mạnh phi thường, vô tận của quần chúng nhân dân. Người rất đề cao tính dân chủ của nhân dân, điều đó được thể hiện rất rõ trong Điều 1 của Hiến pháp 1946: “*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”. Ngoài ra, Người còn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng, phẩm chất, nhìn nhận đúng vị trí, trách nhiệm của mình để không rơi vào tình trạng lạm quyền, tham nhũng. Phải nghiêm túc trong việc tự phê bình và phê bình để ngày càng hoàn thiện bản thân. Người còn nhấn mạnh: “Tất cả cán bộ đều phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân; đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân” [11, tr.84]. Qua đó cho thấy, Hồ Chí Minh rất quan tâm

chăm lo cuộc sống cho nhân dân lao động trước tiên rồi sau đó mới chăm lo cho bản thân mình, không vì danh lợi của bản thân mà làm hại đến người khác, đặt cái chung lên hàng đầu rồi mới đến cái riêng.

Yêu thương con người ở Hồ Chí Minh còn bao hàm cả sự bao dung độ lượng, tha thứ, khơi dậy những gì tốt đẹp cho bản chất vốn có của con người. Lòng khoan dung Hồ Chí Minh được thể hiện trong suốt quá trình chiến tranh diễn ra ở Việt Nam. Người đã chọn phương án thỏa hiệp nhiều lần với bọn thực dân, phong kiến, Hồ Chí Minh luôn lựa chọn con đường hòa bình để cứu nước nhưng rất tiếc nó không được đáp lại. Lòng nhân ái bao la và khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh có chỗ cho tất cả mọi người, không phân biệt giai cấp, giàu nghèo.

2.2.2. Tin tưởng ở con người, ở nhân dân, đấu tranh giải phóng con người và phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh ý thức rất sâu sắc về sự tương tác biện chứng giữa con người và hoàn cảnh sống của chính bản thân con người tạo ra trong quá trình phát triển lịch sử, sự tự giải phóng này không phải là một hành vi duy ý chí, hành động bất chấp quy luật khách quan mà là sức mạnh cải tạo thế giới của con người cụ thể, cải tạo hoàn cảnh sống của bản thân mình ở mỗi không gian và thời gian nhất định, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sống, trên cơ sở nhận thức và hành động phù hợp với quy luật khách quan, tính tất yếu lịch sử. Người cho rằng: “một lẽ rất giản đơn dễ hiểu: tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả” [9, tr.281].

Triết lý Hồ Chí Minh về con người bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống của những con người đang sống với những nhu cầu, lợi ích thường nhật, đang khao khát tự do và hạnh phúc, đang được thức tỉnh để tự giải phóng, để tranh đấu giành lấy tự do và hạnh phúc của chính mình. Đó là một triết lý nhân sinh, hướng tới hành động cách mạng để giải phóng con người, để thực hành chủ nghĩa nhân đạo hiện thực cho con người, vì con người. Khi đứng trên lập trường của chủ nghĩa cộng sản ảnh hưởng của quốc tế cộng sản. Nguyễn Ái Quốc viết: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản” [7, tr.287].

Hồ Chí Minh nhìn nhận con người và vai trò quyết định đối với mọi hoạt động sáng tạo ra đời sống xã hội, đối với văn minh, tiến bộ và phát triển lịch sử. Lòng tin của Hồ Chí Minh đối với nhân dân vừa bắt rễ sâu và vững chắc trong truyền thống yêu nước của dân tộc, lại vừa được đặt trên tầm cao của sự phát hiện và khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Chính nhờ vậy, Hồ Chí Minh tin tưởng một cách có cơ sở khoa học rằng, nhân dân ta chẳng những có khả năng cứu nước mà còn có khả năng tiến lên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, chữ nhân là nhân dân lao động và trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Cán bộ là con em của quần chúng nhân dân, phải tận tụy phục vụ nhân dân, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Đó là lẽ sống cao quý nhất của người cách mạng.

Tất cả vì độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của con người. Vì lòng thương yêu vô hạn đối với con người, Hồ Chí Minh coi hòa bình là mục tiêu cao nhất vì lẽ đó, Người đã cống hiến toàn bộ cuộc đời của Người với tinh thần “không có gì quý hơn độc lập, tự do” [12, tr.131]. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng, Hồ Chí Minh luôn luôn thể hiện một thái độ hết sức nghiêm túc, một trách nhiệm hết sức nghiêm chỉnh, một tinh thần nhân đạo hết sức cao cả đối với con người và loài người trong vấn đề chiến tranh và hòa bình.

2.2.3. Tinh thần khoan dung Hồ Chí Minh

Khoan dung Hồ Chí Minh đã kết hợp được lương tri siêu việt của cá nhân mình với lương tri dân tộc và lương tri thời đại để đạt tới sự hài hòa giữa cá nhân, dân tộc và thời đại. Người thực hiện được sự kết hợp “giải phóng những người bị áp bức khỏi các lực lượng thống trị, thực hiện tình yêu thương và bác ái” [7, tr.491]. Khoan dung Hồ Chí Minh đã kết hợp được giữa nhân và trí, tức giữa tình cảm nồng nàn và lý trí sáng suốt, do đó đã khắc phục được những nhược điểm, hạn chế của khoan dung truyền thống. Người trịnh trọng tuyên bố: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [8, tr.3].

Khoan dung Hồ Chí Minh là thái độ trân trọng đối với mọi giá trị văn hóa nhân loại, là không ngừng mở rộng để thấu hóa những yếu tố tích cực, tiến bộ và

nhân văn của thế giới nhằm làm giàu cho văn hóa Việt Nam, đồng thời chấp nhận giao lưu và đối thoại bình đẳng để đạt tới sự hòa đồng và cùng phát triển.

Với ý nghĩa của khoan dung và tầm quan trọng cấp bách của việc giáo dục cho thế hệ trẻ hiện nay, ta càng nhận ra chân giá trị của tinh thần khoan dung Hồ Chí Minh. Đó sẽ trở thành một sức mạnh để nêu gương, thức tỉnh, cảm hóa, tháo gỡ cho một thế hệ đang còn nhiều mâu thuẫn, xung đột và bất đồng của xã hội hiện nay.

2.3. Sự cần thiết giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã và đang tác động đến lập trường tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên cả mặt tích cực cũng như mặt tiêu cực. Do đó, cần kế thừa và phát huy những mặt tích cực, đấu tranh loại bỏ và bài trừ những mặt trái trong một bộ phận sinh viên. Tuổi trẻ là rường cột của quốc gia, dân tộc, là người chủ tương lai của đất nước nên việc nâng cao lập trường tư tưởng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống để không ngừng hoàn thiện nhân cách là rất cần thiết. Chỉ trên cơ sở đó, sinh viên mới xứng đáng là người chủ tương lai của đất nước, là đội sự bị đáng tin cậy của Đảng. Sinh viên trường Đại học Đồng Tháp cần phát huy tốt hơn nữa mặt tích cực của tinh thần đoàn kết khoan dung, yêu thương con người, tôn trọng thầy cô, bạn bè và phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc. Hơn thế nữa, sinh viên trường Đại học Đồng Tháp cần nêu cao ngọn cờ lí tưởng sống, sống sao cho lành mạnh, phấn đấu cho sự nghiệp đổi mới của quê hương, đất nước. Bên cạnh những sinh viên không ngừng rèn luyện, phấn đấu tốt vẫn còn một bộ phận sinh viên có lối sống thực dụng, sống ích kỷ, thiếu lí tưởng sống và hoài bão, sống thiếu trách nhiệm với gia đình và xã hội, sa vào những tệ nạn khôn lường... Đây là những biểu hiện không thể coi thường và cần đấu tranh khắc phục. Do vậy, sự cần thiết phải giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp nhằm nâng cao lập trường quan điểm, tư tưởng, phẩm chất, chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm để không ngừng hoàn thiện nhân cách.

3. Giải pháp giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Thứ nhất, tăng cường vai trò và tính phối hợp của các chủ thể giáo dục trong giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên

Để giáo dục tốt chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể giáo dục như: Giảng viên ngành Giáo dục chính trị, gia đình... và rộng hơn là Đảng ủy trường Đại học Đồng Tháp và Ban giám hiệu trường. Phối hợp thật tốt mọi mặt giữa nhà trường, gia đình và bản thân sinh viên với nhau. Sự phối hợp này đòi hỏi phải diễn ra trên tất cả các mặt: mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp... nhằm nâng cao giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Nâng cao tính chủ động cho sinh viên, phối hợp cho sinh viên các chủ thể giáo dục để cho sinh viên biết được vai trò chủ đạo của công tác này, đòi hỏi các chủ thể giáo dục một ý thức và tinh thần trách nhiệm cao.

Thứ hai, tích hợp nội dung giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh qua các môn học

Mục tiêu giáo dục của nước ta hiện nay nhằm đào tạo ra những con người vừa hồng, vừa chuyên, vừa có phẩm chất đạo đức, vừa có năng lực, nên việc lồng ghép giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh vào các môn học là rất cần thiết trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay. Nhiều môn có thể truyền tải chủ nghĩa nhân văn như: triết học, đạo đức học, văn hóa học, tư tưởng Hồ Chí Minh... Những môn này không chỉ đòi hỏi truyền đạt cho sinh viên những kiến thức chuyên môn mà còn khắc sâu được chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cũng như giá trị truyền thống quý giá của dân tộc thể hiện qua nội dung bài giảng cho sinh viên cả nước nói chung và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên

Để phát huy được giá trị nhân văn Hồ Chí Minh trong xây dựng nhân cách cho sinh viên rất cần sự kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã. Gia đình là cái nôi đầu tiên cho sự phát triển nhân cách con người, bồi đắp cho con người qua từng ngày để phát triển bản thân. Gia đình chính là nền tảng để phát huy những giá trị đạo đức của con người. Bên cạnh gia đình thì nhà trường là môi trường thứ hai của nhân cách, nó định hướng cho sinh viên rèn luyện tính nhân cách. Thông qua nhà trường,

sinh viên có thể nhìn nhận được bản thân và thay đổi bản thân cho phù hợp với môi trường sống theo hướng tích cực. Chính vì thế, nhà trường có tác dụng to lớn trong việc định hướng và bồi đắp để sinh viên rèn luyện giá trị nhân văn truyền thống cũng như giá trị nhân văn Hồ Chí Minh để xây dựng nhân cách cho bản thân. Còn đối với xã hội, thì xã hội có tác động to lớn đến việc phát huy giá trị nhân văn truyền thống và giá trị nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên. Nếu xã hội bên trong mỗi người đều có nhân cách tốt tự nhiên, thấu hiểu và áp dụng đạo đức theo nhân cách của Hồ Chí Minh thì xã hội ngày càng phát triển. Ngược lại, nếu xã hội luôn chạy theo lối sống thực dụng, chạy theo những cái phản giá trị, chạy theo chủ nghĩa cá nhân thì việc bồi đắp chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong mỗi thành viên sẽ rất khó khăn. Do vậy xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành nhân cách cho sinh viên, góp phần ảnh hưởng không nhỏ cho việc phát huy nhân cách chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Giữa nhà trường, gia đình và xã hội cần có sự kết hợp, thống nhất chặt chẽ với nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát huy được những giá trị truyền thống cũng như thấm nhuần được chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đối với sự phát triển nhân cách.

Thứ tư, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục giá trị nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên

Giáo dục là phương thức truyền đạt quan trọng cho sinh viên xây dựng nhân cách Hồ Chí Minh cũng như việc nhận thức một cách khoa học để điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp. Trong điều kiện đổi mới đất nước, cần truyền đạt giá trị đạo đức theo phương pháp, phương thức, hình thức giáo dục mới để sinh viên có thể dễ dàng nắm bắt được để xây dựng được lối sống tốt cho sinh viên và đạt được hiệu quả cao nhất. Do đó, cần chú ý việc đẩy mạnh công tác giáo dục, về phương pháp cần thực hiện tốt việc “*học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội*”, chống lối dạy lạc hậu, cổ điển. Bên cạnh đó, cần phát huy có hiệu quả các phương tiện thông tin để bồi dưỡng giá trị nhân văn nhằm xây dựng nhân cách cho sinh viên.

Thứ năm, nâng cao tính tự giác học tập và làm theo chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh của sinh viên

Hiệu quả của việc giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh phụ thuộc phần lớn vào quá trình tự rèn luyện, tự giáo dục của từng sinh viên. Quá trình tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân của từng cá nhân đóng vai trò quyết định đến quá trình rèn luyện chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Nếu không có quá trình tự hoàn thiện bản thân thì cá nhân có nỗ lực đến mấy cũng không đạt được mục đích, đạt được thành công như mong đợi. Để phát huy tính tự giác trong sinh viên, rất cần sự hướng dẫn của người thầy và cần có sự khích lệ, động viên để tạo dựng được sự tự tin và chủ động của mình trong quá trình rèn luyện.

4. Kết luận

Chủ nghĩa nhân văn của Hồ Chí Minh thấm đượm tình yêu nước, thương dân, truyền thống quý báu của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh còn là chủ nghĩa nhân văn chân chính, chủ nghĩa nhân văn hiện thực của con người Việt Nam. Giá trị của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam, cùng với nhân dân ta vững bước trong quá trình phát triển mới của đất nước. Quá trình đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước và hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng không nhỏ sinh viên và đặc biệt là sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. Vì vậy, rèn luyện đạo đức cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp theo chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là điều mà sinh viên cần làm trước tiên. Chỉ trên cơ sở đó, việc giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp mới được hiện thực hóa trong cuộc sống, góp phần hoàn thiện nhân cách cho sinh viên Đại học Đồng Tháp giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Lương Gia Ban, Hoàng Trang (2014), *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (Đồng chủ biên, 2013), *Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

- [4]. Nguyễn Hữu Công (2010), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người toàn diện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Thành Duy (2008), *Về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Văn Khoan (2001), *Bao dung Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [7]. Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [8]. Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [10]. Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [11]. Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [12]. Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

TÌM HIỂU TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ

SV.Đặng Thị Thanh Nhi

SV.Phan Minh Chương - SV.Nguyễn Thị Bích Liên

Lớp: ĐHGDC14B

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: *Tư duy phản biện (tư duy phê phán) là hình thức tư duy năng động hướng đến việc tiếp cận chân lý một cách khách quan, toàn diện, cụ thể và chính xác. Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và thực tiễn hiện nay, tư duy phản biện được kỳ vọng là một trong những khía cạnh phẩm chất, năng lực then chốt của người công dân hiện đại. Bài viết này góp phần tìm hiểu một vài nội dung cơ bản cũng như vai trò của tư duy phản biện dưới góc nhìn của sinh viên.*

Từ khóa: năng lực, phẩm chất, sinh viên, tư duy phản biện.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, nước ta đang thực hiện quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, hội nhập và mở rộng quốc tế là một tất yếu. Tư duy là một trong những lĩnh vực quan trọng cần nâng cao để bắt kịp đà phát triển với các nước trên thế giới. Trong đó, tư duy phản biện đóng vai trò hết sức quan trọng trong các lĩnh vực tiêu biểu: lĩnh vực chính trị, lĩnh vực văn hóa - xã hội, lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Tư duy phản biện, hơn nữa, còn trở thành một động lực phát triển xã hội, có giá trị rất lớn quyết định tới sự thành bại của tổ chức xã hội và sự tiến bộ của loài người. Xã hội có phản biện là xã hội phát triển, tránh được rủi ro, thúc đẩy cải tiến cái cũ và sáng tạo cái mới. Nếu bạn muốn thành đạt trong trường lớp và sự nghiệp thì tư duy phản biện là một trong những kỹ năng quan trọng nhất mà bạn cần phát triển. Nó giúp bạn giải quyết vấn đề, tìm ra giải pháp, tranh luận sắc bén, gắn kết với người khác và có hiểu biết rộng về nhiều chủ đề. tư duy phản biện không phải là học thuộc; nó là việc đặt câu hỏi cho các sự thật có sẵn và hiểu chúng từ đâu mà ra.

Tư duy phản biện hay là tư duy phân tích là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Lập luận phản biện phải rõ ràng, logic, đầy đủ bằng chứng, tỉ mỉ và công tâm. Dựa vào những

nghiên cứu gần đây, các nhà giáo dục đã hoàn toàn tin tưởng rằng trường học nên tập trung hơn vào việc dạy học sinh tư duy phản biện. Tư duy phản biện không chỉ đơn thuần là sự tiếp nhận và duy trì thông tin thụ động. Đó có thể tóm tắt là quá trình tư duy tìm lập luận phản bác lại kết quả của một quá trình tư duy khác để xác định lại tính chính xác của thông tin. Chính vì thế mà việc nâng cao năng lực tư duy phản biện là một trong những vấn đề cấp thiết được quan tâm hiện nay.

2. Vài nét về tư duy phản biện

Tư duy phản biện được miêu tả là “những suy nghĩ mang tính chất phản ánh có lý lẽ về việc tin vào điều gì hoặc làm điều gì”. Nó cũng được miêu tả là “tư duy về tư duy”. Trong phạm vi bộ khung khái niệm triết học của lý thuyết phản biện xã hội, tư duy phản biện thường được hiểu là sự gắn bó với thực tiễn xã hội và chính trị trong việc tham gia dân chủ, là ước muốn hình dung ra hay mở ra những quan điểm khác mà ta có thể lựa chọn; là ước muốn kết hợp những quan điểm mới hay những quan điểm cũ đã biến cải vào cách tư duy và hành động của chúng ta, cũng như ước muốn thúc đẩy khả năng phản biện nơi người khác.

Các quan niệm khác nhau về tư duy phản biện

Nói một cách tổng quát tư duy phản biện là quá trình tư duy nhằm chất vấn các giả định hay giả thiết. Đó là cách để khẳng định rằng một giả định nào đó là đúng hay sai, đôi khi đúng, hay có phần đúng. Đây là cách hiểu lý thuyết về tư duy phản biện. Nói theo cách hiểu nôm na về tư duy này là dùng lập luận, lí lẽ có tính chất thuyết phục để lí giải một vấn đề nào đó. Để có một lập luận chặt chẽ thì người đó phải biết nhìn trước nhìn sau, nhìn tới nhìn lui rồi mới đưa ra một kết luận cho vấn đề phản biện.

Tư duy phản biện hoàn toàn khác với ngụy biện. Tư duy phản biện sử dụng những lập luận đúng đắn chứ không phải dùng những lập luận hoàn toàn sai lầm để ngụy biện.

Tư duy phản biện có nguồn gốc từ triết học thời Hy Lạp cổ đại với đại diện tiêu biểu là nhà triết học Socrates. Thời của ông gọi tư duy phản biện là “Nghệ thuật tranh luận” (biện chứng). Cuộc đời của ông có mối liên hệ sâu sắc với nghệ thuật tranh luận này. Khi bị người khác tố cáo và buộc phải đi hầu tòa. Ông đã dùng lí luận để tự biện

cho chính mình. Nhưng ông đã thua, không phải vì lí luận của ông không thuyết phục mà vì theo lẽ đời thì phần thắng thuộc về kẻ mạnh và số đông người.

Chúng ta thử một minh chứng xem có đúng không nhé. Trong một tập thể lớp hay xảy ra tình trạng ý kiến đúng thuộc về số đông trong lớp hay sao. Một ý kiến phản biện của cá nhân chưa chắc đó là một ý kiến sai. Nhưng nó lại bị phụ thuộc vào ý kiến của một số đông người. Bạn ngại nói lên ý kiến khác người khác. Bạn có một suy nghĩ phản biện trong đầu nhưng lại không dám nói ra. Càng như thế, tư duy phản biện lại bị người khác hiểu sai là một kiểu tư duy theo lối sai lầm.

Một quan niệm khác về tư duy phản biện là ý kiến của John Dewey, một nhà triết học Mỹ. Theo Dewey, tư duy phản biện là sự suy xét chủ động, liên tục, cẩn trọng về một niềm tin, một giả định khoa học có xét đến những lí lẽ bảo vệ nó và những kết luận xa hơn được nhắm đến. Định nghĩa này nhấn mạnh đến tính chủ động của tư duy phản biện. Ví như một người bạn nói bạn là người thông minh nhất lớp. Bạn nghĩ bạn ấy đã nói sai vì bản thân bạn không thông minh nhất lớp. Cách để người đó tin tưởng điều đó là gì? Lúc này bạn phải dùng không chỉ là lập luận mà còn phải có một minh chứng cụ thể rằng trong lớp có người thông minh hơn bạn.

Watson Glaser có một phát biểu khác về tư duy phản biện: tư duy phản biện là thái độ sẵn lòng quan tâm suy nghĩ chu đáo về những vấn đề và chủ đề xuất hiện trong cuộc sống cá nhân; là sự hiểu biết về phương pháp điều tra suy luận có lí và là một số kĩ năng trong việc áp dụng các phương pháp đó. Tư duy phản biện đòi hỏi sự nỗ lực bền bỉ để khảo sát niềm tin hay giả thuyết bất kì có xem xét đến các bằng chứng khẳng định nó và những kết luận xa hơn được nhắm đến. Ông chú tâm nhiều đến vấn đề cách thức để tư duy phản biện làm sao cho hiệu quả [1].

Robert Ennis cho rằng: Tư duy phản biện là sự suy nghĩ sâu sắc, nhạy cảm, thực tế và hữu ích để quyết định niềm tin hay hành động. Để có một lập luận phản biện logic, chặt chẽ, người ta cần suy nghĩ một cách thấu đáo trước khi lập luận. Một người phản biện nhanh nhạy, chắc chắn luôn luôn mang lại kết quả hơn một người phản biện một cách chậm chạp, thiếu tự tin. Hãy xem bạn có đủ tự tin để nói lên qua điếm của mình trong trường hợp này không nhé. Có một cậu học sinh đang làm bài kiểm tra môn toán phát hiện có một câu hỏi có vấn đề. Cậu này tính đi tính lại thì đáp án của cậu cũng không trùng khớp với các đáp án của thầy giáo cho. Liệu

cậu có khoanh đại hay là sẽ báo cho thầy biết là đáp án sai? Ai có thể nghĩ thầy cô luôn luôn đúng và hề sai? Cậu ấy quyết định nói lên ý kiến của mình. Và chính người thầy đã nói rằng chính ông ấy đã làm sai đáp án của một câu hỏi để thử các học trò của mình xem có phát hiện ra được không. Nhờ cậu học trò đủ tự tin nói lên ý kiến của mình mà bạn ấy đã được tuyên dương trước cả tập thể lớp [1].

Richard Paul có một phát biểu khác về tư duy phản biện: tư duy phản biện là một mô hình tư duy về một chủ đề, một vấn đề, một nội dung bất kỳ - trong đó chủ thể tư duy cải tiến chất lượng tư duy của mình bằng việc điều khiển một cách thành thạo các cấu trúc nền tảng có sẵn của tư duy và áp đặt các tiêu chuẩn của hành động trí tuệ lên quá trình tư duy của mình. Đây là cách tư duy về tư duy của chính chúng ta. Chúng ta có khả năng nhận thức, phản biện vấn đề như thế nào khi chúng ta thường gặp một số vấn đề trong cuộc sống [1].

Michael Scriven thì cho rằng tư duy phản biện là khả năng, hành động để thấu hiểu và đánh giá được những dữ liệu thu thập được thông qua quan sát, giao tiếp, truyền thông và tranh luận. Để có thể phản biện đúng đắn vấn đề đòi hỏi người ta phải quan sát, suy nghĩ kỹ càng và phản biện với tinh thần sáng tạo và có phê phán. Người phản biện cần có khả năng xem xét vấn đề ở nhiều khía cạnh khác nhau, tiên đoán khả năng tương lai có thể xảy ra. Phản biện vấn đề đó được gì và mất gì [1].

Tóm lại, trong các quan điểm khác nhau về tư duy phản biện, thì cách hiểu của ông Michael Scriven là hợp lý nhất và sát với thực tiễn. Ông cho rằng, tư duy phản biện là khả năng, hành động để thấu hiểu và đánh giá được những dữ liệu thu thập được thông qua quan sát, giao tiếp, truyền thông và tranh luận. Để có thể phản biện đúng đắn vấn đề đòi hỏi người ta phải quan sát, suy nghĩ kỹ càng và phản biện với tinh thần sáng tạo và có phê phán. Người phản biện cần có khả năng xem xét vấn đề ở nhiều khía cạnh khác nhau, tiên đoán khả năng tương lai có thể xảy ra, phản biện được gì và mất gì. Trong khái niệm này, tư duy phản biện là được coi là hình thức tư duy có cơ sở rõ ràng, để khẳng định một nhận định nào đó là đúng đắn hay sai lầm, người ta phải dựa vào những cơ sở xác định bằng những dữ liệu thu thập được qua quan sát, suy luận, đánh giá, giải thích, tổng hợp. Tư duy phản biện vận dụng không chỉ tri thức về logic mà còn cần những tiêu chí trí tuệ khác như xem xét vấn đề ở nhiều khía cạnh khác nhau để dễ dàng có được một nhận định đúng đắn.

3. Vai trò của tư duy phản biện

Tư duy phản biện có vai trò to lớn trong đời sống xã hội: giúp con người vượt ra khỏi cách suy nghĩ theo khuôn mẫu, thói quen có sẵn; hướng đến cái mới, thoát ra khỏi những rào cản của định kiến; tìm hiểu, phát hiện những ý tưởng, giá trị mới của vấn đề; tạo tâm thế sẵn sàng tiếp nhận cái mới, cái tiến bộ trong suy nghĩ và hành động; có ý thức nhìn nhận mọi vấn đề dưới góc nhìn mới, đưa lại kết quả mới, kích thích khả năng sáng tạo.

Tư duy phản biện giúp con người suy nghĩ một vấn đề theo nhiều hướng khác nhau với những cách giải quyết khác nhau; khắc phục tình trạng nhìn nhận vấn đề một chiều, phiến diện, chủ quan, duy ý chí; suy nghĩ để giải quyết vấn đề theo hướng xem xét kỹ ở mọi góc độ, khía cạnh, đưa ra nhiều phương án khác nhau và lựa chọn phương án tối ưu với những lập luận có cơ sở vững chắc; ý thức rõ ràng hơn trong việc lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác khi tranh luận; sẵn sàng chấp nhận sự thật khách quan, lắng nghe ý kiến khác với ý kiến của mình và cố gắng tìm hiểu bản chất của vấn đề trước khi đưa ra kết luận; dám thừa nhận cái chưa đúng, sẵn sàng thừa nhận cái đúng của người khác và vì vậy, dễ dàng thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với mọi người.

Tư duy phản biện giúp con người có phương pháp tư duy độc lập, nhìn ra những hạn chế, sai lầm dễ mắc phải trong quá trình tư duy của mình, từ đó đưa ra những nhận định, phán đoán tối ưu; có suy nghĩ tích cực, giảm thiểu trạng thái tâm lý buồn rầu, thất vọng, mất lòng tin; khám phá những tiềm năng vốn có của bản thân, tạo động lực vượt lên chính mình, tự khẳng định mình, hình thành nhân cách tự chủ, độc lập và sáng tạo; nỗ lực cập nhật, chất lọc những thông tin cần thiết, có giá trị, bổ ích cho bản thân; nâng cao kỹ năng tiếp cận và xử lý thông tin; trình bày vấn đề một cách sáng tạo; đưa ra luận điểm/luận cứ một cách rõ ràng; tăng cường khả năng suy nghĩ theo hướng mở, rõ ràng, đáng tin cậy, không hấp tấp, vội vàng; dễ dàng hòa đồng vào tập thể, cộng đồng.

Tư duy phản biện có thể trở thành một động lực phát triển xã hội, có giá trị rất lớn quyết định tới sự thành bại của tổ chức xã hội và sự tiến bộ của loài người. Xã hội có phản biện là xã hội phát triển, tránh được rủi ro, thúc đẩy cái tiến cái cũ và sáng tạo cái mới. Tư duy phản biện giúp con người giải quyết vấn đề một cách

thấu tình đạt lý; kế thừa những giá trị trong quan điểm cũ, hình thành quan điểm mới nhằm cải biến nhận thức và hành động trong thực tiễn; chủ động, tự giác, thể hiện tính chính xác, triệt để, có căn cứ và chứng minh được các lập luận, nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội; tìm kiếm con đường đúng đắn, hiệu quả nhất để đạt tới chân lý; phát hiện ra những sai lầm; rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng.

Trong lĩnh vực chính trị, tư duy phản biện giúp đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước nâng cao năng lực tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, từ đó xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, có hiệu quả. Hơn nữa, tư duy phản biện còn góp phần tích cực trong việc xây dựng và phát triển nền dân chủ và nhà nước pháp quyền; tăng cường nhu cầu và khả năng phản biện xã hội, phản biện chính sách của các tổ chức chính trị - xã hội; mở rộng sự tham gia tích cực của người dân vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong sự phát triển hiện nay, lĩnh vực văn hóa không ngừng giao thoa giữa các nước, chính vì lẽ đó đã tạo cho các nước có thể học hỏi, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhau. Chính sự giao thoa văn hóa ấy nhất thiết phải cần đến tư duy phản biện trong mỗi quốc gia, mỗi cá nhân trong sự thanh lọc, tiếp thu một cách có chọn lựa, có khoa học trong cách tiếp cận văn hóa, giúp con người nhận biết thông tin văn hóa đúng đắn, khắc phục tình trạng nhiễu loạn trong thông tin văn hóa; khắc phục việc đánh mất văn hóa dân tộc, văn hóa cá nhân trong đà phát triển văn hóa chung của nhân loại.

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, tư duy phản biện giữ vai trò đặc biệt quan trọng, vì khoa học cần đến thực nghiệm, ứng dụng thông qua những hoài nghi và phản biện. Trong thực tiễn, tư duy phản biện cùng với những loại hình tư duy khoa học khác đã tạo ra sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khoa học; trở thành một trong những tiền đề tư tưởng cho các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Tư duy phản biện là một trong những phẩm chất cốt lõi của hoạt động trí tuệ của đội ngũ những người làm khoa học và phát minh, sáng chế.

Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, tư duy phản biện là một trong những kỹ năng quan trọng nhất và cũng khó nhất, đặc biệt là trong giáo dục - đào tạo hiện đại. Phương pháp giáo dục - đào tạo hiện đại bao hàm tư duy phản biện, cung cấp cho người học không chỉ cách giải quyết vấn đề mà cả cách nêu vấn đề. Phát triển năng

lực tư duy phản biện cho người học là phát triển năng lực tư duy độc lập, tiếp nhận và xử lý thông tin, tri thức.

Với tư duy phản biện, giáo dục - đào tạo ngày càng chuyển từ phương pháp truyền thống sang phương pháp hiện đại với việc: lấy người học và tư duy sáng tạo của họ làm trung tâm; chuyển từ hình thức học chủ yếu trên lớp sang hình thức tổ chức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa; chuyển từ cung cấp tri thức, kỹ năng là chủ yếu sang cung cấp phương pháp nghiên cứu, học tập là chủ yếu; chuyển từ đánh giá tri thức là chủ yếu sang đánh giá năng lực là chủ yếu; v.v. nhằm giáo dục, đào tạo những lớp người mới tích cực, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

3. Kết luận

Có thể thấy tư duy phản biện đóng một vai trò quan trọng trong học tập, lao động và trong cuộc sống. Nó góp phần làm cho mỗi con người chúng ta hoàn thiện về nhận thức, quá trình thu thập, xử lý thông tin một cách chính xác và có hiệu quả. Tư duy phản biện không những đặt ra yêu cầu tiếp nhận thông tin trong tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội, mà còn đòi hỏi chủ thể phải biết sàng lọc, chọn lựa những thông tin cần thiết đảm bảo cho quá trình phát triển của đối tượng, của chủ thể. Vì thế, vấn đề đặt ra là làm thế nào để rèn luyện để tiến tới có thể áp dụng nó vào nhận thức và cuộc sống.

Tư duy phản biện là phương pháp giúp chủ thể đón nhận thông tin một cách có chọn lọc thông qua sự phản biện trong tư duy của cá nhân chủ thể. Hơn nữa với những lý do khác nhau mà tư duy phản biện chưa thật sự phát huy tác dụng trong việc giúp chủ thể nhận thức phát huy được vai trò, năng lực tư duy của mình. Việc trau dồi tư duy phản biện cần được thực hiện thường xuyên, có hệ thống, có kế hoạch, mà môi trường học tập ở đại học là tốt nhất giúp sinh viên đào luyện chúng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang (2017), “Hiểu biết về tư duy phản biện”, <http://www.ier.edu.vn/hieu-biet-ve-tu-duy-phan-bien.html>, truy cập ngày 3/3/2017.
- [2]. Lê Ngọc Hân (2015), “Tư duy phản biện của sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2015*, Trường Đại học Đồng Tháp.
- [3]. Richard Paul, Linda Elder (2015), *Cẩm nang tư duy phản biện: Khái niệm và công cụ*, Nxb. Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh.
- [4]. Ngân hàng Thế giới (2017), “Sinh viên Việt nam cần tư duy phản biện và giải quyết vấn đề”, <http://nhipcaudautu.vn/kinh-te/sinh-vien-viet-nam-can-tu-duy-phan-bien-va-biet-cach-giai-quyet-van-de-3136480>, truy cập ngày 3/3/2017.
- [5]. Joyce Wycoff (2014), *Ứng dụng bản đồ tư duy để khám phá tính sáng tạo và giải quyết vấn đề*, Nxb. Lao động – Xã hội, Hà Nội.

GIÁO DỤC LỐI SỐNG CÓ TRÁCH NHIỆM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV. Nguyễn Thị Ý Nhi

Lớp: ĐHGDC15A

GVHD: ThS.GVC. Trương Thị Mỹ Dung

Tóm tắt: *Lối sống có trách nhiệm có vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người và xã hội. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung luận giải về lối sống có trách nhiệm, phân tích thực trạng công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên của trường Đại học Đồng Tháp, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên nói chung và sinh viên trường Đại học Đồng Tháp nói riêng.*

Từ khóa: *Lối sống có trách nhiệm, sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp.*

1. Đặt vấn đề

Học tập, rèn luyện, cống hiến là khát vọng thiết tha của thế hệ trẻ nói chung và sinh viên trường Đại học Đồng Tháp nói riêng. Bởi lẽ, họ ý thức được đây chính là con đường mở ra tiền đồ, tương lai tươi sáng cho chính bản thân mình; vận mệnh dân tộc, tương lai đất nước có thể “sánh vai với các cường quốc năm châu” như Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế là cơ hội vô cùng quý báu, là môi trường thực tiễn sinh động để tuổi trẻ thực hiện ước mơ, hoài bão của mình. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao nhận thức chính trị, lý tưởng sống đúng đắn, ý thức trách nhiệm với cộng đồng trong sinh viên đang nhận được rất nhiều sự quan tâm. Vì vậy, việc giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên là công việc cần thiết hơn bao giờ hết trong công tác giảng dạy của nhà trường nói riêng và trong hệ thống giáo dục đại học nói chung.

2. Nội dung

2.1. Khái luận chung

2.1.1. Khái niệm

Do lối sống có trách nhiệm là một vấn đề mang bản chất chuyên biệt về một mặt trong phạm trù lối sống nên chưa có một nhà khoa học nào định nghĩa cụ thể.

Nên theo tôi, để tìm hiểu về lối sống có trách nhiệm, ta cần tìm hiểu về các khái niệm sau: Lối sống, trách nhiệm; để từ đó đi đến khái niệm lối sống có trách nhiệm.

Một số định nghĩa về lối sống của các nhà khoa học nước ngoài:

Theo Đôborianốp: “Lối sống là sinh hoạt cá nhân, chủ quan hóa của hệ thống những quan hệ xã hội, của toàn bộ tổng thể những điều kiện sống, thể hiện trong hoạt động của con người”.

Theo Sôrôkhôva: “Lối sống là toàn bộ những hình thức hoạt động sinh sống tiêu biểu, là phương thức hoạt động đã được xác định”.

Gần đây nhiều nhà khoa học người Việt Nam cũng đề xuất một số định nghĩa về lối sống như sau:

Theo Trần Văn Bính và cộng sự: “Lối sống là một phạm trù xã hội học khái quát toàn bộ hoạt động sống của các dân tộc, các giai cấp, các nhóm xã hội, các cá nhân trong những điều kiện của một hình thái kinh tế xã hội nhất định, và biểu hiện trên các lĩnh vực của đời sống: trong lao động và hưởng thụ, trong quan hệ giữa người với người, trong sinh hoạt tinh thần và văn hóa”.

Theo nhóm tác giả Trần Kiều, Vũ Trọng Rỹ, Hà Nhật Thăng và Lưu Thu Thủy: “Lối sống là những cách suy nghĩ, kỹ năng ứng xử (cách nghĩ, nếp sinh hoạt, thói quen, phong cách học tập, làm việc, giao tiếp, xử sự...) tạo nên cái riêng của mỗi cá nhân hay một nhóm người nào đó”.

Trách nhiệm được định nghĩa:

Theo Hồ Chí Minh: Trách nhiệm là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình. Người coi trách nhiệm là việc phải làm, không thể thoái thác.

Trách nhiệm có nhiều kiểu: trách nhiệm trong công việc, trong gia đình, trong tình yêu, trách nhiệm trong lời nói, hành động, trách nhiệm một công dân đối với xã hội, trách nhiệm của con người với thiên nhiên, v.v..

Theo tôi, lối sống có trách nhiệm chính là lối sống làm tròn bổn phận, nghĩa vụ, chức trách đối với bản thân mình, với gia đình và xã hội. Hơn hết còn phải có trách nhiệm với những suy nghĩ, hành động và việc làm của bản thân mình. Mỗi cá nhân chúng ta cần phải biết suy nghĩ chín chắn, biết có trách nhiệm với công việc được giao và sẵn sàng chịu trách nhiệm khi gây ra lỗi lầm.

2.1.2. Đặc điểm của công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên

Giáo dục lối sống có trách nhiệm đòi hỏi không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ khái niệm lối sống có trách nhiệm, mà quan trọng hơn là kết quả giáo dục phải được thể hiện thành tình cảm, hành động thực tế của sinh viên.

Quá trình dạy học chủ yếu được tiến hành bằng các giờ học trên lớp còn quá trình giáo dục lối sống có trách nhiệm không chỉ bó hẹp trong giờ lên lớp mà nó còn được thể hiện thông qua tất cả các hoạt động có thể có trong nhà trường.

Đối với sinh viên, kết quả của công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm vẫn còn phụ thuộc rất lớn vào nhân cách người giảng viên, tấm gương về lối sống có trách nhiệm của người thầy sẽ tác động quan trọng vào việc học tập, rèn luyện của sinh viên.

Để giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên có hiệu quả, yếu tố tập thể giữ vai trò hết sức quan trọng. Công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên chỉ đạt kết quả tốt khi nó có sự tác động đồng thời của các lực lượng giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội.

2.1.3. Vai trò của công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên

Lối sống có trách nhiệm là rất cần thiết, đặc biệt là ở môi trường giáo dục Đại học hiện nay chủ yếu phát huy vai trò của mỗi cá nhân là tự học, tự nghiên cứu trên cơ sở tinh thần, ý thức, trách nhiệm của mỗi sinh viên. Vì thế, hầu hết các trường Đại học hiện nay đều lồng ghép việc giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên vào các môn học chính khóa và ngoại khóa.

Giáo dục lối sống có trách nhiệm là một mặt của giáo dục nhưng giữ vai trò quan trọng nhất, vì đây là cơ sở để hình thành và phát triển nhân cách, phẩm chất và giá trị của mỗi con người nói chung và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng. Cụ thể là:

Thứ nhất, giáo dục lối sống có trách nhiệm giúp cho mỗi cá nhân nâng cao trình độ nhận thức về các giá trị đạo đức, lối sống, từ đó tự điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, lối sống của xã hội. Góp phần hoàn thiện nhân cách cho sinh viên thực hiện tốt những bổn phận của bản thân đối với việc học tập, rèn luyện, có trách nhiệm với gia đình và xã hội; nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống đúng đắn, ý thức trách nhiệm công dân cho sinh viên.

Thứ hai, giáo dục lối sống có trách nhiệm góp phần gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống của gia đình về lối sống đẹp, lối sống tích cực mà các thế hệ trước đã tạo dựng; đồng thời góp phần tích cực trong việc giáo dục hình thành những giá trị đạo đức, lối sống mới, khắc phục những quan điểm lạc hậu, sự lệch chuẩn các giá trị sống truyền thống, những thói hư tật xấu hay những biểu hiện của lối sống thiếu trách nhiệm.

Thứ ba, trong môi trường đại học, việc giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên phải được đặc biệt coi trọng, nhằm trang bị, định hướng thế hệ trẻ vươn tới tri thức và những chuẩn mực văn hoá đạo đức lối sống như: Xây dựng nếp sống văn minh, thanh lịch, góp phần vào sự nghiệp “mười năm trồng cây, trăm năm trồng người” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ tư, giáo dục lối sống có trách nhiệm giúp cho sinh viên nhận thức đúng về vai trò của mình đối với xã hội, đất nước; đào tạo những lớp người tài, đức vẹn toàn đáp ứng nhu cầu của xã hội, từ đó góp phần làm cho đất nước phát triển, xã hội ngày một văn minh tiến bộ hơn.

2.2. Thực trạng công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên ở trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Vài nét về sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Hiện nay, Trường có hơn 9000 sinh viên theo học, bên cạnh các bạn xuất thân từ gia đình khá giả thuộc khắp các tỉnh thành trên cả nước thì phần lớn xuất thân từ nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hoàn cảnh kinh tế gia đình còn khó khăn nên các bạn đã có sẵn trong mình tố chất của người con miền Tây Nam Bộ: cần cù, chịu thương, chịu khó, đời sống văn hóa, tinh thần đa dạng, phong phú. Cộng thêm, trường Đại học Đồng Tháp là trường đa ngành, nên ít nhiều chuyên ngành mà các bạn theo học có ảnh hưởng đến lối sống của sinh viên. Vì vậy, lối sống của các bạn cũng rất đa dạng, phong phú.

Một mặt, do khi bước vào cánh cửa đại học thì sinh viên có nhiều thay đổi so với trước đó, được sống, học tập, rèn luyện trong môi trường mới, các quan hệ xã hội được mở rộng. Trong các quan hệ đó thì mọi người xung quanh, kể cả thầy cô giáo và bố mẹ đều nhìn nhận các bạn như trưởng thành. Vì vậy, các bạn biết sống tự lập hơn, có trách nhiệm với bản thân mình hơn, tự nhận thức được cái gì nên làm và cái gì không nên làm. Cho nên, hầu hết các bạn sinh viên Trường Đại học Đồng

Tháp đều là những người năng động, sáng tạo, có hoài bão, có khát vọng vươn lên hướng đến một lối sống lành mạnh mà đó chính là lối sống có trách nhiệm.

2.2.2. Các hoạt động giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên

Các hoạt động ngoại khóa

Thực hiện theo kế hoạch thực tế chuyên môn của các khóa học, nhà trường Đại học Đồng Tháp đã tổ chức đoàn đi thực tế chuyên môn cho các lớp sinh viên nhằm giúp cho các em nắm bắt được tình hình, có cơ hội tiếp xúc thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức các buổi hoạt động, giao lưu, thành lập các câu lạc bộ hoạt động vào thứ bảy, chủ nhật hàng tuần như: hoạt động hỗ trợ sinh viên trong rèn luyện kỹ năng mềm, ngày chủ nhật xanh, sinh hoạt các câu lạc bộ học thuật, phong trào “Sinh viên với nghiên cứu khoa học”, “Sinh viên với vấn đề khởi nghiệp”; chương trình “Tiếp sức mùa thi và tiếp sức đến trường”. Đặc biệt phong trào “Sinh viên 5 tốt” được nhà trường quan tâm tuyên truyền rộng rãi trong sinh viên. Hội sinh viên trường cũng cho ra mắt trang Facebook “Những câu chuyện đẹp trong sinh viên” nhằm tuyên truyền trong sinh viên về ý thức, trách nhiệm đối với cộng đồng. Giúp cho sinh viên chủ động, tích cực tham gia cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh do Tỉnh đoàn tổ chức. Tổ chức cho sinh viên tham gia các bài viết, các cuộc thi về ”Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”, “Tuổi trẻ Đồng Tháp học tập và làm theo lời Bác”.

Các hoạt động giáo dục lao động hướng nghiệp

Thực hiện kế hoạch của các năm học, nhà trường Đại học Đồng Tháp đã tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại giữa sinh viên với cán bộ, giảng viên trong các khoa về vấn đề việc làm, cơ hội việc làm sau khi ra trường nhằm giúp cho các bạn sinh viên nâng cao tinh thần, ý thức, trách nhiệm đối với việc học, với công việc mà mình phải làm sau này.

Nhằm hướng đến một cuộc sống không chỉ biết thụ hưởng tiền trợ cấp từ gia đình, nhiều sinh viên dưới sự tư vấn của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập đã chủ động thích nghi với cuộc sống mới bằng cách đi làm thêm ở các quán cafe, nhà hàng, gia sư, tiếp thị, may vá, để có tiền học mà không hề đánh mất bản thân mình, điều này giúp các em biết trân trọng thành quả lao động của cha mẹ và của chính các em.

Giáo dục lao động, nhà trường tổ chức cho mỗi lớp sinh viên lao động ba buổi trên một học kỳ làm những công việc như là: thu dọn vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan sư phạm, thông qua các buổi lao động giáo dục cho sinh viên tinh thần kỷ luật, trách nhiệm với môi trường sống, biết thương yêu và kính trọng người lao động.

Sự tham gia giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên của các giảng viên bộ môn

Các thầy, cô trong nhà trường luôn là tấm gương mẫu mực về lối sống có trách nhiệm cho sinh viên noi theo. Tình cảm gắn bó, niềm tự hào về truyền thống, văn hóa tổ chức đã và đang hình thành, phát triển trong mỗi đơn vị, từng cán bộ, giảng viên và sinh viên, học viên của nhà trường với hệ giá trị cốt lõi đã được xác lập là: Coi trọng chất lượng, khuyến khích sáng tạo, thúc đẩy hợp tác, ủng hộ trung thực, đề cao trách nhiệm, mà nhà trường Đại học Đồng Tháp đã đề ra. Ngoài việc giảng dạy những tri thức về văn hóa các thầy, cô giáo bộ môn còn truyền đạt, chia sẻ cho các bạn sinh viên những triết lí, kinh nghiệm sống, trách nhiệm với bản thân, gia đình, công việc, bạn bè và xã hội.

Hoạt động gắn liền nhà trường với thực tế đời sống địa phương

Năm học 2015- 2016, Hội sinh viên trường phối hợp cùng các đơn vị tổ chức Hội chợ “Tự hào truyền thống sinh viên Đại học Đồng Tháp lần 3” với chủ đề “Sáng tạo và Khởi nghiệp” với sự tham gia của đông đảo sinh viên đang học tập tại trường. Trong khuôn khổ của hội chợ, Hội sinh viên trường cũng đã tổ chức cho 150 học sinh các trường Trung học phổ thông của huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Sóc Trăng tham quan, giao lưu tại Trường. Trong dịp này, Hội cũng đã phối hợp với Ban Thanh thiếu nhi trường học Tỉnh đoàn tổ chức “Lễ tuyên dương sinh viên 5 tốt, 3 tốt và Giải thưởng “Sao Tháng Giêng” năm 2015 - 2016” cho 50 sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh. Hoạt động lần này góp phần cổ vũ phát huy truyền thống hiếu học nỗ lực và sáng tạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội của sinh viên Đồng Tháp.

Năm học 2016- 2017, nhân kỷ niệm thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các Liên chi đoàn khoa phối hợp với Đoàn trường tổ chức hội trại với những hoạt động: thấp hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức cuộc thi trang phục tái chế, ẩm thực văn hóa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; sinh hoạt, vui

chơi giải trí tập thể, qua đó bồi dưỡng tình cảm, lòng tự hào, biết ơn của thế hệ trẻ đối với người có công với nước, với dân; góp phần giáo dục ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với môi trường; nâng cao tinh thần đoàn kết, hình thành kỹ năng sống cho sinh viên.

2.2.3. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên

Kết quả đạt được:

Với sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương tự học và sáng tạo”, với đội ngũ giảng viên có trình độ, yêu nghề, nhiệt huyết là niềm tin vững chắc để đào tạo và giáo dục sinh viên trở thành con ngoan, trò giỏi, những công dân có ích cho xã hội. Kết quả học tập và tham gia nghiên cứu khoa học là một trong những thước đo đánh giá sự nỗ lực trong quá trình hoàn thiện phẩm chất đạo đức, lối sống của các bạn sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. Năm học 2015 -2016 các bạn đã gặt hái được nhiều kết quả trong học tập rất đáng khích lệ, cụ thể 100% sinh viên đáp ứng được các tiêu chí của chuẩn đầu ra của ngành học, trong đó có từ 50% sinh viên đạt được các tiêu chí cao hơn. Cũng trong năm học này, Hội Sinh viên còn trao quyết định thành lập 02 Câu lạc bộ Sinh viên ngoại trú và Câu lạc bộ Truyền thông và Tổ chức sự kiện. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường tặng giấy khen cho 15 tập thể, 38 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn - Hội. Bên cạnh đó, với tinh thần “Tương thân tương ái”, Hội nghị đã vận động và quyên góp được 17.780.500 đồng ủng hộ đồng bào miền Trung đang chịu thiệt hại do mưa lũ.

Từ kết quả trên, ta có thể nhận thấy đa số sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp có lối sống có trách nhiệm tốt, biết sống có trách nhiệm với bản thân. Trong học tập nhìn chung sinh viên đều có trách nhiệm với việc học, năng động, đam mê học tập, nghiên cứu. Đối với gia đình thì sinh viên luôn là những người con ngoan, trò giỏi, làm cho gia đình hạnh diện. Đối với xã hội thì mỗi sinh viên luôn có ý thức tự nâng cao tinh thần trách nhiệm với môi trường sống, với cộng đồng.

Hạn chế khó khăn còn tồn tại:

Một bộ phận không ít sinh viên có biểu hiện chán nản, không thích học, sống thiếu trách nhiệm với bản thân, với việc học, thậm chí là với gia đình và xã hội; giao lưu với đối tượng xấu bên ngoài, uống rượu, bia; coi thường sức khỏe, lười vận

động, luyện tập thể dục, thể thao, thức khuya, dành thời gian cho thế giới ảo, ít quan tâm tâm đến người thân. Đặc biệt nhiều sinh viên hiện nay đang sống thử với nhau, với họ, đó không chỉ thể hiện tình yêu, mà thực tế hơn, cả hai người khi sống thử sẽ tiết kiệm được chi phí cho việc thuê nhà, ăn uống, lại có thể giúp nhau lúc đau ốm. Vì thế dù xã hội có lên tiếng phản đối thì việc sống thử trong sinh viên hiện nay vẫn diễn ra nhưng hầu hết đều để lại những hậu quả đau lòng.

Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn: do nhận thức của bản thân chưa cao, do phần lớn sinh viên đều sống xa nhà thiếu sự quản thúc của gia đình, bị ảnh hưởng từ bạn bè xấu. Một mặt do sự tác động của toàn cầu hóa, những sản phẩm độc hại phi văn hóa bằng nhiều con đường nhất là qua internet và mạng xã hội, các phương tiện truyền thông đó đã có những ảnh hưởng xấu đến lối sống của sinh viên.

2.3. Kiến nghị giải pháp giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Thứ nhất, đối với sinh viên nói chung và sinh viên trường Đại học Đồng Tháp nói riêng cần phải được giáo dục về việc hình thành, phát triển lối sống vì cộng đồng, sinh viên là bộ phận quan trọng, chủ nhân tương lai của đất nước vì vậy, cần phải đẩy mạnh tham gia các hoạt động xã hội, giúp đỡ cộng đồng như sinh viên tình nguyện, hoạt động hiến máu nhân đạo, chiến dịch mùa hè xanh, tham gia tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS. Bên cạnh đó, giáo dục thái độ nghiêm túc trong tình bạn, tình yêu, đề cao tình bạn, tình yêu trong sáng, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện tiến bộ. Tuy nhiên, cần có thái độ phê phán nghiêm khắc với một bộ phận sinh viên sống thử, yêu đương không nghiêm túc, lợi dụng, vụ lợi lẫn nhau... Vì những điều này làm xấu đi hình ảnh của sinh viên trong cuộc cách mạng văn hóa, tư tưởng hiện nay.

Thứ hai, tổ chức chương trình học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tăng cường sinh hoạt chính trị cho sinh viên. Hoạt động giáo dục của các tổ chức lãnh đạo, Ban Giám hiệu: kết hợp giáo dục chính trị với các hình thức của công tác tư tưởng, tuyên truyền cổ động văn hóa, văn nghệ. Giáo dục đạo đức lối sống thông qua các cuộc vận động do Đảng, nhà nước, đoàn thể phát động, các đợt sinh hoạt chính trị, Đảng, đoàn, hội, tự phê bình và phê bình. Mở lớp đào tạo cho sinh viên trong nghiên cứu khoa học, tự học tập lý luận chính trị. Những hình thức,

phương pháp giáo dục lối sống cho sinh viên ở trường đại học được vận dụng phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của nhà trường không máy móc, giáo điều.

Thứ ba, giáo dục, xây dựng lối sống có ước mơ, hoài bão, kiên trì, nghị lực, tự tin cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp. Sinh viên là bộ phận trẻ, nhạy bén với thời cuộc. Vì vậy, cần năng động, sáng tạo trong học tập để biến mơ thành thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Thanh niên cần phải có tinh thần và gan dạ, sáng tạo, cần phải có chí khí hăng hái và tinh thần vượt mọi khó khăn gian khổ để tiến mãi không ngừng. Cần phải trung thực, thật thà, chính trực”. Đối với quá trình phát triển và hội nhập hiện nay, điều này càng trở nên có ý nghĩa trong việc giáo dục định hướng sống cho sinh viên nói chung và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng.

Thứ tư, việc giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên không phải là việc của riêng bất kỳ một cá nhân, tổ chức nào mà phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Có như vậy mới làm được tốt công tác giáo dục và thực hiện tốt đường lối “xã hội hóa giáo dục” của Đảng và Nhà nước đề ra. Trước hết gia đình có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách mỗi người, trong quá trình hoàn thiện và phát triển nhân cách, bản chất cá nhân tốt hay xấu một phần là do ảnh hưởng của lối sống trong gia đình. Vì vậy, đối với gia đình đòi hỏi ông bà, cha mẹ phải gương mẫu về đạo đức, lối sống, có trách nhiệm yêu thương, chăm sóc thể hệ con cái, để vươn tới giá trị chân, thiện, mỹ. Ngoài ra gia đình cần đặt biệt quan tâm đến việc học hành của sinh viên như theo dõi thời khóa biểu, lịch học, phương pháp học tập, tạo điều kiện, định hướng cho sinh viên vui chơi, giải trí lành mạnh, phải nắm bắt kết quả học tập, quan tâm đến lối sống, sinh hoạt nhất là việc ở trọ xa nhà, để đạt kết quả tốt nhất trong học tập. Nhưng ngoài thời gian sinh sống, tiếp xúc cùng các thành viên trong gia đình thì phần lớn thời gian của sinh viên là ở trường và ngoài xã hội. Vì vậy, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và ngoài xã hội cần phối hợp, quan tâm định hướng tạo môi trường thuận lợi để sinh viên phấn đấu, rèn luyện; cần tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng để thu hút, tập hợp sinh viên tham gia. Nhà trường cần phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả phấn đấu. Kịp thời biểu dương, cách làm hay và kiên quyết uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc, những biểu hiện lệch chuẩn trong đạo đức, lối sống; bên cạnh đó, nhà trường cần phải thường xuyên liên

hệ với gia đình sinh viên như bằng thư, mạng internet, điện thoại để thông báo tình hình những biểu hiện chưa tốt cho gia đình nắm được. Gia đình, xã hội và nhà trường có mối quan hệ biện chứng với nhau, tác động, phụ thuộc lẫn nhau. Bởi vì, một đất nước có phát triển, một xã hội có văn minh tiến bộ, một gia đình có văn hóa hay không là phụ thuộc vào giáo dục mà ở đây là sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội về giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên. Nó bị chi phối bởi các yếu tố khác như tôn giáo, pháp luật, truyền thống, văn hóa dân tộc, trình độ học vấn, sự phát triển của khoa học công nghệ, quá trình hội nhập quốc tế... Vì vậy, giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp và sinh viên nói chung là nhiệm vụ của tất cả mọi người như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Giáo dục các em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội. Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ trách.”

Thứ năm, tăng cường giáo dục phát huy hoạt động tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên. Bởi lẽ, muốn xây dựng cho mình một lối sống có trách nhiệm thì hãy tập có trách nhiệm từ những việc nhỏ như: đã hứa thì hãy giữ lời; ý thức được nhiệm vụ chính của bản thân ở từng giai đoạn để làm thật tốt nhiệm vụ ấy; thực hiện đúng vai trò của người con trong gia đình: hiếu thảo, lễ phép, biết phụ giúp gia đình; dám đối diện với sai lầm và có ý thức khắc phục để hoàn thiện bản thân; hãy tham gia vào các câu lạc bộ tình nguyện để tập thói quen chia sẻ với những hoàn cảnh bất hạnh. Và điều quan trọng nhất, cũng như trách nhiệm chính yếu nhất của mỗi sinh viên chính là học tập. Trong học tập, mỗi sinh viên cần phải chú tâm và biết tìm tòi, thu thập tài liệu, tự biết xây dựng kế hoạch học tập và phấn đấu vươn lên trong từng năm học, biết xác định đúng mục đích, nội dung và phương pháp học tập. Đồng thời mỗi sinh viên phải biết xây dựng cho mình một lối sống lành mạnh trong cuộc sống hằng ngày, xa rời các lối sống ăn chơi đua đòi, sống thoáng, không ngừng học tập, rèn luyện, tu dưỡng bản thân. Bản thân mỗi người tự giác rèn luyện, biết tự kiểm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội.

3. Kết luận

Sinh viên là trụ cột của nước nhà, là lớp người kế thừa sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Vì vậy, việc giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên là rất cần thiết, là nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với việc giáo dục những kiến thức chuyên môn, công tác giáo

dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, đã góp phần hoàn thiện nhân cách của mỗi sinh viên, để khi bước vào cuộc sống mỗi sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp đều là những người năng động, nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm cao. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu ngắn, phạm vi nghiên cứu chỉ là ở trường Đại học Đồng Tháp nên có nhiều vấn đề chưa được phân tích đầy đủ, các biện pháp đưa ra chưa có tính khả thi cao nhưng ít nhiều nó cũng giúp cho chúng ta thấy được thực trạng của lối sống sinh viên hiện nay, giúp cho chúng ta nhận thấy được một số việc phải làm trong thời gian sắp tới để góp phần thành công vào công tác giáo dục lối sống có trách nhiệm cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đại học Đồng Tháp, *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và Phong trào Thanh niên năm học 2015- 2016, phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017.*
- [2]. Lâm Quốc Tuấn, Trần Văn Toàn (2005), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức vừa”hồng” vừa “ chuyên” cho thanh niên trí thức”, *Tạp chí Lý luận chính trị.*
- [3]. Nguyễn Thị Oanh (2001), *Thanh niên - lối sống*, Nxb. Trẻ, Tp HCM.
- [4]. Phạm Viết Vượng (2005), *Lí luận giáo dục*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5]. Phạm Hồng Tung (2007), “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN.*

GIÁO DỤC LỐI SỐNG MỚI CHO SINH VIÊN HIỆN NAY THEO QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH

SV. Nguyễn Thúy Quỳnh

Lớp: ĐHGDC15C

GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập

Tóm tắt: Trong bài viết, tác giả làm rõ quan điểm Hồ Chí Minh về lối sống mới thể hiện trong lao động sản xuất, trong công việc, trong học tập rèn luyện, trong sinh hoạt và trong ứng xử. Từ đó, bài viết phân tích nội dung giáo dục lối sống mới cho sinh viên hiện nay theo quan điểm Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Giáo dục, lối sống mới, sinh viên, tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Lúc sinh thời, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ nhất là sinh viên. Bởi lẽ, trong quan điểm của Người, sinh viên là lực lượng chủ lực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Do vậy, muốn đào tạo và bồi dưỡng họ thành những con người xã hội chủ nghĩa vừa có đức vừa có tài, vừa hồng vừa chuyên nhất thiết phải giáo dục lối sống mới. Vì thế, giáo dục lối sống mới cho sinh viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung cần nghiêm túc thực hiện.

2. Nội dung

2.1. Lối sống mới và vai trò của nó đối với sinh viên hiện nay

2.1.1. Những khái niệm cơ bản

- Sinh viên là khái niệm dùng để chỉ những người học tập tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp. Ở đó, họ được truyền đạt kiến thức bài bản về một ngành, nghề, chuẩn bị cho công việc sau này của họ. Họ được xã hội công nhận qua những bằng cấp đạt được trong quá trình học [2, tr.28].

- Lối sống mới theo Hồ Chí Minh là lối sống có lý tưởng, có đạo đức, có phong cách sống và phong cách làm việc. Đó còn là lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng lối sống mới còn phải sửa đổi phong cách sống và phong cách làm việc, nghĩa là phải sửa đổi năm cách “cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc” trong đời sống của mọi người. Nếu Mác nói đến ăn, mặc, ở... để tồn tại thì Hồ Chí

Minh nói đến mặt văn hóa của ăn, mặc, ở... và phải xây dựng một phong cách sống giản dị, khiêm tốn, ngăn nắp... một phong cách làm việc quần chúng, dân chủ – tập thể, khoa học [10, tr.2].

2.1.2. Vai trò của lối sống mới đối với sinh viên hiện nay

Để phát triển giáo dục đào tạo theo hướng cân đối giữa “dạy người, dạy chữ, dạy nghề” trong đó “dạy người” là mục tiêu cao nhất thì việc giáo dục lối sống mới cho sinh viên nhằm đáp ứng những yêu cầu của cách mạng trong thời kỳ phát triển đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế giữ vai trò, vị trí rất quan trọng. Do tuổi đời còn trẻ, kinh nghiệm sống chưa nhiều, ít va chạm thực tế nên sinh viên thiếu những trải nghiệm trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên đang trong quá trình tích lũy kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nên việc xây dựng cho mình lối sống mới vừa thấm nhuần truyền thống văn hóa dân tộc vừa mang giá trị thời đại sẽ giúp cho sinh viên không ngừng nâng cao nhận thức và hành động.

Với tác động của nền kinh tế thị trường cùng những luồng phản văn hóa xâm nhập đã tác động không nhỏ đến lối sống của sinh viên dẫn đến nhiều biểu hiện tiêu cực đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng đến bản sắc văn hóa của nhân dân ta. Vì thế, cần xây dựng một nền tảng tinh thần vững vàng cho nhận thức và hành động để khơi dậy niềm tin, ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc rèn luyện nhân cách và xây dựng lối sống mới nhằm chống lại những thủ đoạn, âm mưu của các thế lực thù địch làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Như vậy, việc giáo dục lối sống mới cho sinh viên sẽ đào tạo những thế hệ trẻ với lối sống tích cực lành mạnh, có năng lực và bản lĩnh trong hội nhập, có kỹ năng trong cuộc sống để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Nội dung giáo dục lối sống mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên hiện nay

Xây dựng lối sống mới là một trong những nội dung được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Người quan niệm: “Muốn xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp thì phải tiêu diệt những thói hư, tật xấu của xã hội cũ còn sót lại. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là

con người có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng” [7, tr.110]. Người đã viết, đã bàn rất nhiều về xây dựng lối sống mới thông qua tác phẩm *Đời sống mới, Sửa đổi lối làm việc* rất tế nhị, bình dân, không phô trương, cầu kỳ nhưng dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện.

Nhận thức rõ vai trò to lớn của sinh viên là người chủ tương lai của nước nhà, bản thân mỗi cá nhân phải coi việc xây dựng lối sống mới như một việc làm thường xuyên, liên tục, triệt để và khoa học. Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng lối sống mới cho sinh viên trên tất cả các mặt của đời sống xã hội: *Trong lao động sản xuất, trong công việc, trong học tập rèn luyện, trong sinh hoạt và trong ứng xử.*

Trong lao động sản xuất, Hồ Chí Minh luôn động viên, khuyến khích sinh viên tích cực lao động, tăng gia sản xuất. Để tăng gia sản xuất phải coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng cao cả, chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Người nói: “Để đẩy mạnh tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, mỗi người chúng ta phải nhận rõ: Lao động là một nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người công dân đối với Tổ quốc, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi chúng ta” [4, tr.324]. Ai cũng phải tùy khả năng mình mà tự nguyện tự giác tham gia lao động, góp phần xây dựng nước nhà. Mỗi người chúng ta phải nhận rõ: Lao động - lao động chân tay và lao động trí óc đều là vẻ vang, đáng quý. Chúng ta phải chống tư tưởng xem khinh lao động. Người cho rằng muốn lao động sản xuất tốt, học tập tốt thì sinh viên cần phải có sức khỏe. Muốn có sức khỏe thì nên thường xuyên tập thể dục, thể thao.

Giáo dục quan điểm Hồ Chí Minh cho sinh viên trong lao động sản xuất, cần xây dựng cho sinh viên về ý thức, thái độ xem lao động là vinh quang, là nguồn sống, là hạnh phúc. Cần giúp cho sinh viên hiểu rằng, cần cù trong lao động sản xuất không phải chỉ siêng năng, chăm chỉ, quan trọng hơn phải có kế hoạch và đạt năng suất cao. Sinh viên cần có những việc làm cụ thể nhằm hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau phát triển sản xuất, tạo việc làm và thu nhập chính đáng. Kết hợp học tập và lao động để vừa vận dụng những kiến thức đã học góp phần phục vụ sản xuất, vừa thực hành củng cố kiến thức, vừa tích lũy kinh nghiệm sống. Đồng thời rèn luyện sức khỏe, tìm kiếm thu nhập hỗ trợ cho việc học tập.

Trong công việc, Hồ Chí Minh yêu cầu sinh viên làm việc phải đúng giờ, không đi muộn về sớm, vì theo Người: “Cửa cải nếu hết có thể làm thêm. Khi thời

giờ đã qua rồi, không bao giờ kéo nó trở lại được. Có ai kéo lại ngày hôm qua được không?” [3, tr.637]. Do đó, sinh viên phải biết tiết kiệm thời gian, tránh lãng phí. Người còn khuyên sinh viên làm việc phải theo cách vừa khẩn trương, nhanh chóng, vừa phải chu đáo. Việc ngày nào, nên làm xong ngày ấy, chớ để chờ ngày mai, đã làm việc gì phải tận tâm, tận lực, làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao nhất, tránh tình trạng lười biếng, cần tận dụng triệt để thời gian rảnh rỗi.

Hiện nay, cần giúp cho sinh viên ý thức được vai trò của mình trong xã hội, sứ mệnh của mình trong sự nghiệp cách mạng nên phải tự xây dựng được lối sống văn hóa mới, không sa vào tệ nạn xã hội, xây dựng một lối sống khoa học, bố trí sắp xếp thời gian, kế hoạch học tập hợp lý. Trong công việc, sinh viên cần xác định rõ nhiệm vụ của mình, trung thành, tận tụy và chính trực, chống tư tưởng hám danh, hám lợi. Ngoài ra, cần loại bỏ những biểu hiện tiêu cực vì lợi ích của cá nhân mà bỏ qua lợi ích của nhân dân, của cộng đồng, của xã hội. Quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách đứng dậy sau thất bại để đạt được mục đích trong công việc.

Trong học tập và rèn luyện, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng cho sinh viên một lối sống luôn đề cao việc học tập, rèn luyện. Người khẳng định: “Nói chung thanh niên phải chuẩn bị làm người chủ nước nhà. Muốn thế phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa trước hết phải rèn luyện và thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, gạt bỏ chủ nghĩa cá nhân...” [6, tr.310]. Người nhấn mạnh, kho tàng tri thức của nhân loại là vô cùng phong phú, mỗi con người chúng ta còn rất nhiều điều phải học, có học thì mới mở mang được sự hiểu biết, mới tiến bộ được, chúng ta càng học nhiều bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu. Đề cao việc học tập cũng chính là sinh viên thể hiện năng lực làm chủ của mình, bởi con người muốn làm chủ xã hội thì phải có trình độ hiểu biết, bởi một lối sống văn minh tiên tiến không thể có được nếu như trình độ sinh viên còn thấp, ý thức làm chủ của sinh viên chưa cao. Hồ Chí Minh chỉ rõ, sinh viên phải học tập tinh thần say mê của Lenin: “Học, học nữa, học mãi”.

Hiện nay, cần giáo dục cho sinh viên ý thức tự giác xây dựng lối sống mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh qua việc từng bước định hướng trong việc chủ động lựa chọn ngành nghề, công việc phù hợp với năng lực bản thân, nhu cầu xã hội. Muốn vậy, sinh viên cần tích lũy kiến thức, kinh nghiệm từ việc học ở sách vở đến việc rèn luyện nhằm chuẩn bị kinh nghiệm, về kiến thức cũng như những kỹ năng sống

cho tương lai. Ngoài việc học tập trên lớp, sinh viên cần phải tăng cường tự học, tự nghiên cứu, giúp đỡ nhau trong việc học tập và tích cực tham gia các hoạt động phong trào. Trong học tập phải quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành. Sinh viên cần xác định học cái gì? học để làm gì? học để phục vụ ai?. Trong rèn luyện, sinh viên phải thực hiện đúng nội quy, quy chế của nhà trường, tham gia phòng chống tệ nạn xã hội trong học đường. Tích cực đăng ký thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, đi đầu trong công tác xây dựng xã hội học tập. Tham gia xây dựng các câu lạc bộ học thuật theo chuyên ngành, hình thành các tổ, nhóm giúp nhau trong học tập, nghiên cứu khoa học, học hỏi kỹ năng sống và kỹ năng ứng xử trên giảng đường. Ngoài ra, sinh viên cũng cần tăng cường tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội tổ chức, hưởng ứng và tham gia các hoạt động tình nguyện nhằm rèn luyện bản thân theo hình mẫu “Sinh viên 5 tốt” trong học tập, rèn luyện và hội nhập.

Trong sinh hoạt, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng lối sống văn minh tiến bộ, giản dị, tiết kiệm cho sinh viên. Người khuyên sinh viên nên sống sao cho hợp lý, sạch sẽ, vừa tiết kiệm lại đảm bảo sức khỏe, hợp vệ sinh, “sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong lối sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc” [3, tr.332]. Ngoài ra, sinh viên cần có ý thức giữ gìn môi trường sống, có những hành động văn minh trong sinh hoạt hằng ngày như không xả rác bừa bãi, có ý thức, trật tự ở những nơi công cộng, tôn trọng tập thể, tôn trọng mọi người... Người yêu cầu sinh viên cần phải nêu cao thái độ chống lãng phí, xa hoa và nên hạn chế uống rượu vì như thế không tốt cho sức khỏe.

Để học tập và làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sinh viên cần xây dựng lối sống văn hóa trong sinh hoạt. Từ đó, sinh viên tích cực tham gia các hoạt động vì cuộc sống cộng đồng, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thực hiện lối sống mới trên địa bàn cư trú. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và các quy định của địa phương, tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội. Nâng cao ý thức giữ gìn trường, lớp sạch đẹp, văn minh lịch sự, loại bỏ các thói hư tật xấu như: nói tục, chửi thề, lối sống không lành mạnh, bạo lực học đường, cố gắng hướng đến hình ảnh một người công dân tốt. Tham gia các đội hình sinh viên tình nguyện, trí thức trẻ tình nguyện phát triển nông thôn, miền núi.

Trong ứng xử, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng lối sống mới cho sinh viên trong quan hệ giữa con người với con người với việc “Phải chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình” [5, tr.455]. Đó là lối sống đề cao tình yêu thương con người, yêu thương đồng loại, đề cao tinh thần nhân đạo, nhân văn, coi trọng những nghĩa cử cao đẹp, tinh thần đoàn kết, sống khiêm tốn, giản dị, cầu thị, không tự cao, tự đại, sống có lý, có tình, biết ơn những người đi trước. Trong quan hệ với nhân dân, bạn bè, đồng chí, anh em thì cởi mở, chân tình, ân cần, tế nhị; giàu lòng yêu thương quý mến con người, trân trọng con người; đối với mình thì chặt chẽ, đối với người khác thì khoan dung, độ lượng.

Giáo dục cho sinh viên lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong ứng xử, cần xây dựng cho sinh viên lối sống kính trên nhường dưới, chan hòa, đoàn kết, yêu thương mọi người. Phải khơi dậy và phát huy tinh thần xung kích, xung phong tình nguyện vì cộng đồng; thương yêu con người bằng tấm lòng tương thân tương ái; kính trọng mọi người, chan hòa tình cảm, vị tha, khoan dung và nhân hậu. Trong công việc và mối quan hệ với mọi người xung quanh, sinh viên cần nêu cao ý thức, trách nhiệm đối với công việc, đặt việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Đặc biệt, phải luôn luôn cầu thị, lắng nghe, ham học hỏi, ham làm, ham tiến bộ, nhất là không nên nhìn hót người trên, coi khinh người dưới, sống chan hòa với mọi người.

3. Kết luận

Quan điểm Hồ Chí Minh về lối sống mới và sự cần thiết phải giáo dục lối sống mới cho sinh viên có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên để trở thành người chủ tương lai của đất nước. Do vậy, việc quán triệt sâu sắc quan điểm Hồ Chí Minh và việc triển khai, tuyên truyền sâu rộng quan điểm Hồ Chí Minh về lối sống mới là việc làm mang tính thiết thực nhằm hưởng ứng tích cực phong trào học tập và làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh để sinh viên trở thành thế hệ trẻ với “Tâm trong, trí sáng, hoài bão lớn”, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Thành Duy (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [2]. Đoàn Nam Đàn (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục sinh viên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đặng Quang Thành (2005), *Xây dựng lối sống có văn hóa của sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh*, *Luận án Tiến sĩ*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [9]. Nguyễn Thị Tùng (2017), “*Nâng cao công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay*”, <http://www.dhktna.edu.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc>.
- [10]. Nguyễn Mai Phương (2017), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đời sống, vận dụng tư tưởng này vào việc giáo dục đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới cho học sinh, sinh viên hiện nay*”, <http://doc.edu.vn/tai-lieu/tieu-luan-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-van-hoa-doi-song-van-dung-tu-tuong-nay-va-vo-viec-giao-duc-dao-duc-moi-loi-song-moi-nep>.

MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN TẠI TRUNG TÂM CÔNG TÁC XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG

SV. Nguyễn Thanh Phong

Lớp: ĐHCTXH14

GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo

Tóm tắt: Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng triển khai hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long năm 2016 - 2017, như là một nghiên cứu trường hợp cho bước đầu vận dụng công tác xã hội chuyên nghiệp vào trong bệnh viện tại trung tâm. Để khảo sát thực trạng tôi tiến hành bằng phương pháp quan sát kết hợp phỏng vấn sâu lãnh đạo, cán bộ nhân viên, bệnh nhân để thu thập thông tin. Thời gian quan sát là 360 giờ và bảng phỏng vấn sâu gồm 16 câu hỏi mở, tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp. Kết quả nghiên cứu góp phần xây dựng mô hình ngày càng hoàn thiện, phát triển và hoạt động một cách chuyên nghiệp.

Từ khóa: Bệnh nhân, Công tác xã hội trong bệnh viện, Trung tâm công tác xã hội.

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội trong bệnh viện là hoạt động hỗ trợ người bệnh, người nhà người bệnh và các nhân viên y tế trong bệnh viện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và tâm lý liên quan đến bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh.

Tại Việt Nam, công tác xã hội đã được hình thành từ lâu, nhưng còn tản mạn, tự phát ở giai đoạn đầu của công tác xã hội. Theo thời gian và cùng với sự phát triển của xã hội, gần đây công tác xã hội phát triển ngày càng chuyên nghiệp hơn với đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên nghiệp và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện góp phần xoa dịu nỗi đau, nâng cao khả năng và nghị lực cho bệnh nhân trong việc điều trị và khám chữa bệnh, xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa thể chất và tinh thần giữa người bệnh với người thân, giữa người bệnh với thầy thuốc, với cơ sở y tế và với cộng đồng. Bên cạnh đó, công tác xã hội trong bệnh viện có vai trò giúp đỡ và tìm

nguồn tài trợ cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, kết nối bệnh nhân đến với các dịch vụ xã hội, vận động xã hội tham gia vào việc hỗ trợ, giúp đỡ bệnh nhân.

Đề án phát triển nghề công tác xã hội trong ngành y tế giai đoạn 2011 – 2020 là hết sức cần thiết nhằm cụ thể hóa Quyết định số 32/2010/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ vào thực tiễn của lĩnh vực y tế góp phần giải quyết những nhu cầu bức thiết trong chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như làm gia tăng sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ y tế.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác xã hội trong bệnh viện, một số tỉnh đã tiến hành thành lập hoạt động công tác xã hội tại bệnh viện, nhưng chưa được đồng bộ, thống nhất. Trong khi đó, trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long là một trong những trung tâm phát triển mạnh của vùng đã tiến hành thành lập mô hình công tác xã hội bệnh viện tại trung tâm. Do đó, tôi tiến hành nghiên cứu về: *“Mô hình công tác xã hội trong bệnh viện tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long.”*

2. Mô hình và vai trò công tác xã hội trong bệnh viện

2.1. Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện

Công tác xã hội trong bệnh viện là các hoạt động hỗ trợ người bệnh, người nhà người bệnh và các nhân viên y tế trong bệnh viện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và tâm lý liên quan đến bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh. Mục đích là hỗ trợ các nhóm đối tượng khắc phục những khó khăn về xã hội để đạt được hiệu quả chăm sóc sức khỏe tốt nhất. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện là cầu nối để giải quyết các mâu thuẫn giữa bệnh nhân và nhân viên y tế, giữa bệnh nhân và bệnh nhân, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

2.2. Vai trò của công tác xã hội trong bệnh viện

Xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa thể chất và tinh thần: giữa người bệnh với người thân, giữa người bệnh với thầy thuốc, với cơ sở y tế và với cộng đồng. Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế phát huy hiệu quả sẽ góp phần thay đổi nhận thức và thúc đẩy hành vi tích cực, ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực ảnh hưởng tới các mối quan hệ, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khám chữa bệnh cho nhân dân. Công tác xã hội tại bệnh viện có tác động lớn trong việc hỗ trợ thầy thuốc giảm bớt áp lực công việc cũng như nâng cao hiệu

quả điều trị. Với áp lực công việc nặng nề dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình khám, chữa bệnh cho nhân dân, nếu có sự tham gia của nhân viên công tác xã hội hoặc cán bộ y tế được trang bị tốt kỹ năng công tác xã hội sẽ làm tăng sự hài lòng của người bệnh, khiến họ tuân thủ điều trị và chất lượng khám chữa bệnh sẽ được tăng lên. Công tác xã hội đã góp phần xoa dịu nỗi đau bệnh tật của bệnh nhân, trợ giúp đắc lực cho bác sỹ, tạo ra mối thiện cảm, sự gắn kết giữa bệnh nhân - cơ sở y tế - người nhà bệnh nhân.

Bảo vệ quyền được chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân: là một trong những quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và pháp luật của mỗi quốc gia. Bảo vệ sức khỏe là quyền cơ bản của mọi người, không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào về khuyết tật, chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia, dân tộc hay xã hội, địa vị pháp lý hay địa vị xã hội, tuổi tác, tài sản hay dòng dõi... Mọi người đều có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh. Các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng sẽ bị nghiêm cấm. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện có vai trò bảo vệ quyền được chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân, các vấn đề xã hội có liên quan cho bệnh nhân và gia đình của họ trong quá trình điều trị.

Vận động nguồn lực: là người trợ giúp cho bệnh nhân và thân nhân, tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) giải quyết những khó khăn cho bệnh nhân. Nguồn lực có thể bao gồm về con người, về cơ sở vật chất, về tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm... Công tác xã hội trong bệnh viện có vai trò giúp đỡ và tìm nguồn tài trợ cho các bệnh nhân nghèo, công tác truyền thông và quan hệ công chúng trong bệnh viện, tham gia công tác đào tạo tại bệnh viện. Kết nối bệnh nhân đến với các dịch vụ xã hội, vận động xã hội tham gia vào việc hỗ trợ, giúp đỡ bệnh nhân. Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế đang trở thành nhu cầu cấp bách hiện nay về phương diện khoa học cũng như kỹ năng nghề nghiệp.

Lập kế hoạch và can thiệp: dựa trên các thông tin thu thập được theo các nội dung liên quan đến bệnh nhân bao gồm các yếu tố xã hội, yếu tố tâm lý, yếu tố nguy cơ, yếu tố môi trường. Nhân viên công tác xã hội bệnh viện đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bệnh nhân, nhu cầu hỗ trợ, vấn đề cần giải quyết để giúp đỡ

bệnh nhân từ đó lập kế hoạch giải quyết vấn đề cho thân chủ. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện lập kế hoạch giúp đỡ bệnh nhân là quá trình xem xét, giúp đỡ, đề hướng cho thân chủ đến tương lai tốt đẹp hơn hiện tại. Việc lập kế hoạch giúp đỡ bệnh nhân của nhân viên công tác xã hội sẽ góp phần hỗ trợ và cung cấp thêm thông tin cho bác sĩ trong quá trình điều trị của bệnh nhân.

Hỗ trợ tâm lý: nhân viên xã hội có nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, phương pháp chữa trị qua việc thu thập thông tin về điều kiện sống, thói quen, cá tính, đặc điểm tâm lý của bệnh nhân và thực hiện các trợ giúp về tâm lý cho người bệnh. Trong những trường hợp để lại tác động lâu dài, nhân viên xã hội sẽ cung cấp hỗ trợ tâm lý xã hội cho quá trình xã hội của bệnh nhân. Những năm gần đây, một số bệnh viện tuyến trung ương đã có mô hình công tác xã hội và đội ngũ tình nguyện viên tham gia hỗ trợ bệnh nhân, cán bộ y tế trong phân loại, tư vấn, giới thiệu dịch vụ, hỗ trợ chăm sóc góp phần đáng kể giảm tải những khó khăn trong quá trình khám, điều trị. Không chỉ trong phạm vi bệnh viện, cơ sở y tế, mà trong triển khai các hoạt động, chương trình y tế tại cộng đồng, đặc biệt với những nhóm xã hội đặc thù, sự tham gia của nhân viên công tác xã hội cũng có những dấu ấn về tính hiệu quả.

3. Kết quả của Mô hình công tác xã hội trong bệnh viện tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long

3.1. Vài nét về Trung tâm công tác xã hội Vĩnh Long

Năm 1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh long có Quyết định số: 1765/1998/QĐ-UBT ngày 15/9/1998, thành lập Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm thực hiện nhiệm vụ: Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; người khuyết tật; trẻ mồ côi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt và hướng nghiệp nghề cho trẻ em được Trung tâm nuôi dưỡng khi đến tuổi trưởng thành.

Đến tháng 4 năm 2007, được sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm đã tiếp nhận, quản lý thêm Trung tâm Bảo trợ xã hội huyện Bình Minh (Nay là Cơ sở II – Bình Minh), có trụ sở đặt tại khóm Đông Thuận, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, cơ sở do Tổ chức KSSA (Hàn Quốc) tài trợ xây dựng.

Năm 2009, căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Quyết định bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng người bệnh tâm thần sống lang thang trên địa bàn tỉnh.

Đến tháng 3/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Quyết định số 481/QĐ-UBND, ngày 28/3/2014, Phê duyệt đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi tên Trung tâm Bảo trợ xã hội thành Trung tâm Công tác xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

3.2. Kết quả nghiên cứu

Để khảo sát thực trạng tôi tiến hành bằng phương pháp quan sát kết hợp phỏng vấn sâu lãnh đạo, cán bộ nhân viên, bệnh nhân để thu thập thông tin. Thời gian quan sát là 360 giờ và bảng phỏng vấn sâu gồm 16 câu hỏi mở, tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp. Qua cuộc khảo sát thu được kết quả nghiên cứu như sau:

3.2.1. Về nhận thức

Giám đốc trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long là ông Nguyễn Ngọc Chi – Thạc sĩ chuyên ngành về công tác xã hội, am tường những kỹ năng, kiến thức vững chắc về công tác xã hội. Có những định hướng sâu rộng cho sự phát triển của trung tâm nói chung và cho sự phát triển mô hình công tác xã hội trong bệnh viện tại trung tâm nói riêng. Ông Nguyễn Ngọc Chi cho biết: *“Mô hình công tác xã hội trong bệnh viện là một mô hình rất có ý nghĩa trong mỗi bệnh viện. Mô hình sẽ góp phần hỗ trợ đội ngũ y bác sĩ trong việc khám và điều trị cho bệnh nhân ngày một mang lại hiệu quả hơn”*.

Lãnh đạo trung tâm nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của công tác xã hội bệnh viện trong hỗ trợ các đối tượng người tâm thần, trẻ em bị bỏ rơi, người bị bạo hành gia đình đang gặp khó khăn tại các bệnh viện nên đã xây dựng mô hình hình này. Đồng thời, luôn quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên thực hành công tác xã hội trong bệnh viện của trung tâm.

Ông Nguyễn Ngọc Chi cho ý kiến: *“Sự phát triển của một cơ quan tổ chức đòi hỏi phải có sự nhiệt huyết của mỗi người vào tổ chức đó thì tổ chức mới có thể ngày một phát triển được. Khi thành lập mô hình đội ngũ nhân viên còn rất hạn chế và khi phân công công việc thì phía lãnh đạo luôn xem xét và giúp đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.”*

“Mô hình sau khi hoàn thiện sẽ góp phần đem lại nhiều lợi ích cho người bệnh, thân nhân và cũng như bệnh viện. Hỗ trợ phần nào về tinh thần, sức lực cho thân nhân, bệnh nhân giảm thiểu tình trạng không giải quyết được khó khăn thắc mắc của người bệnh mà đội ngũ nhân viên y tế không thể kiểm soát hết.”

Nhằm hướng tới tính chuyên nghiệp cho nhân viên và hiệu quả thực hiện hoạt động của mô hình, lãnh đạo trung tâm đã tuyển dụng những người được đào tạo cơ bản về công tác xã hội - trình độ đại học chuyên ngành công tác xã hội vào vị trí nhân viên công tác xã hội bệnh viện của trung tâm. Bên cạnh đó cử các nhân viên tham dự lớp bồi dưỡng chuyên ngành công tác xã hội bệnh viện được tổ chức do trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn thực hiện.

Xây dựng chương trình hoạt động của trung tâm có tính chất phối kết hợp cao với các đơn vị bên ngoài. Biệt phái các nhân viên công tác xã hội bệnh viện của trung tâm đến làm việc thường trực tại bệnh viện Đa khoa thành phố Vĩnh Long và bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long. Mô hình tập trung vào hỗ trợ cho nhóm bệnh nhân: người bị bệnh tâm thần không có thân nhân, người bị bạo hành gia đình tạm lánh, trẻ em bị bỏ rơi tại bệnh viện, người già neo đơn không có thân nhân chăm sóc tại bệnh viện, bệnh nhân không có thân nhân... Việc biệt phái các nhân viên xã hội tại trung tâm hoạt động thường trực tại bệnh viện góp phần thực hiện nhanh chóng các thủ tục khi đưa các đối tượng từ bệnh viện vào trung tâm.

Về phía nhân viên: Hiện tại có hai nhân viên đang làm việc chuyên trách về công tác xã hội bệnh viện có trình độ được đào tạo là cử nhân công tác xã hội, mỗi nhân viên được biệt phái đến một bệnh viện. Bên cạnh đó, bệnh viện Đa khoa Thành phố Vĩnh Long có 5 bác sĩ, điều dưỡng; bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long có 12 bác sĩ, điều dưỡng kiêm nhiệm về công tác xã hội bệnh viện.

Nhân viên xã hội đang làm việc tại tổ công tác xã hội bệnh viện có kiến thức vững chắc về tiến trình thực hiện tham vấn cá nhân:

Anh Nguyễn Văn Đen cho biết: *“Anh trình bày một cách ngắn gọn về tiến trình tham vấn cá nhân. Tiến trình tham vấn cá nhân 7 bước:*

Bước 1: Tiếp cận và xác định vấn đề ban đầu, xác định xem thân chủ đang gặp phải vấn đề gì.

Bước 2: Thu thập thông tin: tiểu sử xã hội, điểm mạnh, điểm yếu, vấn đề.

Bước 3: Chuẩn đoán: khẳng định lại vấn đề thân chủ gặp phải, nguyên nhân dẫn đến vấn đề, vấn đề cần được giải quyết ở đâu, công việc trị liệu bắt đầu như thế nào.

Bước 4: Lập kế hoạch trị liệu: Mục tiêu cần đạt được, xác định thời gian trị liệu, xác định nguồn lực hỗ trợ

Bước 5: Thực hiện và giám sát

Bước 6: Lượng giá về tiến trình và kết quả đầu ra

Bước 7: Kết thúc.”

“Tuy nhiên, khi tiến hành thực hiện thì có thể áp dụng 4, 5 hoặc 6 bước thì tùy trường hợp, đối tượng áp dụng”.

Hai nhân viên chuyên trách đang làm việc tại tổ công tác xã hội bệnh viện có trình độ đúng chuyên ngành - đại học công tác xã hội nhận thức tốt về vai trò hỗ trợ cho bệnh nhân, áp dụng thành thạo, làm việc hiệu quả quy trình tham vấn cá nhân và tính đến nay đã có trên 10 trường hợp được can thiệp hỗ trợ. Nhân viên xã hội vận dụng kiến thức hỗ trợ đối tượng luôn linh hoạt và sáng tạo, tùy đối tượng, trường hợp áp dụng và mang lại hiệu quả thực hiện.

Nhân viên xã hội đã được giảng viên trường Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh tập huấn về các chuyên đề liên quan đến công tác xã hội bệnh viện vào tháng 9 năm 2016. Qua đó, nhân viên có thêm nhiều kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, giúp nhân viên làm việc hiệu quả và phát huy tốt vai trò là một nhân viên công tác xã hội khi làm việc tại bệnh viện.

Bác sĩ, điều dưỡng nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, vai trò của công tác xã hội, nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện.

Anh Trương Quốc Dương cho biết thêm: *“Đội ngũ y bác sĩ và điều dưỡng các khoa trong tổ công tác xã hội thiếu kiến thức về chuyên môn, số người này chỉ được tập huấn về công tác xã hội trong bệnh viện, do giảng viên trường đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh tập huấn. Tập huấn về kiến thức và các kỹ năng liên quan đến công tác xã hội vào tháng 9 năm 2016.”*

Tổ công tác xã hội trong bệnh viện vừa mới thành lập nên việc phối kết hợp giữa nhân viên công tác xã hội và bác sĩ, điều dưỡng trong tổ còn nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ y bác sĩ, điều dưỡng là thành viên trong tổ công tác xã hội chỉ được tập huấn các chuyên đề, kiến thức và các kỹ năng liên qua đến công tác xã hội và họ chưa hiểu rõ về vai trò của một nhân viên công tác xã hội. Chị Mai Kim Tuyền – Cử nhân điều dưỡng (thành viên tổ công tác xã hội) cho biết: *“Mô hình công tác xã hội trong bệnh viện cũng chỉ mới thành lập và tôi được cử sang là thành viên tổ công tác xã hội nên tôi chưa hiểu rõ lắm về chuyên sâu của một nhân viên xã hội là phải làm gì, nên chỉ làm việc theo sự hướng dẫn của nhân viên xã hội bệnh viện”*.

3.2.2. Về thái độ

Lãnh đạo trung tâm là người luôn có tâm huyết đối với ngành công tác xã hội, ông luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất để nhân viên hoàn thành thật tốt nhiệm vụ.

Ông Nguyễn Ngọc Chi cho biết: *“Từ khi thành lập mô hình, tôi luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất để nhân viên hoàn thành thật tốt nhiệm vụ”*.

Để đạt được hiệu quả cao khi thực hiện mô hình, đứng dưới góc nhìn là một nhà lãnh đạo, ông luôn tạo môi trường thoải mái và thuận lợi để nhân viên hoàn thành tốt vai trò của mình. Nhận thấy điều đó, lãnh đạo thường xuyên quan tâm thăm hỏi, khuyến khích, động viên và tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc.

Từ khi thành lập mô hình, nhân viên công tác xã hội luôn hoàn thành tốt vai trò của mình, các nhân viên quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau khi làm việc tại bệnh viện.

Anh Trương Quốc Dương cho biết: *“Từ khi mô hình thành lập tổ trưởng và các anh chị em trong tổ công tác xã hội luôn quan tâm giúp đỡ anh, để anh hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình”*.

Anh Nguyễn Văn Đen chia sẻ thêm: *“Từ khi mô hình thành lập ban đầu rất được lãnh đạo bệnh viện quan tâm, phấn khởi, đặc biệt là người dân rất vui mừng bởi vì mô hình rất có ý nghĩa”*.

Nhân viên trong tổ công tác xã hội luôn quan tâm và hỗ trợ lẫn nhau trong công việc, giúp đỡ nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đặc biệt là sự chia sẻ

về kiến thức chuyên ngành của nhân viên công tác xã hội giúp đội ngũ y bác sĩ, điều dưỡng nắm rõ hơn về tiến trình hoạt động hay là vai trò của một nhân viên công tác xã hội khi làm việc tại bệnh viện. Chị Nguyễn Thị Hồng Sa – Cử nhân điều dưỡng (thành viên tổ công tác xã hội) phát biểu: *“Trong quá trình làm việc có nhiều điều tôi chưa rõ về công tác xã hội thì anh Nguyễn Văn Đen rất nhiệt tình trong việc hướng dẫn tôi”*.

Việc tiếp cận giữa nhân viên công tác xã hội và bệnh nhân đã mang lại hiệu quả và đạt sự hài lòng từ phía người dân về mô hình công tác xã hội trong bệnh viện. Từ khi mô hình thành lập đã được sự hưởng ứng từ phía người dân, người dân rất vui mừng vì thành lập được mô hình thật sự ý nghĩa góp phần tạo mối quan hệ hài hòa giữa bác sĩ và bệnh nhân, đặc biệt là có thể giúp đỡ được rất nhiều bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn.

3.2.3. Về hành vi

Để phát triển các kỹ năng cho nhân viên Ông Nguyễn Ngọc Chi - lãnh đạo trung tâm thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn giúp nhân viên thực hiện tốt các chức năng và vai trò của mình.

Ông Nguyễn Ngọc Chi cho biết: *“Để nâng cao kỹ năng cho nhân viên thường xuyên mở các lớp tập huấn, tạo cho nhân viên có môi trường làm việc hiệu quả”*.

Đứng dưới góc nhìn là một nhà lãnh đạo, giám đốc trung tâm luôn chú trọng phát huy các kỹ năng cho nhân viên bằng việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên. Bên cạnh đó, lãnh đạo luôn có những hành vi động viên khích lệ giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Anh Trương Quốc Dương cho biết thêm: *“Lãnh đạo rất thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chia sẻ kinh nghiệm với tôi”*.

Anh Trương Quốc Dương cho biết thêm: *“Để tiếp cận bệnh nhân và thu thập thông tin một cách hiệu quả, bước đầu là một nhân viên xã hội cần nên tạo niềm tin cho họ, có thể bằng cách quan tâm, thăm hỏi một cách ân cần”*.

Anh Nguyễn Văn Đen chia sẻ thêm: *“Nên lắng nghe và đồng cảm với bệnh nhân, hơn ai khác đối với những người có hoàn cảnh khó khăn họ rất cần*

sự đồng cảm”.

Chị Mai Kim Tuyền – Cử nhân điều dưỡng nói: “Tổ công tác xã hội trong bệnh viện được thành lập, tuy nhiên các thành viên trong tổ công tác xã hội là những người vừa kiêm nhiệm giữa hai bộ phận vừa là thành viên tại tổ công tác xã hội, vừa làm việc tại các khoa phòng nên công việc của họ rất áp lực”.

Mô hình hoạt động chủ yếu tập trung vào công tác xã hội cá nhân là chính. Công tác xã hội trong bệnh viện là các hoạt động hỗ trợ người bệnh, người nhà người bệnh và các nhân viên y tế trong bệnh viện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và tâm lý liên quan đến bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh. Hoạt động của mô hình có nhiều lợi thế do tổ công tác xã hội gồm 12 người được chia làm 4 nhóm: nhóm lấy thông tin, nhóm chăm sóc ca, nhóm chăm sóc bệnh nhân, nhóm vận động nguồn lực nên hoạt động sẽ dễ hơn. Việc hoạt động giữa tổ công tác xã hội và bệnh nhân được phân nhóm rõ ràng, góp phần hoạt động hiệu quả và thực hiện tốt vai trò của nhân viên công tác xã hội. Muốn tiếp cận và mang lại hiệu quả hoạt động nhân viên công tác xã hội nên thực sự thấu hiểu và đồng cảm với bệnh nhân, để từ đó việc tiếp cận và thu thập thông tin mới trở nên dễ dàng và mang lại hiệu quả.

Việc kết nối nguồn lực ban đầu gặp nhiều khó khăn. Anh Nguyễn Văn Đen cho biết: *“Ban đầu mô hình mới thành lập chưa được mọi người biết tới, họ chưa tin tưởng vào mô hình nên các nhà tài trợ chỉ muốn tiếp sức trực tiếp cho bệnh nhân, mọi người chỉ nghĩ nghề công tác xã hội chỉ là công tác từ thiện”.* Kết nối nguồn lực có thể bằng cách trực tiếp thông qua xin thông tin và chủ động liên hệ bằng việc phát tờ rơi, thư ngỏ với các nguồn lực, tự vận động nguồn lực, các nguồn kết nối không được thì bệnh viện sẽ hỗ trợ. Cụ thể trường hợp gia đình khó khăn chuẩn bị đưa bệnh nhân về lo hậu sự nhưng không có kinh phí thuê xe, cần sự hỗ trợ từ bệnh viện thì tổ công tác xã hội sẽ tham mưu với giám đốc bệnh viện để hỗ trợ xe cho thân nhân đưa bệnh nhân về nhà từ kinh phí của bệnh viện hoặc trường hợp có bệnh nhân tử vong tại bệnh viện nhưng không có thân nhân, sẽ kết hợp cùng chính quyền địa phương lo hậu sự.

Tổng cộng số nhân viên làm việc tại mô hình là 12 người, 2 người chuyên ngành công tác xã hội còn lại là điều dưỡng, cử nhân, bác sĩ tại bệnh viện kết hợp lại để thành lập, nhân viên còn thiếu chuyên môn kỹ năng, kiến thức về công tác xã

hội. Trước khi thành lập được mô hình tình hình tại bệnh viện gặp nhiều khó khăn trong quá trình tiếp sức bệnh nhân đến thăm khám chữa bệnh, chủ yếu nằm bên các phòng ban tư vấn, khi thành lập mô hình thì nhân viên chuyên về ngành công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long còn rất hạn chế.

Thành tựu đạt được của mô hình công tác xã hội trong bệnh viện tại Trung tâm công tác xã hội Vĩnh Long:

Từ khi mô hình thành lập đến nay đã hỗ trợ trên 10 trường hợp cá nhân, bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn khi điều trị tại bệnh viện, mô hình đã kết nối thành công với đội ngũ cộng tác viên tại địa phương, đã thực hiện tốt nhiệm vụ đưa các đối tượng người già neo đơn, trẻ em bị bỏ rơi, người bị tâm thần, phụ nữ bị bạo hành gia đình vào trung tâm.

2.4. Kiến nghị giải pháp phát triển mô hình công tác xã hội bệnh viện tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long

2.4.1. Về phía trung tâm

Tăng cường mở những lớp tập huấn về các kỹ năng kiến thức liên quan đến công tác xã hội cho nhân viên.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, năng lực của nhân viên tại trung tâm để có hướng hỗ trợ cho nhân viên kịp thời.

2.4.2. Về phía bệnh viện

Tạo điều kiện tốt nhất để nhân viên xã hội phát huy vai trò của mình tại tổ công tác xã hội trong bệnh viện như kết nối nguồn lực, kết nối đội ngũ cộng tác viên tiếp sức người bệnh, tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu người bệnh giữa tổ công tác xã hội và các khoa phòng trong bệnh viện.

Thường xuyên mở các lớp tập huấn về các kỹ năng, kiến thức liên quan đến công tác xã hội trong bệnh viện cho nhân viên.

Thành lập nhóm thân nhân, bệnh nhân đang chăm sóc và điều trị nội trú tại bệnh viện.

Bệnh viện xây dựng cơ chế làm việc giữa các thành viên trong nhóm điều trị; chính sách rõ ràng cho nhân viên công tác xã hội bệnh viện.

2.4.3. Về phía nhân viên của tổ công tác xã hội

Tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn về công tác xã hội đặc biệt là công tác xã hội trong bệnh viện.

Thường xuyên tham gia các lớp ngắn hạn chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội trong bệnh viện

3. Kết luận

Công tác xã hội bệnh viện trong việc chăm sóc và hỗ trợ cho bệnh nhân nhằm phát huy hiệu quả sẽ góp phần thay đổi nhận thức và thúc đẩy hành vi tích cực, ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực ảnh hưởng tới mối quan hệ, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khám, chữa bệnh cho người dân. Với những lời thăm hỏi ân cần, những lời khuyên hữu ích, nhân viên xã hội sẽ giúp người bệnh giảm bớt cảm giác đau đớn, không bị rơi vào cảm giác bị bỏ rơi, xa lánh. Đây là một công việc nhỏ nhưng mang lại hiệu quả lớn. Đồng thời coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành bởi bệnh nhân không phải là gánh nặng của xã hội hay của nền kinh tế, cộng đồng sẽ tạo điều kiện cho bệnh nhân sống vui, sống khỏe và sống có ích.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đỗ Thị Thảo (2016), *Bài giảng Công tác xã hội trong bệnh viện (Dùng cho đào tạo Cử nhân Công tác xã hội)*, Trường Đại học Đồng Tháp (Lưu hành nội bộ).
- [2]. Bộ Y tế (2015), *Kỷ yếu Hội thảo phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế*, tr.11.
- [3]. Dự án “*Nâng cao năng lực cho nhân viên Công tác xã hội cơ sở ở TP Hồ Chí Minh*”, tháng 7/2012.
- [4]. Đề án *Phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020*, năm 2011.
- [5]. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Công tác xã hội trong bệnh viện, Những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành*, Nxb. Đại học Quốc Gia TPHCM, 2016.

[6]. Thông tư 43- Bộ Y Tế (ngày 26/11/2015) “Quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ Công tác xã hội của bệnh viện”
<http://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-43-2015-TT-BYT-hinh-thuc-to-chuc-thuc-hien-nhiem-vu-cong-tac-xa-hoi-cua-Benh-vien-296470.aspx>.

GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV. Trương Trung Quyên

Lớp: ĐH GDCT15B

GVHD: ThS.GVC. Lê Kim Oanh

Tóm tắt: Bài viết góp phần làm rõ khái niệm và tầm quan trọng của giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên. Từ việc phân tích thực trạng ứng xử của sinh viên, tìm ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nâng cao văn hóa ứng xử cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

Từ khóa: giáo dục, sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, văn hóa ứng xử.

1. Đặt vấn đề

Quá trình hội nhập quốc tế hiện nay làm cho xã hội chuyển biến không ngừng, đặc biệt là sự chuyển biến về bản sắc văn hóa dân tộc. Để đứng vững, đòi hỏi chúng ta cần phải thay đổi ngay tư duy nhận thức trong mỗi người, mà trước hết chính là giới trẻ sinh viên. Như ta đã biết, sinh viên là lực lượng đông đảo, có nền tảng tri thức vững vàng nên giữ vai trò to lớn trong sự nghiệp đổi mới của đất nước. Biết được tầm quan trọng đó, một câu hỏi lại đặt ra: Làm thế nào để quản lý một lực lượng hùng hậu khi xung quanh họ luôn đối mặt với nhiều luồng văn hóa ảo không kiểm soát? Văn hóa đó làm thay đổi hoàn toàn giá trị của con người thông qua cách ứng xử “cộc lốc” đến vô tình. Nó giống như con dao “hai lưỡi” giết người vô hình, biến những người thân yêu thành xa lạ, biến tình bạn tưởng chừng cao đẹp ấy dần trở nên rạn nứt. Rất đáng sợ phải không các bạn? Thế nên chúng ta cần phải thức tỉnh ngay nếu không thì muộn mất. Để đi đến sự thức tỉnh về nhận thức thì chỉ có giáo dục văn hóa ứng xử, đặc biệt trong môi trường sư phạm mới làm thay đổi hoàn toàn cục diện như hiện nay. Sự nghiệp giáo dục là cả một quá trình lâu dài để rèn luyện, thay đổi cách nhìn tiêu cực của sinh viên thông qua việc ứng xử với thầy cô, bạn bè và mọi người xung quanh. Chính vì thế, ngôi Trường Đại học Đồng Tháp được hình thành và là một trong những ngôi trường sư phạm có bề dày truyền thống 42 năm đào tạo giáo viên, đào tạo con người không chỉ về trí tuệ, thể lực mà còn hướng đến sự hoàn thiện về cái đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Văn hóa ứng xử, giáo dục văn hóa ứng xử và vai trò của chúng

2.1. Khái niệm văn hóa ứng xử, giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên

Khi bàn về văn hóa ứng xử thì có rất nhiều học giả đã đưa ra những khái niệm với góc nhìn và cảm nhận khác nhau. Dưới đây là một vài nhận định tiêu biểu:

Theo tác giả Phạm Minh Hạc trong cuốn “Văn hóa và giáo dục, giáo dục và văn hóa” cho rằng: Văn hóa ứng xử của con người liên quan chặt chẽ với các kỹ năng giao tiếp đặc trưng được hình thành ở họ, ví dụ như kỹ năng “chỉnh sửa” các ấn tượng ban đầu về người khác khi mới làm quen với họ, tôn trọng các quan điểm, sở thích, thị hiếu, thói quen của người khác [15, tr.123 – 124].

Khái niệm “Văn hóa ứng xử” được tập thể tác giả viết trong công trình “Văn hóa ứng xử của người Hà Nội với môi trường thiên nhiên” xác định gồm “cách thức quan hệ, thái độ và hành động của con người đối với môi trường thiên nhiên, đối với xã hội và đối với người khác” [7, tr.55].

Rõ ràng chúng ta thấy các tác giả đã giành cả tâm huyết để nghiên cứu về vấn đề văn hóa ứng xử, tại sao như thế? Chính vì họ thấy rằng tầm quan trọng của văn hóa ứng xử trong xã hội, nó giống như một thứ gia vị không thể thiếu trong bữa ăn hằng ngày của bạn. Thông qua việc ứng xử, chúng ta có thể đánh giá bản chất của một con người “đẹp – xấu, thiện – ác,..”. Những hành vi thiếu văn hóa trong cách ứng xử thì chẳng khác nào tự chúng ta đang đánh mất bản thân mình, tàn phá đi nhân cách chính mình, nguy hiểm hơn là nó sẽ hủy hoại cả một thế hệ mà hệ thống giáo dục đang từng bước nuôi dưỡng.

Cho nên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu và đưa ra nhận định: văn hóa ứng xử là những hoạt động bên ngoài của con người, được thể hiện ở lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử của con người đối với bản thân, đối với những người xung quanh, trong công việc và môi trường hoạt động hằng ngày. Vì thế, văn hóa ứng xử đóng vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt trong môi trường giáo dục; bên cạnh, nó còn mang những chuẩn mực riêng, nếp sống cho từng cá nhân, từng cộng đồng, từng dân tộc.

Thấy được tầm quan trọng của văn hóa ứng xử trong xã hội hiện nay để từ đó nâng cao giáo dục văn hóa ứng xử, xem đây là việc làm cần thiết và cấp bách. Vì giáo dục văn hóa ứng xử là một phần nội dung nằm trong giáo dục đạo đức, nhân cách con người nên nó là cả một quá trình lĩnh hội, truyền đạt, cung cấp các tri thức,

thông tin, kỹ năng, thói quen nhằm giúp sinh viên nâng cao nhận thức, sự hiểu biết, điều tiết cảm xúc bản thân, thay đổi hành vi theo hướng tốt đẹp hơn, từ đó định hướng những chuẩn mực, giá trị tốt đẹp trong văn hóa ứng xử, trong xã hội. Đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng sống, giúp các sinh viên tự tin hội nhập vào cuộc sống văn minh, hiện đại. Vì vậy, việc giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên như là thước đo giá trị bản chất của con người và luôn luôn đúng cho mọi thời đại.

2.2. Thực trạng văn hóa ứng xử của sinh viên hiện nay trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Trường Đại học Đồng Tháp là trường đại học công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, được thành lập ngày 10/01/2003 theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04/9/2008 về việc đổi tên Trường ĐHSPT Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp. Với uy tín và chất lượng đào tạo, sinh viên của trường ngày một tăng lên đáng kể (hiện nay có khoảng trên 10.600 sinh viên đang học tập và nghiên cứu khoa học tại trường); đây là dấu hiệu đáng mừng, vì tương lai sẽ đào tạo ra đội ngũ trí thức trẻ, năng động, sáng tạo, hòa nhập... Bên cạnh đó còn nhiều nỗi lo, đây là lứa tuổi thiếu chín chắn trong suy nghĩ, hành động, đặc biệt là trong việc tiếp thu, học hỏi những cái mới. Với xu thế hội nhập thì việc tiếp thu các nền văn hóa khác nhau là điều không tránh khỏi, mà điển hình là văn hóa ứng xử. Với sự nhạy cảm, ham thích thú những điều mới lạ kết hợp với sự bông bột, thiếu kinh nghiệm của sinh viên nên sinh viên rất dễ dàng tiếp nhận cả những nét văn hoá không phù hợp với chuẩn mực xã hội, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và không có lợi cho chính bản thân của mình.

Trong những năm gần đây, hành vi ứng xử thiếu văn hóa của sinh viên ngày một tăng lên, thể hiện sự lệch chuẩn trong một bộ phận sinh viên – tầng lớp trí thức của xã hội. Tình trạng một số sinh viên có những biểu hiện thiếu văn hóa như: ứng xử thô lỗ với bạn bè trước mặt thầy cô; nói chuyện với thầy cô ngang hàng với bạn bè; vào lớp trễ mà vẫn đi ngang nhiên, vô tư mà không hề xin phép; thiếu thái độ tôn trọng người khác khi bị nhắc nhở; dùng những đại từ nhân xưng như “nó, mày, thằng” để gọi một người nào đó mà bản thân không thích... Những thái độ trên không chỉ nằm trong phạm vi lớp học, trường học mà nó còn lan rộng nhanh chóng trong cộng đồng mạng – văn hóa ảo – thế giới ảo. Những cái like, bình luận hay

việc chia sẻ một cách thờ ơ, vô cảm trên mạng xã hội cũng đã phần nào phản ánh lên cái hệ lụy của sự suy thoái nghiêm trọng về bản sắc văn hóa, điển hình là văn hóa ứng xử giữa con người với nhau.

Và đó là những trường hợp điển hình cho sự ứng xử thiếu văn hóa với người khác mà chúng tôi bắt gặp được của một số sinh viên hiện nay. Để sáng tỏ hơn, bước đầu chúng tôi đã tiến hành khảo sát 100 sinh viên năm nhất và năm hai của Trường Đại học Đồng Tháp về thực trạng văn hóa ứng xử của sinh viên với nội dung như sau:

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát câu hỏi số 1

Câu hỏi số 1: “Khi gặp bảo vệ, người quản lý giảng đường, bạn thường làm gì?”

	Số phiếu	Phần trăm
Vòng tay, cúi người chào	21	21%
Gật đầu rồi đi	52	52%
Đi qua bình thường	15	15%
Cười rồi thôi	12	12%
Tổng	100	100%

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát câu hỏi số 2

Câu hỏi số 2: “Giả sử, khi bạn lên phòng Đào tạo hay văn phòng Khoa để xin giấy tờ (hay nhận thông báo), lúc đó có nhiều cán bộ, giảng viên ở đó bạn sẽ làm như thế nào?”

	Số phiếu	Phần trăm
Đến chỗ người cần gặp và trình bày vấn đề của mình	19	19%
Đến chỗ người cần gặp, chào người cần gặp và trình bày vấn đề của mình	25	25%

Gật đầu, tươi cười với tất cả các cán bộ, giảng viên; đến chỗ người cần gặp, chào người cần gặp và trình bày vấn đề của mình	53	53%
Hành động khác	3	3%
Tổng	100	100%
Ý kiến khác	32	32%
Tổng	100	100%

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát câu hỏi số 3

Câu hỏi số 3: “Khi đối tượng giao tiếp hút thuốc, bạn sẽ làm gì?”

	Số phiếu	Phần trăm
Cùng hút	0	0%
Bình thường, vì đó là quyền riêng tư của mỗi người	38	38%
Im lặng, nhẫn nhịn	31	31%
Khó chịu và yêu cầu người đó không hút thuốc	31	31%
Tổng	100	100%

Từ những số liệu của bảng khảo sát có thể cho thấy rằng phần lớn sinh viên đã có những hiểu biết nhất định về văn hóa ứng xử như về: khái niệm, nhận thức trong lối ứng xử với thầy, cô và bạn bè...Đồng thời, nhận thức được tầm quan trọng mà văn hóa ứng xử mang lại. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa hiểu hết được thế nào là văn hóa ứng xử, cách đối xử trong văn hóa ứng xử cũng như những lợi ích mà văn hóa ứng xử mang lại. Vì thế, ta đã thấy được tầm quan trọng trong việc giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên hiện nay. Trước những thực trạng

trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây nhằm góp phần giúp sinh viên tích cực phát huy văn hóa ứng xử một cách toàn diện nhất.

2.3. Nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế trong văn hóa ứng xử của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Thứ nhất, nguyên nhân chủ quan

Ngày nay, bên cạnh những ưu điểm của sinh viên như năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh... thì có vẻ như một số sinh viên thiếu kỹ năng được xem là cực kỳ quan trọng, đó là văn hóa ứng xử, giao tiếp. Sinh viên thiếu bản lĩnh, thiếu kỹ năng sống, thiếu ý thức trong lời nói, cử chỉ, hành động, chưa nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa ứng xử chuẩn mực. Ngoài ra, sinh viên chủ yếu sống xa gia đình nên thiếu sự kèm cặp, định hướng của bố mẹ. Cuộc sống xa nhà giúp sinh viên tự lập, nhưng điều này ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa ứng xử của các bạn. Cuộc sống tự do là cơ hội để các bạn thể hiện mình, nhưng một số bạn lại chọn cách thể hiện mình một cách lệch lạc như tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, hút thuốc lá, nói tục, chửi thề và có những hành vi không phù hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

Thứ hai, nguyên nhân khách quan

Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt đẹp được. Thế mà gia đình trong xã hội ngày nay đã có những “lỗ hổng” rất lớn, hầu như người nào cũng quan niệm rằng “Việc ai nấy làm”: cha có việc cha, mẹ có việc mẹ, ai cũng phải vật lộn với cuộc sống, với đồng tiền. Chính vì thế họ không có thời gian quan tâm con cái, xây dựng nếp sống gia đình văn hóa, đặc biệt là tình trạng cha mẹ thiếu văn hóa ứng xử trong giao tiếp hằng ngày.

Nhà trường cũng không khác gì gia đình mấy, bởi vì nhà trường hiện nay chỉ đề cao việc truyền thụ kiến thức, đề cao “đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế thị trường”. Việc giáo dục văn hóa ứng xử cho người học hầu như không được thiết kế trong chương trình đào tạo. Vì vậy, bên cạnh việc cung cấp kiến thức thì hiện nay nhà trường cần phải chú trọng bồi dưỡng cho người học những giá trị, chuẩn mực đạo đức của xã hội để họ trở thành những con người toàn diện, biết sống và biết tôn trọng người khác.

Truyền thông hiện nay phát triển nhanh như vũ bão, bên cạnh mặt tích cực thì nó cũng để lại những mặt tiêu cực như thâm nhập vào sinh viên với những trang

mạng thiếu lành mạnh, văn hóa ngoại lai... làm cho một số bộ phận sinh viên bị kích thích, lạm dụng dần dần đến suy thoái về lối sống, ứng xử.

2.4. Giải pháp nâng cao văn hóa ứng xử cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Thứ nhất, về phía gia đình. Cha, mẹ, anh chị cần quan tâm đến con em mình nhiều hơn nữa để từ đó nhận thức và điều chỉnh sự biến đổi trong việc sử dụng các từ xưng hô, thái độ, hành vi giao tiếp đúng với chuẩn mực của người Việt Nam trong xã hội hiện nay.

Cha, mẹ, anh chị cần làm gương cho con, em mình từ giao tiếp, ứng xử trong gia đình đến ngoài xã hội.

Thứ hai, về phía nhà trường. Nhà trường cần đổi mới nhiều hơn nữa trong cách giáo dục, giảng dạy cho sinh viên bắt đầu từ những điều thực tế, tình huống mang tính thời sự, các môn học thì tích hợp và lồng ghép giảng dạy về những chuẩn mực đạo đức cần thiết trong văn hóa ứng xử.

Xây dựng những quy tắc, quy định về văn hóa ứng xử trong việc sử dụng các từ xưng hô và thái độ, hành vi ứng xử đúng chuẩn mực, đạo lý truyền thống dân tộc.

Phát động phong trào học tốt: đi đúng giờ, chuẩn bị, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp, mặc đúng đồng phục, trong giờ học, giờ thi nghiêm túc.

Tổ chức những buổi nói chuyện, thảo luận chuyên đề, các cuộc thi về văn hóa ứng xử học đường.

Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng mềm, kỹ năng giải quyết tình huống nhằm nâng cao văn hóa ứng xử cho sinh viên.

Đoàn thanh niên phối hợp với các ban, ngành tổ chức các chuyến đi thực tế, về những vùng miền khác nhau để thực hiện các công trình tình nguyện, từ đó giúp sinh viên trải nghiệm bản thân cũng như giao lưu học hỏi.

Nhà trường cần ban hành những quy định về văn hóa học đường, trong đó có văn hóa giao tiếp ứng xử để có sự ràng buộc nhất định về cách ứng xử của sinh viên.

Thứ ba, về phía xã hội. Cần tạo dư luận lành mạnh ủng hộ hành vi ứng xử văn hóa, lên án mạnh mẽ những hành vi ứng xử thiếu văn hóa, các hành vi lệch chuẩn.

Thứ tư, về phía sinh viên. Hình thành cho sinh viên nhận thức, thái độ đúng đắn từ đó nâng cao văn hóa ứng xử.

Tập cho mình lối sống lành mạnh, tham gia các hoạt động do lớp, trường và các hoạt động xã hội lành mạnh khác.

Tích cực tham gia các buổi hoạt động tập thể như thảo luận, nói chuyện, các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa ứng xử do Trường, Khoa, Đoàn thanh niên tổ chức.

3. Kết luận

Trong xã hội ngày càng văn minh, hiện đại thì những quy tắc, những phong cách, thái độ giao tiếp, ứng xử có văn hóa ngày càng được thể hiện và phát huy. Những việc tưởng chừng như đơn giản ấy, thực ra lại rất quan trọng và mang lại một giá trị vô cùng to lớn. Đặc biệt là trong môi trường đại học – một trung tâm văn hóa – môi trường học tập và nghiên cứu khoa học lý tưởng cho sinh viên. Vì thế, sinh viên cần biết mình phải làm gì cho phù hợp với những chuẩn mực xã hội, truyền thống đạo lý làm người, nhận thức đúng trong suy nghĩ cũng như hành động mình làm và phải chịu trách nhiệm trước việc mình làm:

“Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Cho nên, để góp phần xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề văn hóa ứng xử trong sinh viên hiện nay phải được xác lập trên cơ sở tôn trọng mối quan hệ bình đẳng giữa con người với con người. Không thể một lúc cải tạo được toàn bộ con người trong xã hội, nhưng chúng ta có thể tu dưỡng từng bước gập ghềnh của mỗi cá nhân, và sự tu dưỡng ấy phải bắt đầu từ môi trường giáo dục mà cá thể là tầng lớp trí thức trẻ, sinh viên Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Thị Bùng (1997), *Tâm lý học ứng xử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3]. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4]. Phạm Vũ Dũng (1996), *Văn hóa giao tiếp*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5]. Phạm Minh Hạc (Chủ biên, 1998), *Văn hóa và giáo dục, giáo dục và văn hóa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Phạm Minh Thảo (2000), *Nghệ thuật ứng xử của người Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- [7]. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. TP.Hồ Chí Minh.
- [8]. Nguyễn Thanh Tuấn (2008), *Văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay*, Nxb. Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa.
- [9]. Trần Ngọc Thêm (1996), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [10]. Cao Thị Hải Yến (2001), *Văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh với việc xây dựng con người mới hiện nay*, *Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học*, Hà Nội.

QUAN ĐIỂM VỀ DÂN CỦA NGUYỄN TRÃI VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG VIỆC PHÁT HUY QUYỀN DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

SV.Đào Nhật Tân

Lớp: ĐHGDC14B

GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến

Tóm tắt: Quan điểm về dân của Nguyễn Trãi là sự hội tụ những giá trị tinh hoa, đạo lý của dân tộc, của thời đại và của một trí tuệ tài ba với trái tim luôn đập cùng nhịp đập của những người dân đau khổ. Bài viết đã phân tích một số nội dung chủ yếu trong tư tưởng về dân của Nguyễn Trãi như khái niệm về dân, vai trò của dân và tư tưởng an dân. Qua đó, cho thấy trong tư tưởng về dân của Nguyễn Trãi mang đậm tính chất nhân văn, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Và qua đó đã để lại cho thế hệ sau một nền tảng tư tưởng đậm đà bản sắc dân tộc về quyền dân chủ của dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Một quan điểm rõ nét về tầm quan trọng của người “dân” trong xã hội thời ấy và bây giờ.

Từ khoá: Dân, dân chủ, dân là gốc, Nguyễn Trãi.

1. Mở đầu

Tư tưởng thân dân, là một học thuyết chính trị - xã hội do Khổng Tử (551 – 479 tr.CN) sáng lập ở Trung Quốc thời Xuân Thu. Sau khi ông mất tư tưởng này được các học trò của ông kế thừa và phát triển theo những khuynh hướng khác nhau, mà tư tưởng thân dân là một những mảnh ghép nhỏ của Nho học trứ danh của Trung Quốc lúc bấy giờ. Do trở thành quốc giáo ở Trung Hoa, cùng với sự bành trướng của chế độ phong kiến phương Bắc, Nho giáo được truyền bá rộng rãi trong các nước Đông Á như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, v.v.. Về cơ bản Nho giáo du nhập vào Việt Nam theo hai con đường chính: từ các thế lực xâm lăng phương Bắc và từ quá trình tiếp biến văn hóa của nước ta. Khi vào Việt Nam, Nho giáo là công cụ cai trị của ngoại xâm phương Bắc đối với nhân dân ta. Nhưng khi đất nước ta giành được độc lập sau một nghìn năm Bắc thuộc, Nho giáo lại được chính các triều đại phong kiến Việt Nam tiếp nhận và biến nó thành công cụ cai trị của vương triều mình. Nhưng ở Nguyễn Trãi, “dân” được nhìn từ đặc điểm dân tộc, từ thực tiễn đánh giặc cứu nước và thực tiễn chính trường nhà Lê sơ, ông đã đưa ra những quan điểm mới về dân mang tính bao quát hơn, nhân văn hơn. Xã hội thì ngày càng phát

triển, đất nước không ngừng đổi mới, vấn đề phát huy dân chủ để hạn chế đi việc lạm quyền, độc quyền,.. là một trong những vấn đề nan giải còn nhiều bất cập của đất nước, cần phải nêu cao ngọn cờ dân chủ thì sẽ có nhiều cơ hội ngăn ngừa các căn bệnh nan ý khó trị như quan liêu, độc đoán, tham nhũng,.. việc thực hiện đề tài cho thấy sự cần thiết mang ý nghĩa lí luận chung trong cộng cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu làỨc Trai, người làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, trấn Kinh Bắc (nay là xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), sau chuyển về làng Ngọc Ổi, huyện Thượng Phúc, Hà Đông (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thượng Tín, Hà Nội). Năm 1400 thi đỗ Thái học sinh và được mời ra làm quan dưới triều Hồ cùng năm.

Năm 1407, nhà Minh mang quân sang xâm lược nước ta, Hồ Quý Ly cùng các con chiến đấu quyết liệt, nhưng do quân yếu lại không được sự ủng hộ của nhân dân nên cuộc kháng chiến của nhà Hồ nhanh chóng thất bại. Khi đất nước rơi vào họa xâm lăng, Lê Lợi đã phát ngọn cờ khởi nghĩa để chống lại ách đô hộ của nhà Minh ở Lam Sơn (Thanh Hóa). Năm 1416, Nguyễn Trãi tìm đến khởi nghĩa Lam Sơn, dâng kế Bình Ngô lên Lê Lợi mà cốt lõi là phương pháp “tâm công”, đánh vào lòng địch. Với tài năng và bản lĩnh của mình, Nguyễn Trãi đã cùng với Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn giành được thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh.

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Nguyễn Trãi được Lê Lợi ban cho quốc tính và được phong tước Quan Phục hầu và giữ các chức Lại bộ thượng thư kiêm Nhập nội hành khiển trông coi Viện khu mật, đến đời Lê Thái Tông là Giám nghị đại phu kiêm Tri tam quán sự, chức Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm Quốc Tử giám. Với những cương vị mà mình đảm trách, Nguyễn Trãi đã tham gia đề xuất, bàn luận và soạn thảo những vấn đề nhằm mục tiêu tái thiết đất nước sau chiến tranh, trù hoạch những chính sách an dân. Tuy nhiên, chính điều đó lại đưa ông và gia đình rơi vào thảm án Lệ Chi viên. Cách mà Nguyễn Trãi ra đi khiến thế hệ sau này không khỏi tiếc thương cho một tài năng, một anh hùng dân tộc của đất nước, nhưng những giá

trị mà người đời thừa hưởng từ ông là hết sức lớn lao, ông đã để lại cho đời một kho tàng văn học đồ sộ, tác phẩm của ông chứa đựng một giá trị bao la như: *Quân trung từ mệnh tập*, *Chuyện về Bạng Hồ Tiên Sinh*, *Dư địa chí*, *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*... các tác phẩm này vừa thể hiện quan điểm của Nguyễn Trãi về đường lối đánh giặc, phương pháp đánh giặc, tổng kết lịch sử dân tộc; vừa khái quát về địa chính trị của Đại Việt ở thế kỷ XV; đồng thời cũng chỉ ra những góc nhìn về nhân sinh, về tình yêu đối với quê hương đất nước của Nguyễn Trãi.

2.2. Quan điểm về dân của Nguyễn Trãi

2.2.1 Khái niệm về dân

Là một nhà nho, vì vậy trong quan niệm của Nguyễn Trãi, tư tưởng về “dân” không tách rời với quan điểm của Nho giáo Khổng – Mạnh. Chữ “dân” được Khổng Tử và Mạnh Tử quan niệm ở các cấp độ khác nhau. “Dân” có thể là những kẻ “tiểu nhân”, là những người nô lệ, bị trị chịu sự sai khiến của những kẻ cầm quyền, người “quân tử” (theo cách hiểu của Khổng Tử); “dân” cũng chính là những người “lao lực” đang ngày đêm phục tùng cho những người “lao tâm” như cách gọi của Mạnh Tử; “dân” còn được hiểu là thân dân trăm họ, là “bá tính”, là “thiên hạ”... Khi đã xác định được “dân” bao gồm những ai, Nho giáo đi đến nhận định vai trò của dân hết sức quan trọng. Họ chính là những người làm ra nguồn của cải vật chất nuôi sống và duy trì sự tồn tại của xã hội. Không chỉ sản xuất ra lương thực, thực phẩm cho xã hội, dân còn là gốc của nước. Vì vậy, Khổng Tử đã cho rằng nhà cầm quyền cần phải có ba điều là “túc thực, túc binh, dân tín” (tức là lương thực cho đủ nuôi dân, binh lực chi đủ bảo vệ dân và lòng tin của dân đối với mình). Trong ba điều đó có thể bỏ “túc thực” và “túc binh” nhưng tuyệt đối không được bỏ “dân tín”, bởi nếu mất lòng tin của dân thì cũng có nghĩa là mất chính quyền [2, tr.184 - 185]. Tuân Tử cũng khẳng định “quân giả là thuyền, thứ dân là nước. Nước chở thuyền, nhưng nước lại đánh đắm thuyền” - Quân giả chu dã, thứ dân giả thủy dã, thủy tắc tải chu, thủy tắc phúc chu [5, tr.309].

Từ việc chỉ ra vai trò của dân, Nho giáo chủ trương khuyên nhà cầm quyền phải biết trọng dân, người cầm quyền phải biết “dân vi quý, xã tắc thứ chi; quân vi khinh”. Điều này có nghĩa là trong nước, dân là quý trọng hơn hết; kế đó là xã tắc; còn ngôi vua là nhẹ hơn hết trong ba điều ấy [2, tr.262 - 263].

Khi Nho giáo du nhập vào Việt Nam và được lực lượng cầm quyền sử dụng như một công cụ của quá trình cai trị đất nước (nhất là từ sau khi nước ta giành được độc lập sau hơn một ngàn năm chịu sự đô hộ của giặc phương Bắc), thì khái niệm về “dân” cũng từng bước được chú ý và mở rộng hơn. Những đại biểu như Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo và vương triều nhà Trần đã ít nhiều đề cập tới khái niệm này. Tuy nhiên, do vị trí của Nho giáo ở giai đoạn này chưa được chú trọng trong đời sống chính trị - tư tưởng của nước ta, nên quan niệm về dân vẫn chưa có khác biệt nhiều so với quan điểm truyền thống của Nho gia.

Đến Nguyễn Trãi, nội hàm của khái niệm “dân” đã được mở rộng hơn nhiều. Là một người chịu ảnh hưởng rất lớn từ Nho giáo, Nguyễn Trãi luôn tâm niệm “lòng hãy cho bền đạo Khổng môn” [11, tr. 433], nhưng khi bàn đến khái niệm “dân” ông không sử dụng những thuật ngữ mà các nhà kinh điển của Nho học đã dùng như “tiểu nhân”, “hạ ngu”, “hạ dân”, v.v..., mà ở Nguyễn Trãi nhân dân luôn có một vị trí rất quan trọng, quan trọng đến mức trân trọng. Mỗi khi nhắc đến nhân dân, ông luôn dành cho họ những tình cảm và ngôn từ thân thiết, gần gũi.

Với Nguyễn Trãi, “dân” là những người đang “vun đất ải lạnh mông toi, liềm cần tiết cả tua hàng năm” [11, tr.398], là “phơ phơ đầu bạc ông câu cá, lẻo lẻo duềnh xanh con mắt mèo” [11, tr.429]... Họ không chỉ là những người nông dân một nắng hai sương, tảo tần nơi lũy tre làng, “dân” với Nguyễn Trãi còn là tất cả những giai tầng trong xã hội, là sĩ – nông – công – thương. Tuy mỗi người “có cao cùng thấp” song tất cả “đều hết làm tôi thánh thượng hoàng” [11, tr.438].

Những con người bình dị đó khi đất nước thanh bình thì chỉ biết vui với thú ruộng vườn, nhưng khi đất nước lâm nguy thì những con người tưởng chừng vô danh ấy lại chính là lực lượng làm nên sức mạnh vô địch để giúp triều đình đánh đuổi quân thù, mở nền thái bình cho đất nước. Tuy chỉ là “tứ phương manh lệ” nhưng khi họ tề tựu lại dưới ngọn cờ chính nghĩa thì những “manh lệ” ấy lại hợp thành một sức mạnh to lớn, đập tan mọi kẻ thù hung tợn. Vậy mới biết “lật thuyền mới rõ dân như nước” [11, tr.281].

Trong quan niệm của Nguyễn Trãi nhân dân còn là những người bị bóc lột nặng nề nhất trong xã hội nhất là khi triều đình phong kiến lâm vào khủng hoảng hay khi đất nước bị xâm lăng. Trong bối cảnh xã hội mà triều đình thì “cậy mình

giàu, mặc dân khôn khổ, chỉ ham vui chơi, đấm đuôi tửu sắc”, chỉ biết “đánh bạc vây cờ, chọi gà, thả chim; nào là cá vàng nuôi chậu, chim rừng nhốt lồng”, mặc cho dân phải sống trong cảnh lầm than khôn khó [11, tr.196 - 197]. Vì thế khi mà chính giáo suy đồi, kỷ cương rối loạn, Nguyễn Trãi cũng như nhân dân đều mong muốn một chính thể mới tốt đẹp hơn, gần dân hơn. Khi nhà Minh xâm lược nước ta, chúng đã thi hành một chế độ cai trị tàn khốc, ra sức bóc lột sức của đối với nhân dân ta: “chuyên chém giết để ra oai; coi mạng người như cỏ rác. Trói bắt vợ con của dân ta; cuộc đào lăng mộ của nước ta. Cấm cá muối để dân khôn thức ăn; đòi gấm lụa để dân thiếu đồ mặc. Ngọc vàng vơ vét hết; tể tượng cung cấp luôn. Chính thì hà khắc, hình thì thảm thương, dân không sống nổi” [11, tr.197 - 198]. Là người đã từng sống trong cảnh nước mất, nhà tan, phải chịu sự giam cầm của kẻ thù trong thành Đông Quan với cảnh “no nước uống thiếu cơm ăn”, Nguyễn Trãi thấu hiểu nỗi đau của người dân mất nước. Cho nên, “dân” trong hoàn cảnh này theo Nguyễn Trãi chính là “dân đen” đang bị thui “trên lò bạo ngược”; là “con đỏ” đang bị hãm “dưới hồ tai ương”, họ là những người đang từng ngày phải “mò ngọc trai thì mặc giao long, giồng dây quẳng biển”, phải “đào hầm bẫy hươu đen”, “chăng lưới bắt chim trả”. Tất cả đang phải quằn quại trước sự tàn bạo của những tên xâm lược “hút máu mủ sinh linh”, “miệng răng nhòn bèo” [11, tr.77 - 78].

Từ việc xác định “dân” là bao gồm những ai, Nguyễn Trãi đi đến việc đề cao vai trò, sức mạnh của nhân dân; nêu lên tư tưởng an dân và dưỡng dân.

2.2.2. Quan điểm của Nguyễn Trãi về vai trò của dân và đề xướng chính sách an dân, dưỡng dân

Trong quan điểm của Nguyễn Trãi, vai trò của nhân dân trước hết thể hiện ở chỗ dân là những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội. Với ông, tất cả những “qui mô lớn lao lộng lẫy, đều là sức lao khổ của quân dân” mà có [86, tr.196]. Nhân dân không chỉ là những người sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần cho xã hội, mà hơn hết họ chính là những người tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng giặc ngoại xâm. Trong bản bố cáo với thiên hạ về việc đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi, Nguyễn Trãi đã thừa nhận sự nghiệp cách mạng thắng lợi là nhờ “dân chúng bốn phương” tụ hội về dưới ngọn cờ của Lê Lợi, cùng “một dạ cha con”, “dựng gậy làm cờ” mà làm nên chiến thắng. Cho nên thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn không đơn thuần là thắng lợi của mưu trí và thiên

tài của người cầm quân, mà thắng lợi đó còn là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp từ “manh lệ bốn phương”. Nguyễn Trãi không chỉ thấy được vai trò của nhân dân trong cuộc kháng chiến giữ nước, mà còn nhận thức được vai trò quyết định của nhân dân trong sự thịnh vong của một vương triều. Với ông, “lật thuyền mới rõ dân như nước” [11, tr.281], và “mến người có nhân là dân, mà chở thuyền lật thuyền cũng là dân” [11, tr.203]. Đề cập tới vấn đề này, Nguyễn Trãi không chỉ cảnh tỉnh nhà cầm quyền, mà hơn hết cả là nhằm khuyên nhủ người cầm quyền phải biết tôn trọng nhân dân, phải luôn nhớ rằng nhờ có sức mạnh đó mà mình mới có được cơ nghiệp. Cũng chính vì thế mà Nguyễn Trãi khuyên người nắm quyền phải biết “ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”, phải gần dân và theo dân...

Như vậy, “dân” trong quan niệm của Nguyễn Trãi là những người có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Chính nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần để nuôi sống và làm đẹp xã hội; nhân dân cũng chính là lực lượng cơ bản nhất của mọi cuộc cách mạng để đưa xã hội vận động đi lên và nhân dân cũng chính là hệ quy chiếu để những người cầm quyền điều chỉnh chính sách cai trị của mình. Đây là một đóng góp của Nguyễn Trãi so với những nhà tư tưởng trước và cùng thời với ông. Và như cố giáo sư Trần Văn Giàu đã nói “nếu nhà làm sử không nhầm thì đây là lần đầu tiên mà “manh lệ bốn phương” được công khai thừa nhận là lực lượng kháng chiến cơ bản, đặc biệt trong những năm tháng gian nguy nhất của cuộc kháng chiến. Và từ độ ấy mãi cho đến Nguyễn Đình Chiểu thì “dân xóm lân dân” mới được ca tụng trong Văn tế nghĩa sỹ Cần Giuộc như những anh hùng vô danh mà tuyệt diệu; “dân xóm lân dân” của Nguyễn Đình Chiểu cũng như “manh lệ bốn phương” của Nguyễn Trãi, đều là lớp người khốn khổ nhất đương thời” [10, tr.273].

Từ việc đề cao vai trò, sức mạnh của nhân dân, Nguyễn Trãi đi đến đề xướng chính sách an dân và dưỡng dân. Tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo qua lăng kính của văn hóa Việt và phẩm chất cá nhân, Nguyễn Trãi nhấn mạnh rằng “việc nhân nghĩa cốt để yên dân”. Trong các văn thư gửi cho tướng giặc và dụ hàng các thành, Nguyễn Trãi đề cập rất nhiều tới vấn đề này. Theo đó khi gửi thư cho Liễu Thăng, Nguyễn Trãi cho rằng “Quân của Vương giá chỉ có đẹp yên mà không đánh chém. Việc làm nhân nghĩa cốt để yên dân” [11, tr.160]; trong thư dụ hàng tướng sĩ ở thành Bình Than ông lại viết “đại đức thích cho người ta sống, thần vũ

không hay giết người, đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp cốt để yên dân” [11, tr.153]; hay “đánh kẻ có tội cứu vớt nhân dân, là thánh nhân làm việc đại nghĩa, dấy nước đã diệt, nổi dòng đã tuyệt là vương giả có lòng chí nhân” [11, tr.187]...

Có thể thấy rằng đường lối cứu nước bằng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi đề ra ngay từ khi dâng Bình Ngô sách cho Lê Lợi là đường lối hoàn toàn khác so với nhân nghĩa của Nho giáo truyền thống. Nhân nghĩa phải thực sự gắn với nhân dân, phải vì nhân dân và cho nhân dân. Điều đó cũng được Nguyễn Trãi khẳng khái tuyên bố trong lời mở đầu của Bình Ngô đại cáo: “Việc nhân nghĩa cốt để yên dân. Quân cứu nước trước cần trừ bạo” [11, tr.77].

Cũng vì mục đích an dân, nên khi khởi nghĩa Lam Sơn đang trên đà thắng lợi, Nguyễn Trãi đã nghĩ đến việc kết thúc chiến tranh làm sao để giữ được “nền thái bình muôn thuở” [11, tr.82]. Chính vì thế khi gửi thư cho tướng giặc Vương Thông, Nguyễn Trãi nhấn mạnh “Cổ nhân có nói: “giặc đến nước cùng, chớ nên đuổi bức”. Nay ta định đem ba bốn mươi vạn quân vây lấy bốn thành của người, chỉ e chim cùng thì mổ, thú cùng thì vô, cho nên ta không đem quân toàn thắng cùng quân tất tử để tranh thắng với lũ trẻ con vậy” [11, tr.141]. Hơn ai hết, Nguyễn Trãi hiểu rằng nếu cuộc chiến kết thúc bằng một thắng lợi vang dội của nhân dân ta thì lúc đó nhà Minh sẽ lại dấy binh thêm một lần nữa nhằm lấy lại uy danh của một nước lớn, đến lúc đó nhân dân lại chính là những người phải gánh chịu nỗi thống khổ của cảnh binh đao. Vì thế Nguyễn Trãi muốn giữ cho kẻ thù một con đường thoát trong danh dự, cũng là để nhân dân được ngơi nghỉ nên ông đã chủ trương hòa ngay trên thế thắng:

“Nghĩ vì kế lâu dài của nhà nước,

Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh.

Sửa hòa hiếu cho hai nước,

Tắt muôn đời chiến tranh.

Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh” [11, tr.87].

Khi cuộc kháng chiến kết thúc, “xã tắc do đó được yên”, “non sông do đó đổi mới” và “nền thái bình muôn thuở” đã được mở. Lúc này Nguyễn Trãi hăm hở bắt tay vào thực hiện chủ trương xây dựng một chính quyền vì dân, an dân nhằm “để

cho các nơi làng mạc không có tiếng oán giận than sầu”. Để thực hiện lý tưởng của mình, sau khi đất nước độc lập, ông chủ trương xây dựng một xã hội theo đường lối “văn trị” để nhân dân được ngơi nghỉ và đẹp cảnh bình đao. Với ông:

*“Biển Bắc năm xưa đã diệt kinh
Yên rồi còn nghĩ luyện nhung binh”*

Cho nên:

*“Lòng vua muốn để dân ngơi nghỉ
Văn trị nên xây dựng thái bình” [11, tr.289].*

Nguyễn Trãi cũng nhấn mạnh rằng để xây dựng một xã hội thịnh trị theo đường hướng “văn trị”, nhà cầm quyền cần chăm lo tới đời sống của nhân dân, “dưỡng dân”, phải không ngừng làm cho người dân được có “hàng sản”. Đó chính là khát vọng, là lý tưởng chính trị mà Nguyễn Trãi muốn hướng tới: “Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng. Dân giàu đủ khắp đòi phương” [11, tr.453].

Là người luôn quan tâm tới vấn đề yên dân, Nguyễn Trãi cho rằng để nhân dân được yên ổn làm ăn và sống trong cảnh thanh bình thì những người có trách nhiệm “chăn dân” cần phải “trừ độc trừ tham trừ bạo ngược” [11, tr.440], phải biết “vì dân lo trước dạ không nguôi” [11, tr.335]. Từ những trăn trở, những ưu tư làm thế nào để nhân dân luôn được sống trong cảnh yên ấm và no đủ với “một tấm lòng son, nóng hừng như lò lửa luyện thuốc đơn” [11, tr.345], Nguyễn Trãi đưa ra và phấn đấu xây dựng mẫu hình xã hội:

*“Vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn
Đường ấy ta đà phỉ thừa nguyên” [11, tr.420].*

Xã hội Nghiêu Thuấn mà Nguyễn Trãi muốn hướng tới là một xã hội có vua sáng tối hiền. Trong xã hội đó, vua quan phải luôn quan tâm tới nhân dân, phải không ngừng chăm lo tới đời sống của nhân dân và phải là tấm gương sáng để nhân dân noi theo. Để an dân và dưỡng dân, người cầm quyền là người phải biết “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”, phải yêu cái dân yêu và ghét cái dân ghét; phải yêu nuôi dân như con “để cho các nơi làng mạc không có tiếng oán giận than sầu”. Chính vì thế một người được xem là minh quân phải là người “chớ thương bậy vì tư ân, chớ phải bừa vì tư nộ. Đùng thích của tiền mà luông

tuồng xa xỉ; đừng gắt thanh sắc mà bừa bãi hoang dâm. Cho đến những việc dùng nhân tài, nghe can gián, ra một chính sách, một mệnh lệnh, phát một lời nói, một việc làm đều giữ chính trung, dùng theo thường điển, ngõ hầu trên có thể đáp thiên tâm, dưới có thể thỏa nhân vong, thì quốc gia, mới được yên vững lâu dài” [11, tr.202 - 203].

Không những thế, nhà cầm quyền còn phải là người biết đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu. Trong *Chiếu bàn về phép tiền tệ* Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi chỉ ra rằng: “Ai hiểu rõ thời vụ đều bàn bạc về thể lệ dùng tiền, thế nào là thuận lòng dân, ngõ hầu có thể không đến nỗi lấy điều muốn của một người mà cưỡng ép nghìn muôn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời” [11, tr.195]. Nguyễn Trãi còn yêu cầu nhà cầm quyền phải biết trọng dụng người tài để phục vụ cho quốc thái, dân an. Trong *Chiếu cầu hiền tài* Nguyễn Trãi chỉ ra rằng “người tài ở đời vốn không ít” cho nên triều đình phải cầu hiền bằng nhiều cách. Đó có thể là thông qua con đường thi cử, nhưng cũng có thể bằng cách “văn võ đại thần, công hầu, đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi người đều cử một người, hoặc ở triều đình, hoặc ở thôn dã, bất cứ là đã xuất sĩ hay chưa, nếu có tài văn võ, có thể trị dân coi quân, thì... tùy tài trao chức”; “người có tài kinh luận bị truất ở hàng quan nhỏ”, “người hào kiệt náu ở nơi đồng nội, lẫn ở hàng binh lính” phải tự mình đề đạt để gánh vác việc dân, việc nước [11, tr.194].

Bên cạnh việc nêu ra mẫu hình người cầm quyền toàn đức toàn tài, để thực hiện lý tưởng an dân, dưỡng dân Nguyễn Trãi cũng đưa ra các yêu cầu đối với đội ngũ quan lại. Với ông, những người làm quan trong triều đình là những người “ăn lộc” phải “đền ơn kẻ cấy cày”; người làm quan cho dù là “các đại thần tổng quản, cho đến đội trưởng cùng các quan ở viện, sảnh, cục, phàm những người có chức vụ coi quân trị dân, đều phải theo phép công bằng, làm việc cần mẫn, thờ vua thì hết trung, đối dân thì hết hòa, đối bỏ thói tham ô, sửa trừ tệ lười biếng. Bè đảng riêng tây phải dứt; thái độ cổ phạm phải chừa. Coi công việc của quốc gia làm công việc của mình; lấy điều lo của sinh dân làm điều lo thiết kỷ. Hết lòng hết sức, giúp đỡ nhà vua. Khiến cho xã tắc yên như Thái sơn, cơ đồ vững như bàn thạch” [11, tr.198 - 199].

Tất cả những yêu cầu, chuẩn mực mà Nguyễn Trãi đặt ra đối với các lực lượng cai trị cũng chỉ nhằm đảm bảo cuộc sống yên bình và no đủ của nhân dân. Ở

Nguyễn Trãi, khi bàn về mô hình xã hội lý tưởng chúng ta không hề thấy ông nói tới trách nhiệm của nhân dân. Bởi với ông, nhân dân chính là đối tượng cần được quan tâm, che chở chứ không phải là đối tượng để các thế lực cầm quyền hà hiếp, ngược đãi. Đây là một đóng góp rất lớn của Nguyễn Trãi đối với sự phát triển tư tưởng thân dân của Nho gia. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa không chỉ đơn thuần là lòng trắc ẩn, thương người và cứu giúp người như các quan điểm trước đó, mà nhân nghĩa thực chất là thương dân, vì dân, an dân, dưỡng dân. Ở đây, có thể thấy rõ tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã vượt lên trên tư tưởng nhân nghĩa của Không – Mạnh và có sự sáng tạo, phát triển trong điều kiện cụ thể của Việt Nam cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Lúc này sự suy nhược của nhà Trần khiến đời sống của nhân dân lâm vào khốn khó; sự ức hiếp lòng dân của nhà Hồ khiến người người oán thán; sự tàn bạo của giặc Minh đã đẩy nhân dân đến bờ vực của “hố tai ương”, trên “lò bạo ngược”. Trong hoàn cảnh đó, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi như một luồng sinh khí mới làm lòng người rạo rức, phấn chấn để đứng lên đánh giặc cứu nước. Không những thế, tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với an dân, dưỡng dân của Nguyễn Trãi còn là một lời cảnh tỉnh, nhắc nhở đối với tầng lớp thống trị vừa bước ra cuộc chiến với tâm thế của người chiến thắng phải luôn quan tâm để người dân có “hằng tâm”, “hằng sản”.

2.3. Ý nghĩa quan điểm về dân của Nguyễn Trãi trong việc phát huy quyền dân chủ ở Việt Nam hiện nay.

Từ những quan điểm của Nguyễn Trãi về “dân” và vai trò, sức mạnh của “dân”, có thể khẳng định rằng Nguyễn Trãi là người đưa quan điểm “dân vi bang bản” – dân là gốc của nước trong tư tưởng Nho giáo lên một tầm cao mới. “Dân là gốc nước” không còn là phương tiện để giai cấp cầm quyền sử dụng như một chiếc đũa thần trong chính sách mị dân để dễ bề cai trị, mà nó thực chất là mục đích để nhà cầm quyền hướng tới. Dĩ nhiên, các luận điểm của Nguyễn Trãi suy đến cùng cũng nhằm hướng tới sự củng cố quyền lực của chế độ phong kiến đương thời; mặt khác, với địa vị của Nguyễn Trãi trong vương triều Lê sơ, thì những hoài bão, lý tưởng của ông rất khó biến thành hiện thực.

Với đóng góp về trong tư tưởng thân dân các luận điểm của Nguyễn Trãi luôn được các nhà tư tưởng sau này của dân tộc kế thừa và sử dụng một cách có hiệu quả trong khi luận giải về những giải pháp nhằm mục tiêu “trị quốc, bình thiên

hạ”. Tuy nhiên, trong suốt chiều dài lịch sử trung đại Việt Nam, không một nhà tư tưởng nào từ sau Nguyễn Trãi có thể nâng quan điểm của ông lên một tầm cao mới. Chỉ đến thời đại Hồ Chí Minh, những tư tưởng nhân văn của Nguyễn Trãi về “dân” mới thực sự được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta phát triển thêm về “chất”. Trong thời đại Hồ Chí Minh, dân không chỉ là gốc của nước, mà Nhân dân, như cách gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phải thực sự “là chủ”, “làm chủ” đất nước.

“Lấy dân làm gốc” theo Hồ Chí Minh trước hết là phải tin ở nhân dân, gần gũi với nhân dân và biết dựa vào nhân dân. Phải luôn ý thức rằng “dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng” [6, 333], nên muốn hoàn thành nhiệm vụ, muốn biến đường lối chủ trương của mình thành phong trào quần chúng, thành sức mạnh cách mạng thì Đảng phải “liên lạc mật thiết với dân chúng. Không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định *thất bại*” [6, tr.278]. Trong quá trình lãnh đạo của mình, Đảng phải thường xuyên học hỏi ở nhân dân, bởi nếu không học hỏi nhân dân thì không thể lãnh đạo được nhân dân, mà “muốn hiểu biết, học hỏi dân chúng, thì ắt phải có nhiệt thành, có quyết tâm” [6, tr.333].

Mặt khác, “lấy dân làm gốc” là phải biết phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, “chế độ ta là chế độ *dân chủ*, tức là nhân dân làm chủ” [8, tr.10], vì vậy “bao nhiêu lợi ích đều vì *dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*” [7, tr.232]. Dân làm chủ, cho nên chính quyền từ Trung ương đến địa phương đều là “đầy tớ”, là “công bộc” của nhân dân. Dân có quyền “phê bình” và “đuổi Chính phủ” nếu Chính phủ làm hại đến dân. Cũng cần lưu ý rằng, dân làm chủ không có nghĩa là dân muốn làm gì cũng được, mà trước hết dân phải làm tròn bổn phận của mình, phải chăm lo việc nước “như việc nhà”, “đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan, gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ” [8, tr.67].

Với quan niệm cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Cho nên, trong tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh luôn căn dặn cán bộ, đảng viên phải luôn dựa vào dân, liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, bởi: “*Để mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong*” [9, tr.280].

Thực hiện theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ khi ra đời cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam, với tư cách là đảng cầm quyền, luôn quán triệt quan

điểm lấy dân làm gốc, tuyệt đối trung thành với lợi ích của nhân dân, lợi ích của dân tộc, luôn phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tuy nhiên, sau khi lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong Đảng ta đã xuất hiện những biểu hiện làm nguy hại đến mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Sự xuất hiện của “*bệnh chủ quan, duy ý chí*”, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, “lời nói không đi đôi với việc làm”, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, không lắng nghe ý kiến của quần chúng... đã làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng [3, tr.25 - 27]. Nhận thức được nguy hiểm của những biểu hiện tiêu cực nêu trên, trong *Báo cáo chính trị* trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm cho quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong đó, bài học đầu tiên mà Đảng ta nêu ra là “*trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân*” [3, tr.28].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được trình bày tại Đại hội VII tiếp tục khẳng định “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”. Nhân dân chính là lực lượng to lớn đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng. Mọi chủ trương, đường lối và hoạt động của Đảng đều phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Cương lĩnh cũng nhấn mạnh: “Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh đất nước” [3, tr.311].

Như vậy, trong toàn bộ quan điểm của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Nhân dân chính là động lực to lớn của mọi thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Suốt quá trình tồn tại và phát triển của mình, chính nhờ bắt rễ sâu rộng trong quần chúng, chủ trương, đường lối được lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, cho nên Đảng và nhân dân ta đã kết thành một khối vững chắc, quan hệ máu thịt với nhân dân là cội nguồn sức mạnh to lớn của Đảng. Ở đâu và lúc nào, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thường xuyên chăm lo lợi ích của nhân dân, vì lợi ích của dân, thì ở đó Đảng và dân có mối quan hệ tốt đẹp; cán bộ, đảng viên được dân tin, dân phục, dân theo. Trái lại, ở đâu và lúc nào tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên xa dân, quan

liêu, những nhiều, ức hiếp dân thì ở đó sẽ quan hệ giữa Đảng và nhân dân trở nên lỏng lẻo, nhân dân sẽ không tin và theo Đảng. Vì vậy, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta luôn nhấn mạnh: “Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân” [4, tr.89]. Qua 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, tuy có lúc, có nơi vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế, song với việc phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, nâng cao trình độ dân trí, mở rộng dân chủ trong xã hội, Đảng ta ngày càng củng cố được niềm tin của nhân dân, khơi dậy được những tiềm năng mới, tạo ra được những xung lực mới cho cách mạng trong giai đoạn mới.

Trong giai đoạn hiện nay, để tiếp tục thực hiện tốt quan điểm lấy dân làm gốc, phát huy quyền dân chủ của Nhân dân, chúng ta cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thực tế cho thấy, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết thực hiện chủ nghĩa xã hội và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là cơ sở đảm bảo vững chắc để có độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới thực sự kết hợp đúng đắn lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc và lợi ích của các tầng lớp nhân dân; đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân; đưa nhân dân thực sự trở thành chủ thể của xã hội, làm chủ vận mệnh dân tộc và làm chủ chính bản thân mình.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm tăng cường sức mạnh của Đảng và khơi dậy lòng tin của nhân dân vào Đảng; đồng thời tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Thực tiễn quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh rằng: Hễ khi nào và nơi nào mà Đảng không thường xuyên đổi mới, không thường xuyên tự chỉnh đốn thì lúc đó Đảng sẽ tự đánh mất vai trò lãnh đạo của mình. Trong bối cảnh hiện nay, nhằm tăng cường hơn nữa mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân - nguồn sức mạnh nội lực của Đảng và đẩy mạnh công tác

xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh để Đảng thực sự là “đạo đức”, là “văn minh” đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng từ Trung ương đến địa phương và mỗi cán bộ, đảng viên tiếp tục thực hiện tốt tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI.

Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước thông qua đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội để bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân; đẩy mạnh quá trình cải cách hành chính và nâng cao chất lượng của hoạt động tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Ngoài ra, cần tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương các cấp nhằm đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của nhân dân.

Thứ ba, thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở* nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Ngày 18 tháng 02 năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 30-CT/TW về *Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*, trong Chỉ thị này Bộ Chính trị đã chỉ rõ trong quá trình lãnh đạo cách mạng (nhất là trong sự nghiệp đổi mới hiện nay), Đảng ta bước đầu đã “phát huy một bước quyền làm chủ của nhân dân”, song nhìn chung “quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa đẩy lùi, ngăn chặn được. Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chưa được cụ thể hoá và thể chế hoá thành luật pháp, chệch đi vào cuộc sống”. Vì vậy, mục tiêu của Chỉ thị 30-CT/TW là nhằm “phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất” [12].

Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 30, mặc dù đã góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công

chức theo hướng sát dân, trọng dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân... như tinh thần Kết luận số 65- KL/TW ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Ban Bí thư về *Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở* đã nêu ra. Song bên cạnh đó, trong quá trình triển khai Chỉ thị 30 không ít nơi còn hình thức, chất lượng chưa cao, chưa thành nền nếp, “một số nơi nội bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền mất đoàn kết; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa được ngăn chặn kịp thời; tình hình khiếu kiện của nông dân, đình công, bãi công của công nhân diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền” [12].

Chính vì vậy, trong thời gian tới để phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở một mặt tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong toàn xã hội về việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ của nhân dân; hoàn thiện và thể chế hóa các chủ trương của Đảng về dân chủ và mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa; tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; trách nhiệm của chính quyền về thực hiện quy chế dân chủ; tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền và giám sát việc thực hiện; vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cơ sở...

3. Kết luận

Trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, kể từ khi Ngô Quyền xác lập được nền độc lập cho đến nay, tư tưởng dân là gốc nước luôn là tư tưởng chính trị quan trọng và xuyên suốt. Lịch sử dân tộc đã kiểm chứng, bất kỳ ở giai đoạn nào nếu nhà cầm quyền biết quan tâm và chăm lo tới đời sống của nhân dân, được lòng dân thì chính quyền được củng cố, đất nước hưởng cảnh thái bình; còn khi chính quyền xa dân, nhiều dân thì vận nước suy. Chính vì vậy, phương châm dân là gốc nước đã trở thành triết lý hành động của các triều đại phong kiến Việt Nam trong việc củng cố chính quyền, ổn định xã hội, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Trong dòng chảy đó, quan niệm về dân của Nguyễn Trãi là sự phát triển cao hơn quan điểm về dân trong tư tưởng Việt Nam thời Lý – Trần và có thể nói là đỉnh cao trong giai

đoạn lịch sử tư tưởng trung đại Việt Nam; quan niệm đó chứa đựng nhiều yếu tố, nhiều giá trị tích cực và mang đậm tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc.

Cùng với quá trình phát triển của dân tộc, tư tưởng thân dân được bổ sung thêm những giá trị mới tiến bộ, nhằm đáp ứng được đòi hỏi mới của thực tiễn đất nước. Trong giai đoạn phát triển đất nước hiện nay, thẩm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bài học “*nước lấy dân làm gốc*” sẽ là cơ sở, là nền tảng để phát huy được sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” như tinh thần Đại hội XI của Đảng đã đề ra./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Dịch giả Đoàn Trung Còn (2006), *Tứ thư (bộ 4 tập)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Trần Trọng Kim (2008), *Nho giáo*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Hữu Sơn (2001), *Nguyễn Trãi về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.
- [11]. Viện Sử học (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12]. www.dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang.html

QUAN NIỆM VỀ ĐẠO LÀM NGƯỜI CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

SV. Nguyễn Hoàng Tánh

Lớp: ĐHGDC14B

GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến

Tóm tắt: Từ việc nghiên cứu tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm về đạo làm người, bài viết phân tích những giá trị cốt lõi quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm và những giá trị trong tư tưởng Đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm trong giai đoạn hiện nay, từ đó giúp sinh viên trang bị thêm những kiến thức về quan niệm đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm, thuận tiện cho việc nghiên cứu và học tập.

Từ khóa: Đạo làm người, Nguyễn Bình Khiêm.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, sự phát triển của đất nước dưới tác động của nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa đã làm biến đổi các chuẩn mực, giá trị cuộc sống. Những giá trị về đạo đức, nhân cách con người ít nhiều bị ảnh hưởng và biến đổi theo. Bởi, khi xã hội ngày càng phát triển, trình độ khả năng nhận thức ngày càng cao, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, con người với xã hội có nhiều vấn đề mới phát sinh mà khoa học chưa lý giải được thì con người lại càng chú ý nhiều hơn tới những vấn đề về đời sống tinh thần, tới những hệ giá trị đạo đức nhiều hơn. Trong đó, những chuẩn mực về đạo làm người được đề cập tới như là một thang quy chiếu những nguyên tắc xử sự giữa người với người.

Vì vậy, nghiên cứu quan điểm của Nguyễn Bình Khiêm về đạo làm người ít nhiều trang bị cho chúng ta những hiểu biết nhất định về các giá trị truyền thống của dân tộc, từ đó có sự vận dụng, kế thừa và phát huy một cách có hiệu quả hơn.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491 tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng), mất năm 1585 tại quê nhà. Ông tên húy là Nguyễn Văn Đạt, tên tự là Hanh Phủ, hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Cha của Nguyễn Bình Khiêm là Nguyễn Văn Định,

đạo hiệu là Cù Xuyên, vốn là một học sinh của Quốc Tử Giám nhưng không đỗ đạt. Mẹ ông là Nhữ Thị Thục, con gái của quan thượng thư Nhữ Văn Lan, cũng là người có học vấn. Thuở nhỏ, Nguyễn Bình Khiêm có tiếng là thông minh, sớm được mẹ dạy cho thơ quốc âm. Lớn lên, Nguyễn Bình Khiêm theo học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, tương truyền Lương Đắc Bằng là người giỏi lý học, đã mang sách Thái Ất thần kinh truyền cho học trò của mình.

Tuy là người thông minh học giỏi, nhưng Nguyễn Bình Khiêm ra ứng thí muộn. Năm Đại Chính thứ 6 (1535) đời Mạc Thái Tông (Mạc Đăng Doanh) ông mới bắt đầu đi thi và đậu ngay Trạng nguyên (lúc này ông 45 tuổi). Sau đó ông được cử làm Đông các Hiệu thư, rồi được bổ nhiệm vào nhiều chức vụ quan trọng như Tả thị lang bộ Hình, Tả thị lang bộ Lại kiêm Đông các Đại học sĩ. Con đường quan lộ chính thức của Nguyễn Bình Khiêm chỉ vắn vắn 8 năm (1535 – 1542). Sau đó nhà Mạc lại gặp phải sự khủng hoảng chính trị, một mặt từ trong nội bộ với các quan lại tham nhũng; mặt khác, phải đối phó với các thế lực phục hồi nhà Lê, còn gọi là Nam Triều. Với tư cách là Tả thị lang bộ Lại, Nguyễn Bình Khiêm dâng sớ lên vua Mạc xin chém đầu 18 quan cận thần tham nhũng nhưng không được vua Mạc chấp nhận, ông cáo quan về quê dạy học và sáng tác văn chương.

2.2. Những tư tưởng trong quan niệm về Đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm

“Đạo làm người” là một khái niệm được sử dụng từ rất sớm ở các nước phương Đông nói chung và Trung Hoa nói riêng. Khi luận giải về đạo làm người, ở Trung Hoa thời Xuân thu – Chiến quốc các nhà tư tưởng của các trường phái Nho gia, Đạo gia, Mặc gia... đều đưa ra cách lý giải khác nhau. Tuy nhiên, với tính cách là một học thuyết về chính trị - đạo đức, quan điểm của Nho gia về đạo làm người vẫn được sử dụng phổ biến nhất.

Thực chất, đạo làm người được hiểu là các nguyên tắc chính trị, là quy phạm đạo đức và luân lý, là đạo lý trị quốc và xử thế của con người. Nói cách khác, đạo làm người được hiểu là đường lối, nguyên tắc đạo đức mà con người có bổn phận gìn giữ và tuân theo trong đời sống. Đó là nhân sinh quan, là quan niệm sống trong sạch, thuận theo lẽ phải. Nguyên tắc chính trị là tư tưởng chỉ đạo việc trị quốc, bình thiên hạ, phản ánh hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền.

Quy phạm đạo đức, luân lý theo quan niệm của Nho gia chính là tam cương, ngũ thường, tam tòng, tứ đức,... Đạo làm người của Nho gia bao quát các mối quan hệ trong xã hội ở một phạm vi rất rộng. Một người có đạo đức, có “đạo làm người” là cơ sở để người đó thực hiện tốt mối quan hệ trong quan hệ với tự nhiên, trong ứng xử xã hội, ứng xử với chính bản thân mình theo danh phận. Những con người như thế được gọi là những bậc “quân tử”, “đáng trọng phu”.

Nguyễn Bình Khiêm là một nhà nho, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của Nho giáo, cho nên trong quan niệm về “đạo làm người” của mình ít nhiều ông không thoát khỏi những khuôn mẫu về người quân tử mà Nho giáo đã tạo dựng. Với mong muốn xây dựng một xã hội thịnh trị thái bình, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, Nguyễn Bình Khiêm đã đề ra những nguyên tắc đạo đức trong xã hội mà nổi bật nhất là những quan niệm về đạo làm người trong xã hội.

Từ thực tế xã hội mình đang sống Nguyễn Bình Khiêm nhận thấy sự quan trọng của đạo làm người trong xã hội có thể ảnh hưởng đến sự giải quyết những mâu thuẫn của xã hội và những bế tắc trong lịch sử, có thể xác định được những giá trị con người trong xã hội lúc bấy giờ. Bên cạnh đó, ông cảm thấy đã đến lúc cần phải đưa ra những quan niệm về đạo làm người nên trong tác phẩm của ông đề cập nhiều đến đạo làm người. Đạo lý làm người được ông xây dựng cụ thể và phù hợp với hiện thực xã hội ông đang sống. Có thể nói những quan niệm đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm đưa ra nhằm khuyên nhủ và cảm hóa mọi người trong xã hội.

Trong quan điểm của mình, Nguyễn Bình Khiêm đưa ra quan niệm đạo làm người là phải tuân theo đạo cương thường (tam cương, ngũ thường) của Nho giáo. Theo ông, con người sống trong xã hội phải tuân thủ theo nguyên tắc đạo đức cương thường. Cương thường là nội dung cơ bản trong đạo làm người của Nho giáo, là nguyên tắc chi phối mọi suy nghĩ hành động và là khuôn vàng thước ngọc để đánh giá phẩm hạnh của con người. Cương thường góp phần điều chỉnh hành vi của con người. Mặt khác, cương thường là nhân tố quan trọng làm cho xã hội ổn định theo thứ bậc, là cơ sở đảm bảo quyền thống trị của Thiên tử. Nguyễn Bình Khiêm từng rất đề cao “tam cương”; “Nghĩa phải thờ vua sáng như mặt trăng” (Nghĩa thị phi tôn quân nhật nguyệt minh). Trong mối quan hệ với vua thì phải thể hiện sự kính trọng, phải biết trước sau. “Vua tôi, cha con là nghĩa cương thường bền vững nghìn đời” (quân phụ cương thường thiên cổ tại). Trong quan hệ vua tôi, cha

con là mối quan hệ bền vững, thể hiện được những giá trị đạo đức của con người. “Lòng luôn nghĩ đến vua cha kỳ cho đến lúc trời đất già cõi” (Quân thiên tại niệm kiên khôn lão) [4, tr.361]. Con người sống trong xã hội phải biết đạo lý, trong các mối quan hệ cần phải tuân theo những nguyên tắc cương thường. Nguyễn Bình Khiêm cho rằng nếu con người làm được những điều đó thì có thể ngẩng cao đầu, không có việc gì phải hổ thẹn. Quan niệm của ông đưa ra thể hiện sâu sắc sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo.

Sống trong một xã hội loạn lạc, nhiều áp bức bất công, giai cấp thống trị không chăm lo đời sống của nhân dân, làm sao mà con người không thể bị ảnh hưởng về lối sống và đạo lý làm người. Theo Nguyễn Bình Khiêm:

*“Không gì nguy bằng lòng người
Nếu không biết giữ gìn mà buông phóng ra
Thì biến thành quỷ cái cả” [5, tr.99].*

Nguyễn Bình Khiêm đưa ra khái niệm “phóng tâm” ở đây, chính là sự tha hóa của con người, sự đánh mất bản chất thiện căn, những điều thiện trong mỗi con người. Muốn thoát khỏi nó, ông cho rằng con người phải sống ngay thẳng, xa rời bần mê, không để công danh, danh lợi ràng buộc (công danh vô hệ), phận để ngoài công danh (phận ngoài công danh).

Nguyễn Bình Khiêm mong muốn xây dựng một đạo lý làm người gần gũi và thực tế để mọi người trong xã hội có thể thực hiện theo. Nhưng những quan điểm về đạo làm người của ông phải đi theo một hướng khác. Bởi những thay đổi của hiện thực buộc ông phải thay đổi cách nhìn, cách quan niệm niệm, mặc dù quan niệm đó đã từng thấm sâu trong tư tưởng của ông. Hiện thực xã hội ông đang sống, một xã hội loạn lạc mà ở đó hình ảnh vị vua, các vị quan trong triều đình không phải là những người vì dân, vì nước. Thực sự họ chỉ là những người ham danh lợi, tất cả đều bị cuốn vào sức mạnh của danh lợi không chăm lo cho đời sống của nhân dân “Thót có tanh tao, ruồi đậu đến, Ang không mật mỡ kiến bò đi” [4, tr.362].

Trong xã hội lúc bấy giờ danh lợi được đề cao nếu không có danh lợi thì không thể làm được gì. Trong một xã hội như thế, nếu Nguyễn Bình Khiêm khuyên răn mọi người sống theo đạo lý làm người, sống theo tam cương thì thật sự không

còn phù hợp. Xã hội mà chỉ biết đến danh lợi thì những tư tưởng đạo lý làm người, những giá trị đạo đức đã bị xem nhẹ và bỏ quên. Hơn ai hết, Nguyễn Bình Khiêm nhận thấy rõ được điều đó nên ông đã viết “Hỗ đọc điều xưa năm bảy chữ, Thẹn xem sách cũ một hai văn”[4, tr.362]. Ông hiểu rõ và biết cần phải thay đổi trong những quan điểm về đạo lý làm người những triết lý sống cần phải thay đổi do xã hội hiện thực đặt ra. Những tư tưởng về đạo làm người mà ông đưa ra sẽ giúp con người trong xã hội nhận thức được những giá trị đạo đức trong cuộc sống.

Đạo lý làm người mới của ông đưa ra là muốn giữ được đạo lý thì trước hết phải giữ đạo vua tôi, đó là đạo trung. Nguyễn Bình Khiêm viết “Nthur trung với vua, hiếu với cha mẹ, thân với anh em, hòa với vợ chồng, tín với bạn bè, thế là trung” [1, tr.557]. Ông quan niệm người trung nghĩa là người đứng giữa không thiên lệch, luôn giữ điều thiện. Biết chỗ đậu mà đậu đâu đó là bất chính, không biết chỗ đậu là bển mê. Người trung nghĩa thấy của phi nghĩa không có lòng tham, phải vui làm việc thiện, phải có lòng độ lượng bao dung người khác, đem lòng chí thành mà đối đãi với mọi người. Ông quan niệm trung với vua, hiếu với cha mẹ, thuận giữa anh em, hòa giữa vợ chồng, tín giữa bạn bè là trung nghĩa. Quan niệm này đã khác với đạo đức Nho giáo phải là quan hệ cấp bậc tôn ty: em đối với anh là phải kính, vợ đối với chồng là phải giữ đạo tòng... Ông không trung thành một cách mù quáng với quan niệm nhân nghĩa của Nho giáo. Tân là cái bển, biết chỗ đậu là bển chính, không biết chỗ đậu là bển mê. Nguyễn Bình Khiêm đã chỉ ra rõ những quan điểm cơ bản nhất về đạo lý làm người của mình. Những quan điểm mà ông đưa ra có sự ảnh hưởng rất lớn trong tư tưởng Nho giáo, tuy nhiên nó đã có phần thay đổi để phù hợp với xã hội lúc bấy giờ. Những quan điểm đó khác hẳn so với những quan điểm về “tam cương”, “ngũ thường” trước kia. Theo Nho giáo thì giữa người với người có các quan hệ: vua – tôi, cha – con, anh – em, vợ chồng và bạn bè. Sau này, ba quan hệ cơ bản được nhấn mạnh là “tam cương”. Tam cương là quan hệ chủ chốt trong xã hội theo quan điểm phong kiến là: vua tôi, cha con, vợ chồng (quân thần, phu tử, phu phụ), trong đó người trên (vua, cha, chồng) phải yêu thương, chăm sóc và bao dung người dưới, khi đó người dưới (tôi, con, vợ) phải kính nhường, thương yêu, phục tùng và biết ơn người trên. Cách cư xử đúng sẽ làm cho gia đình thuận hòa và ấm êm. Tam cương thể hiện trật tự trong xã hội, đi liền với “ngũ thường” (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín) – 5 đức cơ bản của con người, gọi tắt là “cương

thường”. Nguyễn Bình Khiêm đã đưa ra những quan niệm đạo đức như “thuận hòa giữa anh em”, “hòa giữa vợ chồng”, “thấy của phi nghĩa đừng có lòng tham, vui làm điều thiện, lại có độ lượng bao dung người khác...”, những quan điểm ấy rất khác so với những quan niệm đạo đức lúc bấy giờ.

Cuộc sống của ông vốn giản dị gần gũi với nhân dân và hiểu được những mong muốn tâm tư của người dân trong xã hội hiện thực từ đó ông đã đưa ra những quan niệm của mình về đạo lý làm người, những nguyên tắc đạo đức giúp rèn luyện cách sống và nhân cách của con người trong xã hội lúc bấy giờ. Những quan điểm về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm đưa ra không chỉ có giá trị trong xã hội hiện thực mà ông đang sống mà đó là những cơ sở những giá trị góp phần hoàn thiện những nguyên tắc đạo lý làm người của thế hệ sau này.

Nhưng do những quan điểm của ông đưa ra không đúng đắn theo sự phát triển chung của xã hội, việc phát triển không theo một con đường cụ thể, phát triển không có sự đấu tranh Nguyễn Bình Khiêm đã đi đến phủ nhận tính năng động chủ quan của con người trong hoạt động xã hội của mình. Do đó, ông đã đưa ra những lời khuyên sai lầm. Ông quan niệm đạo trời là nguyên tắc cơ bản quan trọng để giải thích đạo người. Sự phát triển của xã hội và vận mệnh của con người trong xã hội được Nguyễn Bình Khiêm gọi là đạo người. Quan niệm về đạo trời của ông chứa đựng những yếu tố hợp lý còn quan niệm về đạo làm người có lúc lại mang những biểu hiện tiêu cực. Ông cho rằng quan niệm đạo người có sự phát triển nhưng theo vòng tuần hoàn, phát triển đi xuống, quan niệm đó không đúng với quá trình phát triển của xã hội và con người. Ông phủ nhận vai trò hoạt động của con người và tất cả các sự việc đều do số mệnh, do yếu tố thần bí quyết định.

Đạo người của Nguyễn Bình Khiêm đưa ra dựa trên cơ sở chính là Nho giáo. Ông nói “tính người là do trời phú cho”, “tính người vốn thiện”, “Muốn trở về thiện không phải tìm đâu xa, chỉ tìm ở trong tâm”, “Không có thiên lý thì lòng người khó tránh khỏi man rợ” [4, tr.355]. Những quan điểm đó của ông có thể hiểu hàm ý muốn là lên án những kẻ thống trị trong xã hội hiện thực, sự bất công trong xã hội. Song, bản chất của sự nhận thức ở đây là sai lầm. Những quan điểm đó chính là những hạn chế trong tư tưởng của ông.

Nguyễn Bình Khiêm khuyên mọi người trong xã hội từ bỏ đấu tranh, từ bỏ sự kiên trì sống theo lối sống “Dĩ hòa vi quý”. Hiểu theo nghĩa chung nhất thì “hòa” là điều đáng quý trọng, là động lực phát triển, thúc đẩy phát triển. Nhưng ở đây “hòa” chỉ được hiểu là phủ nhận chân lý, hạn chế sự phát triển của sự vật. Lời khuyên đó của ông có thể nói là một biểu hiện tiêu cực trong quan niệm về đạo làm người của ông .

Ngoài ra, ông còn đưa ra chủ trương “an phận” (về mặt chính trị) là một biểu hiện tiêu cực trong quan niệm của ông về đạo làm người. Quan niệm đó thể hiện lối sống không phù hợp, thụ động trong xã hội mà ông đang sống. Chủ trương sống theo số mệnh cũng là một biểu hiện tiêu cực trong quan niệm của ông. Nguyễn Bình Khiêm đưa ra những quan điểm trên vì muốn cuộc sống của con người trong xã hội tốt hơn nhưng kết quả nó mang lại không như ông mong muốn..

2.3. Giá trị trong tư tưởng về quan niệm Đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm trong xã hội hiện nay

Sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội dẫn đến những giá trị đạo đức trong xã hội cũng thay đổi theo. Hiện nay, nước ta đang thực hiện quá trình đổi mới toàn diện đất nước. Từ đổi mới kinh tế, đến đổi mới chính trị, đổi mới văn hóa xã hội, đổi mới quan hệ quốc tế. Do đó, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đang có sự chuyển đổi sâu sắc và tác động đến đời sống tinh thần, trong đó các nhân tố tác động chủ yếu đến đạo đức và những giá trị đạo lý làm người. Sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật tân tiến mang lại cho con người nhiều tiện nghi thoải mái. Tuy nhiên, nó cũng mang lại cho con người nhiều nỗi phiền toái, và còn lấy mất khỏi con người nhiều giá trị cao đẹp – vốn là những điều quan trọng trong việc hình thành nhân cách, lý tưởng sống của con người.

Do tác động của lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, “có cầu sẽ cung”, trong xã hội xuất hiện những tệ nạn xã hội mới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến những chuẩn mực giá trị đạo đức truyền thống. Đó là những điều kiện khách quan không thể tránh khỏi đang tác động trực tiếp vào những giá trị đạo đức truyền thống, nhất là vào tính cộng đồng, tình làng, nghĩa xóm; tác động vào những mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Những giá trị mà trong quan niệm về đạo làm người của

Nguyễn Bình Khiêm để lại được xã hội hiện nay thực hiện theo bằng những cách khác nhau nó được thể hiện trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

Trong điều kiện mới, các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc đang có những chuyển biến phức tạp, có đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa thiện và ác, giữa lối sống lành mạnh, trung thực, thủy chung với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Đạo đức mới vừa phải đấu tranh với các hệ thống đạo đức khác, vừa phải đấu tranh để tự đổi mới, tự khẳng định mình trong điều kiện mới, trên cơ sở kế thừa đổi mới cho thích ứng với tình hình mới. Trong quá trình kế thừa và đổi mới, những giá trị đạo đức trong đó có đạo làm người đang được khẳng định và phát triển trong điều kiện mới. Tuy nhiên, những giá trị trong quan niệm về “tam cương”, “ngũ thường” của Nguyễn Bình Khiêm vẫn giữ vai trò cốt lõi trong việc phát triển nhanh của xã hội hiện đại.

Trong sự phát triển của xã hội ngày nay thì việc kế thừa những giá trị tư tưởng đạo đức là một điều vô cùng quan trọng. Tư tưởng đạo làm người “Trung với vua” ngày nay được thể hiện là tinh thần yêu nước là giá trị đạo đức hàng đầu xuyên suốt quá trình lịch sử dân tộc Việt Nam từ khi dựng nước tới nay. Ngày nay, yêu nước là yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, không chỉ yêu nhân dân nước mình mà còn quý trọng yêu mến nhân dân nước khác. Yêu nước phải gắn với ý chí tự lực tự cường, sáng tạo trong lao động, học tập và nghiên cứu, khai thác mọi tiềm năng đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, từng bước nâng cao đời sống ấm no hạnh phúc của nhân dân, vươn lên ngang tầm thời đại mới. Trong mối quan hệ với con người với xã hội thì đạo làm người hướng con người đến những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. Thể hiện ở cách đối xử, cách sống theo lẽ phải để xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với nhau.

Ngoài ra, trong quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm còn nhắc đến việc con người phải “có độ lượng bao dung người khác...”. Ngày nay, nó được phát triển đó chính là lòng nhân ái, lòng nhân ái là một truyền thống quý báu của dân tộc, cội nguồn của đạo đức đã và đang phát huy rất mạnh mẽ. Ngày nay, những vấn đề ngăn chặn cái ác, khuyến khích cái thiện, đoàn kết thương yêu con người, quý trọng của công, quan tâm đến nỗi bất hạnh của con người, chống chiến tranh, chống ma túy, nạn mại dâm, chống nạn đói và mù chữ..., là những vấn đề nhân đạo cấp bách.

Những giá trị đạo đức nói chung và những quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm nói riêng được kế thừa và phát triển góp phần làm nên sự phát triển đời sống tinh thần của xã hội ta hôm nay và những giá trị đó đang tạo một động lực thúc đẩy sự nghiệp đổi mới đất nước. Trong quá trình đổi mới và định hướng thang giá trị đạo đức nói chung và đạo làm người nói riêng cần chống hai khuynh hướng cực đoan:

Một là, chống thái độ bảo thủ, đề cao quá mức truyền thống mà coi nhẹ hoặc phủ nhận đổi mới.

Hai là, chống thái độ hư vô, đi vào kinh tế thị trường hiện đại hóa đất nước mà xa rời những giá trị đạo đức truyền thống, làm mất đi bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình.

Những chuẩn mực về lòng yêu nước, lòng nhân ái, tính cộng đồng, ý chí kiên cường, bất khuất, siêng năng, tận tụy, liêm khiết, thủy chung, cần cù đã trở thành lối sống bền vững trong lịch sử dân tộc giờ đây phải được tăng cường đổi mới và hoàn thiện cả về nội dung, phương hướng.

3. Kết luận

Đạo làm người luôn có một chỗ đứng, một vị trí không thể nào thay thế được trong xã hội. Nói như vậy để hiểu rằng đạo làm người vô cùng quan trọng trong tất cả mối quan hệ của con người. Đặt trong những mối quan hệ khác nhau thì đạo làm người vẫn thể hiện được vai trò của nó. Quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm là một nền tảng tư tưởng giá trị là những chuẩn mực đạo đức quý báu để lại cho thế hệ sau những thang đo đạo đức trong xã hội mà dựa vào đó con người thực hiện theo và rèn luyện lối sống của mình. Đạo làm người ở được thể hiện ở nhiều mặt khác nhau trong cuộc sống nhưng nhìn chung đạo làm người luôn hướng con người đến những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống, những chuẩn mực đạo đức trong xã hội. Đạo làm người luôn được đề cao trong cuộc sống, bởi vì nó chứa đựng giá trị tốt đẹp, hướng con người làm nhiều việc tốt đẹp trong cuộc sống, tất cả đều hướng đến lẽ phải. Quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm là bài học quý báu để lại cho đời, quan điểm ấy sẽ được bảo vệ và phát triển để dựa vào đó con người sống theo những chuẩn mực xã hội và sống tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Doãn Chính (2013), *Lịch sử tư tưởng Triết học Việt Nam Từ thời kỳ dựng nước đến đầu thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Tài Đông (Chủ biên), *Khái lược lịch sử tư tưởng Triết học Việt Nam*, Nxb. Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Hùng Hậu (Chủ biên, 2010), *Đại cương lịch sử Triết học Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử Tư tưởng Việt Nam (Tập 1)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Hoài Văn (2010), *Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

**PHỦ ĐỊNH BIỆN CHỨNG VỚI VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY VĂN
HÓA CHĂM, THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY**

SV.Trần Thị Hoa Tươi

Lớp: ĐHGDC15C

GVHD: ThS.NCS. Đỗ Duy Tú

Tóm tắt: *Trên cơ sở luận giải quan điểm phủ định biện chứng trong triết học Mác-Lênin, bài viết phân tích một số kết quả và hạn chế tồn tại trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của người Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thời gian qua, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang hiện nay.*

Từ khóa: *Bảo tồn, phát huy, văn hóa Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.*

1. Đặt vấn đề

Là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, quy luật phủ định biện chứng là nền tảng lý luận, kim chỉ nam cho hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của con người. Quy luật phủ định biện chứng cho chúng ta biết “khuyh hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng”. Phủ định biện chứng là cái mới thay thế cái cũ, cái mới ra đời đó tốt hơn cái cũ, trong cái mới có lưu giữ lại những điều tốt đẹp của cái cũ – kế thừa cái cũ. Do đó, phủ định biện chứng không phủ định sạch trơn toàn bộ sự phát triển của cái cũ, mà nó loại bỏ những yếu tố tiêu cực không còn phù hợp, kế thừa và phát huy những yếu tố tích cực trên cơ sở tiến bộ và hoàn thiện hơn. Ngày nay, đất nước ta đang trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, đó là cơ hội thiết thực để phát triển đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, vẫn có không ít mặt tiêu cực đi kèm. Trong đó điều đáng lo ngại nhất là chúng ta sẽ dễ rơi vào tình trạng phát triển không hài hòa giữa kinh tế và văn hóa nếu chúng ta không biết cách tiếp thu có chọn lọc và vận dụng sáng tạo những mặt tích cực của nền văn minh nhân loại. Chẳng hạn như, mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động trực tiếp đến các giá trị văn hóa truyền thống, làm biến đổi và gây sức ép không nhỏ trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, trong đó có các giá trị văn hóa của dân tộc Chăm ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Bởi, song hành với việc hội nhập kinh tế thì việc hội nhập văn hóa cũng là một tất yếu khách quan, chúng ta không nên coi nhẹ việc nào, mà cần

có chiến lược phát triển nền kinh tế phù hợp với phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Chính vì lẽ đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của người Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang trên cơ sở quán triệt quy luật phủ định biện chứng duy vật là hết sức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về phủ định biện chứng

2.1.1. Khái niệm phủ định, phủ định biện chứng

Thế giới vận động và phát triển không ngừng, vô cùng, vô tận. Sự vật, hiện tượng sinh ra, tồn tại, phát triển rồi mất đi, được thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác; thay thế hình thái tồn tại này bằng hình thái tồn tại khác của một sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động, phát triển của nó. Sự thay thế đó gọi là *sự phủ định* [1, tr.100]

Phủ định biện chứng: “Những sự phủ định tạo ra điều kiện, tiền đề cho quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng được gọi là *sự phủ định biện chứng*” [1, tr.100]. Khái niệm phủ định dùng để chỉ sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác, giai đoạn vận động, phát triển này bằng giai đoạn vận động, phát triển khác. Nhưng không phải bất cứ sự phủ định nào cũng dẫn tới quá trình phát triển. Thế giới vật chất vận động và phát triển không ngừng, bản thân của mỗi sự vật, hiện tượng đều chứa đựng trong nó những nhân tố khẳng định và những nhân tố phủ định. Sự tồn tại của sự vật được duy trì là nhờ những nhân tố khẳng định, còn những nhân tố phủ định thì thúc đẩy sự vật hiện tại đi dần tới chỗ diệt vong. Triết học gọi sự sinh ra, tồn tại, rồi mất đi của sự vật được thay thế bằng một dạng khác về chất, nhờ sự đấu tranh giữa các mặt đối lập mà mâu thuẫn sẽ được giải quyết, sự vật mới sẽ ra đời thay thế cho sự vật cũ – đó là sự phủ định. Trái với phủ định siêu hình làm chấm dứt sự phát triển, phủ định biện chứng tạo ra những điều kiện tiền đề cho sự thay đổi nào đó làm cho sự vật phát triển.

Phủ định biện chứng có hai đặc điểm cơ bản đó là tính khách quan và tính kế thừa. Trước tiên, phủ định biện chứng mang tính khách quan là do mâu thuẫn nội tại của bản thân sự vật, hiện tượng quy định, là kết quả của quá trình chúng tự đấu tranh giải quyết mâu thuẫn bên trong bản thân mình, chứ không phải do sự tác động bởi ý chí của con người, từ đó phủ định biện chứng là điều kiện, tiền đề cho sự vật, hiện tượng phát triển. Kế tiếp, “phủ định biện chứng có tính kế thừa: nó kế thừa

những nhân tố tích cực, hợp quy luật và loại bỏ những nhân tố tiêu cực trái quy luật” [1, tr.100]. Nó là nhân tố liên hệ giữ cái cũ và cái mới, nó không phủ định sạch trơn tất cả nhân tố của cái cũ, mà nó dựa trên những nhân tố hợp lý rồi phát triển chúng một cách hợp quy luật thành cái mới. Vậy, phủ định biện chứng diễn ra do sự tự thân phát triển của sự vật, hiện tượng, nó là quá trình đấu tranh, giải quyết mâu thuẫn tất yếu bên trong sự vật, tạo khả năng ra đời cái mới thay thế cái cũ, nhờ đó tạo nên xu hướng phát triển cho chính bản thân sự vật, mà trong đó cái mới hình thành và phát triển tự thân thông qua quá trình chọn lọc, loại bỏ những mặt tiêu cực, lỗi thời, kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật, hiện tượng cũ để phát triển thành sự vật, hiện tượng mới.

2.1.2. Nội dung quan điểm phủ định biện chứng

Nếu như quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập chỉ ra nguồn gốc, động lực bên trong của sự vận động và phát triển. Quy luật những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại chỉ ra cách thức của sự vận động và phát triển đó. Quy luật phủ định của phủ định, cho ta biết khuynh hướng của sự phát triển của mọi sự vật và hiện tượng. Đó là sự phát triển thông qua sự chuyển hóa, tương tác lẫn nhau, cái mới ra đời thay thế và kế thừa cái cũ theo đường tròn xoắn ốc đi lên.

Quy luật phủ định của phủ định là quy luật về khuynh hướng cơ bản, phổ biến của mọi vận động, phát triển diễn ra trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy; đó là khuynh hướng vận động phát triển của sự vật, hiện tượng thông qua những lần phủ định biện chứng, tạo thành hình thức mang tính chu kỳ “phủ định của phủ định”. [1, tr.100]. Quy luật phủ định của phủ định biểu hiện sự phát triển của sự vật là do mâu thuẫn trong bản thân sự vật quyết định. Mỗi lần phủ định là kết quả đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập trong bản thân sự vật; là một mắc khâu của sự phát triển của sự vật, là bước nhảy để chuyển hóa từ chất cũ sang chất mới để sự vật cũ chuyển hóa thành vật mới; sự vật mới đã được manh nha từ ngay chính bên trong sự vật cũ thông qua mắc khâu của mối liên hệ phủ định; thực chất của quy luật phủ định biện chứng là sự kế thừa và bổ sung để phát huy những nhân tố tích cực của sự vật cũ khi đã khắc phục được những nhân tố tiêu cực vốn có của nó.

Sự phủ định lần thứ nhất diễn ra là do sự vật cũ chuyển thành cái đối lập với mình, tức là cái phủ định, phủ định cái bị phủ định, cái bị phủ định là tiền đề là cái cũ, cái phủ định là cái mới xuất hiện sau, cái phủ định là cái đối lập với cái bị phủ định. Cái phủ định sau khi phủ định cái bị phủ định, cái phủ định lại tiếp tục biến đổi và tạo ra chu kỳ phủ định lần thứ hai. Sự phủ định lần thứ hai được thực hiện dẫn tới sự vật mới ra đời, sự vật này đối lập với cái được sinh ra ở lần phủ định thứ nhất, nó dường như lặp lại cái ban đầu nhưng nó được bổ sung nhiều nhân tố mới cao hơn, tích cực hơn.

Như vậy, sau hai lần phủ định sự vật dường như quay trở lại cái cũ, nhưng trên cơ sở cái mới cao hơn là đặc điểm quan trọng nhất của sự phát triển biện chứng thông qua phủ định của phủ định. Kết quả của sự phủ định của phủ định là điểm kết thúc của một chu kỳ phát triển tiếp theo. Sự vật lại tiếp tục phủ định biện chứng chính mình để phát triển. Cứ như vậy, sự vật mới ngày càng mới hơn.

Quy luật phủ định của phủ định khái quát xu hướng tất yếu tiến lên của sự vật – xu hướng phát triển. Song, xu hướng phát triển đó không theo một con đường thẳng mà theo đường “xoáy ốc”. Sự phát triển “xoáy ốc” là sự biểu hiện rõ ràng, đầy đủ các đặc trưng của quá trình phát triển biện chứng của sự vật: tính kế thừa, tính lặp lại và tính tiến lên. Mỗi vòng của đường xoáy ốc dường như thể hiện sự lặp lại, nhưng cao hơn, thể hiện trình độ cao hơn của sự phát triển. Tính vô tận của sự phát triển từ thấp đến cao được thể hiện ở sự nối tiếp nhau từ dưới lên của các vòng trong đường “xoáy ốc”. Nội dung cơ bản của quan điểm phủ định biện chứng vạch ra khuynh hướng vận động, cho sự phát triển của mọi sự vật, hiện tượng. Nó được thể hiện thông qua mối liên hệ và sự kế thừa giữa cái bị phủ định và cái phủ định. Phủ định biện chứng là điều kiện cho sự phát triển, cái mới ra đời là kết quả của sự kế thừa và phát huy những yếu tố tích cực của sự vật, hiện tượng trên cơ sở tiến bộ và hoàn thiện hơn, theo đường “xoáy ốc”.

2.1.3. Những nguyên tắc phương pháp luận của phủ định biện chứng

Quá trình phủ định mang tính đi lên, vì vậy trong hoạt động thực tiễn cần phải có niềm tin vào sự phát triển. Chu kỳ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn chu kỳ trước. Trong sự thay thế đó có sự tác động của các nhân tố chủ quan của con người,

thể nên trong hoạt động thực tiễn cần phát huy tính năng động, sáng tạo, phát hiện những cái mới thay thế những cái cũ lỗi thời.

Trong hoạt động nhận thức lý luận và hành động thực tiễn cần phải có quan điểm biện chứng trong quá trình kế thừa và phát triển vì đó là khuynh hướng tiến lên theo quy luật. Trong thực tế, chúng ta cần phải ra sức tìm kiếm, phát hiện ra các nhân tố tích cực, hợp quy luật để bồi dưỡng, phát triển nó thành cái mới, tạo điều kiện cho nó chiến thắng những nhân tố tiêu cực, lỗi thời, lạc hậu của cái cũ. Chúng ta cần biết cách tác động phù hợp vào quá trình phát triển ấy để nó có thể phát huy tốt nhất các nhân tố tích cực sẵn có. Không được bảo thủ, độc đoán, cứ ôm khư khư lại toàn bộ những cái cũ hoặc là loại bỏ sạch trơn những cái cũ trong quá trình phát triển của lịch sử.

Khi vận dụng quan điểm phủ định biện chứng về việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc đòi hỏi chúng ta phải biết cách phân biệt cái mới, cái hợp quy luật, nhưng đồng thời cũng phải thấy được những cái mới không phải là kết quả của phủ định biện chứng. Đồng thời, phải biết chống lại, khắc phục những thái độ phủ định sạch trơn hoặc bảo thủ làm cản trở sự phát triển văn hóa của đất nước nói chung cũng như từng dân tộc nói riêng. Phải biết kế thừa có phê phán, có chọn lọc những cái vốn là tinh hoa văn hóa của nhân loại, lấy đó làm tiền đề cho sự nảy sinh cái mới, tiến bộ hơn trong sự vận động tiến lên của văn hóa dân tộc.

2.2. Ý nghĩa phương pháp luận của phủ định biện chứng trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

2.2.1. Văn hóa Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Trải qua bao thâm trầm lịch sử, thích nghi với môi trường sống mới người Chăm vẫn giữ được những nét văn hóa truyền thống trong phong cách ẩm thực và ăn mặc của mình. Hình ảnh những cô gái Chăm ngồi bên khung cửi và hương vị những món ăn độc đáo của người Chăm sẽ mãi là ấn tượng khó phai trong lòng những ai ghé đến nơi này.

Thứ nhất, phong cách ẩm thực đặc sắc.

Trong văn hóa của người Chăm theo đạo Hồi Islam qui định rất rõ về những thực phẩm được phép và cấm kỵ trong ăn uống. Người Chăm luôn quan niệm ẩm

thực gắn liền với phong tục, tín ngưỡng cùng các lễ, hội, đình, đám, điều này cũng góp phần hình thành nên tập quán ẩm thực đặc biệt của họ. Người Chăm Tân Châu nói riêng cũng như người Chăm An Giang nói chung không ăn thịt heo, những loại chim ăn thịt, có móng vuốt và loài bọ sát,... Họ chỉ ăn thịt bò, gà, vịt, cá, dê,... không uống rượu bia; chó, mèo thì nuôi được chứ không ăn được, đặc biệt họ sử dụng rất nhiều gia vị để nêm nếm cho món ăn của mình. Trong bữa ăn của người Chăm nếu có nhiều người, họ sẽ chia ra một mâm dành riêng cho đàn ông và một mâm dành riêng cho phụ nữ, họ cũng không dùng đũa mà chỉ dùng muỗng múc thức ăn. Những món ăn của họ sực nức mùi thơm của gia vị: hành, tỏi và vị béo ngậy của dầu mỡ,... Món ăn độc đáo đầu tiên, cũng là món ăn thường thấy trong các lễ hội của người Chăm phải kể đến đó là Cà ri, cách thức chế biến món ăn này tuy không mấy phức tạp, nhưng để ra được một nồi Cà ri ngon đúng chất người Chăm phải rất công phu. Món Cà ri thường được dùng với cơm, bún hoặc bánh mì và chỉ dùng trong những dịp đặc biệt. Ngày lễ, tết, cưới hỏi thì ăn Cà ri, còn ngày thường, người Chăm lại có một món ăn khác cũng ngon và lạ không kém, đó là món Tung Lò Mò hay còn gọi là Lạp xương bò. Người Chăm gọi Tung Lò Mò bởi chữ “Tung” có nghĩa là cái ruột của con bò, còn “Lò” là thịt bò, lấy thịt bò dồn vào ruột nên mới có cái tên là Tung Lò Mò.

Thứ hai, nghề dệt thủ công truyền thống tinh tế.

Nói đến Tân Châu, người ta nhắc đến quê hương của lụa là, gấm vóc đẹp nhất vùng châu thổ sông Cửu Long. Hình ảnh của những cô gái Tân Châu nói chung hay những cô gái Chăm ở Tân Châu nói riêng ngồi bên khung cửi dệt thổ cẩm soi bóng xuống dòng kênh chắc hẳn sẽ rất khó quên. Người Chăm Châu Phong (là người Chăm ở xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang) nổi tiếng với nghề dệt thổ cẩm truyền thống, thổ cẩm của người Chăm Châu Phong nổi tiếng bởi màu sắc và hoa văn tinh xảo, thường dùng đến là khăn hoặc xà rông dành cho nam. Ở Tân Châu, các bé gái Chăm từ khoảng 11 tuổi đến 12 tuổi đã được mẹ và bà truyền cho nghề dệt. Người thợ dệt Phũm Soài (ấp Phũm Soài, xã Châu Phong) còn cất giữ nhiều bí quyết dệt, nhuộm như kỹ thuật dệt hoa mây, lồng đèn, vân, lân, nhuộm không cần hóa chất, mà nhuộm những nguyên liệu tự nhiên. Xà rông hoa, áo thổ cẩm, túi xách, ví, khăn thêu là những mặt hàng thổ cẩm Phũm Soài được du khách

rất ưa chuộng. Tuy hiện nay, những hộ sống bằng nghề dệt thổ cẩm không còn nhiều, nhưng họ vẫn tâm niệm phải giữ cho được cái nghề cha ông để lại.

Thứ ba, trang phục truyền thống độc đáo của dân tộc Chăm.

Trang phục của người Chăm ở Nam Bộ là sự tổng hợp bởi nhiều yếu tố. Phụ nữ Chăm Islam khi tiếp xúc với khách hoặc khi ra đường đều đội khăn trên đầu để che kín tóc. Chính vì thế, chiếc khăn trùm đầu đã trở thành nét duyên của người phụ nữ, thể hiện tuổi tác cũng như sở thích của họ. Khăn trùm đầu của phụ nữ Chăm xuất phát từ các dân tộc theo đạo Hồi, nguyên mẫu là chiếc khăn hình vuông và dần biến tấu cho phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ qua các thời kỳ. Khác với những người đạo Hồi Ả Rập chuộng hai màu đen, trắng, chiếc khăn của phụ nữ Chăm có đủ màu sắc, trang trí bằng hoa văn, kim tuyến hoặc cườm dọc theo mép khăn. Ngoài khăn trùm đầu, phụ nữ Chăm còn có khăn Ma-tơ-ra cùng với một bộ trang phục kín từ đầu đến chân sử dụng khi hành lễ theo quy định của đạo Hồi.

Thứ tư, lối kiến trúc đặc biệt, tài hoa.

Trải qua những biến cố, thăng trầm của lịch sử, đồng bào Chăm vẫn gìn giữ được những giá trị văn hóa đặc sắc của mình. Có lẽ, điều ấn tượng đầu tiên trong lối sống của người Chăm chính là những ngôi nhà sàn gỗ, trong đó có những ngôi nhà có tuổi đời hàng trăm tuổi. Nhà người Chăm thường kết cấu hình chữ I, với cây đòn dông gác theo trục đông-tây chứ không theo hướng thần đạo bắc-nam như nhà người Việt, người Hoa. Nhà của người Chăm được cất bằng gỗ trên những hàng cột cao đến 2-3 mét rất mát mẻ, để vượt lũ và khi lũ rút khô, dưới sàn nhà được sử dụng làm nơi đặt khung dệt, sinh hoạt... Dệt lụa, thổ cẩm chính là một nghề truyền thống, thể hiện nét văn hóa truyền thống đặc trưng, độc đáo của người Chăm từ xưa đến nay. Điều thú vị là mặt tiền nhà nào cũng có một cái thang bằng gỗ rước khách lên nhà trên, hai cửa cái ra vào hơi thấp so với đầu người hàm chứa ý nghĩa người lạ vào nhà phải nhớ cúi thấp, để tỏ rõ sự tôn trọng chủ nhà,...

Nét văn hóa Chăm không chỉ thể hiện qua nhà sàn mà còn qua kiến trúc của những điểm sinh hoạt cộng đồng, tiêu biểu là các thánh đường. Có thánh đường của người Chăm nơi đây, tính đến nay đã hàng trăm năm tuổi. Thánh đường nhìn từ xa giống các đền thờ cổ của Ba Tư, Ấn Độ với cổng chính hình vòng cung, uy nghi trước khoảng sân rộng, trên nóc thánh đường thường có một tháp lớn hình bầu dục,

trên đỉnh tháp là hình trăng lưỡi liềm và ngôi sao, đây là hình ảnh tượng trưng cho đạo Hồi. Thánh đường là nơi tôn nghiêm, cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng người Chăm.

Thứ năm, tín ngưỡng, lễ hội độc đáo.

Người Chăm sống quần tụ hòa thuận, đùm bọc lẫn nhau theo từng xóm, mỗi xóm đều có Thánh đường và có 1 vị giáo cả đứng đầu. Đời sống văn hóa dân tộc Chăm mang đặc điểm tôn giáo thông qua các lễ hội Ramadal, tết Haji, lễ Asura, lễ Tahplah, lễ Moulod... là các nghi lễ tôn giáo rất nghiêm túc tại Thánh đường. Tại mỗi xã, người Chăm đều có thánh đường riêng. Họ chỉ tôn thờ thánh Alah, cầu nguyện mỗi ngày 5 lần ở Thánh đường. Tuy nhiên, ngày nay, do bận bịu với công việc mưu sinh hoặc không thể đến Thánh đường, người Chăm không còn đi lễ đủ 5 lần một ngày, nhưng sau đó, họ phải trả lễ đủ tại nhà để không mang tội. Tín đồ là nam đều tắm rửa sạch sẽ, y phục chỉnh tề đi đến Thánh đường làm lễ trưa thứ sáu hàng tuần. Tín đồ nữ được hành lễ tại nhà. Họ thực hiện nghiêm túc giáo lý, giáo luật của Hồi giáo, thực hiện các bổn phận của tín đồ như nhịn ăn tháng Ramadam. Các tín đồ hành hương đến thánh địa Mecca được mang tước hiệu Hadji và được tín đồ khác kính trọng. Tuy nhiên, điều này không bắt buộc đối với các tín đồ.

Sẽ thật thiếu sót nếu nhắc đến những sinh hoạt văn hóa của đồng bào Chăm mà không nói đến lễ cưới đặc sắc của họ - một tục lệ thể hiện rõ nhất sự tuân thủ trong luật đạo. Theo phong tục, chuyện cưới hỏi của nam nữ người Chăm là do cha mẹ tìm hiểu và quyết định. Thông thường, lễ cưới diễn ra trong hai ngày một đêm với các nghi thức quan trọng. Từ xưa đến nay, người Chăm luôn theo chế độ mẫu hệ, nên đám cưới của họ chỉ có đưa rể chứ không rước dâu, đây là điểm thú vị thể hiện bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc này. Đám cưới người Chăm trang trọng, ảm áp nhưng không xa hoa, phù phiếm. Ngày nay, tuy có một số thay đổi trong nghi lễ, nhưng đám cưới của người Chăm vẫn giữ được những nét đẹp cổ truyền của dân tộc.

2.2.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển văn hoá Chăm ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Thứ nhất, lịch sử hình thành.

Cộng đồng người Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang không biết chính xác có mặt từ bao giờ, chỉ biết rằng theo lời của các cụ cao niên trong làng kể lại,

người Chăm đã có mặt ở Nam bộ từ hồi thế kỷ XVII, thời kỳ Trịnh - Nguyễn còn đang phân tranh. Thêm nữa, tại đây có một khu nghĩa địa cổ có bia khắc từ năm 1700, nên có thể tin rằng người Chăm đã định cư ở đây từ cuối thế kỷ XVII. Tuy rằng sinh sống tại đất An Giang còn rất sớm, nhưng nguồn gốc người Chăm ở đây cũng từ miền Trung di cư vào. Sau đó, đạo Hồi mới du nhập vào cộng đồng dân cư ở đây, từ những người thương buôn Ả Rập hoặc là những người Indônêsiá đến làm ăn, mua bán. Chính vì thế, tập tục, văn hóa người Chăm Hồi giáo An Giang đã khác với người Chăm Bình Thuận, Ninh Thuận và quyện chặt với đặc điểm văn hóa sông nước miền Nam.

Thứ hai, tín ngưỡng, tôn giáo.

Là dân tộc duy nhất ở Việt Nam theo Hồi giáo, cách ứng xử của dân tộc, truyền thống gia đình và xã hội của người Chăm chịu sự chi phối mạnh mẽ của giáo luật và kinh thánh Koran, họ coi đây chính là điểm tựa tinh thần và khuôn mẫu đạo đức của mình. Người Chăm Islam Tân Châu đã và đang hội nhập với thế giới Islam rộng lớn, thông qua văn hóa Islam, họ sớm tiếp xúc những người Muslim ở châu Á và các nước khác như các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Ả Rập Saudi,...

Trong khoảng thời gian hơn ba thế kỷ, tính từ thời điểm những đoàn lưu dân đầu tiên đến nơi này, người Chăm không chỉ lưu truyền những yếu tố văn hóa Chăm Islam từ thế hệ này sang thế hệ khác mà còn tiếp nhận những yếu tố văn hóa Việt trong quá trình cộng cư trên cùng vùng đất. Người Chăm có cuộc sống gắn chặt với cộng đồng nên cuộc sống của người Chăm An Giang nói chung, cũng như cuộc sống của người Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nói riêng không có sự cách biệt đối với những cộng đồng xung quanh mà luôn diễn ra quá trình tiếp xúc văn hóa tùy theo mức độ ít hay nhiều, thể hiện rõ nét qua những thay đổi trong đời sống của họ về cách ăn mặc, xây dựng nhà cửa và tổ chức cưới xin.

2.2.3. Thực trạng bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang trong thời gian qua

Trước khi triển khai thực hiện Quyết định 134/2004/QĐ – TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ (CT 134), về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ nghèo dân tộc thiểu số, bà con làng Chăm Châu Phong sống quần cư ven sông Hậu – là địa phương đầu nguồn, tình trạng sạt lở đất diễn ra triền miên. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính

quyền địa phương, đã hình thành một cụm tuyến dân cư dành riêng cho đồng bào Chăm. Chính quyền địa phương kết hợp với các ông cả vừa vận động, vừa hỗ trợ hết mình để giúp bà con ổn định đời sống như: xây dựng các ngôi nhà kiểu mẫu đồng loạt một trệt, một lầu theo đúng kiểu dáng truyền thống đồng bào Chăm, nhưng không bằng gỗ mà bằng gạch, vừa hiện đại, vừa chắc chắn; vừa hỗ trợ, vừa cho vay, vừa giúp bà con có việc làm, chuyển đổi từ buôn bán nhỏ lẻ sang làm nông nghiệp, chăn nuôi,... Đồng thời, cũng xây dựng trường học, trạm y tế,... Hỗ trợ cho con em đồng bào đến trường học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông gần nhà, miễn học phí,... Từ năm 2004 đến nay, nhờ sự quan tâm, giúp đỡ của chính quyền địa phương, sau chuyển di cư vào tuyến dân cư thì đời sống của đồng bào Chăm đã ngày một ổn định hơn.

Được sự quan tâm, hỗ trợ từ phía Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đời sống của đồng bào Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đã và đang dần được cải thiện, song, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên trình độ phát triển kinh tế - xã hội của người dân còn thấp, dẫn đến việc gìn giữ và phát huy những nét văn hóa Chăm truyền thống nơi đây chưa được chú trọng đúng mức. Đặc biệt là nghề dệt truyền thống đặc sắc của đồng bào Chăm nơi đây đang bị mai một dần.

Theo bạn Fa Rut (người Chăm, ấp Phũm Soài, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, An Giang): “Kinh tế nhìn chung còn khó khăn, những người trẻ tuổi, rời xa quê nhà để làm thuê. “Trình độ tốt nghiệp 12 còn thấp”. “Làng dệt thổ cẩm vẫn được duy trì cho khách du lịch tham quan và mua sắm, nhưng làng nghề hoạt động không phát triển, nên còn rất ít người dệt và mua bán thổ cẩm”. “Các hoạt động văn hóa, nghi lễ, tết, cưới hỏi,... vẫn còn diễn ra y như truyền thống, nhưng có một số hộ gia đình tổ chức đám cưới theo kiểu hiện đại và mấy lễ khác cũng vậy”, Aminah - một người Chăm Tân Châu chia sẻ.

Đến với người Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, họ rất hòa đồng và thân thiện. Khi được hỏi chuyện thì họ liền vui vẻ đáp lời. Tuy nhiên, khi hỏi về các vấn đề văn hóa dân tộc, đa số các phụ nữ đều biết không nhiều. Một trong số họ nói: “Con đi hỏi mấy người đàn ông lớn tuổi ấy, họ biết nhiều, chứ cô thì không biết nhiều đâu, với lại nói ra tiếng Việt không rành nữa”. Còn khi hỏi về làng nghề dệt truyền thống, thì tôi được cho biết là còn rất ít người theo đuổi làm nghề, ở Tân Châu hiện nay, còn duy nhất một cơ sở sản xuất thổ cẩm, tọa tại ấp Phũm Soài, xã

Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Do sản phẩm làm ra rất khó tiêu thụ, công việc vất vả mà thu nhập lại bấp bênh, những người còn cầm cự với nghề là những người cực yêu nghề, sống vì đam mê cái nghề, vì muốn giữ lại cái hồn, cái nghề nghiệp mà ông cha để lại, muốn lưu giữ lại những giá trị truyền thống quý báu kết tinh trong nghề, trong từng sản phẩm mà làng nghề làm ra. Thêm nữa, hiện nay có một bộ phận không ít thanh niên Chăm nơi đây có rất ít kiến thức về đời sống văn hóa truyền thống của dân tộc mình nên e dè khi được tiếp chuyện, hay lập tức giới thiệu cho một người khác có thể giải đáp,... Đó là thực trạng đáng buồn, báo động cho việc bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang hiện nay.

2.3. Một số kiến nghị để bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

2.3.1. Về phía Nhà nước, chính quyền địa phương thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bảo tồn để phát triển và phát triển để bảo tồn.
- Tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc Chăm cho các thế hệ trẻ người Chăm nói chung.
- Định hướng, có những chính sách thiết thực hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để bảo tồn và phát huy làng nghề dệt thổ cẩm của người Chăm thị xã Tân Châu trên cơ sở phát triển hài hòa giữ sản xuất với bảo vệ môi trường.
- Chú trọng phát triển các hợp tác xã cho làng nghề; phát triển gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với nền kinh tế thị trường, hội nhập, đẩy mạnh xuất khẩu.
- Hỗ trợ vốn đầu tư, đào tạo nghề, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thổ cẩm, từ đó tạo điều kiện cho làng nghề sản xuất thổ được phục hồi và phát triển.
- Tiến hành điều tra, xác định và xây dựng dự án duy trì nhằm phục vụ yêu cầu du lịch, văn hóa nghệ thuật đặc trưng, đậm đà dấu ấn dân tộc.
- Tăng cường công tác thu thập, bảo tồn và lưu trữ tư liệu về giá trị văn hóa truyền thống quý báu của đồng bào Chăm Tân Châu.

- Phát triển văn hóa Chăm gắn với du lịch: khôi phục, bảo tồn, lưu trữ nét văn hóa truyền thống

- Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, vận động người dân trong vùng cùng hợp tác xây dựng một môi trường văn hóa sạch đẹp để thu hút khách du lịch.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh thuận lợi trong việc thông thương du lịch, buôn bán.

2.3.2. Về phía người dân:

- Hợp tác với cơ quan chính quyền địa phương để bảo tồn và phát triển văn hóa Chăm. Thực hiện theo đúng chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch tổ chức, hỗ trợ phát triển của chính quyền địa phương.

- Kiên trì, lưu giữ nghề dệt truyền thống của mình, lớp trẻ phải biết học nghề, nói nghiệp ông cha; các cơ sở sản xuất cần biết cách kết hợp sản xuất với phát triển du lịch: tổ chức tham quan cho du khách trong và ngoài nước, mở cửa hàng bán đồ lưu niệm tại làng nghề, tổ chức các khu tập trung các cửa hàng bán sản phẩm của làng nghề. Áp dụng khoa học, kỹ thuật, máy móc tiên tiến, hiện đại vào cải biến sản xuất, tăng năng suất gắn với tăng chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu sản xuất các mặt hàng truyền thống phù hợp với thị trường và thị hiếu của người tiêu dùng, sáng tạo thêm cho sản phẩm của người Chăm thêm tính đa dạng, phong phú, để người tiêu dùng có thêm nhiều sự lựa chọn, thu hút ngày càng nhiều khách hàng.

- Cần vạch ra các kế hoạch cụ thể, thiết thực để tuyên truyền, quảng bá sản phẩm của địa phương cho nhiều người biết đến qua nhiều kênh khác nhau như: báo, đài, internet,...

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, giao lưu truyền bá rộng rãi nét văn hóa truyền thống Chăm thị xã Tân Châu, An Giang.

3. Kết luận

Việc làm rõ quan điểm phủ định biện chứng và vận dụng một cách đúng đắn thích hợp vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta là điều hết sức cần thiết. Đặc biệt, sử dụng quan điểm phủ định biện chứng vào lĩnh vực văn hoá để nhằm xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Việc bảo lưu những tinh hoa

nghệ thuật và kỹ thuật truyền từ đời này sang đời khác như văn hóa Chăm là điều hết sức quan trọng và tối cần thiết. Dân tộc Chăm với truyền thống lịch sử và nét đẹp văn hóa đặc sắc đã góp phần quan trọng làm phong phú, đa dạng bức tranh văn hóa, xã hội rộng lớn của 54 dân tộc anh em cùng sống trên đất nước Việt Nam. Trong đó, không thể không nhắc đến người Chăm thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là một thành phần trong cộng đồng các dân tộc sinh sống lâu đời trên mảnh đất Đồng bằng sông Cửu Long. Người Chăm có nền văn hóa phong phú, đặc sắc. Là dân tộc duy nhất ở Việt Nam theo Hồi giáo, cách ứng xử của dân tộc, truyền thống gia đình và xã hội của người Chăm chịu sự chi phối mạnh mẽ của giáo luật và kinh thánh Koran. Đây chính là điểm tựa tinh thần và khuôn mẫu đạo đức để các thế hệ cha ông truyền dạy cho con cháu sống tốt đẹp hơn. Có thể nói, với các giá trị truyền thống của đồng bào Chăm từ tín ngưỡng tôn giáo đến kiến trúc đều phản ánh nét tài hoa, sự tinh tế trong tâm hồn và cả óc sáng tạo phong phú, tạo nên những nét đặc thù của người dân nơi đây. Ngày nay, bên cạnh việc phát triển kinh tế - xã hội, thì việc xây dựng nền văn hóa mới đậm đà bản sắc dân tộc cũng hết sức quan trọng, do vậy, cần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của người Chăm, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tài liệu tham khảo

- [1]. *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin* (2015), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (2008), Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [3]. “An Giang: Lễ Ramadan của đồng bào Chăm”,
<http://sovhttdl.angiang.gov.vn/chitiettongquan.php?tqid=42&idcm=7>, truy cập ngày 02/02/2017.
- [4]. Báo An Giang, “Sắc màu Châu Phong - An Giang”,
<http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/3051/1>, truy cập ngày 07/12/2016.
- [5]. Cát Lộc, “Tìm hiểu nguồn gốc người Chăm An Giang”,
<http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=302&id=158764>, truy cập ngày 12/02/2017.

- [6]. Đàm Thị Minh, “Vận dụng quan điểm Mác-xít về phủ định biện chứng vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa Tày ở Cao Bằng hiện nay”,
<http://text.123doc.org/document/3398921-van-dung-quan-diem-macxit-ve-phu-dinh-bien-chung-vao-viec-giu-gin-va-phat-huy-van-hoa-tay-o-cao-bang-hien-nay.htm>, truy cập ngày 15/03/2017.
- [7]. “Dân tộc Chăm”, <http://vov4.vov.vn/TV/gioi-thieu/dan-toc-cham-cgt2-64.aspx>, truy cập ngày 05/02/2017.
- [8]. “Đồng bào thiểu số Tây Nam bộ đòi đòi từ chương trình 134”,
<http://baodansinh.vn/dong-bao-thieu-so-tay-nam-bo-doi-doi-tu-chuong-trinh-134-d43027.html>, truy cập ngày 19/02/2017.
- [9]. Hứa Kim Oanh, “Người Chăm Islam sông Hậu (An Giang) và quá trình giao lưu văn hóa - hội nhập”, <https://sites.google.com/site/vhlsangiang/nghien-cuu-an-giang/van-hoa>, truy cập ngày 08/03/2017.
- [10]. Lan Lộc, “Độc đáo đám cưới người Chăm ở An Giang”, <http://baotintuc.vn/dan-toc/doc-dao-dam-cuoi-nguoi-cham-o-an-giang-20130120151336638.htm>, truy cập ngày 02/02/2017.
- [11]. “Làng Chăm Châu Phong - Thánh Đường Chăm”,
<http://www.dulich30s.com/2014/07/lang-cham-chau-phong-an-giang.html>, truy cập ngày 18/02/2017.
- [12]. “Làng Chăm kiểu mẫu ở An Giang”, <http://tinmientay.net/lang-cham-kieu-mau-o-an-giang-2/>, truy cập ngày 17/02/2017
- [13]. “Làng dệt thổ cẩm Châu Phong”,
<http://sovhttdl.angiang.gov.vn/chitietdongquan.php?idcm=6&tqid=38>, truy cập ngày 17/02/2017
- [14]. Như Ý, “NHỮNG LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC CHĂM AN GIANG”,
<http://sovhttdl.angiang.gov.vn/chitietdongquan.php?idcm=7&tqid=46>, truy cập ngày 07/02/2017.
- [15]. “Phân tích nội dung của quy luật phủ định của phủ định và ý nghĩa của ppl”,
<https://www.wattpad.com/710905-ph%C3%A2n-t%C3%ADch-n%E1%BB%99i-dung-quy-lu%E1%BA%ADt-ph%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%8Bnh>

- c%E1%BB%A7a-ph%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%8Bnh, truy cập ngày 15/03/2017.
- [16]. Phú Văn Hãn, “Giá trị văn hóa Chăm khu vực Nam Bộ”,
<http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so/2746-phu-van-han-gia-tri-van-hoa-cham-khu-vuc-nam-bo.html>, truy cập ngày 09/02/2017.
- [17]. Quốc Nam - Thy Vân, “Bảo tồn, phát huy văn hóa Chăm”, <http://daidoanket.vn/dan-toc/bao-ton-phat-huy-van-hoa-cham/114444>, truy cập ngày 09/02/2017.
- [18]. “Sắc màu văn hóa Chăm An Giang - Phần 1 | HGTV”,
https://www.youtube.com/watch?v=C_7Ry_SzZic, truy cập ngày 13/12/2017.
- [19]. “Sắc màu văn hóa Chăm An Giang (Phần 2) | HGTV”,
<https://www.youtube.com/watch?v=IlwEsWra7JM>, truy cập ngày 13/12/2107
- [20]. S.T, “Làng Chăm An Giang”,
<https://sites.google.com/site/langchamdhapuoc/phong-tuc-tap-quan/nghe>, truy cập ngày 13/02/2017.
- [21]. “Tiểu luận Khái niệm phủ định biện chứng trong triết học Mác – Lênin với việc phân tích đổi mới kinh tế ở Việt Nam”, <http://doc.edu.vn/tai-lieu/tieu-luan-khai-niem-phu-dinh-bien-chung-trong-triet-hoc-mac-lenin-voi-viec-phan-tich-doi-moi-kinh-te-o-viet-nam-35429/>, truy cập ngày 15/03/2017.
- [22]. Trần Tiến Thành, “Vài nét về: Tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm”,
http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/2588/Vai_net_ve_Tin_nguong_to_n_giao_cua_nguoi_Cham, truy cập ngày 09/02/2017.
- [23]. “Xóm Người Chăm Châu Giang”, <http://mytour.vn/location/3051-xom-nguoi-cham-chau-giang.html>, truy cập ngày 07/12/2016.

TRIẾT LÝ HIẾU NGHĨA Ở TÂY NAM BỘ

SV.Nguyễn Việt Tiến – Lớp ĐHGDC14B

SV.Nguyễn Thị Thanh Hoa – Lớp ĐHGDC14A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: Bài viết này trình bày khái quát đặc điểm và con người của vùng đất Tây Nam bộ, làm rõ cơ sở hình thành triết lý hiếu nghĩa, xuất phát từ ba yếu tố: Nho giáo, Phật giáo và văn hóa truyền thống của vùng. Với những yếu tố nhý thế, triết lý hiếu nghĩa được thể hiện trên năm phương diện: hiếu nghĩa thể hiện ở quan niệm về tình cảm tự nhiên của con người; về việc phụng dưỡng chăm sóc ông bà cha mẹ; về tu dưỡng đạo đức nhân cách thành người có ích cho gia đình và xã hội; về việc coi trọng chăm sóc giáo dục thế hệ mai sau; về bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa gia đình, hàng xóm và đất nước. Từ đó rút ra ý nghĩa của triết lý hiếu nghĩa trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn trong xây dựng đời sống văn hóa ở Tây Nam bộ.

Từ khóa: Hiếu, Nghĩa, Tây Nam bộ, Triết lý.

1. Đặt vấn đề

Trải qua hơn 4000 nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã tạo nên những trang sử hào hùng, cùng với đó là hàng loạt các giá trị đạo đức mang đậm bản sắc Việt. Trong những giá trị đạo đức của dân tộc, thì hiếu nghĩa được xem là cái gốc là một trong những phẩm chất quan trọng trên con đường hoàn thiện nhân cách con người cũng như Tăng Tử từng nói “Hiếu giả bách hạnh chi tiên” [1] ở đây hiếu có nghĩa là nét đứng đầu trăm nét. Với đặc điểm tự nhiên, truyền thống văn hóa dân tộc đã tạo cho con người một lối sống nghĩa tình, chí hiếu với gia đình và dân tộc. Đặc biệt, việc nghiên cứu triết lý hiếu nghĩa có ý nghĩa quan trọng cho vùng Tây Nam bộ, một vùng đất “mới”, mới ở đây được hiểu ở cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, mới về lịch sử khai phá vùng đất, mới ở cả sự chuyển động biến đổi các hệ giá trị theo thời đại một cách nhanh chóng. Hơn thế, chính nơi đây đang có sự chuyển mình mạnh mẽ trong việc hội nhập với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, việc nghiên cứu triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam bộ là cần thiết cho việc bảo tồn những giá trị đạo đức tốt đẹp của người dân.

2. Nội dung

2.1. Sự hình thành triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam bộ

Nho giáo xem hiếu là chuẩn mực đạo đức dùng để chỉ thái độ và hành vi đối xử của con cái với cha mẹ. Còn nghĩa là hành động của con người phù hợp với những chuẩn mực đạo đức xã hội, không bận tâm đến lợi ích cá nhân như qua lời của Khổng Tử: “Bậc quân tử làm việc cho đời không có việc gì người cố ý bỏ, hễ hợp nghĩa thì làm” [2, tr.107]. Đối với Phật giáo, hiếu là nhận thức của con cái về công ơn của cha mẹ và người con phải đền đáp công ơn đó theo các nguyên tắc nhân bản xã hội, đồng thời người con cũng hỗ trợ cho cha mẹ trong việc tu tập hướng đến sự giác ngộ và giải thoát.

Tuy nhiên trong phạm vi bài nghiên cứu này chúng tôi sử dụng hiếu nghĩa với nội hàm như sau: Triết lý hiếu nghĩa là toàn bộ những quan điểm, quan niệm về tình cảm tự nhiên của con người; về đường hướng và cách thức mà người con phụng dưỡng chăm sóc cha mẹ ông bà; cùng với đó là việc tu dưỡng đạo đức nhân cách thành người có ích cho gia đình, xã hội và đất nước; phải coi trọng chăm sóc, giáo dục thế hệ mai sau; đồng thời, còn là cách đối nhân xử thế của con người trong việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa gia đình, hàng xóm và đất nước. Với những nội dung đó thì mỗi cá nhân cần phải thấm nhuần triết lý hiếu nghĩa trên con đường hoàn thiện nhân cách bản thân. Năm phương diện thể hiện nội hàm của khái niệm triết lý hiếu nghĩa này sẽ được luận chứng ở dưới.

Tây Nam bộ còn gọi là Đồng Bằng sông Cửu Long với 13 tỉnh thành phố nằm ở phía Nam của Tổ quốc. Ngay từ những buổi đầu khai phá bờ cõi, có lẽ vùng đất này là vùng đất để lại cho con người rất nhiều ấn tượng. Ấn tượng chính bởi vẻ hoang sơ lạnh lẽo hay chính bởi sự truyền miệng của người đời về vùng đất này, một vùng đất nổi danh “Ma thiêng nước độc”. Tuy vậy, chỉ trong một thời gian ngắn chính vùng đất mà nhiều người khi đến phải sợ, nay đã trở thành một vùng sầm uất, trù phú, đất đai màu mỡ. Với hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, diện tích đồng bằng rộng lớn nên nông nghiệp là thế mạnh của vùng. Đây còn là vùng sông nước điển hình nhất với gần một nửa diện tích bị ngập lũ từ 3-4 tháng mỗi năm. Vì thế, giao thông chủ yếu ở đây là giao thông đường thủy với phương tiện đi lại phổ biến là: Ghe, xuồng, thuyền,... Bên cạnh đó, với nhịp phát triển của xã hội, cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, hệ thống giao thông ngày càng phát triển nên

hiện tượng ngập lụt đã ít hơn chỉ tập trung chủ yếu ở vùng tứ giác Long Xuyên và phương tiện đi lại cũng phổ biến và hiện đại hơn: Xe máy, ô tô, xe buýt,... Tuy vậy, yếu tố sông nước vẫn là yếu tố chủ đạo trong việc tạo nên sự đặc trưng cho vùng.

Tính cách văn hóa con người vùng Tây Nam bộ được tạo nên bởi các yếu tố từ truyền thống dân tộc, sự tiếp biến văn hóa, xuất xứ từ điều kiện tự nhiên và xã hội của vùng đất này. Với sự hiện hữu của nền văn minh lúa nước, nền văn hóa Óc Eo và là một vùng đất có sự chung hòa của nhiều tộc người (Kinh, Hoa, Khmer, Chăm,...) và nhiều tôn giáo khác (Phật giáo, Nho giáo, Đạo hòa hảo,...). Cùng với đó, với vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao lưu văn hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới và sự phong phú của lực lượng những người khai hoang gồm có: Những người có vật lực ở xứ Quảng Nam, Quảng Ngãi bỏ tiền ra mộ dân nghèo đi khẩn đất, những người trốn tránh binh dịch hoặc những tù nhân bị lưu đày, những người nông dân nghèo khổ do không chịu nổi sưu cao thuế nặng và sự áp bức của giới địa chủ hay sự nguy hiểm chết chóc của chiến tranh Trịnh – Nguyễn... [7, tr.11]. Đó là cơ sở quan trọng tạo nên sự đặc thù cho tính cách và văn hóa của con người vùng Tây Nam bộ với sự: Hiếu khách, mộc mạc, chân thành, bao dung, cởi mở, cần cù siêng năng nhưng không kém phần linh hoạt năng động sáng tạo và có cả chút ngang tàng như chính thiên nhiên nơi đây vậy.

Như vậy, có thể khẳng định rằng Tây Nam bộ là vùng đất đầy sôi động với lớp lớp người nhập cư sinh sống làm ăn, lớp lớp văn hóa chồng lên nhau, hòa trộn với nhau. Con người nơi đây với cách ứng xử và tâm hồn thoáng đạt “Tứ hải giai huynh đệ”, “Trọng nghĩa khinh tài”, đây được xem như là một cơ sở không khép kín, không theo con đường “Tự cung tự cấp”, là lối sống luôn nhập cuộc với cái mới. Vì thế, để xem xét về nguồn gốc hình thành của triết lý hiếu nghĩa, ta phải xét từ sự ảnh hưởng của các yếu tố sau: Phật giáo, Nho giáo, tín ngưỡng dân gian và đặc điểm truyền thống văn hóa của vùng. Phật giáo vào Việt Nam từ rất sớm và đã nhanh chóng tạo ra ấn tượng trong lòng người dân Việt, nhờ vào sự linh hoạt trong cách hành đạo và giáo lý nhà Phật có sự “Khúc xạ” cho phù hợp với văn hóa và con người vùng đất này. Ở đây, trong phạm vi bài nghiên cứu chúng tôi chỉ tập trung làm rõ quan niệm của nhà Phật về hiếu đạo đến sự hình thành hiếu nghĩa ở Tây Nam bộ. Phật giáo luôn đề cao việc thực hiện “Tứ đại trọng ân”, trong đó có ân cha mẹ, tức là nói lên tấm lòng biết ơn và sự hiếu thảo của con cái đối với ông bà cha

mẹ và Phật giáo xem hiếu là nguồn gốc của đức, là gốc của muôn hạnh. Do đó, trong hệ thống kinh điển của nhà Phật, bổn phận làm con là phải nhận thức được công ơn bao la như “trời” như “biển” của cha mẹ và phải đền đáp công ơn đó cả khi cha mẹ còn sống hoặc khi qua đời. Do đó, chính những tư tưởng của Phật giáo đã có sự tác động sâu sắc đến nhận thức của con người Tây Nam bộ, dẫn đến sự hình thành tư tưởng về hiếu nghĩa có nhiều điểm tương đồng với Phật giáo.

Ngoài Phật giáo thì có thể nói rằng, Nho gia chính là yếu tố có sự tác động to lớn đến tư tưởng của người Việt. Với sự du nhập từ thời Bắc thuộc và tồn tại trong một thời gian rất dài của lịch sử phong kiến Việt Nam, nó đã để lại những hệ giá trị in hằn trong tâm thức người Việt. Đặc điểm nổi bật trong tư tưởng đó là về hiếu nghĩa, mà các nhà triết học Trung Quốc từ Khổng Tử đến Mạnh Tử đều xem hiếu là gốc của nhân mà nhân chính là yếu tố tạo nên người quân tử. Trong tư tưởng Nho gia hiếu tức là người con phải biết kính trọng cha mẹ, và biết nói chí nói nghiệp của gia đình như Khổng Tử từng nói “Làm con nên xem xét chí hướng của cha. Đến khi cha thác, người con được trọn quyền hoạt động, cho nên phải nhớ tới những việc làm của cha. Nhưng khi cha thác trong ba năm, bấy giờ người con đương để tang, cho nên chẳng có vui sướng gì mà cải tạo, vì vậy nên được ghi lại là hiếu” [3, tr.8], hay hiếu còn là sự phụng dưỡng cha mẹ, tấm lòng thành kính của người con chứ không phải là giá trị vật chất mà con đưa cho cha mẹ “Hễ thấy ai nuôi được cho cha mẹ thì khen là có hiếu. Nhưng chó ngựa thì người ta cũng nuôi, nên nuôi cha mẹ mà chẳng kính trọng thì khác gì nuôi thú vật” [6, tr.18]. Ngoài ra, cần lưu ý là hiếu không chỉ bị giới hạn, trong gia đình mà được mở rộng sang cả những người không cùng huyết thống “Trung hiếu là đạo hiếu được xã hội hóa, chính trị hóa, là người nào nói lời chi cũng trung thành, tín thật, làm việc chi cũng tới hậu, kính cẩn, dầu cho đến sự thô tục của người miền nam hay miền bắc cũng được thông hành” [3, tr.240], đây có lẽ là tư tưởng đã được chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển trong tư tưởng của mình “Trung với nước, hiếu với dân”. Như vậy, ta có thể thấy tư tưởng của Nho gia có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hóa đạo đức của người Việt mà trước tiên phải nói đến vùng Tây Nam bộ, nơi mà mọi dòng chảy văn hóa dường như đều đi qua nơi này.

Tây Nam bộ là một vùng đất với nhiều tộc người sinh sống: Chăm, Hoa, Khmer,...Đã tạo nên cho vùng hệ thống tín ngưỡng dân gian phong phú và đa dạng,

mang đậm bản sắc văn hóa như: Tục cưới hỏi, ma chay, thờ cúng tổ tiên, giỗ kỵ, lễ tế,... Trong đó thờ cúng tổ tiên là hình thức gắn liền với tâm thức của mỗi người dân, không có bất kỳ một tài liệu nào ghi cụ thể về thời gian xuất hiện tục thờ cúng tổ tiên, nhưng nhìn chung chúng ta thấy rằng tục thờ cúng tổ tiên xuất hiện từ thời kỳ mà con người thờ những vật mà họ xem là nguồn gốc tổ tiên của mình: Thờ vật (đá, rần, cơ quan sinh thực khí nam và nữ,...), thờ những vị thành hoàng, những anh hùng, người có công khai phá và mở rộng vùng đất (Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Thiên Hộ Dương). Thờ cúng tổ tiên là hình thức mà con người sống hiện tại thể hiện lòng biết ơn sự tưởng nhớ về công ơn của những người đã khuất, đồng thời sự biết ơn, sự kính trọng đối với con người còn sống đó là ông bà, cha mẹ đã cho ta hình hài này. Đó là cơ sở giúp cho con cháu luôn nhớ đến nguồn gốc tổ tông của mình mà cố gắng sống cho rạng danh dòng họ.

Như trên chúng tôi đã trình bày các yếu tố dẫn đến sự hình thành triết lý hiếu nghĩa cho vùng Tây Nam bộ. Tuy nhiên, xã hội ngày càng phát triển và với sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường thì việc xác định nội dung và ý nghĩa của hiếu nghĩa là rất cần thiết.

2.2. Một số nội dung cơ bản của triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam bộ

Một là, hiếu nghĩa thể hiện ở quan niệm về một tình cảm tự nhiên của con người. Khi nói về hiếu nghĩa có rất nhiều cách hiểu khác nhau về nội dung cách thức thể hiện và cả nguồn gốc. Đôi khi có người xem nó là một cái gì đó cao siêu với đầy rẫy những yêu cầu, nguyên tắc, đôi khi bị xem là điều ràng buộc, khuôn phép. Nhưng thực tế, nó chính là tình cảm tự nhiên mà mỗi người khi sinh ra điều có được và hiểu được tùy vào từng mức độ và lứa tuổi khác nhau. Cũng chính từ truyền thống của dân tộc đã thấm vào máu của cha ông chúng ta. Ngay khi con người sinh ra nằm trong nôi đã nghe những lời ru hiếu đạo, điều ấy có tác động rất lớn đến quá trình phát triển và nhận thức ở các lứa tuổi sau này:

“Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông

Núi cao biển rộng mênh mông

Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi!

Hoặc:

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ

Năm canh chày, thức đủ năm canh” [5]

Như vậy, hiếu nghĩa là tình cảm tự nhiên của con người, nó tồn tại cố hữu trong mỗi con người. Sự tồn tại ấy được chúng tôi so sánh như là những yêu cầu bức thiết của con người sống “Đói phải ăn, khát phải uống”.

Hai là, hiếu nghĩa thể hiện ở quan niệm về phụng dưỡng, chăm sóc ông bà cha mẹ. Cả một đời cha mẹ đã phải chịu bao nhiêu khổ cực từ khi chúng ta còn là thai nhi đến khi sinh ra lớn lên và trưởng thành. Người đã sử dụng tất cả sinh khí của thời thanh xuân để lo lắng, chăm sóc, nuôi dưỡng dạy dỗ cho đàn con, mong mai sau chúng được nên người và trở thành người có ích cho xã hội - đất nước. Chính vì lẽ đó, mà mỗi người con cần phải biết rõ bổn phận của mình, phải chăm sóc phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi về tuổi xế chiều: “Hay khi ôn sảng bề cung dưỡng; siêng thờ thần hôn việc hỏi han” [8, tr.149]. Sự chăm sóc, phụng dưỡng ấy được chúng ta xác định trên cả hai phương diện: Vật chất và tinh thần. Về phương diện vật chất: Người làm con phải đảm bảo cho cha mẹ có được cơm ăn, áo mặc, thuốc thang khi cha mẹ ốm đau, và ít tiền tiêu hằng ngày, không cho cha mẹ làm lụng vất vả,... Về phương diện tinh thần: Sự phụng dưỡng chăm sóc ấy phải xuất phát từ chính tấm lòng và sự thành kính của người con. Người con phải biết tạo ra một gia đình hạnh phúc đầm ấm, vui vẻ để cho cha mẹ được yên tâm và tinh thần luôn được thoải mái. Anh em trong nhà lúc nào cũng hòa hảo, làm việc gì cũng nghĩ tới cha mẹ:

“Anh em nào phải người xa

Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân

Yêu nhau như thể tay chân

Anh em hòa thuận hai bên vui vầy”

Vì thế trong xã hội hiện tại chúng ta không khó bắt gặp hình ảnh ông lão đầu bạc như sương, khom lưng công mẹ già tóc trắng xóa như mây đó là tình mẫu tử và sự hiếu thảo của người con với cha mẹ của mình và hình tượng đó sẽ là sự vĩnh cửu vượt qua hữu hạn của một kiếp nhân sinh. Tuy vậy, cũng có những người con nghĩ chỉ cần đưa tiền nuôi dưỡng hay thuê người chăm sóc cha mẹ là được, để cho cha mẹ sống trong sự cô đơn, lạnh lẽo, buồn tuổi:

*“Không ăn thì ốm thì gầy
Ăn thì nước mắt chan đầy bát cơm”*

Hay:

*“Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể
Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày”*

Như vậy, người làm con phải phụng dưỡng chăm sóc ông bà cha mẹ và xem nó vừa là nghĩa vụ vừa là bổn phận và là sự hạnh phúc trong cuộc sống của mình.

Ba là, hiếu nghĩa thể hiện ở quan niệm về việc tu dưỡng đạo đức nhân cách thành người có ích cho gia đình và xã hội và đất nước. Trong xã hội hiện tại điều cốt yếu yêu cầu ở mỗi cá nhân phải có đủ trí tuệ và đạo đức. Đồng thời, thông qua giáo dục con người có thể nhận thức được hoạt động của mình, hình thành cho cá nhân những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, thấu hiểu đạo lý làm người, lẽ phải cuộc đời đó cũng là một cách thể hiện đạo hiếu của người con như Hồ Chí Minh đã từng nói trong bài thơ “*Nửa đêm*” trích trong tập “*Nhật ký trong tù*”:

*“Ngủ thì ai cũng như lương thiện
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ hiền
Hiền dữ phải đâu ở tính sẵn
Phần nhiều do giáo dục mà nên”*

Thông qua giáo dục thì cá nhân phải nỗ lực, tự bản thân rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, bản thân phải biến không thành có, từ cái chưa hoàn thiện đến cái hoàn thiện. Đặc biệt, con người phải biết noi gương và học hỏi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của các thế hệ đi trước, mà điển hình cho các phẩm chất đạo đức đó thì hiếu nghĩa được xem là cái đứng đầu. Chẳng hạn như Nguyễn Đình Chiểu từng nói: “Hai chữ cương thường bằng cả nước, một câu trung hiếu dựng nên nhà” [11, tr.138], hay lời dặn dò của Nguyễn Phi Khanh với Nguyễn Trãi rằng: “Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước và trả thù cho cha như thế mới là hiếu, là trung, đâu cứ phải đi theo khóc lóc như đàn bà con gái mới là trung, là hiếu”, đó là những bài học quý báu cho con cháu sau này tu dưỡng bản thân để thành người chí hiếu với cha mẹ và chí hiếu với cả dân tộc.

Sự tu dưỡng nhân cách đạo đức đó không chỉ giúp cho con người có được sự hiểu thuận với cha mẹ mà giúp cho con người mở rộng lòng yêu thương đó sang cả cha mẹ người như chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình chí hiếu nhất. Vì sao, nếu không làm cách mạng thì chẳng những bỏ mẹ mình mà hàng triệu bố mẹ người khác cũng bị đế quốc phong kiến dày vò. Mình không những cứu bố mẹ mình mà mình còn cứu bố mẹ người khác bố mẹ của cả đất nước” [6, tr.60]. Như vậy việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức là một yêu cầu bức thiết của mỗi con người.

Bốn là, hiếu nghĩa thể hiện ở quan niệm về việc coi trọng, chăm sóc, giáo dục thế hệ mai sau. Mỗi gia đình cần phải chú trọng việc chăm sóc các thế hệ tương lai, những người sẽ nối tiếp truyền thống của gia đình và họ cũng chính là chủ nhân tương lai của đất nước quyết định sự hưng thịnh hay suy vong của dân tộc. Sự chăm sóc ấy ở cả hai phương diện: Đời sống vật chất và tinh thần. Về vật chất phải đảm bảo cho con người có ăn có mặc; về tinh thần cần tạo cho con em sự tự do, vui chơi, giải trí, tạo môi trường học tập thuận lợi cho sự phát triển của chúng. Gia đình chính là môi trường giáo dục đầu tiên cho sự hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách tốt đẹp của con mình. Trẻ em từ khi sinh ra phải học tất cả từ “Học ăn, học nói, học gói, học mở”, nơi đặt những mầm móng đầu tiên cho phẩm chất của một con người. Những thế hệ người đi trước phải làm cho con em mình thấu hiểu được sự hy sinh mất mát to lớn của cha ông những người có công trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Để hình thành cho thế hệ mai sau lòng biết ơn, sự tự hào và tự tôn về một dân tộc nhỏ bé đã tạo nên những chấn động toàn cầu trong phong trào bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra gia đình là nơi giáo dục cho con cháu về truyền thống gia tộc về bổn phận và nghĩa vụ của người làm con, sự hiếu nghĩa với gia đình và quê hương đất nước.

Năm là, hiếu nghĩa thể hiện ở quan niệm về việc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa gia đình, hàng xóm và đất nước. Với bề dày lịch sử của một đất nước đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh, một vùng đất Tây Nam bộ trù phú, nơi có sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ cả Đông và Tây. Đã tạo nên những giá trị văn hóa tốt đẹp cho dân tộc. Vì thế, việc bảo vệ và phát huy các giá trị truyền thống ấy là nhiệm vụ của thế hệ hôm nay và mai sau.

Một gia đình muốn thực sự là một tế bào vững mạnh cho đất nước, thì các giá trị văn hóa của gia đình phải được gìn giữ và phát huy: Sự kính trọng biết ơn hiếu thảo với ông bà cha mẹ, truyền thống hiếu học của gia đình, truyền thống xây dựng gia đình văn hóa - văn minh; gia đình trong âm ngoài êm,... Đó điều là những giá trị quý báu cần được giữ gìn và phát huy trong xã hội hôm nay, với phần lớn các gia đình chỉ có hai thế hệ sự tồn tại của gia đình theo kiểu “Tam đại đồng đường” hay “Tứ đại đồng đường” ngày càng ít, vì thế việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống đó, chính là yêu cầu của thực tiễn.

Bên cạnh đó, trong đời sống của người dân Tây Nam bộ nơi đây thì tình nghĩa hàng xóm là vô cùng quan trọng, ở họ luôn có sự gắn kết chặt chẽ, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ nhau ngay từ những buổi đầu khai hoang mở đất đến khi cuộc sống ngày càng được ấm no như ngày nay. Yếu tố làng xóm xuất hiện hầu khắp ở các hoạt động quan trọng của mỗi gia đình: Hôn lễ, tân gia, đám giỗ, tang lễ. Chính vì vậy, tình làng nghĩa xóm của những con người nơi đây khó có gì phai nhòa được “Bán anh em xa mua láng giềng gần” là như vậy.

Vì thế, việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa gia đình, làng xóm và đất nước là một trong những nội dung quan trọng, trong triết lý hiếu nghĩa là yêu cầu trong xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Vì vậy, mỗi thế hệ phải ý thức và nhận thức đầy đủ về nó trong tiến trình xây dựng đất nước.

2.3. Vai trò của hiếu nghĩa trong xây dựng đời sống văn hóa Tây Nam bộ hiện nay

Về mặt lý luận: Trước hết triết lý hiếu nghĩa là nguồn trợ động lực cho sự duy trì và phát huy yếu tố tự nhiên của tinh thần hiếu nghĩa trong mỗi người dân vùng Tây Nam bộ. Thứ hai, triết lý hiếu nghĩa có sự tác động sâu sắc đến tư tưởng cách thức suy nghĩ của con người về trách nhiệm và bổn phận của mình trong gia đình với cha mẹ ông bà; Thứ ba, nhờ vào hiếu nghĩa mà con người có ý thức trong việc tu dưỡng hoàn thiện nhân cách của mình biết được việc làm của mình là đúng hay sai, cách thức và phương pháp cụ thể để đền đáp công ơn đối với gia đình và đất nước; Thứ tư, triết lý hiếu nghĩa là cơ sở lý luận ngọn đèn soi đường cho hành động của con người Tây Nam bộ trong việc chăm sóc và giáo dục thế hệ tương lai của đất nước, góp phần tạo nên lực lượng mạnh cả về thể chất và tinh thần mai sau. Thứ năm, triết lý hiếu nghĩa là cơ sở cho mỗi cá nhân tồn tại trong xã hội có thể

nhìn nhận một cách đầy đủ về hành động và lời nói của mình từ quá khứ đến tương lai, từ đó điều chỉnh bản thân cho phù hợp với yêu cầu đạo đức xã hội tạo nên con người hoàn thiện góp phần vào việc xây dựng đời sống văn hóa ở Tây Nam bộ.

Về mặt thực tiễn: Thứ nhất, triết lý hiếu nghĩa góp phần thắt chặt mối quan hệ giữa con người với con người, giúp cho tình cảm tự nhiên của con người càng hoàn thiện không chỉ ở hiện tại mà còn ở trong tương lai. Thứ hai, triết lý hiếu nghĩa góp phần to lớn vào việc chấn chỉnh và đánh giá hành vi hành động của con người trong gia đình; Thứ ba, tác động to lớn đến hành động của con người trong đời sống xã hội, để lưu giữ những giá trị truyền thống gia đình và truyền thống của vùng. Một vùng đất có điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội, sự giao lưu văn hóa từ Đông sang Tây là yếu tố tạo nên sự hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Đó là cơ sở tạo nên những hiện tượng “Khúc xạ văn hóa” một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm văn hóa của vùng; Thứ tư, tạo nên những con người có đầy đủ phẩm chất đạo đức và năng lực để có thể hoàn thành cuộc cách mạng CNH-HĐH đất nước; Thứ năm, khi cá nhân thấm nhuần triết lý hiếu nghĩa thì luôn có những hành động phù hợp với đạo đức xã hội với lợi ích của dân tộc. Để từ đó trở thành một tế bào vững mạnh trong cả một cơ thể sống, góp phần tạo nên sự ổn định trên mọi phương diện. Là điều kiện để hoàn thành mục tiêu to lớn của dân tộc là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Khi nói đến ý nghĩa của triết lý hiếu nghĩa chúng ta không thể bỏ qua một khía cạnh rất quan trọng đó là sự tác động của nó đến lực lượng người dân sinh sống và lập nghiệp ở nước ngoài. Với yếu tố từ sự hội nhập nền kinh tế thế giới đã tạo ra sự giao lưu về kinh tế lẫn sự giao lưu về lực lượng lao động quốc tế các nước trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, trong vài năm gần đây số lượng lao động xuất khẩu đi làm việc ở nước ngoài càng tăng, tập trung ở các thị trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,... Vì thế, chính triết lý hiếu nghĩa là cơ sở để cho những người tha hương trên đất khách quê người luôn nhớ về công ơn của tổ tiên của dân tộc và công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Từ đó, phấn đấu bản thân để đền đáp công ơn đó, luôn luôn nhớ về nguồn cội trước sự tác động trực tiếp từ văn hóa nơi ấy để không bị “Lai căn mất gốc”.

Ngoài ra có thể nói rằng, chính hiếu nghĩa là cơ sở cho việc lưu giữ hồn Việt trong suốt quá trình hội nhập. Là yếu tố cốt tử tạo ra cho con người một đời sống

văn hóa đúng nghĩa của nó, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc trong suốt tiến trình phát triển của đất nước. Như vậy, hiếu nghĩa có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống hiện nay khi mà các hệ giá trị truyền thống đang dần bị phai nhạt hay biến chất. Tuy nó, không tạo nên bất kì một giá trị GDP nào nhưng là cơ sở tạo nên sự ổn định và bền vững không chỉ riêng vùng Tây Nam bộ mà còn cả dân tộc.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu “*Triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam bộ*”, chúng tôi đã phân nào làm sáng tỏ về sự hình thành hiếu nghĩa trên một vùng đất có nhiều đặc trưng về điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội. Đồng thời, đã xác định rõ năm nội dung của hiếu nghĩa trên vùng đất Tây Nam bộ: Thứ nhất, hiếu nghĩa là tình cảm tự nhiên của con người; Thứ hai, phụng dưỡng chăm sóc cha mẹ ông bà; Thứ ba, tu dưỡng đạo đức nhân cách thành người có ích cho gia đình xã hội và đất nước; Thứ tư, coi trọng chăm sóc, giáo dục thế hệ mai sau; Thứ năm, bảo vệ phát huy giá trị văn hóa gia đình, hàng xóm và đất nước. Với nội dung như thế, thì hiếu nghĩa đóng vai trò rất to lớn trong xây dựng đời sống văn hóa của Đồng Bằng sông Cửu Long cả về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần vào xây dựng nên đời sống văn hóa cho mỗi gia đình, tạo nên một thành trì ngăn cản mọi sự xâm hại của những tư tưởng thực dụng, vị kỉ,... Từ mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Tạ Thanh Bạch (1998), *Minh tâm bảo giám*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2]. Đoàn Trung Còn (2011), *Luận Ngữ - Chu Hy*, bản dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Đoàn Trung Còn (1950), *Luận Ngữ - Tứ thư*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [4]. Mai Vũ Dũng (2016), “Những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX”, <http://gass.edu.vn/Detail.aspx>.
- [5]. Đào Văn Hội (1961), *Phong tục miền nam qua mấy vần ca dao*, Nxb. Xuân Thu, Sài Gòn.
- [6]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [7]. Sơn Nam (1985), *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Trần Thị Đăng Thanh, Vũ Thanh (2003), *Nguyễn Bình Khiêm – về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [9]. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10]. Nguyễn Thị Thọ, “Từ đạo hiếu truyền thống đến đạo hiếu ngày nay”, *Tạp chí Triết học*, số 6, tr.193.
- [11]. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

SV. Trần Trọng Trúng

Lớp: ĐHGDC T 14B

GVHD: ThS.NCS. Nguyễn Công Lập

Tóm tắt: Bài viết trình bày nội dung di huấn của Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thể hiện trong Di chúc. Trong đó, bài viết tập trung luận giải về nội dung nâng cao đạo đức cách mạng, về đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực hành dân chủ rộng rãi, tự phê bình và phê bình. Trên cơ sở đó, bài viết rút ra ý nghĩa di huấn của Người đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Di chúc, di huấn, xây dựng và chỉnh đốn Đảng, dân chủ, đoàn kết, đạo đức cách mạng, phê bình, tự phê bình.

1. Đặt vấn đề

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trên cương vị là người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Theo Người, chỉ trên cơ sở xây dựng, chỉnh đốn Đảng thường xuyên và liên tục, Đảng ta mới thực sự là đạo đức, là văn minh xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Trước lúc đi xa, Người để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta di huấn về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Do vậy, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và rút ra ý nghĩa lời dạy của Người đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay mang tính cấp thiết cả trên phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Về vai trò cầm quyền của Đảng ta

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Đảng ta là một Đảng cầm quyền” [8, tr.14]. Theo đó, Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực Nhà nước và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy Nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn

cảnh Đảng ta cầm quyền thì mọi việc của dân, của nước, mọi thành công, thất bại đều phụ thuộc trực tiếp vào phẩm chất và năng lực của Đảng, bởi khi cầm quyền, sự lãnh đạo và công tác xây dựng Đảng sẽ có những thuận lợi và thách thức mới, sẽ sinh ra những căn bệnh quan liêu, tự mãn, chủ quan, duy ý chí, độc đoán, chuyên quyền ..., nếu không chủ động tích cực khắc phục những căn bệnh đó sẽ dẫn đến nguy cơ làm cho Đảng sai lầm về đường lối hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo, tình trạng đó không những làm suy yếu Đảng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành bại của cách mạng. Trong Di chúc, Người nhận thấy được nguy cơ của Đảng cầm quyền đó chính là sự sa sút đạo đức, lối sống, sao nhãng đi chức năng “đầy tớ của nhân dân” của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Không những thế mọi việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay xấu, một Đảng chỉ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình thì phải là đạo đức, là văn minh, phải gần dân, lắng nghe ý kiến của dân, phải giữ mối liên hệ máu thịt với nhân dân. Chính vì thế, Người rất coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và trong Di chúc, Người căn dặn: “trước hết nói về Đảng” [8, tr.611], đưa việc Đảng lên trên, lên trước.

2.2. Nội dung Di huấn Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Di chúc

2.2.1. Về nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng và khẳng định vai trò, vị trí của đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người nói: “Cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn; cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo; người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [3, tr.292]. Người cho rằng, làm cách mạng là để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, Người nói: “Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang” [6, tr.11].

Đạo đức cách mạng trong quan niệm của Hồ Chí Minh được hợp thành bởi nhiều yếu tố như: trung với nước và hiếu với nhân dân, yêu thương con người sống có tình, có nghĩa, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do cho Tổ quốc, vì hạnh

phúc của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu xây dựng đất nước dân giàu nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Nhưng trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập rằng khi cầm quyền thì phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư” là những thành tố cơ bản nhất, quyết định nhất. Đó cũng là những vấn đề then chốt bảo đảm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, làm cho Đảng thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được Hồ Chí Minh giải thích rất rõ và coi bốn đức tính “cần, kiệm, liêm, chính” là những đức tính của người cán bộ cách mạng, như trời có bốn mùa, đất có bốn phương. Người viết:

*“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một mùa, thì không thành trời
Thiếu một phương, thì không thành đất
Thiếu một đức, thì không thành người” [4, tr.117]*

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư có quan hệ chắc chắn với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân, Người cho rằng, nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại biến thành sâu mọt của dân.

2.2.2. Về xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng

Trong Di chúc, Hồ Chí Minh viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kì quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi trong mắt mình” [8, tr.611]. Lịch sử đã minh chứng rõ nguyên nhân của những thắng lợi của cách mạng Việt Nam là “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh, tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác” [8, tr.611]. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng giữ một vị trí chiến lược quan trọng, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của đường lối cách mạng Việt Nam, làm cơ sở cho xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh vĩ đại để dân tộc ta vượt

qua khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù để đi đến thắng lợi. Vì vậy, cán bộ đảng viên của Đảng phải thương yêu, nuôi dưỡng và phát triển tình đồng chí, nghĩa đồng bào, giữ gìn đạo đức cách mạng, chống các căn bệnh của chủ nghĩa cá nhân.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng thể hiện ở tư tưởng và hành động, giữa tư tưởng và hành động phải có sự thống nhất với nhau, để Đảng tuy có nhiều người nhưng khi tiến hành thì chỉ như một người, không thể có tình trạng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, bằng mặt nhưng không bằng lòng. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng phải được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vì thế người cộng sản phải tin chủ nghĩa Mác - Lênin và lấy đó làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của mình, hơn thế nữa phải tin tưởng ở tính cách mạng, tính khoa học của chủ nghĩa đó, tránh tin tưởng một cách mù quáng dẫn đến sai lầm về hệ tư tưởng và hành động sẽ đi lệch đạo đức xã hội; do đó, đoàn kết thống nhất trong Đảng được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu đồng chí, lòng thương yêu con người biểu hiện ở chủ nghĩa nhân văn và nhân đạo cao cả. Người dạy: “Đồng chí ta tuy có khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người có cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật là đoàn kết” [4, tr.16].

Chính vì vậy, muốn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng, Đảng phải thực sự đoàn kết thống nhất cả về tư tưởng và hành động, chính trị và tổ chức, phải là đại biểu trung thành cho mục đích và lợi ích của đại quần chúng nhân dân, của dân tộc. Hơn thế nữa, mỗi cán bộ đảng viên phải thật sự là trung tâm thu hút, cảm hóa, tập hợp quần chúng, phải tạo sự đoàn kết cao nhất trong nhân dân, có dân là có tất cả và bằng chính tấm gương của mình như: nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, nhân cách của người cộng sản, tận trung với nước tận hiếu với dân; thật sự “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, có tình thương yêu vô hạn đối với con người,... Cũng bằng chính tấm gương như vậy, cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ biết hy sinh vì vận mệnh đất nước, dân tộc, Người đã trở thành hiện thân của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc và là linh hồn của khối đoàn kết, thống nhất của Đảng ta.

2.2.3. Thực hành dân chủ rộng rãi; thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình

Không chỉ trong Di chúc mà trong nhiều bài phát biểu khác của mình, Hồ Chí Minh đều nói đến việc đảm bảo một nền dân chủ rộng rãi cho nhân dân, Người nói: “Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công. Quần chúng tức là toàn thể chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan, v.v..., rồi đến toàn thể nhân dân. Cũng như mọi việc khác, việc "chống" này phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng” [5, tr.362]. Nhờ thực hành dân chủ mà Đảng ta đã khơi dậy, phát huy cao nhất trí tuệ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, cũng nhờ đó trong Đảng đã khắc phục được tình trạng bè cánh, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng. Chính vì thế, Đảng cần phải thực hành dân chủ rộng rãi, nghĩa là phải dân chủ thật sự và thường xuyên, dân chủ từ Trung ương đến cơ sở, nhưng chú ý dân chủ phải gắn với tập trung, tập trung dân chủ là nguyên tắc sống còn và là biện pháp tốt nhất để xây dựng Đảng ta.

Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc, là quy luật bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của Đảng. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh coi đây là biện pháp tốt nhất để củng cố, phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Người yêu cầu phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, nghiêm túc, không nể nang, qua loa, đại khái, hình thức. Người hiểu rõ, đã là con người thì ít hay nhiều đều có khuyết điểm, nhưng quan trọng là phải nhận rõ khuyết điểm, không được che giấu khuyết điểm, tự phê bình để sửa chữa, khắc phục, vươn lên tự chiến thắng thói hư tật xấu của mình. Đối với đồng chí, đồng đội, Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải phê bình một cách thẳng thắn, chân thành nhằm giúp đồng chí, đồng đội nhận rõ sai lầm, sửa chữa để không ngừng tiến bộ. Như vậy, mục đích của tự phê bình và phê bình là giúp cho bản thân và đồng đội ngày càng tiến bộ hơn; tuyệt đối không vì mâu thuẫn cá nhân, động cơ cá nhân mà phê bình theo kiểu “vạch lá tìm sâu”, “bói lông tìm vết” nhằm trù dập, đả đả, hạ bệ lẫn nhau. Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình là công việc thường xuyên như rửa mặt hàng ngày, ngừng tự phê bình và phê

bình đồng nghĩa với việc ngừng tiến bộ. Tự phê bình và phê bình, do vậy, là quy luật cho sự trưởng thành của Đảng trong bất kì hoàn cảnh nào, điều kiện nào.

2.3. Di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

Thứ nhất, phải không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là phải nhận rõ phải, trái; biết tiếp thu cái tốt, bài trừ cái xấu; giữ vững lập trường; tận trung với nước, tận hiếu với dân; không sợ khó, sợ khổ; suốt đời phấn đấu cho cách mạng; phục vụ mục đích của giai cấp, của nhân dân,... Chính vì thế mà đạo đức cách mạng là cái gốc của người cách mạng, là nguồn lực của cách mạng, là cơ sở để phát triển tài năng; là nhân tố tạo nên sức lôi cuốn của cán bộ, đảng viên...

Hiện nay, bên cạnh phần lớn cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, thì vẫn còn một bộ phận suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, gây tác hại rất lớn đến uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng, ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc đổi mới, phát triển đất nước, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... Đây chính là nguy cơ đối với sự cầm quyền của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy, bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên đang là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” [8, tr.611-612], Đảng ta đã và đang phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, có nhiều nội dung nhưng cấp thiết nhất hiện nay chính là “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”. Đây là một phẩm chất cần thiết nhất đối với mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng cầm quyền để lãnh đạo sự nghiệp đổi mới.

Tất cả những điều đó không phải là điều xa lạ đối với mỗi con người, nó luôn được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày và trong nhận thức của mỗi người. Vì vậy, mỗi cán bộ đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng phải thấm nhuần và tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình. Những phẩm chất đó sẽ làm cho mỗi cán bộ, đảng viên vững vàng trước mọi thử thách “Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó

không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân như Người từng mong muốn.

Thứ hai, tăng cường xây dựng và củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng

Trong di huấn của Hồ Chí Minh thì vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng là tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Thực tiễn cho thấy, lúc nào, nơi nào sự đoàn kết thống nhất trong Đảng được thực hiện và quán triệt nghiêm túc thì khi đó, nơi đó tổ chức Đảng luôn vững mạnh, trong sạch, có sức chiến đấu cao, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, đạt được nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Ngược lại, nơi nào mất đoàn kết thì tổ chức Đảng yếu kém, gặp nhiều khó khăn trong hoạt động, thậm chí là gây hậu quả nghiêm trọng cho cách mạng.

Thực tế trong Đảng hiện nay, bên cạnh phần lớn các tổ chức Đảng giữ vững và phát huy tốt tinh thần đoàn kết thống nhất nội bộ; nhưng tình trạng mất đoàn kết vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi, nhiều nơi rất nghiêm trọng và kéo dài. Tình trạng đó đã làm ảnh hưởng rất lớn đến uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng, đến xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mà nguyên nhân của tình trạng trên chủ yếu là do chủ nghĩa cá nhân, nó còn là nguồn gốc sinh ra những căn bệnh tiêu cực trong xã hội như: tham ô, lãng phí, cục bộ, địa phương chủ nghĩa,... Tình trạng đó, nếu không khắc phục triệt để dễ dẫn đến nguy cơ chia rẽ, bè phái trong Đảng, kẻ thù cũng dễ lợi dụng để kích động chia rẽ nội bộ Đảng, xa hơn nữa là chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Từ thực tế đó, Đại hội X của Đảng đã xác định, phải không ngừng chăm lo củng cố sự đoàn kết và tình đồng chí trong Đảng; thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình, coi đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng phải trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng. Trong nội bộ Đảng phải thường xuyên tự phê bình và phê bình trên tình cảm, tình yêu thương đồng chí giúp đỡ lẫn nhau. Kiên định và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tính tổ chức, tính kỉ luật, thực hiện tập thể lãnh

đạo, cá nhân phụ trách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng và nguyên nhân dẫn đến mất đoàn kết, xử lý nghiêm minh và kịp thời những nơi mất đoàn kết, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thực sự là người có tâm có tầm, là trung tâm của đoàn kết nội bộ.

Thứ ba, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản, bao trùm trong xây dựng, tổ chức, sinh hoạt và mọi hoạt động của Đảng. Chỉ có thực hiện nghiêm nguyên tắc này, Đảng mới trở thành tổ chức chặt chẽ, thống nhất, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, mới thực hiện sứ mệnh lãnh đạo cách mạng trong mọi thời kỳ. Chỉ có thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ mới tạo cho Đảng sự thống nhất cao cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, vững vàng trong mọi khó khăn thử thách.

Để thực hiện nguyên tắc đó theo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các cấp ủy Đảng từ trung ương đến cơ sở cần mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ, tự do tư tưởng của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc tham gia xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức với tinh thần trách nhiệm cao. Dân chủ nhưng phải trên kỷ luật, kỷ cương của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, địa phương phục tùng trung ương, cấp dưới phục tùng cấp trên. Bảo đảm sự lãnh đạo tập thể nhưng phải đảm bảo phát huy tốt vai trò của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cả về trách nhiệm và quyền hạn, ... không thấy vậy mà dùng quyền lực để trấn áp, dọa nạt nhân dân. Bên cạnh đó, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện dân chủ hình thức, dân chủ tự do, vô tổ chức, vô kỷ luật hoặc tập trung độc đoán, chuyên quyền vào tay một người hoặc một nhóm người.

Tự phê bình và phê bình là quy luật đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của Đảng. Chỉ có tự phê bình và phê bình, các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên mới thấy được ưu điểm để phát huy, những khuyết điểm để sửa chữa. Hiện nay, tự phê bình cần được tiến hành thường xuyên trong từng tổ chức đảng, phải tự phê bình và phê bình từ trên xuống, từ dưới lên. Trong tự phê bình và phê bình cần chú ý tới nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng đồng thời với đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, coi như hai mặt của quá trình tu dưỡng, rèn luyện Đảng,

cán bộ, đảng viên, để làm cho Đảng có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, cũng tạo vị thế và uy tín của Đảng trước quần chúng nhân dân.

3. Kết luận

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là Cương lĩnh hành động trước mắt và lâu dài của Đảng và nhân dân ta. Di sản mà Người để lại trong Di chúc là những lời dặn dò tâm huyết, những bài học được đúc kết từ thực tế cuộc đời hoạt động cách mạng của mình và từ kết quả của tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, Di chúc của Người không những có ý nghĩa thiêng liêng với hiện tại mà còn nguyên giá trị to lớn đối với tương lai. Hiện nay, Đảng ta xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa làm nền tảng tinh thần của xã hội. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh là nhân tố quyết định vai trò cầm quyền của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Do đó, chúng ta cần quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh Di chúc của Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Những di huấn của Người trong Di chúc mãi mãi soi rọi, dẫn đường, chỉ lối cho việc xây dựng Đảng ta thực sự là Đảng chân chính, cách mạng, xứng đáng vai trò cầm quyền, vai trò lãnh đạo nhân dân ta từng bước thực hiện thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1]. BCH Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam (1989), *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Bảo tàng Hồ Chí Minh, Trường ĐHKHXH & NV Hà Nội (2009), *Giá trị nhân văn của Di chúc Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội
- [5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

- [7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Học viện Hành chính Khu vực I (2009), *Hội thảo khoa học 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
- [10]. <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/NghiencuuTraodoi>.
- [11]. <http://xaydungdang.org.vn/Home/tutuonghochiminh>.

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý THỨC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH VỀ TRANG PHỤC KHI ĐẾN LỚP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV. Phan Bảo Ngọc Trinh

Lớp: ĐHCCTXH14

GVHD: ThS.GVC. Lê Kim Oanh

Tóm tắt: Qua việc quan sát và phỏng vấn các bạn sinh viên về những yếu tố tác động đến ý thức chấp hành quy định về trang phục của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, tác giả làm rõ những mặt tích cực và khó khăn sinh viên gặp phải trong việc chấp hành quy định về trang phục của nhà trường. Từ đó, đề xuất một số giải pháp giúp sinh viên nâng cao ý thức tự giác thực hiện đúng trang phục và khắc phục những khó khăn trong vấn đề chấp hành quy định về trang phục khi đến trường.

Từ khóa: Sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, Quy định về trang phục.

1. Đặt vấn đề

Ăn và mặc là hai nhu cầu thiết yếu trong đời sống của mỗi con người. Nếu như ăn là để cung cấp chất dinh dưỡng và năng lượng để nuôi sống và duy trì các hoạt động của cơ thể thì mặc là một cách để giữ ấm và bảo vệ bản thân. Đối với thế hệ ông bà ta ngày trước, khi mà đất nước còn gặp nhiều khó khăn, mức sống của người dân còn thấp, họ phải lao động rất vất vả để có được thực phẩm và trong điều kiện nghèo đói như vậy họ chỉ cần “ăn no, mặc ấm” là đủ. Mục đích của việc ăn uống ngày đó chỉ đơn giản là ăn lấy no, ăn cốt để sống và người dân ngày đó cũng không có điều kiện để nghĩ đến “mặc đẹp”. Họ chỉ mong muốn có đủ trang phục để giữ ấm cơ thể và không quan tâm nhiều đến chất lượng, kiểu dáng hay xu hướng thời trang.

Tuy nhiên, khi xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người cũng theo đó mà tăng lên. Họ không chỉ cần “ăn no, mặc ấm” mà là nhu cầu “ăn ngon, mặc đẹp”. Cũng vì vậy mà con người càng cố gắng tìm tòi, học hỏi để chế biến ra những món ăn ngon, đẹp mắt, đầy đủ chất dinh dưỡng và những bộ trang phục đẹp, hợp thời trang. Vấn đề ăn uống không còn đơn giản như ngày trước chỉ là “ăn cho no để sống” mà “âm thực” đã trở thành một dạng nghệ thuật. Con người chú trọng đến chất lượng, hình thức của những món ăn mà họ dùng mỗi ngày và đương nhiên quan niệm về phục sức cũng

theo đó mà thay đổi. Họ bắt đầu biết làm đẹp cho bản thân thông qua nhiều cách, cập nhật những xu hướng thời trang và áp dụng nó cho chính mình. Một trong những đối tượng nhạy cảm và linh hoạt nhất trong việc cập nhật các xu thế thời trang chính là giới trẻ trong đó có sinh viên.

Nếu như ở bậc THPT đa số các trường đều có đồng phục riêng và các em học sinh còn chịu nhiều gò ép từ các quy định về đồng phục của trường thì ở lứa tuổi sinh viên các bạn được thoải mái hơn trong việc lựa chọn trang phục đến trường. Nhưng cũng chính sự thoải mái trong môi trường đại học khiến nhiều sinh viên ăn mặc theo phong cách thái quá, vượt qua giới hạn về văn hóa ăn mặc trong môi trường sư phạm.

Trường Đại học Đồng Tháp, một ngôi trường đã có truyền thống hơn bốn mươi năm đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, Vì vậy thì cách ăn mặc, hành xử của từng sinh viên càng phải có một sự chỉnh chu nhất định, nhằm đảm bảo truyền thống gắn với bề dày lịch sử của ngôi trường chuyên về đào tạo giáo dục. Vì vậy, việc tìm hiểu những yếu tố tác động đến ý thức chấp hành quy định về trang phục khi đến lớp của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp được thực hiện nhằm tìm ra những giải pháp giúp sinh viên nâng cao ý thức chấp hành quy định về trang phục khi đến lớp của Nhà trường, góp phần xây dựng hình ảnh đẹp cho Trường đối với xã hội.

2. Nội dung

2.1. Sinh viên và quy định về trang phục của sinh viên khi đến trường

Có nhiều định nghĩa về sinh viên được đưa ra từ những khía cạnh và góc độ khác nhau. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này định nghĩa “Sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp” được chúng tôi đề cập đến là những người đang học tập chính quy tại Trường Đại học Đồng Tháp. Ở đây họ được truyền đạt những kiến thức, kỹ năng cần thiết để phục vụ cho một ngành nghề nhất định cho xã hội. Họ được xã hội công nhận qua những tấm bằng do Trường Đại học Đồng Tháp cấp.

Khái niệm quy định được hiểu là một khuôn phép được định ra trong một tổ chức, cộng đồng nào đó và bắt buộc những người thuộc tổ chức, cộng đồng đó hoặc muốn tham gia vào tổ chức, cộng đồng đó phải tuân theo.

Khái niệm trang phục được dùng để đề cập đến những món đồ để mặc như: quần, áo, váy,... Chức năng cơ bản nhất của trang phục là để bảo vệ cơ thể, ngoài ra trang

phục còn bao gồm những món đồ có chức năng thẩm mỹ, làm đẹp cho con người như mũ, giày, khăn, thắt lưng...

Trong nghiên cứu này, khái niệm “quy định về trang phục” được hiểu là những văn bản quy phạm nội bộ của Trường Đại học Đồng Tháp được định ra để chỉ rõ các loại trang phục mà sinh viên được sử dụng hay không được sử dụng khi đến lớp.

2.2. Thực trạng thực hiện trang phục của sinh viên khi đến trường

Hiện nay, mặc dù đa số các trường Đại học đều có quy định cụ thể về trang phục học đường, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số ít sinh viên không tuân thủ quy định của Nhà trường, các bạn vẫn diện những bộ quần áo mình yêu thích, thể hiện sở thích ăn mặc của bản thân. Đồng ý rằng những năm tháng sinh viên là quãng thời gian đẹp nhất của đời người, khi đó bạn sở hữu tuổi thanh xuân, sức khỏe, sắc đẹp và đó cũng là khoảng thời gian các bạn có thể tự do thể hiện cá tính của mình mà không có quá nhiều sự ràng buộc. Tuy nhiên, cũng chính vì sự thoải mái, ít ràng buộc đó mà một số bạn sinh viên vô tình quên đi ranh giới mong manh giữa “cá tính” và “phản cảm”.

Cá tính của một người có thể được thể hiện thông qua sự tự tin và phong cách riêng. Vấn đề đặt ra là phong cách ấy phải thể hiện ở chỗ kết hợp những bộ trang phục và trang sức phù hợp với bản thân, phù hợp với lứa tuổi và quan trọng nhất là phải phù hợp với hoàn cảnh, địa điểm mà bạn xuất hiện. Một chút vượt quá ngưỡng ấy thì có thể ngay lập tức khiến bạn trở nên phản cảm, lập dị.

Trường Đại học Đồng Tháp có những quy định khá cụ thể về trang phục của sinh viên khi tới lớp. Tuy nhiên, bên cạnh những bạn sinh viên chấp hành đúng theo quy định của nhà trường thì vẫn còn một số bạn sinh viên do phong cách và quan niệm ngày càng thoáng mà các bạn cũng trở nên “thoáng” hơn trong cách ăn mặc.

Cụ thể, không khó để chúng ta bắt gặp những bạn sinh viên cả nam và nữ vô tư đến trường với những trang phục từ chiếc quần jean rách hay những chiếc quần đáy quá ngắn đến những chiếc áo mỏng tang hoặc cổ trễ quá sâu. Cách thể hiện cá tính này không chỉ gây khó khăn cho việc sinh hoạt và di chuyển của các bạn mà còn vô tình gây phản cảm, thiếu tôn trọng với những người xung quanh.

Cũng chính từ vấn đề nên ăn mặc thế nào khi đến trường, Trường Đại học Đồng Tháp đã đưa ra những quy định cụ thể yêu cầu sinh viên không mặc đồ thể dục khi đi học (trừ những buổi học thể dục). Sinh viên nữ thuộc ngành sư phạm phải mặc áo dài một số ngày nhất định trong tuần và áo có cổ, quần dài, áo bỏ trong quần, đi dép có quai hậu khi đến lớp. Đối với sinh viên nam và sinh viên thuộc những ngành ngoài sư phạm phải mặc áo có cổ, áo bỏ trong quần, đi dép có quai hậu. Những quy định trên khá rõ ràng, nhưng để thể hiện “ cá tính” một số bạn sinh viên - những “ cô giáo tương lai” - vô tư diện những chiếc áo dài mỏng tang cùng với nội y sắc sỡ khi đến trường. Hoàn toàn vẫn đúng với quy định và vẫn “ cá tính”! Bên cạnh đó một số bạn còn vô tư diện những chiếc “áo có cổ” được xẻ ngực khá sâu, quên cài cúc áo hay những chiếc áo khoe trọn nửa tấm lưng khi đến lớp.

2.3. Nguyên nhân

Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến sự “thoáng đãng quá mức” trong vấn đề lựa chọn trang phục khi đến lớp của các bạn sinh viên ngày nay là bởi vì đa số các bạn khi bước vào môi trường Đại học đều sống xa nhà và không còn phải chịu sự quản thúc nhắc nhở của cha mẹ. Do vậy, các bạn trở nên tự do hoàn toàn trong vấn đề lựa chọn những trang phục cho cuộc sống hằng ngày theo sở thích riêng. Bên cạnh đó, nhà trường và Thầy Cô cũng chưa thật sự nghiêm khắc trong việc yêu cầu sinh viên mặc đúng quy định khi đến trường.

Nguyên nhân chủ quan: Chưa có ý thức chấp hành đúng nội quy hoặc đã có ý thức nhưng ngủ dậy trễ, không còn thời gian để mặc trang phục theo quy định (tốn thời gian nhiều hơn so với mặc bộ đồ thể dục hoặc không bỏ áo vô quần). Một phần vì sự tự do trong việc thể hiện cá tính, các bạn vô tình quên mất rằng ăn mặc phù hợp trong mỗi trường hợp, mỗi môi trường khác nhau cũng là một cách để thể hiện sự tôn trọng với những người xung quanh và để nhận lại sự tôn trọng tương tự cho bản thân mình.

2.4. Những giải pháp

Về phía nhà trường:

Thứ nhất, phổ biến rộng rãi quy định về trang phục khi đến lớp đến toàn thể sinh viên của trường đặc biệt là các bạn sinh viên năm nhất.

Thứ hai, thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ chấp hành quy định về trang phục của các bạn sinh viên qua đó có những chế tài, hình phạt tương xứng và thật sự mang tính giáo dục, răn đe nhằm nâng cao ý thức về ăn mặc phù hợp với môi trường của từng sinh viên.

Hình thức kiểm tra: Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên của trường thành lập những đội sinh viên tình nguyện trực ở cổng trường vào đầu giờ học để nhắc nhở và ghi tên những bạn sinh viên vi phạm quy định về trang phục khi đến trường. Đồng thời trong giờ giải lao, phòng Thanh tra - pháp chế cử cán bộ đi kiểm tra đột xuất một số lớp về trang phục. Tất cả kết quả kiểm tra gửi về khoa để có những hình thức xử lý phù hợp với mức độ vi phạm của mỗi bạn.

Về phía giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập:

Các bạn sinh viên năm nhất, với tâm lý vừa thoát khỏi môi trường không bị kiểm soát chặt chẽ như thời phổ thông, được tự do quyết định làm theo ý mình, các bạn thường muốn thể hiện và khẳng định bản thân. Giáo viên chủ nhiệm cần thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện trang phục của các bạn sinh viên trong lớp, qua đó uốn nắn, nhắc nhở kịp thời.

Cố vấn học tập bên cạnh việc giúp đỡ các bạn trong việc học nên thường xuyên trao đổi và phổ biến đến các bạn những quy định của nhà Trường, lắng nghe những ý kiến đóng góp hoặc khó khăn của các bạn để kịp thời có biện pháp hỗ trợ thích hợp.

Về phía tập thể lớp:

Ban cán sự lớp là những người được các bạn sinh viên trong lớp bầu ra và nhận được sự tin tưởng của giáo viên chủ nhiệm. Ngoài việc là những người bạn hỗ trợ nhau trong học tập, ban cán sự lớp còn là những người được tin tưởng và giao nhiệm vụ quản lí lớp. Vì vậy, mỗi bạn cán sự lớp cần nghiêm túc thực hiện những quy định của nhà trường và cần có sự quan tâm, nhắc nhở việc thực hiện đúng quy định về trang phục của các bạn trong lớp để cùng nhau chấp hành đúng quy định của nhà trường.

Đối với bản thân mỗi sinh viên:

Để các quy định của nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc thì ý thức cá nhân của mỗi bạn sinh viên là hết sức cần thiết. Bên cạnh việc tự ý thức và chấp

hành quy định đối với bản thân, các bạn cũng có thể quan tâm, nhắc nhở đến bạn bè xung quanh mình để cùng nhau thực hiện đúng quy định của nhà trường.

3. Kết luận, khuyến nghị

Có rất nhiều tiêu chí để chọn lựa một trang phục cho mỗi cá nhân, từ vóc dáng, màu da, thời tiết đến thời trang. Trong xu thế toàn cầu hóa ngày nay, giới trẻ đặc biệt là các bạn sinh viên là những đối tượng dễ dàng tiếp thu nhanh chóng các văn hóa mới về thời trang. Vậy nên để không làm mất đi nét đẹp văn hóa, thuần phong mỹ tục và các truyền thống lâu đời, chúng ta cần biết tiếp thu cái hay, cái mới một cách có chọn lọc, chọn lọc sao cho phù hợp và thật sự đẹp. Để nối tiếp truyền thống tốt đẹp từ bao đời của dân tộc ta, mỗi cá nhân cần nâng cao ý thức của bản thân hơn nữa để giữ được nét đẹp trong sáng trong môi trường giáo dục.

Sinh viên là tầng lớp trẻ, là tương lai của cả nước, chúng ta cần hòa nhập nhưng phải nhớ không được hòa tan và đặc biệt hòa nhập phải có chọn lọc kỹ càng và tinh tế nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2009), *Tài liệu bài giảng Khoa học quản lý giáo dục*, Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Lâm (2006), *Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [3]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC GIAO TIẾP CỦA TRẺ KHIẾM THÍNH TẠI TRƯỜNG NUÔI DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT ĐỒNG THÁP

SV.Nguyễn Ngọc Như Ý - SV.Phạm Thanh Hải Thi

Lớp: ĐHCTXH14

GVHD: ThS. Kiều Văn Tu

Tóm tắt: *Nhằm đánh giá năng lực giao tiếp, vai trò của các tổ chức xã hội trong giáo dục, phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ khiếm thính tại trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp, hướng tới nghiên cứu thử nghiệm công tác xã nhóm vào việc phát triển năng lực giao tiếp cho trẻ khiếm thính. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi với trẻ khiếm thính và cộng đồng xã hội. Cuộc khảo sát với 100 bảng hỏi khảo sát 2 nhóm đối tượng là Giáo viên, phụ huynh và trẻ khiếm thính. Hơn 50% trên tổng số 100 phiếu hỏi đánh giá khả năng giao tiếp của trẻ chỉ trên mức trung bình khá và chỉ có một số ít nhận định là tốt. Con số này phần nào cũng đã phản ánh được thực tế đang rất cần sự hỗ trợ, hợp tác từ phía nhà trường, phụ huynh và nhân viên công tác xã hội trong việc thúc đẩy nâng cao giao tiếp cho trẻ, giúp trẻ có thể tự tin hòa nhập với cộng đồng xã hội.*

Từ khóa: *Giao tiếp, Khiếm thính, Khuyết tật, Trẻ em.*

1. Giới thiệu

Giao tiếp là một trong những nhu cầu quan trọng của con người. Giao tiếp là hành vi và quá trình, trong đó con người tiến hành trao đi thông tin với nhau, nhận thức, đánh giá về nhau, tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau. Giao tiếp là điều kiện để tồn tại và phát triển xã hội, giúp con người hiểu nhau, gần gũi nhau hơn. Giúp con người không chỉ hiểu người khác mà còn hiểu chính bản thân mình, biết được điểm mạnh điểm yếu và không ngừng phấn đấu vươn lên. Giao tiếp còn giúp tạo mối quan hệ, cân bằng cảm xúc và phát triển nhân cách. Do vậy, để trẻ em được phát triển một cách toàn diện không chỉ học tập tại nhà trường mà còn phải thông qua quá trình giao tiếp với môi trường xung quanh.

Ngôn ngữ có một vai trò rất quan trọng trong sự phát triển khả năng giao tiếp. Đây được coi là phương tiện chủ yếu của giao tiếp. Vì vậy mức độ phát triển ngôn ngữ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng giao tiếp.

Mức độ điếc của trẻ:

Điếc nhẹ (Điếc mức I): Một trẻ điếc mức I sẽ không nghe thấy được một số âm thanh lời nói - đặc biệt là các phụ âm nhỏ. Nếu nói rất nhỏ trẻ sẽ không nghe thấy một số âm thanh. Những trẻ điếc nhẹ vẫn có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói.

Điếc vừa (Điếc mức II): Trẻ điếc mức II sẽ không nghe thấy một số âm thanh lời nói. Những trẻ điếc vừa nói không rõ, phát âm thiếu chuẩn xác, người đối thoại phải chú ý nghe mới hiểu.

Điếc nặng (Điếc mức III): Trẻ điếc mức III sẽ không nghe được phần lớn âm thanh của ngôn ngữ nói trong giao tiếp thông thường.

Điếc sâu (Điếc mức IV): Một trẻ điếc mức IV sẽ không nghe thấy chút nào âm thanh lời nói trong giao tiếp thông thường, thậm chí ngay cả khi nói to trẻ cũng không nghe thấy.

Những trẻ điếc nặng và sâu khả năng giao tiếp ngôn ngữ nói của trẻ rất hạn chế (nói sai nhiều, vốn từ ít, khó hiểu...) Vì âm thanh có tần số và cường độ khác nhau, cho nên mức độ điếc ở những tần số khác nhau cũng dẫn đến khả năng nghe được âm thanh lời nói khác nhau. Có những trẻ bị điếc ở tần số cao thì khó có thể nghe thấy những âm thanh lời nói ở tần số đó, nhưng những âm thanh ở tần số trung và trầm, trẻ vẫn có thể nghe được. Ngược lại, những trẻ điếc ở tần số trầm thì lại có thể nghe được những âm thanh lời nói ở tần số cao nhiều hơn.

Trẻ khiếm thính do có khó khăn về mặt ngôn ngữ nên nhìn chung thường xuất hiện tính rụt rè, nhút nhát trong giao tiếp. Đối với một đứa trẻ, cảm giác bị điếc có thể giống như việc sống trong một cái hộp kính bao quanh. Trẻ điếc có thể nhìn thấy mọi người đang nói nhưng lại không hiểu họ nói cái gì. Mọi người được tiếp xúc với nhau vì họ học được ngôn ngữ để giao tiếp. Nhưng trẻ điếc không thể học được ngôn ngữ khi mà trẻ không nghe thấy gì. Điều này có nghĩa là nhiều trẻ điếc lớn lên mà không thể học hoặc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với những người ở xung quanh mình. Thông thường trẻ rất ngại giao tiếp bằng lời nói. Khi phải tiếp xúc với người lạ, trẻ thường lẩn tránh. Trẻ khiếm thính cũng thường gặp trở ngại khi bắt đầu một cuộc giao tiếp. Trẻ ít có thể thu hút sự chú ý của người khác bằng lời nói bình thường, do đó việc tổ chức một cuộc giao tiếp với người nghe khó khăn hơn bình thường. Để thu hút sự chú ý của người khác khi muốn bắt đầu giao tiếp,

trẻ chủ yếu dùng cử chỉ điệu bộ hoặc sự tiếp xúc. Nhiều trẻ chạm vào người giao tiếp, đập tay hoặc đập vào người khác trước khi nói chuyện không đúng cách, khiến người tham gia giao tiếp cảm thấy không bình thường hoặc không thoải mái. Mọi người có một nhu cầu rất lớn đó là giao tiếp và xây dựng mối quan hệ với người khác. Khi một đứa trẻ không có kỹ năng giao tiếp để tiếp cận với người khác, và khi người khác không biết làm thế nào để giao tiếp hay tiếp cận với, trẻ có thể bị bỏ rơi. Một trẻ có ngôn ngữ mạch lạc, có thể giao tiếp và truyền đạt thông tin, trẻ đó sẽ tự tin trong giao tiếp và tiếp xúc với người khác. Một trẻ nói mà không ai hiểu hoặc nhận được sự nhạo báng, nhắc nhở liên tục có thể dễ rơi vào tự ti, mặc cảm và trở nên ngại giao tiếp. Cứ như vậy, sau một thời gian, trẻ bị cô lập về mặt xã hội.

Tuy nhiên không vì gặp khó khăn trong vấn đề ngôn ngữ nói mà trẻ khiếm thính không tham gia giao tiếp có phương thức giao tiếp phù hợp.

Trẻ thích giao tiếp với những người cùng có tật khiếm thính như mình. Trong giao tiếp với những trẻ khiếm thính khác, ngôn ngữ ký hiệu được sử dụng nhanh nhẹn và hiệu quả hơn là ngôn ngữ lời nói. Trẻ có cảm giác thoải mái, tự tin hơn khi giao tiếp với bạn và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với mình.

Trẻ không chỉ thu nhận thông tin bằng ngôn từ mà qua cả nét mặt và những sự thể hiện phi lời nói: ngôn ngữ cơ thể.

Trẻ vẫn có thể phát triển phương tiện giao tiếp có lời và có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp không lời để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của mình.

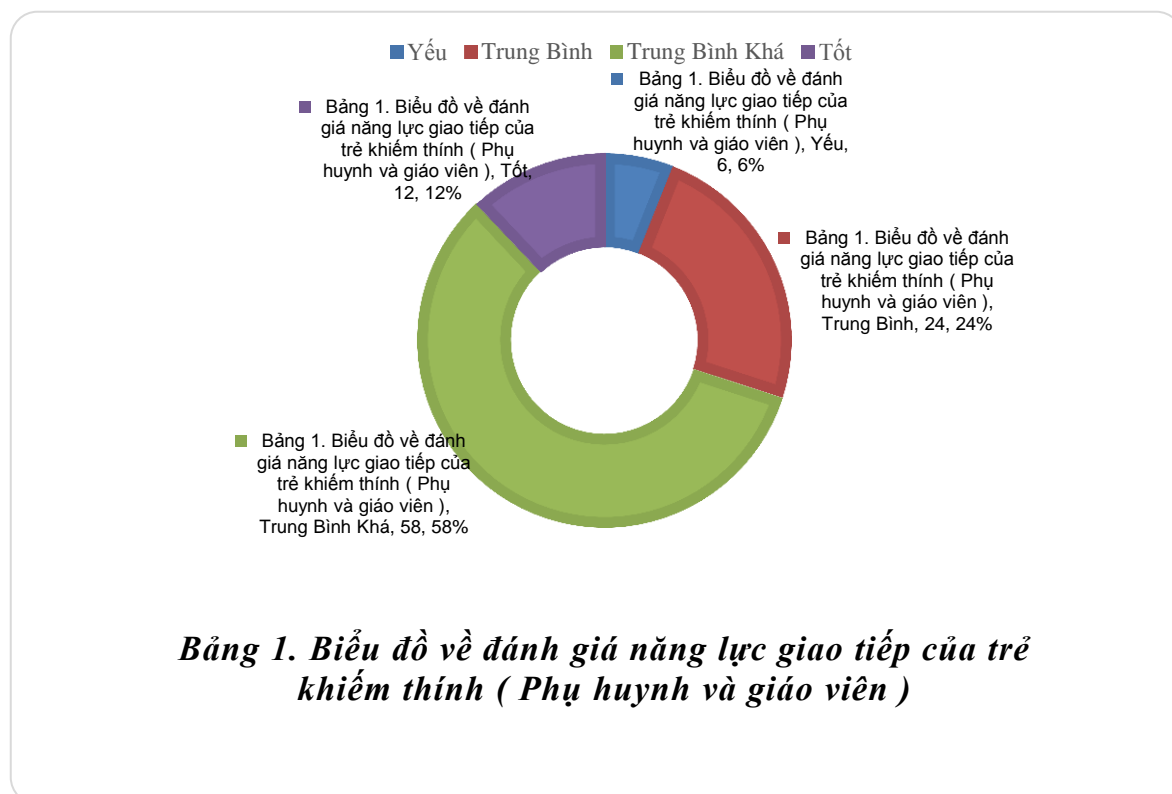
Dựa vào phương pháp Công tác xã hội nhóm là một trong những đặc thù của CTXH. Phương pháp CTXH với nhóm chính là sự vận dụng kỹ năng mang tính chuyên nghiệp để can thiệp, hỗ trợ những nhóm xã hội yếu thế nhằm thay đổi nhận thức, hành vi, tăng cường năng lực giải quyết các vấn đề xã hội của các thành viên trong nhóm. Vì thế CTXH nhóm là một hoạt động khá phức tạp bởi nó mang nhiều yếu tố biến đổi cần quan tâm như: các nhóm viên, tiểu nhóm, toàn nhóm, mục đích, chương trình hoạt động của nhóm, cơ sở hoạt động, năng động nhóm, bầu không khí nhóm,...

Để thuận lợi hơn trong việc đưa phương pháp vào thực hành, chúng tôi đã thực hiện cuộc khảo sát về nhiều nội dung khác nhau và chú trọng nhất là thực trạng giao tiếp của các em. Cuộc khảo sát đã được thực hiện thông qua việc phát

50 phiếu hỏi cho trẻ và 50 phiếu cho giáo viên, phụ huynh của trẻ đang theo học tại trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Tháp và đã thu được nhiều kết quả rất có giá trị trong suốt quá trình nghiên cứu của chúng tôi nói riêng và ngành công tác xã hội nói chung.

2. Thực trạng năng lực giao tiếp của trẻ khiếm thính tại trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp

2.1. Đặc điểm trẻ khiếm thính tại trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp



Theo đánh giá của giáo viên và phụ huynh học sinh khi trả lời câu hỏi về mức độ giao tiếp của học sinh như thế nào chúng tôi thu được kết quả: 58% người trả lời cho rằng mức độ giao tiếp của trẻ khiếm thính ở mức độ 51%-75%; 24% người trả lời câu hỏi đánh giá mức độ giao tiếp của trẻ ở mức 26%-50%; 12% người trả lời câu hỏi thấy rằng mức độ giao tiếp của trẻ ở mức 76%-100%; chỉ 6% người trả lời chọn mức 10%-25%.

Ở mức 76%-100% là mức độ giao tiếp tốt;

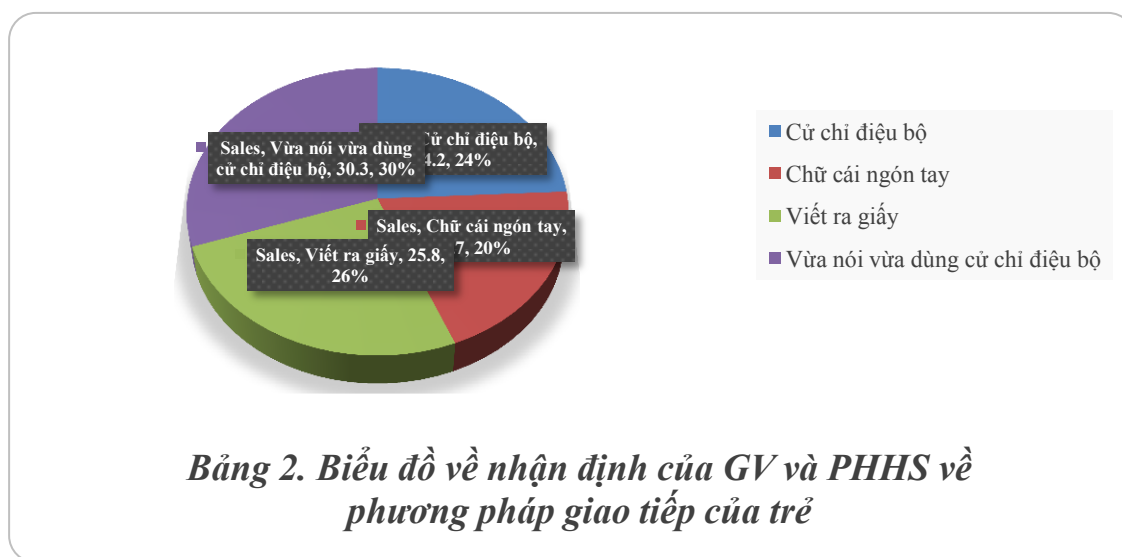
51%-75% là mức giao tiếp khá , ổn;

26%-50% mức độ giao tiếp trung bình;

10%-25% mức độ giao tiếp yếu.

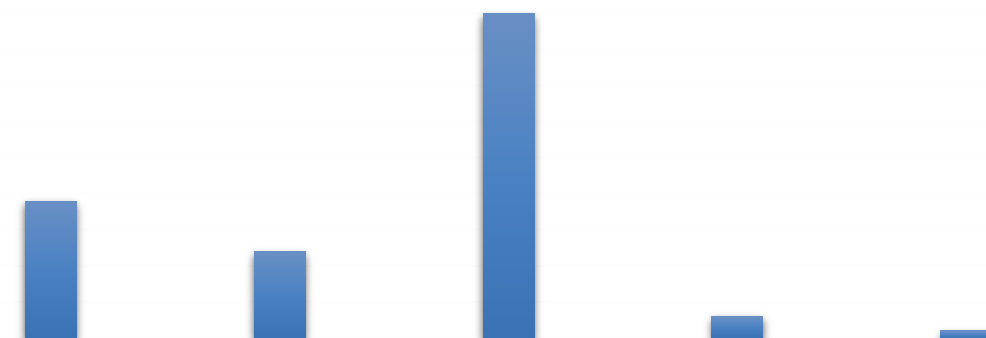
Từ kết quả trên, chúng ta thấy rằng, khả năng giao tiếp của trẻ khiếm thính trong thời điểm hiện tại chỉ ở mức trung bình khá và con số có khả năng giao tiếp được nhận định tốt chỉ chiếm số ít. Qua những con số thực tế, mức độ này chưa nằm ở ngưỡng báo động nhưng cũng đề cho các nhân viên xã hội cũng như cộng đồng đặc biệt chú ý để đưa các em đạt được kết quả cao hơn, giúp các em có thể hòa nhập.

2.2. Phương pháp giao tiếp của giáo viên và phụ huynh đối với học sinh



Phương pháp giao tiếp với người khuyết tật khiếm thính có nhiều cách và nhiều dạng tùy theo người giao tiếp là người thân hay người lạ đối với người khuyết tật khiếm thính. Qua cuộc khảo sát với giáo viên và phụ huynh học sinh của hơn 50 em học sinh khiếm thính tại trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp thu được kết quả các phương pháp giao tiếp bao gồm cử chỉ điệu bộ, chữ cái ngón tay, viết ra giấy hoặc kết hợp việc sử dụng cử chỉ điệu bộ và nói để trẻ nhìn khẩu hình miệng và đoán được ý nghĩa một cách dễ dàng hơn. Với phương pháp sử dụng cử chỉ điệu bộ được sử dụng chiếm 24.2%, phương pháp chữ cái ngón tay chiếm 19.7%, sử dụng giấy viết được sử dụng nhiều chiếm 25.8% và cuối cùng việc kết hợp vừa nói vừa sử dụng cử chỉ điệu bộ chiếm tỷ lệ cao nhất 30.3%. Với tỷ lệ phần trăm khảo sát được cho thấy việc vừa nói vừa dùng cử chỉ điệu bộ là phù hợp và dễ dàng hơn cho trẻ khi giao tiếp với những người thân quen, giúp cho trẻ khái quát được nội dung lời nói và rèn luyện nhìn khẩu hình miệng để việc giao tiếp được tốt hơn. Tỷ lệ thấp nhất thuộc về phương pháp chữ cái ngón tay vì đây là phương pháp chuyên môn và thích hợp hơn cho việc giao tiếp giữa giáo viên và học sinh.

Tuy nhiên, cùng câu hỏi đó, với đối tượng trẻ khiếm thính, chúng tôi lại nhận được một kết quả khác. Trong khi giáo viên và phụ huynh sử dụng phương pháp viết giấy ở mức độ khá cao là 25,8% thì trẻ khiếm thính lại ít sử dụng phương pháp này trong giao tiếp. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả khảo sát chỉ chiếm 18,8% và các phương pháp còn lại đều mở mức 27,7%. Dựa vào so sánh kết quả giữa hai nhóm đối tượng, chúng ta có thể thấy rằng, chưa có sự đồng nhất trong giao tiếp của trẻ, đứng ở một góc độ khác, trẻ đã thực hiện kỹ năng giao tiếp của mình với cộng đồng với sự đa dạng trong cách thức giao tiếp. Tuy nhiên, do sự không đồng đều về cách thức này cũng gây nên sự trở ngại không nhỏ khiến trẻ cũng hạn chế tiếp xúc với mọi người hơn.



Bảng 3. Biểu đồ về sự nhận định của GV và PHHS về đối tượng giao tiếp của trẻ

2.3. Đối tượng giao tiếp

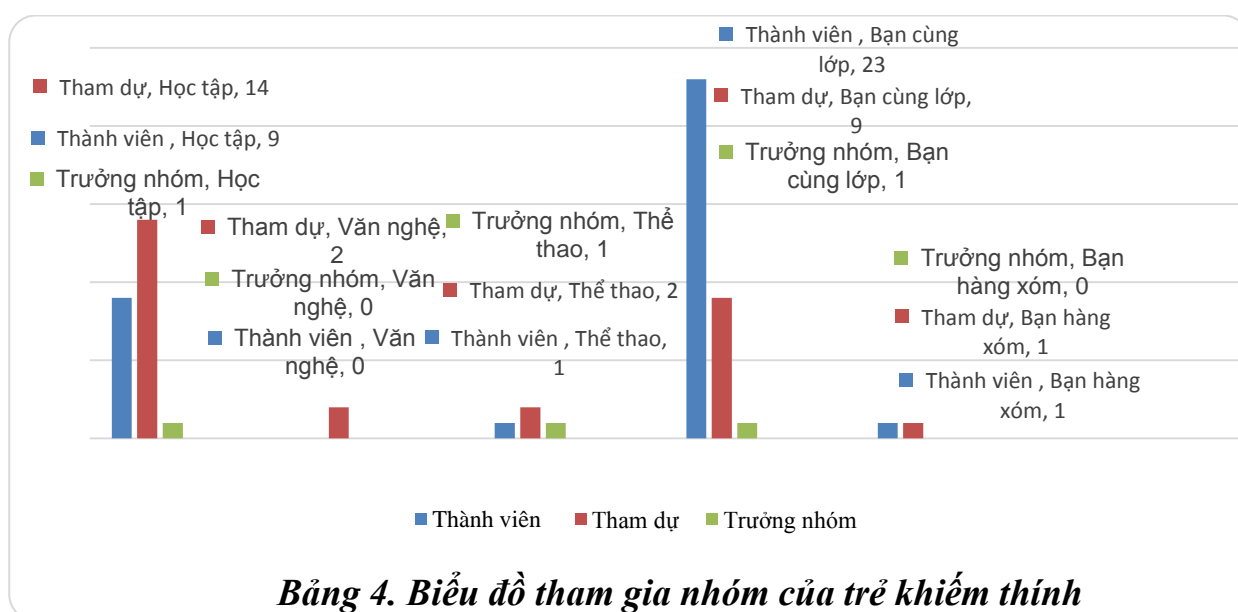
Qua quan sát và nhận xét của giáo viên và phụ huynh của trẻ khiếm thính đều nhận thấy rằng đối tượng giao tiếp của trẻ chủ yếu là bạn bè cùng trường lên tới 56.3%, thầy cô chiếm 23.8% và người thân trong gia đình 15%. Môi trường học tập ở Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Tháp có hai hình thức nội trú và bán trú mà đa số là nội trú nên đa số thời gian sinh hoạt của trẻ là ở trường ít tiếp xúc với gia đình, người thân. Thầy cô hay cha mẹ đều là những người thân thuộc với trẻ ít có khoảng cách giữa hai người sẽ dễ dàng hơn trong việc giao tiếp với trẻ nhưng đối với các đối tượng là hàng xóm hay người lạ là những trường hợp đặc biệt ít tiếp xúc với trẻ và chưa có sự hiểu biết về ý nghĩa của các ký hiệu hay cử chỉ mà trẻ sử dụng do đó tạo khoảng cách nhất định. Đối với bạn bè, hàng xóm trẻ giao tiếp chỉ có

3.8% và đối với người lạ là 1.3%. Điều này cho trẻ em khuyết tật rất ít các hoạt động giao tiếp với người lạ và mọi người chưa có sự quan tâm nhất định đối với trẻ khuyết tật để có thể chủ động giao tiếp với các em. Mặt khác trẻ em khuyết tật còn nhiều mặc cảm với xã hội về khiếm khuyết của mình và rụt rè chưa cởi mở để có thể hòa nhập tốt với mọi người.

Để nhận được kết quả khách quan hơn, chúng tôi thực hiện câu hỏi này với chính trẻ khiếm thính tại trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Tháp, giống như đánh giá ban đầu từ phía thầy cô và phụ huynh, các em đều tập trung giao tiếp nhiều với các bạn bè và thầy cô tại trường. Thế nhưng, ở khía cạnh trẻ khiếm thính, trẻ lại cho rằng mình ít tiếp xúc với cả người thân và hàng xóm với con số 27,7%, một con số chỉ chiếm ¼ trong các nhóm đối tượng.

Không quá khó khăn để lý giải cho sự khác biệt này bởi như chúng ta đã nhận thấy trong phần khảo sát về phương pháp giao tiếp của các em, giữa trẻ khiếm thính và các nhóm đối tượng giao tiếp của trẻ đã gặp rất nhiều khó khăn trong sự đồng nhất cách thức. Ở trường học, các thầy cô, bạn bè của trẻ đều được học và sử dụng thành thạo phương thức chuyên môn bằng cử chỉ điệu bộ hoặc chữ cái ngón tay. Trong khi đó, hiện tại rất hiếm gia đình và hàng xóm của trẻ được học về những phương pháp này. Thế nên, có thể kết luận rằng, ngoài khoảng cách, sự thân thiết có thể chi phối giao tiếp của trẻ thì phương pháp giao tiếp cũng tác động không nhỏ.

2.4. Sự tham gia của trẻ khiếm thính



Một biểu hiện khác thể hiện khả năng giao tiếp của các em là việc tham gia vào các hội nhóm và vị trí trong nhóm. Trong bài nghiên cứu chỉ hướng đến các nhóm cơ bản mà trẻ dễ tiếp cận và tham gia như: nhóm bạn bè, nhóm học tập, nhóm thể thao,...Được khảo sát trên 50 em học sinh khiếm thính ở các lớp khác nhau có 33 em tham gia vào nhóm bạn cùng lớp - nhóm nhiều nhất so với các nhóm khác trong khảo sát – cho thấy việc giao tiếp với bạn bè cùng lớp sẽ dễ dàng và thuận tiện hơn các nhóm khác rất nhiều; nhóm bạn cùng lớp có 1 em giữ vai trò trưởng nhóm, 13 em thành viên và 9 em tham dự. Tiếp theo là nhóm học tập có số lượng học sinh tham gia nhiều thứ hai sau nhóm bạn cùng lớp. Trong nhóm học tập có 2 nhóm trưởng, 23 em là thành viên và 9 em chỉ tham dự. Các nhóm còn lại có rất ít thành viên tham gia gồm nhóm thể thao, nhóm văn nghệ và nhóm bạn bè cùng xóm. Nhóm thể thao có 4 em tham gia trong đó có 1 nhóm trưởng, 1 thành viên và 2 em tham dự; nhóm văn nghệ có 2 em tham dự; nhóm bạn bè cùng xóm có 1 thành viên và 1 em tham dự. Qua thống kê về các nhóm mà trẻ tham gia cho thấy đối với các nhóm sẵn có như nhóm bạn cùng lớp hoặc nhóm học tập trẻ đều tham gia tích cực tuy nhiên đối với các nhóm đòi hỏi nhiều hoạt động bên ngoài học tập thì trẻ ít tiếp xúc, tham gia. Có thể thấy trẻ khiếm thính chưa ở thế chủ động để tham gia các hội nhóm để rèn luyện thêm các kỹ năng trong cuộc sống cũng như trong giao tiếp. Về việc giữ vai trò trong nhóm có rất ít trẻ giữ vai trò trưởng nhóm đa số trẻ còn thiếu tự tin để đảm nhận vai trò này, đa phần trẻ chọn hình thức là thành viên để tham gia vào nhóm.

3. Kết luận

Giao tiếp đóng vai trò thật sự rất quan trọng trong quá trình đưa trẻ khiếm thính hòa chung với xã hội, xóa bỏ khoảng cách về sự phân biệt cũng như để trẻ có thể tự tin thể hiện bản thân trong mọi lĩnh vực, khẳng định năng lực của mình. Và một lần nữa, để giao tiếp phát huy được sự tác động của mình đến sự phát triển của trẻ cần có sự kết hợp của nhiều phương pháp khác nhau từ phía nhà trường, gia đình và nhân viên công tác xã hội. Thông qua nghiên cứu và sự khảo sát trên, chúng ta thấy được rằng đối tượng, phương pháp giao tiếp và sự tham gia của trẻ có sự tác động qua lại, ảnh hưởng rất lớn đến khả năng giao tiếp. Khi không có sự thống nhất trong phương pháp giữa các nhóm đối tượng, khi sự tham gia của trẻ vào các nhóm không đa dạng, phong phú cũng làm cho kỹ năng giao tiếp không được phát huy tối

đa. Từ đó, bước đầu, chúng ta cũng đã tìm ra một số nguyên nhân tác động và cần có sự nghiên cứu nhiều hơn để đưa ra những giải pháp, những mô hình phương pháp mới hỗ trợ cho trẻ khiếm thính trong suốt quá trình phát triển và hòa nhập với cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Kim Hoa, *Giáo trình Công tác xã hội với người khuyết tật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Tài liệu tập huấn về chính sách trợ giúp người khuyết tật, quyền và qui trình thực thi quyền của người khuyết tật, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
- [3]. Đào Thị Vân Anh (2005), Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả các hoạt động học tập cho học sinh khuyết tật, *Đề tài cấp bộ*.
- [4]. Đại học LĐTB&XH và Hội trợ giúp Người khuyết tật Việt Nam (2014), *Giáo trình CTXH với người khuyết tật*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thị Thái Lan (2008), *Công tác xã hội nhóm*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

1. Nguyễn Thị Kim Ngân (Chủ nhiệm), Đặng Trường Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Hòa, Phạm Văn Thừa, ***Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tự học cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị Trường Đại học Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2013.03.04, Người hướng dẫn khoa học ThS. Lê Văn Tùng, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2013-2014, nghiệm thu năm 2014, xếp loại Khá.
2. Lưu Thị Loan (Chủ nhiệm), Châu Văn Tí, ***Phật giáo Nam Tông với việc giáo dục đạo đức, lối sống cho người Khmer ở huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng hiện nay***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2014.02.20, Người hướng dẫn khoa học ThS. Mai Thị Thanh, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2014-2015, nghiệm thu năm 2015, xếp loại Khá.
3. Nguyễn Ngọc Tú (Chủ nhiệm), ***Xây dựng đức tính “cần, kiệm” theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên ngành GDCT và CTXH ở Trường Đại học Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2014.02.21, Người hướng dẫn khoa học ThS. Nguyễn Công Lập, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2014-2015, nghiệm thu năm 2015, xếp loại Đạt.
4. Nguyễn Văn Tới (Chủ nhiệm), ***Phân công lao động theo giới trong gia đình tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2014.02.23, Người hướng dẫn khoa học ThS. Kiều Văn Tu, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2014-2015, nghiệm thu năm 2015, xếp loại Tốt.
5. Phan Thị Hồng Nhung (Chủ nhiệm), Lê Nguyễn Tường Vi, ***Lao động trẻ em tại thành phố Cao Lãnh – Thực trạng và giải pháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2014.02.22, Người hướng dẫn khoa học ThS. Kiều Văn Tu, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2014-2015, nghiệm thu năm 2015, xếp loại Khá.
6. Lê Vũ Cảnh (Chủ nhiệm), Dương Trọng Nghĩa, Huỳnh Thị Kiều, ***Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2015.02.14, Người hướng dẫn khoa học ThS. Đỗ Duy Tú, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2015-2016, xếp loại Khá.
7. Huỳnh Thị Trúc Linh (Chủ nhiệm), Trần Thị Kim Hà, Trần Nguyễn Bảo Yến, Nguyễn Thành An, ***Giải pháp nâng cao năng lực tự học TOEIC cho sinh viên khoa Giáo dục chính trị - Công tác xã hội, trường đại học Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số CS.2015.02.15, Người hướng dẫn khoa học ThS. Trần Kim Ngọc, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2015-2016, xếp loại Khá.
8. Hồ Hoàng Kiên (Chủ nhiệm), Lê Ngọc Yên, Phan Thùy Vân, Hồ Thị Ngọc An, ***Nhận thức, thái độ của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp về người đồng tính***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2016.02.27,

- Người hướng dẫn khoa học ThS. Trần Kim Ngọc, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2016-2017, Đang triển khai.
9. Lê Hoài Nam (Chủ nhiệm), Nguyễn Thị Ý Nhi, Nguyễn Thanh Nhã, ***Vai trò của nhân viên xã hội trong bảo vệ và chăm sóc trẻ em mồ côi (nghiên cứu trường hợp tại Nhà tình thương thành phố Sa Đéc và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp)***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2016.02.26, Người hướng dẫn khoa học ThS. Trần Văn Luận, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2016-2017, Đang triển khai.
 10. Nguyễn Ngọc Như Ý (Chủ nhiệm), Nguyễn Thị Bé Ngoan, Phạm Thanh Hải Thi, ***Nâng cao năng lực giao tiếp của trẻ em khuyết tật thông qua phương pháp công tác xã hội nhóm tại Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2016.02.28, Người hướng dẫn khoa học ThS. Kiều Văn Tu, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2016-2017, Đang triển khai.
 11. Phan Bảo Ngọc Trinh (Chủ nhiệm), Nguyễn Phan Minh Trí, Lê Thị Huỳnh Mai, ***Ý thức chấp hành quy định về trang phục khi đến lớp của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp: thực trạng và giải pháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2016.02.30, Người hướng dẫn khoa học ThS. Lê Kim Oanh, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2016-2017, Đang triển khai
 12. Nguyễn Việt Tiến (Chủ nhiệm), Nguyễn Thị Thanh Hoa, ***Nội dung và ý nghĩa của triết lý hiếu nghĩa trong xây dựng đời sống văn hóa ở Tây Nam Bộ***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2016.02.29, Người hướng dẫn khoa học TS. Lê Văn Tùng, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2016-2017, Đang triển khai.
 13. Lê Trung Nhiệm (Chủ nhiệm), ***Giáo dục chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2017.02.08, Người hướng dẫn khoa học ThS. Nguyễn Công Lập, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2017-2018, Đang triển khai.
 14. Nguyễn Thanh Phong (Chủ nhiệm), ***Mô hình công tác xã hội trong bệnh viện tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp***, Đề tài Khoa học công nghệ Cấp cơ sở, Mã số SPD2017.02.09, Người hướng dẫn khoa học ThS. Đỗ Thị Thảo, Cấp quản lý Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian thực hiện 2017-2018, Đang triển khai.

BÀI BÁO ĐĂNG TẠP CHÍ KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

1. Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Văn Tùng (2012), “Truyền thống khoan dung Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, số tháng 5, ISSN 1859-4816.
2. Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Văn Tùng (2013), “Triết lý nhân sinh của cư dân Nam Bộ qua khảo cứu của Sơn Nam”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch, số 353, tháng 11, ISSN 0866-8655.
3. Nguyễn Thị Kim Ngân (2013), “Văn hóa gia đình với việc xây dựng gia đình văn hóa hiện nay”, *Tạp chí Tri thức Khoa học*, Sở Khoa học và Công nghệ TP Cần Thơ, số tháng 11, ISSN 1859-2333.
4. Nguyễn Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Mỹ Hòa (2014), “Hoạt động tự học của sinh viên ngành Giáo dục chính trị Trường Đại học Đồng Tháp”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, số tháng 5, ISSN 1859-2694.
5. Nguyễn Thị Mỹ Hòa, Đặng Trường Sơn (2014), “Triết lý nhân sinh trong Đờn ca tài tử Nam Bộ”, *Tạp chí Tri thức Khoa học*, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Cần Thơ, số 4 (50), ISSN 1859-2333.
6. Đặng Trường Sơn, Lê Văn Tùng (2015), “Triết lý giáo dục của Tsunesaburo Makiguchi”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, số tháng 6, ISSN 1859-2694.
7. Lê Vũ Cảnh, Đỗ Duy Tú (2015), “Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên trong điều kiện hiện nay”, *Tạp chí Tri thức xanh*, Viện Khoa học Môi trường và Xã hội, số 8, ISSN 0886-7438.
8. Lê Văn Tùng, Nguyễn Thị Mỹ Hòa (2016), “Triết lý giáo dục của Karl Jaspers”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Mở TP HCM, số 1(46), ISSN 1859-3453.
9. Lê Văn Tùng, Nguyễn Vĩnh Phong (2016), “Tìm hiểu triết học đạo đức của Edgar Morin”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, số 6, ISSN 0866-8647.
10. Nguyễn Việt Tiến, Lê Văn Tùng (2017), “Triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, số tháng 5, ISSN 1859-2694.

BÀI BÁO ĐĂNG KÝ YẾU HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC

1. Lê Thị Trúc Lin (ĐHGDCT15A), Lê Văn Tùng (2017), “Nâng cao hiệu quả dạy học môn giáo dục công dân đáp ứng yêu cầu kì thi Trung học phổ thông Quốc gia”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia*, Trường Đại học Sư phạm Huế, Nxb. Đại Học Huế.
2. Nguyễn Việt Tiến (ĐHGDCT14B) (2015), “Tìm hiểu tư tưởng đạo đức của Khổng Tử”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
3. Trần Dương Linh, Võ Văn Kha (ĐHGDCT14A) (2015), “Tìm hiểu tư tưởng khoan dung của Phật giáo”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
4. Phạm Thị Mỹ Duyên (ĐHGDCT13) (2015), “Tìm hiểu triết lý nhân sinh trong tác phẩm Đạo đức kinh của Lão Tử”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
5. Nguyễn Vĩnh Phong (ĐHGDCT13) (2015), “Tìm hiểu tư tưởng chính trị của Mặc gia”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
6. Nguyễn Thành An (ĐHGDCT13) (2015), “Quan niệm của John Locke về tự do trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền*”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
7. Nguyễn Thị Xuyên (ĐHGDCT11) (2015), “Quan niệm của Hegel về quyền lực nhà nước trong tác phẩm *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
8. Đoàn Duy Trúc Ngọc (ĐHGDCT13) (2015), “Tìm hiểu quan điểm của V.I.Lênin về nhiệm vụ của đoàn thanh niên”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
9. Lưu Thị Loan (ĐHGDCT12) (2015), “Từ việc tìm hiểu vai trò của nhà nước trong học thuyết kinh tế của Keynes đến liên hệ thực tiễn quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
10. Lê Thị Tố Quyên (ĐHGDCT13) (2015), “Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc ở Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
11. Lê Ngọc Hân (ĐHGDCT12) (2015), “Tư duy phản biện của sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
12. Nguyễn Thị Cẩm Tiên (ĐHGDCT14B) (2015), “Giáo dục giá trị đạo đức nhân văn cho học sinh trung học phổ thông qua môn giáo dục công dân”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
13. Nguyễn Chí Công (ĐHGDCT14A) (2015), “Thực trạng đạo đức của học sinh trung học phổ thông”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
14. Trần Thị Hoàng Lan (ĐHGDCT12), (2015), “Học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên Khoa GDCT và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp”, Trường

- Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
15. Nguyễn Thị Thanh Hoa (ĐHGDCT14A) (2015), “Vận dụng vai trò của quy luật lượng và chất vào quá trình học tập của sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 16. Huỳnh Thị Trúc Linh, Trần Nguyễn Bảo Yên, Trần Thị Kim Hà, Nguyễn Thành An (ĐHGDCT13) (2015), “Vai trò của hoạt động tự học trong chương trình học TOEIC của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Trường Đại học Đồng Tháp.
 17. Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyễn Ngọc Thảo Nhi (ĐHCTXH12) (2015), “Định hướng chuẩn giá trị trong hôn nhân gia đình của sinh viên Khoa Giáo dục chính trị và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 18. Dương Thị Kiều Tiên (ĐHGDCT11) (2015), “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục ý thức tự tôn dân tộc cho thành niên huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 19. Nguyễn Ngọc Trai (ĐHGDCT11) (2015), “Giải pháp phát triển nguồn lực con người ở huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 20. Nguyễn Ngọc Như Ý, Phạm Thanh Hải Thi (ĐHCTXH13) (2015), “Tìm hiểu kỹ năng đọc sách của sinh viên ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 21. Dương Quý Nhân Hoàng (ĐHGDCT11) (2015), “Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với tôn giáo ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 22. Nguyễn Minh Kha (ĐHGDCT13) (2015), “Quá trình xây dựng nông thôn mới ở xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp – Những vấn đề đặt ra”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 23. Võ Thị Thu Biên, Nguyễn Thanh Phong, Đinh Thị Ngọc Ngân, Lê Hoài Nam (ĐHCTXH14) (2015), “Những khó khăn tâm lý của sinh viên năm thứ nhất Khoa Giáo dục chính trị và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 24. Nguyễn Văn Tới (ĐHCTXH) (2015), “Một số khó khăn trong thực hành, thực tập Công tác xã hội của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 25. Phan Hoàng Thanh, Võ Thiện Khiếp (ĐHCTXH13) (2015), “Sinh kế của người nghèo ở phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
 26. Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Lê Ngọc Yên (ĐHCTXH13) (2015), “Vai trò của Hội Phụ nữ trong hoạt động phát triển kinh tế ở phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.

27. Nguyễn Hoàng Phúc (ĐHCTXH13) (2015), “Tìm hiểu thực trạng ô nhiễm môi trường nước ở xã Định Yên, Lập Vò, Đông Tháp và một số giải pháp khắc phục”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
28. Trần Văn Nhiều, Châu Thị Diễm Hương, Mai Thị Anh (ĐHCTXH12) (2015), “Thực trạng và giải pháp xử lý rác thải sinh hoạt của hộ gia đình xã Tân Mỹ, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
29. Phan Thùy Vân - Hồ Thị Ngọc An (ĐHCTXH13) (2015), “Tìm hiểu Dự án Phù Sa ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2015*, Khoa GDCT – CTXH, Trường Đại học Đồng Tháp.
30. Lê Ngọc Hân (ĐHGDCT12), Lê Minh Kỳ (ĐHGDCT13) (2015), “Giải pháp nâng cao hứng thú học tập các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia*, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
31. Lê Thị Tố Quyên (ĐHGDCT13), Lê Thanh Dũng (2015), “Vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập các môn lý luận chính trị”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Huế.
32. Nguyễn Vĩnh Phong (ĐHGDCT13), Lại Thị Lý (2015), “Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm vào dạy học các môn lý luận chính trị”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Huế.
33. Lê Ngọc Hân (ĐHGDCT12), Lê Văn Tùng (2015), “Bồi dưỡng phương pháp và kỹ năng tự học các môn lý luận chính trị cho sinh viên cao đẳng, đại học hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Huế.
34. Nguyễn Thị Kim Ngân (ĐHGDCT10), Lê Văn Tùng (2014), “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tự học các môn lý luận chính trị ở bậc đại học”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Tiền Giang.
35. Đặng Thị Xuân Hồng, Nguyễn Hoàng Khương (ĐHGDCT10), “Quy luật phù định với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
36. Lê Vũ Cảnh, Huỳnh Thị Kiều (ĐHGDCT13), “Những giá trị đạo đức công dân toàn cầu và ý nghĩa của nó”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
37. Lưu Thị Loan (ĐHGDCT12), “Quan niệm về con người của Phật giáo Nam Tông trong việc hình thành đạo đức, lối sống đồng bào Khmer ở Sóc Trăng hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
38. Nguyễn Thị Kim Ngân (ĐHGDCT10), Lê Văn Tùng (2014), “Đường khách mệnh” với việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho sinh viên hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang.
39. Lê Ngọc Hân (ĐHGDCT12), Lê Văn Tùng (2014), “Ngăn chặn bạo lực học đường – nhìn từ góc độ giáo viên chủ nhiệm”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh.
40. Lưu Thị Loan, Lê Ngọc Hân (ĐHGDCT12), “Giải pháp góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học các trường ĐHSP toàn quốc lần thứ VII*, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.

41. Nguyễn Ngọc Trai, Nguyễn Thị Xuyên (ĐHGDCT11), “Quan điểm của Triết học Mác – Lênin về hạnh phúc và ý nghĩa hiện thời của nó”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
42. Nguyễn Ngọc Tú (ĐHGDCT11), “Xây dựng đức tính “Cần, kiệm” theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*”.
43. Nguyễn Thị Mỹ Hòa (ĐHGDCT11), “Tư tưởng giáo dục của chủ nghĩa hiện sinh”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
44. Đặng Thị Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (ĐHCTXH11), “Một số kỹ năng làm việc nhóm trong học tập của sinh viên Khoa Giáo dục chính trị và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp: Thực trạng và khuyến nghị”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
45. Lê Nguyễn Tường Vi (ĐHCTXH11), “Lao động trẻ em tại thành phố Cao Lãnh – Thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
46. Nguyễn Văn Tới (ĐHCTXH11), “Phân công lao động theo giới trong gia đình: Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2014*, Trường Đại học Đồng Tháp.
47. Đặng Trường Sơn (ĐHGDCT11), Lê Ngọc Hân (ĐHGDCT12), Lê Văn Tùng (2013), “Một số kỹ năng giúp sinh viên tự học có hiệu quả trong quá trình học tập ở bậc đại học theo hệ thống tín chỉ”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Đồng Tháp.
48. Nguyễn Thị Kim Ngân, Phạm Văn Thừa (ĐHGDCT10), Lê Văn Tùng (2013), “Hình thành kỹ năng tự học cho sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Đồng Nai.
49. Cao Thị Thu, Trần Thị Xan (ĐHGDCT09A), “Xây dựng tập thể đoàn kết cho sinh viên Khoa Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
50. Nguyễn Thị Kim Ngân, Phạm Văn Thừa (ĐHGDCT10), Đặng Trường Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Hòa (ĐHGDCT11), “Hoạt động tự học của sinh viên ngành đại học Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
51. Phan Thị Cẩm Giang, La Tia Xía (ĐHGDCT09A), “Giáo dục thẩm mỹ cho học sinh trung học phổ thông hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
52. Đinh Thị Ánh Dương, Nguyễn Khắc Thống (ĐHCTXH10), “Phụ nữ kết hôn với người nước ngoài thông qua môi giới ở đồng bằng sông Cửu Long – Dưới góc nhìn của người dân”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
53. Nguyễn Thị Ngọc Quý, Trần Thị Ngọc (ĐHCTXH09B), “Thực trạng làng nghề truyền thống *Chiều Định Yên* huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
54. Nguyễn Thị Thùy Trang (ĐHCTXH10), “Vai trò của nhân viên xã hội đối với học sinh Trường Trung học Cơ sở Nguyễn Trãi, thành phố Long Xuyên”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.

55. Phan Thị Hồng Nhung (ĐHCTXH11), “Chân dung trẻ em lao động sớm tại thành phố Cao Lãnh”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
56. Trần Duy Quang (ĐHCTXH11), “Phân công lao động trong gia đình và ngoài xã hội - Tiếp cận theo quan điểm giới”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
57. Lê Nguyễn Tường Vi (ĐHCTXH11), “Thực trạng giáo dục trẻ em khuyết tật tại Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Tháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
58. Nguyễn Duy Khánh, Phạm Thị Phương (ĐHCTXH09), “Vấn đề tự học Anh văn của sinh viên không chuyên Anh, Trường Đại học Đồng Tháp: Thực trạng và một số khuyến nghị”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
59. Hà Thị Mộng Mơ (ĐHGDCT08), “Vài nét về lối sống, tư duy của người Việt hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2013*, Trường Đại học Đồng Tháp.
60. Nguyễn Thị Kim Ngân (ĐHGDCT10), “Văn hóa và mục tiêu phát triển con người toàn diện”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2012*, Trường Đại học Đồng Tháp.
61. Nguyễn Thị Yên Vân (ĐHGDCT08A), “Văn hóa ứng xử của học sinh Trường THPT Cao Lãnh 2 – Thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2012*, Trường Đại học Đồng Tháp.
62. Đặng Trường Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Hòa (ĐHGDCT11), Lê Văn Tùng (2012), “Phương pháp cách mạng trong Đường cách mệnh” và ý nghĩa hiện thời của nó”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Tiền Giang.
63. Lê Thị Bích Kiều (ĐHGDCT09A), “Nhận thức luận của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, *Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH năm 2011*, Trường Đại học Đồng Tháp.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

KỶ YẾU

HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2017
LẦN THỨ HAI

Phụ trách khoa

ThS.GVC. LÊ KIM OANH

Trưởng bộ môn Lý Luận xã hội

TS. LÊ VĂN TÙNG

Trưởng bộ môn Chính trị học

ThS.GVC. TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG

Phó Trưởng BM phụ trách Công tác xã hội

ThS. KIỀU VĂN TU

KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Nhà A4, Trường Đại học Đồng Tháp, 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6

Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Website: dthu.edu.vn **Facebook:** facebook.com/gd.chinhtrictxh

Điện thoại: 0277 3 882 338 **Email:** khoagdct_ctxh@dthu.edu.vn